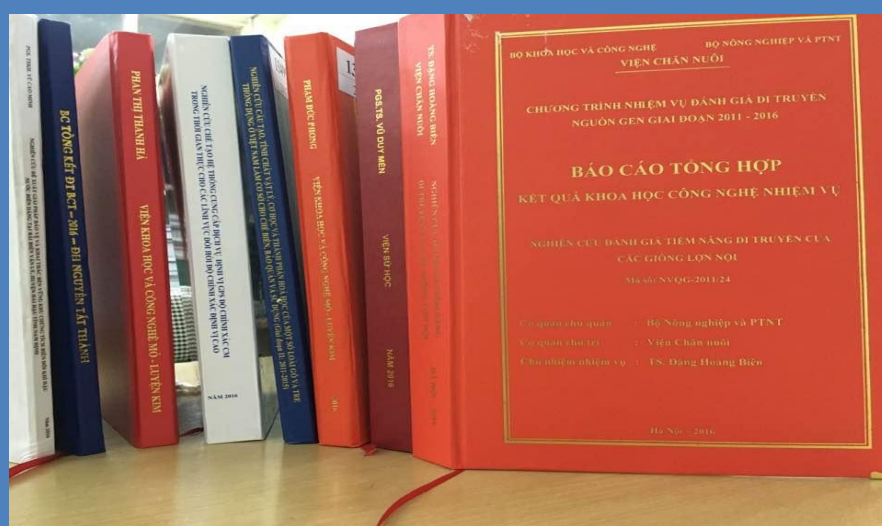


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 8 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Định kỳ 01 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	8
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	168

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***.

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

❶
❷
❸
❹

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

❺
❻
❼
❽
❾

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ————❿

Số hồ sơ lưu: 19779

❶	Mã biểu ghi trong CSDL
❷	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
❸	Tên nhiệm vụ
❹	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
❺	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
❻	Cấp nhiệm vụ
❼	Nơi viết báo cáo
❽	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
❾	Năm viết báo cáo
❿	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	8
10101. Toán học cơ bản	8
10102. Toán học ứng dụng	9
10103. Thống kê	9
10199. Toán học và thống kê khác	10
10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.....	10
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học	11
10304. Vật lý hạt nhân	12
10401. Hoá hữu cơ	12
10508. Trắc địa học và bản đồ học	12
10614. Sinh thái học.....	13
10616. Công nghệ sinh học	14
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	43
20102. Kỹ thuật xây dựng	46
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải.....	47
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	48
20201. Kỹ thuật điện và điện tử.....	48
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),	49
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông.....	52
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp	56
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng.....	56
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	59
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung	59
20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim	59

20507. Vật liệu xây dựng	60
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ	61
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)	61
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật	63
20704. Viễn thám	64
20799. Kỹ thuật môi trường khác	65
20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung	66
20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)	67
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	68
3. Khoa học y, dược	68
30101. Giải phẫu học và hình thái học.....	70
30203. Nhi khoa.....	70
30206. Huyết học và truyền máu	70
30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon) ...	71
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư	71
30225. Thần kinh học lâm sàng.....	72
30227. Y học thẩm mỹ, Phẫu thuật thẩm mỹ	72
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc.....	73
30404. Hoá dược học	74
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế	75
4. Khoa học nông nghiệp.....	76
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	83
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả	87
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	91
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác	93
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi	95
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi	95

40205. Bảo vệ động vật nuôi	97
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác.....	97
40404. Sinh thái và môi trường rừng	99
40405. Giống cây rừng.....	100
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản	100
40504. Nuôi trồng thủy sản	101
40507. Bảo quản và chế biến thủy sản.....	104
40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác	105
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	106
40603. Các công nghệ enzym và protein trong nông nghiệp.....	106
499. Khoa học nông nghiệp khác.....	107
5. Khoa học xã hội	108
50102. Tâm lý học chuyên ngành.....	119
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	119
50202. Kinh doanh và quản lý.....	120
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác	135
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..	137
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác	139
50401. Xã hội học nói chung.....	140
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội	142
50499. Xã hội học khác	145
50501. Luật học.....	146
50502. Tội phạm học.....	149
50601. Khoa học chính trị	150
50602. Hành chính công và quản lý hành chính	151
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	154
50699. Khoa học chính trị khác	154

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội	155
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá	156
50801. Báo chí	156
50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội	157
50899. Thông tin đại chúng và truyền thông khác	157
599. Khoa học xã hội khác	158
6. Khoa học nhân văn.....	160
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác	162
60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ	163
60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam	164
60203. Nghiên cứu ngôn ngữ khác	166
60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung	166
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung	166
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ	167
699. Khoa học nhân văn khác	167

**THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP**

1. Khoa học tự nhiên

10101. Toán học cơ bản

86920.08-2023 **Phần trong suy rộng với các ứng dụng cho vi phân suy rộng và đối ngẫu trong tối ưu/** TS. Đặng Văn Cường, PGS. TS. Nguyễn Hoàng - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát sâu các khái niệm về lõi đại số và lõi cốt yếu trong mối liên hệ với các khái niệm phần trong suy rộng khác trong không gian vectơ và không gian LCTV. Nghiên cứu sâu các định lý phân tách lõi liên quan đến lõi đại số và lõi cốt yếu trong không gian vectơ, và sự tương đương của chúng với định lý Hahn-Banach. Nghiên cứu các tính toán của liên hợp Fenchel trong không gian vectơ và áp dụng chúng cho đối ngẫu Fenchel và đối ngẫu Lagrange. Có được các công thức mới đối với các vi phân suy rộng cho các lớp hàm giá trị tối ưu và các trường hợp đặc biệt của chúng trong không gian vectơ. Khám phá các khả năng ứng dụng tiếp theo vào vị trí cơ sở, học máy, khoa học dữ liệu và xử lý hình ảnh.

Số hồ sơ lưu: 21556

86995.08-2023 **Tính chất một số bất biến của idêan/** GS. TSKH. Ngô Việt Trung, TS. Hà Minh Lam;

TS. Nguyễn Đăng Hợp; TS. Đinh Thành Trung; ThS. Trần Thị Gia Lâm - Hà Nội - Viện Toán học, 2022; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu giả thuyết Herzog-Hibi nói rằng hàm độ sâu của số mũ thông thường idêan thuần nhất có thể biến thiên một cách tùy ý. Nghiên cứu độ sâu và chỉ số chính quy Castelnuovo-Mumford của đa tạp đại số thông qua phép chiếu bộ phận. Ước lượng số rút gọn và chỉ số chính quy Castelnuovo-Mumford của một số lớp idêan đơn thức hai biến. Nghiên cứu giả thuyết nói rằng sự phụ thuộc nguyên của hai idêan có thể đặc trưng qua dãy số bội của chúng.

Số hồ sơ lưu: 21590

87079.08-2023 **Lý thuyết chính quy cho phương trình đạo hàm riêng/** PGS. TS. Lê Xuân Trường, TS. Đào Nguyên Anh; TS. Trần Trí Dũng; TS. Nguyễn Ngọc Trọng; TS. Đỗ Đức Tân - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mở rộng các công cụ của giải tích điều hòa để nghiên cứu tính chính quy của các phương trình loại Schrodinger tuyến tính. Nghiên cứu lý thuyết Calderon-Zygmund cho các phương trình đạo hàm riêng phi tuyến. Sử dụng các công cụ của giải

tích điều hòa, giải tích thực kết hợp với lý thuyết nghiệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng để thu được tính bị chặn của các toán tử trong các không gian hàm tích hợp. Từ đó thu được tính chính quy tương ứng của nghiệm của các phương trình đạo hàm riêng tương ứng. Sử dụng các phương pháp nhiễu, đánh giá các tập mức, các bất đẳng thức dạng Caccioppoli, bất đẳng thức loại Hoder ngược và các kỹ thuật khác trong lý thuyết phương trình đạo hàm riêng phi tuyến để thu được đánh giá của nghiệm trong các không gian hàm.

Số hồ sơ lưu: 21632

10102. Toán học ứng dụng

83711.08-2023 **Một số bài toán ngược cho phương trình parabolic và phương trình elliptic/** PGS.TS. Phạm Hoàng Quân, PGS.TS. Lê Minh Triết; TS. Lưu Hồng Phong - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sài Gòn, 2021; 12/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát tính chỉnh của bài toán ngược cho phương trình khuếch tán đối với trường hợp toán tử A chứa toán tử bậc không nguyên, ... Ngoài ra, nghiên cứu bài toán trên miền hai lớp. Khảo sát tính chỉnh của một số bài toán ngược cho phương trình elliptic với hàm nguồn phi tuyến thỏa điều kiện Lipschitz địa phương. Ngoài ra, đề tài cũng quan tâm đến các bài toán ngược cho phương trình Helmholtz có điều chỉnh với hàm

nguồn phi tuyến và dữ liệu rời rạc. Nghiên cứu các phương pháp chỉnh hóa cho các dạng bài toán trên và đưa ra đánh giá sai số cụ thể. Tiến hành các ví dụ số minh họa cho tính hiệu quả của phương pháp đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 20240

87010.08-2023 **Một số định lý giới hạn đối với các biến ngẫu nhiên và các toán tử đo được/** GS. TS. Nguyễn Văn Quảng, TS. Dương Xuân Giáp; TS. Nguyễn Trần Thuận; PGS.TS. Lê Văn Dũng; TS. Nguyễn Văn Huân; TS. Hoàng Thị Duyên; TS. Bùi Nguyên Trâm Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Vinh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các định lý giới hạn cho dãy và mảng các biến ngẫu nhiên đa trị với các điều kiện khác nhau. Tìm hiểu các định lý giới hạn đối với dãy và mảng biến ngẫu nhiên thực hoặc nhận giá trị trên không gian trừu tượng (Banach, Hilbert...). Đồng thời nghiên cứu các dạng hội tụ đối với tổng các toán tử đo được và nghiên cứu bài toán xấp xỉ tích phân ngẫu nhiên trong mô hình có bước nhảy cùng với các ứng dụng trong toán tài chính.

Số hồ sơ lưu: 21601

10103. Thống kê

86997.08-2023 **Một số chủ đề chọn lọc trong hệ động lực, bao hàm thức vi phân và lý thuyết xác suất hiện đại/** TS. Huỳnh Minh Hiền, TS. Nguyễn Bảo Trân; TS. Lê Thanh Bính - Bình Định - Trường Đại học

Quy Nhơn, 2022; 10/2020 - 10/2022.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng động lực học ký tự cho dòng trắc địa trên các diện Riemann compact với độ cong hằng âm, qua đó phân nhóm các quỹ đạo tuần hoàn của hệ động lực này theo tác động của chúng bằng cách sử dụng động lực học ký tự và đồ thị đường. Nghiên cứu các tính chất, đặc trưng của các toán tử đơn điệu cực đại và các bao hàm thức vi phân liên quan đến toán tử đơn điệu cực đại. Nghiên cứu cấu trúc đại số của quá trình interior whole-plane SSLE $_{\backslash}$ kappa\$.

Số hồ sơ lưu: 21589

87548.08-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển bền vững du lịch tỉnh Hòa Bình/ PGS. TS Lê Tiến Dũng, - Hà Nội - Trung tâm triển khai Công nghệ Khoáng chất, 2022; 10/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Thu thập các dữ liệu bản đồ địa hình, bản đồ địa chất khoáng sản, bản đồ địa mạo toàn tỉnh, các tư liệu về khí tượng thủy văn, các tư liệu về bảo tồn thiên nhiên (Hang Kia- Pà Cò, Ngọc Sơn, Ngổ Luông, Phu Canh, Thượng Tiến); Khảo sát thực địa, hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên trên địa bàn tỉnh và khu vực tiêu biểu; Hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch dưới dạng bản mềm và bản cứng; Thực hiện quan trắc, lấy mẫu và phân tích mẫu không khí tại các điểm nước khoáng nóng và hang động; Xây dựng và chuyển giao phần mềm khai thác cơ

sở dữ liệu tích hợp trên các thiết bị thông minh trên cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin địa lý tỉnh Hòa Bình

Số hồ sơ lưu: Tài nguyên DL

10199. Toán học và thống kê khác

80706.08-2023 **Cấu trúc của một số lớp đồ thị đặc biệt/ PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa, TS. Lê Anh Vinh; CN. Đỗ Minh Tuấn; CN. Nguyễn Xuân Trường; CN. Nguyễn Minh Hải; CN. Đỗ Duy Hiếu; CN. Đào Thị Hoa Mai - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2016; 02/2013 - 02/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Trong tính toán và giải quyết các bài toán tin học, các cấu trúc toán học rời rạc đóng một vai trò quyết định. Lý thuyết đồ thị đã chứng tỏ là một mô hình hữu hiệu cho tin học lý thuyết và việc nghiên cứu cấu trúc của các đồ thị có ý nghĩa lớn cả về lý thuyết lẫn ứng dụng. Phân rã các đồ thị thành các lớp đồ thị đặc biệt. Xây dựng một số lớp đồ thị có tính chất kê mạnh (n-e.c.). Sử dụng phương pháp đồ thị để xây dựng các expander và extractor. Chu trình Hamilton, đường đi, bậc đồ thị, độ phức tạp thuật toán trong một số lớp đồ thị cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 19106

10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.

87989.08-2023 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị chuyển mạch tái cấu trúc pin mặt trời có xét tới ảnh hưởng của độ che phủ khi vận hành./ TS.**

Vũ Ngọc Kiên, ThS. Tăng Cẩm Nhung; PGS.TS. Đào Huy Du; TS. Nguyễn Tiến Duy; ThS. Đặng Ngọc Huyền Trang; TS. Nguyễn Hồng Quang; ThS. Phạm Duy Khánh; ThS. Lê Thị Thư; ThS. Phạm Việt Hương; TS. Trần Anh Thắng; ThS. Vũ Xuân Tùng; ThS. Tạ Minh Tiến; KS. Khúc Văn Tuấn; KS. Đào Văn Huân. - Thái nguyên - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, 2022; 02/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu thiết bị chuyển mạch tái cấu trúc pin quang điện có xét tới ảnh hưởng của độ che phủ khi vận hành, đề tài đã đạt được các kết quả như sau: Nghiên cứu về hệ thống pin quang điện, các yếu tố ảnh hưởng đến công suất của hệ thống pin NLMT. Thiết kế, chế tạo thiết bị chuyển mạch tái cấu trúc pin quang điện có xét tới ảnh hưởng của độ che phủ khi vận hành. Thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển - giám sát pin quang điện.

Số hồ sơ lưu: 2022-19-NVKHCN

87743.08-2023 **Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp nhận, giám sát và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình.**/ ThS. Nguyễn Quang Ngọc, Nguyễn Quang Ngọc; Hồ Văn Thành; Trần Mạnh Hùng; Võ Thế Vinh; Trần Thùy Duyên; Phạm Thị Như Ý; Lê Thị Diệu Linh - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Bình - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Bình,

2023; 06/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu thực trạng tiếp nhận, giám sát và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm. Nghiên cứu, phân tích và đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng DVHCC. Phân tích, đánh giá thực trạng việc tiếp nhận, giám sát và trả kết quả hồ sơ TTHC tại Trung tâm. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tiếp nhận, giám sát và trả kết quả hồ sơ TTHC tại Trung tâm.

Số hồ sơ lưu: 04/2023-QLKHCN-CS

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

87082.08-2023 **Nghiên cứu mô phỏng hiệu ứng nhiệt động lực học trong xâm thực hơi và xâm thực với khí không hòa tan/** TS. Lê Đình Anh, PGS. TS. Trương Việt Anh; TS. Nguyễn Hoàng Quân; TS. Ngô Ích Long - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2023; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hiệu ứng nhiệt động lực học trong xâm thực trong môi trường nước nhiệt độ cao. Khảo sát ảnh hưởng của khí không hòa tan trong nước lên xâm thực. Từ đó có cái nhìn toàn diện hơn trong việc tính toán thiết kế thiết bị thủy lực. Đánh giá tính chính xác và khả năng áp dụng trong thực tế của mô hình tính toán được đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 21617

10304. Vật lý hạt nhân

86872.08-2023 **Nghiên cứu các khía cạnh vật lý của lò phản ứng hạt nhân tiên tiến/** PGS. TS. Trần Hoài Nam, GS. TS. Imre Pazsit; TS. Hoàng Văn Khánh; TS. Trần Việt Phú; TS. Phan Thị Thùy Giang; TS. Hoàng Thanh Phi Hùng; ThS. Đinh Văn Thìn - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế nhiên liệu và vùng hoạt lò phản ứng nước áp lực (LWRs) cụ thể là công nghệ PWR và VVER nâng cao độ an toàn vận hành lò đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu. Phát triển tính toán mô phỏng nhiều neutron gây bởi các dao động cụm nhiên liệu cũng như vùng hoạt. Thực hiện các tính toán liên quan đến dao động nhiên liệu và vùng hoạt của lò PWR và phân tích nhiều neutron. Đánh giá các thư viện hạt nhân mới nhất đối với các tính toán vật lý tại trạng thái tới hạn của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt. Phân tích độ nhạy và độ bất định của số liệu tiết diện phản ứng của một số đồng vị quan trọng lên kết quả tính toán tới hạn cấu hình độ giàu cao được thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 21526

10401. Hoá hữu cơ

87019.08-2023 **Nghiên cứu đồng thời hoạt tính và khả năng chống oxy hóa của các hợp chất hữu cơ chứa các liên kết O-H, N-H hoặc S-H bằng phương pháp hóa tính**

toán/ PGS. TS. Phạm Cẩm Nam, TS. Hồ Viết Thắng; TS. Nguyễn Thị Đông Phương; TS. Nguyễn Minh Thông; TS. Võ Văn Quân; ThS. Mai Văn Bảy - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa, 2022; 09/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của các hợp chất nghiên cứu thông qua cơ chế phản ứng được xác định bằng các thông số nhiệt động học như: năng lượng phân ly liên kết (BDE), năng lượng ion hóa (IE), năng lượng phân ly proton (PDE)... Qua đó, tính toán hằng số tốc độ phản ứng giữa các gốc tự do với các hợp chất nghiên cứu, tính toán xây dựng bề mặt thế năng phản ứng ROO radical với các hợp chất nghiên cứu. Trên cơ sở đó tính toán động học được thực hiện thông qua việc sử dụng các chương trình tính toán động học. Tiến hành chứng minh khả năng chống oxy hóa các chỉ trình phản ứng nhiều giai đoạn và áp dụng cách tiếp cận mới để dự đoán và thiết kế một số các dẫn xuất mới từ các hợp chất phenol.

Số hồ sơ lưu: 21596

10508. Trắc địa học và bản đồ học

87070.08-2023 **Nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình hình địa chỉ trong và ngoài nước; lập danh mục và sưu tầm hệ thống tư liệu cơ bản về địa chỉ Việt Nam/** TS. Phạm Đức Anh, PGS. TS. Trần Thị An; ThS. Hà Duy Biên; TS. Nguyễn Tuấn Cường; GS. TS. Vũ Minh Giang; TS. Đinh Thị Thùy Hiền; TS. Đinh Tiến Hiếu; PGS. TS. Phan Ngọc Huyền; ThS. Vũ Đường Luân;

PGS. TS. Vũ Văn Quân; ThS. Vũ Thị Hạnh Quỳnh; PGS. TS. Đặng Hồng Sơn; TS. Đinh Đức Tiến; TS. Phạm Thị Thảo; TS. Phạm Thu Thủy; TS. Nghiêm Xuân Huy; TS. Lưu Quốc Đạt; TS. Hoàng Anh Tuấn; TS. Cao Thanh Tân; PGS. Đào Đức Thuận; PGS. TS. Nguyễn Tiến Vinh; TS. Trịnh Văn Định; TS. Ngô Vũ Hải Hằng; TS. Vũ Kim Chi - Hà Nội - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022; 12/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá tình hình biên soạn, hiện trạng lưu trữ, quản lý khai thác, giá trị khoa học và thực tiễn của các tài liệu địa chí ở Việt Nam và một số nước trên thế giới. Qua đó chỉ rõ những thành tựu và hạn chế, kinh nghiệm trong nước và quốc tế, những vấn đề đặt ra đối với việc nghiên cứu, xây dựng bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam (Quốc chí); đồng thời cung cấp tri thức khoa học, tài liệu tập huấn phục vụ quản lý, khai thác, phát huy giá trị bộ Quốc chí sau khi hoàn thành. Xây dựng bộ thư mục đầy đủ về địa chí Việt Nam (từ xưa cho đến nay; từ cấp quốc gia tới cấp xã/thôn/phường; bao gồm các loại tài liệu: chữ Hán Nôm, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ; với những thông tin trích yếu cần thiết: nhan đề, tác giả, năm và nơi biên soạn/xuất bản, định dạng, ngôn ngữ, kết cấu nội dung, địa chỉ và số hiệu lưu trữ...), cung cấp hệ thống thông tin và dữ liệu chung phục vụ triển khai

Nhiệm vụ “Xây dựng bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam”.

Số hồ sơ lưu: 21633

10614. Sinh thái học

86865.08-2023 **Nguyên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái và khả năng sử dụng một số loài trong chi *Trân Châu* (*Lysimachia* L.) ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Quang Hưng, PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt; PGS. TS. Lê Minh Hà; TS. Nguyễn Sinh Khang; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Hà Thị Vân Anh - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng phân bố, đặc điểm sinh học, sinh thái của một số loài trong *Trân châu* (*Lysimachia* L.) ở Việt Nam. Đánh giá tiềm năng sử dụng của một số loài có triển vọng (thử hoạt tính sinh học, nghiên cứu thành phần hóa học...). Từ đó làm cơ sở đề xuất giải pháp cho việc khai thác và sử dụng bền vững. Thử hoạt tính sinh học (gây độc tế bào, ức chế sản sinh NO và thu dọn gốc tự do) của dịch chiết tổng và một số hợp chất phân tách từ các loài có triển vọng. Phân tích thành phần hóa học một số loài có hoạt tính tốt làm cơ sở cho việc sử dụng và phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 21524

10616. Công nghệ sinh học

86864.08-2023 **Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và di truyền của sán lá gan nhỏ thuộc họ *Opisthorchiidae* tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Mạnh Hùng, PGS. TS. Nguyễn Văn Hà; PGS. TS. Hà Duy Ngọc; Tiến sỹ. Bùi Ngọc Thanh; TS. Hoàng Văn Hiền; ThS. Nguyễn Ngọc Chinh - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2022; 12/2018 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định giai đoạn cảm nhiễm của metacercariae của một số loài sán lá gan nhỏ thuộc họ *Opisthorchiidae* trong vật chủ trung gian thứ II. Xác định vai trò vật chủ trung gian thứ I của một số loài ốc nước ngọt của sán lá gan nhỏ *Clonorchis sinensis*, *Opisthorchis viverrini* và một số loài sán lá ký sinh ở gia cầm khác. Nghiên cứu gen nhảy retrotransposons ở cercariae của sán lá họ *Opisthorchiidae*.

Số hồ sơ lưu: 21522

199. Khoa học tự nhiên khác

84366.08-2023 **Nghiên cứu khả năng kháng vi sinh của dịch chiết vỏ trái măng cụt (*Garcinia mangostana*) và thử nghiệm tạo sản phẩm nước xúc miệng/** Nguyễn Ngọc Ly, Vũ Hoàng Yến - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 03/2021 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng kháng vi sinh vật

của dịch chiết vỏ quả măng cụt; thử nghiệm tạo sản phẩm nước xúc miệng từ dịch chiết vỏ quả măng cụt. Kết quả nghiên cứu cho thấy vỏ trái măng cụt chiết với nước cho hiệu quả kháng vi sinh vật tốt hơn so với chiết bằng ethanol. Trong các chủng nấm thí nghiệm, dịch chiết nước chỉ kháng *Fusarium sp.* với đường kính vòng kháng đạt 2,4 mm. Trong khi đó, đường kính vòng kháng *Bacillus sp.* và *Staphylococcus aureus* của dịch chiết nước lần lượt đạt 2,4 mm, 4,8 mm và 4,2 mm. Hiệu quả kháng *Staphylococcus aureus* thu được tốt nhất khi chiết vỏ trái măng cụt với hệ dung môi 7 nước : 3 ethanol, nhiệt độ 50 oC trong 5 giờ, đường kính vòng kháng khuẩn đạt 9,6 mm.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-002

84367.08-2023 **Iot kết hợp truyền trực tiếp và chuyển tiếp với đa truy cập bất trực giao/** TS. Hồ Đức Chung, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 11/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Mô tả mô hình dựa trên những công thức toán học liên quan tới lý thuyết tín hiệu trong phạm vi lớp vật lý. Tiếp đó, đề tài dẫn dắt ra những thông số cần đánh giá hiệu năng của hệ như xác suất dừng, dung lượng tổng ergodic. Dựa vào mô hình và phân tích toán học, đề tài sẽ đưa ra mô tả dạng đóng chính xác cho xác suất dừng và đồng thời cũng chỉ ra xác suất gần đúng cho dung lượng

tổng ergodic đối với hai phương pháp kể trên. Đề tài khuyến nghị những phương pháp mới nhằm bù đắp lại hiệu suất dùng mất mát bằng cách thêm giao tiếp IoT dựa trên CDRT sử dụng kỹ thuật NOMA. Đồng thời với mô hình đề xuất này, giúp tăng dung lượng tổng ergodic cho hệ vì không chỉ mang lại dung lượng cho người dùng bình thường mà còn cung cấp thêm dung lượng cho người dùng IoT.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-003

84369.08-2023 **Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của trường Đại học Thủ Dầu Một/** TS. Bành Quốc Tuấn, TS. Nguyễn Hồng Thu, TS. Trần Văn Trung, ThS. Lê Thị Ngọc Trâm; ThS. Nguyễn Thị Thái Hà - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 08/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề xuất xây dựng Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Quy chế này sẽ giải quyết được những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường nói chung. Qua đó, Quy chế quản trị tài sản trí tuệ sẽ thúc đẩy quá trình nghiên cứu khoa học và công nghệ, tạo lập tài sản trí tuệ; giúp tăng cường hoạt động xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ; nâng cao khả năng thương mại hoá, tối đa hoá việc khai thác thương mại đối với các tài sản trí tuệ; tạo động lực cho phát triển

của Nhà trường nói chung và hoạt động nghiên cứu khoa học nói riêng; đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ cho địa phương, đất nước.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-005

84370.08-2023 **Nghiên cứu chế tạo, xử lý nhiệt ZIP - 8, Mn/ZIP-8 và khảo sát ứng dụng/** TS. Phạm Đình Dũ, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 02/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng hợp, biến tính vật liệu ZIF-8 bằng kim loại mangan; Xử lý nhiệt các vật liệu thu được nhằm tạo ra ZnO xốp và ZnO pha tạp mangan; Đồng thời định hướng ứng dụng chúng trong lĩnh vực xúc tác. ZIF-8 đã được tổng hợp thành công trong methanol và nước ở nhiệt độ phòng, và trong dung môi DMF ở nhiệt độ cao (100–200 °C). Trong methanol, thời gian phản ứng và tỉ lệ mol $m\text{eIm}/\text{Zn}$ ảnh hưởng không đáng kể đến cấu trúc của ZIF-8 (các hạt đồng đều với đường kính ~ 100 nm); tuy nhiên, pic nhiễu xạ ở góc 2θ nhỏ hơn 10° có sự biến đổi nhỏ. Trái lại, ZIF-8 được tổng hợp trong DMF có cấu trúc tinh thể hoàn chỉnh với các hạt có kích thước khác nhau khá lớn (3–20 μm) và các hạt bị kết tụ lại khi tổng hợp ở 200 °C.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-006

84389.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng vật liệu keo tụ sinh học gel từ**

hạt cây bò cạp vàng (*Cassia fistula*) để xử lý màu trong nước thải dệt nhuộm/ TS. Hoàng Lê Thụy Thùy Trang, TS. Đào Minh Trung; ThS. Trần Thanh Nhã - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 06/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đưa ra giải pháp xử lý phẩm nhuộm trong nước bằng vật liệu thân thiện môi trường. Điều chế thành công vật liệu sinh học từ hạt cây Bò cạp vàng; Khảo sát khả năng xử lý phẩm nhuộm trong nước thải dệt nhuộm của vật liệu sinh học ở quy mô phòng thí nghiệm và trên mô hình pilot. Vật liệu sinh học đã được điều chế thành công bằng cách tận dụng nguồn sản phẩm thu được từ cây trồng trong nông nghiệp là hạt cây Bò cạp vàng. Việc ứng dụng vật liệu keo tụ sinh học thay thế dần vật liệu keo tụ có nguồn gốc hóa học rất khả thi và từ đó ứng dụng này cũng góp phần vào công tác bảo vệ môi trường ngày càng bền vững.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-017

84390.08-2023 Phân vùng chất lượng nước và đánh giá khả năng sử dụng các nguồn nước sông ở tỉnh Bình Dương dựa vào chỉ số chất lượng nước/ ThS. Thủy Châu Tờ, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 10/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân vùng chất lượng nước và đánh giá khả năng sử dụng nước của sông Đồng Nai và sông Sài Gòn trên địa

bàn tỉnh Bình Dương dựa vào chỉ số chất lượng nước (WQI) phục vụ quản lý nguồn nước. Sông Sài Gòn và Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong việc cấp nước cho các hoạt động như công nghiệp, tưới tiêu, giao thông thủy và đặc biệt là cấp nước sinh hoạt. Bên cạnh đó, các sông cũng là nơi tiếp nhận chất thải từ các hoạt động công nghiệp và đô thị. Chính vì vậy, việc đánh giá, phân loại và phân vùng chất lượng nước sông làm cơ sở để thiết lập chiến lược bảo vệ, quản lý và khai thác hợp lý các nguồn nước sông quan trọng này là cần thiết.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-018

84392.08-2023 Các phương pháp truyền dữ liệu và phân bố công suất cho mạng chuyển tiếp đa người dùng Masvie MIMO/ TS. Hồ Đức Chung, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 08/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài này, chúng tôi xem xét một hệ thống mạng chuyển tiếp massive MIMO đa người dùng trong đó nhiều người dùng có thể truyền tín hiệu đồng thời đến đích đến (DS) được trang bị vô số ăng ten với sự trợ giúp của một nút chuyển tiếp nhiều ăng ten. Các phương pháp truyền tín hiệu đơn giản cùng với việc ước lượng kênh truyền vượt mức thấp và các thuật toán tối ưu hiệu suất năng lượng sẽ được kiến

ngiht và nghi4n cứu. Đề tài được thực hi4n nh4m mực ti4u: Đư4 ra 2 phưong ph4p truy4n tín hi4u kh4c nhau trong hệ th4ng mạng chuy4n tiếp massive MIMO đ4 người dùng. Đề xu4t các phưong ph4p ước lượng k4nh truy4n đ4n gi4n cho 2 phưong ph4p truy4n tín hi4u như tr4n. X4y dựng bài to4n cho hi4u su4t ph4n 4ng lượng của 2 phưong ph4p truy4n tín hi4u n4i tr4n. X4y dựng các bi4u thức d4ng đ4ng của hi4u su4t ph4n 4ng lượng của 2 phưong ph4p truy4n tín hi4u. X4y dựng v4n đề về t4i ưu h4a c4ng su4t ph4t của người dùng và của nút chuy4n tiếp dư4 vào thuat to4n max-min.

S4 h4 sơ lưư: BDG-2022-020

84393.08-2023 **Nghi4n cứu nâng cao t4nh ch4t đi4n lo4i p của v4t li4u SnO₂ b4ng cách đ4ng pha t4p kim lo4i và phi kim trong c4u trức đ4 lớp b4n d4n lo4i p và n: hướng đ4n 4ng dưụng thi4t bị qu4ng đi4n và xử lý m4i trướng/** TS. Nguyễn Thị Kim Chung, TS. Đ4ng Hữu Phức. - B4nh Dướng - Trướng đ4i học Thủ Dầu M4t, 2021; 06/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp C4 sở)

Chế tạo m4ng SnO₂ đ4ng pha t4p X và N b4ng cách sử dưụng kỹ thuat phún xạ magnetron DC. Kh4o s4t những 4nh hướng của tỉ số X/N l4n: Ch4t lượng t4nh th4 của m4ng XNTO. T4nh ch4t đi4n như đi4n trở su4t r, n4ng đ4 hạt t4i n và đ4 linh đ4ng m của m4ng XNTO. Gi4i th4ch m4i li4n hệ giữa ch4t lượng t4nh th4

và t4nh ch4t đi4n của m4ng XNTO ở những tỉ số X/N kh4c nhau. C4ng tr4nh chỉ ra 4nh hướng của đ4ng pha t4p Zn-N l4n c4u trức t4nh th4, t4nh ch4t qu4ng và đi4n của m4ng ZNTO. M4ng ZNTO đ4t đi4n trở su4t th4p nh4t $\rho = 3,1 \times 10^{-3} \Omega \cdot \text{cm}$, đ4 linh đ4ng và n4ng đ4 hạt t4i tương 4ng là $n = 1,49 \times 10^{20} \text{ cm}^{-3}$ và $\mu = 13,5 \text{ cm}^2 \cdot \text{V}^{-1} \cdot \text{s}^{-1}$ ở đi4u ki4n t4i ưu 80% kh4i N₂ v4i m4t cubic (200) là m4t tr4i. Đ4c trướng I-V của c4u trức p-ZNTO/n-Si ở đi4u ki4n chi4u s4ng kh4ng đ4nh t4nh ch4t đi4n lo4i p của m4ng ZNTO và kh4 n4ng 4ng dưụng trong c4m bi4n qu4ng học.

S4 h4 sơ lưư: BDG-2022-021

84423.08-2023 **Kh4o s4t t4c đ4ng 4c chế t4ng sinh đ4ng tế bào b4ch c4u m4n đ4ng tủy của cao chi4t từ c4y s4i đ4t b4 thùy *Sphagneticola trilobata* (L.) pruski/** TS. B4i Thị Kim Lý, TS. H4ng Th4nh Chí; TS. Nguyễn Thị Li4n Thướng - B4nh Dướng - Trướng đ4i học Thủ Dầu M4t, 2022; 12/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp C4 sở)

Nghi4n cứu kh4 n4ng 4c chế t4ng sinh tr4n các đ4ng tế bào b4ch c4u m4n đ4ng tủy của c4y S4i đ4t b4 thùy. K4t qu4 nghi4n cứu cho th4y c4y S4i đ4t b4 thùy ch4ra nhi4u hợp ch4t chuy4n h4a thứ cấp qu4n tr4ng trong h4nh th4nh ho4t t4nh được lý như flavonoid, tanin, coumarin, đư4ng khứ,...K4t qu4 t4c đ4ng 4c chế của cao chi4t t4ng l4n t4t cả các

dòng tế bào ung thư máu đều có IC50 nhỏ hơn 50 µg/ml. Các dòng tế bào kháng imatinib cũng được khảo sát và cho kết quả tương tự cho thấy sự vượt qua tính kháng của imatinib có thể nghiên cứu thêm nhằm ứng dụng cho bệnh nhân kháng thuốc. Kết quả phân tích hình thái tế bào học và marker apoptosis cho thấy cao chiết cây Sài đất ba thùy gây chết tế bào ung thư bạch cầu mạn dòng tủy dòng thường và dòng kháng imatinib theo con đường apoptosis.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-028

84686.08-2023 **Tính đa dạng và đặc điểm sinh thái các loài thuộc chi *Parnassia* (họ dây gối - *Celastraceae*) ở Việt Nam - (The genus *Parnassia* (*Celastraceae*) in Vietnam: diversity, distribution, ecology and habitat characters/** ThS. Phạm Ngọc Hoài, TS. Phạm Văn Thế; ThS. Trịnh Ngọc Bon; ThS. Phan Thị Thanh Huyền - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định thành phần loài và mô tả các đặc điểm hình thái, sinh thái và sinh cảnh các loài thuộc chi *Parnassia* ở Việt Nam . Các đặc điểm hình thái , sinh thái và phân bố của chi *Parnassia* dựa trên các tài liệu đã công bố . Các đặc điểm hình thái, sinh thái, sinh cảnh loài *Parnassia wightiana* ở tỉnh Hà Giang và tỉnh Yên Bái. Các đặc điểm

hình thái , sinh thái, sinh cảnh loài *Parnassia aff. procul* ở tỉnh Lâm Đồng.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-033

85942.08-2023 **Phát triển qui trình sản xuất giống tôm sú (*Penaeus monodon*) theo công nghệ biofloc tại tỉnh Cà Mau/** PGS.Ts. Lý Văn Khánh, PGS.TS. Lý Văn Khánh; PGS.Châu Tài Tảo; GS.Trần Ngọc Hải; PGS.Ts. Võ Nam Sơn; Ths. Cao Mỹ Ân - Trường Đại học Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhân rộng quy trình sản xuất giống tôm sú theo công nghệ biofloc để nâng cao chất lượng và năng suất cho các cơ sở sản xuất giống tôm sú tại tỉnh Cà Mau từ đó sản xuất ra được con giống tốt, sạch bệnh phục vụ cho nghề nuôi tôm đạt được hiệu quả kinh tế cao.Chuyển giao thành công quy trình sản xuất giống tôm sú theo công nghệ biofloc cho 06 cơ sở sản xuất giống tôm sú tại tỉnh Cà Mau.Phát triển nhân rộng qui trình sản xuất giống tôm sú theo công nghệ Biofloc cho các cơ sở sản xuất giống tôm sú bằng cách tổ chức 03 lớp tập huấn/100 người tham dự thuộc 03 huyện Ngọc Hiển, Năm Căn và Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: CMU-2022-009

86285.08-2023 **Sử dụng rơm rạ (*Oryza Sativa*) ức chế độc chất đồng hấp thụ lên cây cải thìa (*Brassica rapa chinensis*) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm./** SV. Trần Lê Uyên, Sinh viên

Nguyễn Thị Ngọc Huyền; sinh viên Phan Minh Vũ; sinh viên Lê Hoàng Lâm. - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 05/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sử dụng rơm rạ ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Nghiên cứu này nhằm khảo sát ảnh hưởng của việc ứng dụng rơm rạ lên sinh khả dụng của Cu bởi cây cải thìa. Rơm rạ đóng một vai trò quan trọng trong việc ngăn cản sự hấp thu Cu của cây cải thìa ở nồng độ quá cao (200 mg /kg) thông qua việc biến đổi thành các phân đoạn Cu cố định. Hàm lượng rơm rạ cho kết quả tối ưu nhất theo bố trí thí nghiệm của nghiên cứu này là 20 g/kg. Rơm rạ làm tăng nhẹ nồng độ Cu trong cây và thúc đẩy sự phát triển của cây cải thìa ở nồng độ Cu thấp (50 mg/kg).

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-046

86286.08-2023 **Biến tính diatomite tự nhiên và ứng dụng làm chất hấp phụ - xúc tác để xử lý chất ô nhiễm hữu cơ trong dung dịch nước.**/ PGS.TS. Phạm Đình Dũ, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoạt hóa diatomite bằng cách xử lý với sodium hydroxide và biến tính diatomite với kim loại sắt nhằm nâng cao hoạt tính hấp phụ-xúc tác của nó. Xử lý với natri hydroxide đã làm tăng diện tích bề mặt của diatomite

từ 55,4 m² /g lên 77,8 m² /g, và tạo ra nhiều nhóm silanol tự do trên bề mặt vật liệu. Các dữ liệu hấp phụ cân bằng rhodamine B và methylene blue trên diatomite hoạt hóa kiềm đều phù hợp với mô hình Langmuir trong cả hệ đơn và hai thành phần. Methylene blue có ái lực với chất hấp phụ cao hơn so với rhodamine B. Trong hệ hai thành phần, chất hấp phụ ưu tiên hấp phụ rhodamine B và methylene blue. Quá trình hấp phụ là tự diễn biến, và hiệu quả loại bỏ cả rhodamine B và methylene blue phụ thuộc đáng kể vào pH. Vật liệu Fe/diatomite có hoạt tính xúc tác cao đối với phản ứng oxi hóa phenol trong dung dịch nước bằng H₂O₂. Sản phẩm trung gian chính của quá trình oxi hóa là hydroquinone.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-047

86287.08-2023 **Khảo sát ảnh hưởng của môi trường nuôi cấy lên sự tạo mô sẹo từ thân cây Xạ đen (*Ehretia asperula* Zollinger & Moritzi).**/ ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định điều kiện chiếu sáng ảnh hưởng đến quá trình hình thành mô sẹo từ cây Xạ đen; môi trường nuôi cấy ảnh hưởng đến quá trình hình thành mô sẹo từ thân cây Xạ đen. Xây dựng đường cong sinh trưởng của mô sẹo hình thành mô sẹo từ thân cây Xạ đen. Kết quả nghiên cứu

đã xác định chất điều hoà sinh trưởng thực vật, môi trường khoáng, pH, loại và nồng độ đường trong môi trường nuôi cấy đều ảnh hưởng lên sự hình thành và tăng sinh mô sẹo Xạ đen từ đoạn thân non của cây trồng ngoài vườn. Mô sẹo bắt đầu chuyển sang giai đoạn ổn định sau 4 tuần và khối lượng mô sẹo đạt cao nhất sau 5 tuần nuôi cấy. Vì vậy, mô sẹo cần được cấy chuyển khi mô sẹo bước vào tuần nuôi cấy thứ 5. Mô sẹo Xạ đen thu được là mô sẹo xốp, có thể sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình nuôi cấy huyền phù tế bào nhằm thu nhận các hợp chất có giá trị.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-048

86288.08-2023 **Nghiên cứu điều chế xúc tác giả sinh học trên cơ sở polyamidoamine dendrimer ghép hematin và đánh giá khả năng thay thế enzyme horseradish peroxidase./** TS Nguyễn Thị Bích Trâm, Tiến sĩ Trần Ngọc Quyên - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng hợp dẫn xuất hematin - polyamidoamine dendrimer có cấu trúc nano phân tán tốt trong nước và tương hợp sinh học. Sản phẩm điều chế có nhiều tâm xúc tác và có tiềm năng thay thế enzyme horseradish peroxidase (HRP) trong các phân tích sinh hóa cũng như chế tạo vật liệu y sinh học. Nghiên cứu này đã

thành công trong việc điều chế PAMAM dendrimer G2.0- hematin nhằm khắc phục tính hòa tan kém của hematin. Bên cạnh đó, G2.0-He thể hiện hoạt tính xúc tác tương tự như enzyme HRP nhưng ổn định hơn trong điều kiện H₂O₂ nồng độ cao. Do đó, G2.0-He có thể được ứng dụng trong việc chế tạo hydrogel dựa trên khả năng xúc tác tương tự như enzyme HRP. Từ những kết quả của quá trình nghiên cứu, G2.0-He có thể được xem là một chất xúc tác giả enzyme HRP hiệu quả, có tiềm năng ứng dụng trong phân tích sinh hóa và chế tạo vật liệu y sinh.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-049

86289.08-2023 **Đánh giá tiết diện một số phản ứng hạt nhân cho việc phá hủy hạt nhân phóng xạ 99Tc/** ThS. Trần Minh Tiến, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định phản ứng hạt nhân thích hợp cho việc phá hủy hạt nhân phóng xạ 99Tc trong rác thải y học hạt nhân và trong nhiên liệu đã qua sử dụng của các lò phản ứng hạt nhân. Tính toán tiết diện phản ứng chuyển đổi hạt 99Tc thành các hạt khác có thời gian sống ngắn hơn, nhằm phá hủy tính phóng xạ có nguy cơ đối với môi trường sống của đồng vị này. Khảo sát vùng năng lượng khả thi cho các chùm neutron, proton và alpha cho các phản ứng phá hủy

99Tc. Đánh giá sai số tiết diện phản ứng và xác định phản ứng mang lại hiệu quả nhất trong việc phá hủy 99Tc. - Các phản ứng cho suất phá hủy ⁹⁹Tc hiệu quả đã được xác định. - Sai số về tiết diện phản ứng do sự khác nhau về lý thuyết mật độ mức và hàm lực bức xạ. - Sự phụ thuộc của tiết diện phản ứng vào năng lượng chùm neutron, proton và alpha. Từ đó, xác định được chùm neutron nhiệt, proton 9 MeV và alpha 15 MeV là thích hợp nhất cho việc phân hủy ⁹⁹Tc.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-050

86290.08-2023 Nghiên cứu các tính chất vật lý thiết yếu của một số vật liệu hai chiều bằng phương pháp chức hóa về mặt và biến dạng ngoài./ TS. Nguyễn Duy Khanh, Tiến sĩ Đỗ Minh Hoạt - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sử dụng các tính toán nguyên lý ban đầu trên hệ máy tính hiệu năng cao (HPC) để nghiên cứu các đặc tính cấu trúc, các tính chất điện tử, quang học và nhiệt điện của một số vật liệu đơn lớp hai chiều (β -Sb) dưới ảnh hưởng của các biến dạng ngoài. Khi không có ảnh hưởng của biến dạng ngoài thì hiệu năng nhiệt điện của đơn lớp β -Sb là chưa phù hợp cho ứng dụng nhiệt điện và đặc tính này là được nhận ra bởi các giá trị hiệu năng nhiệt điện thấp. Dưới ảnh

hưởng của biến dạng ngoài thì các kết quả tính toán của hiệu năng nhiệt điện cho thấy có sự cải thiện đáng kể. Các kết quả nghiên cứu trong đề tài này cũng cấp các dự đoán quan trọng trong các tính chất thiết yếu của đơn lớp β -Sb dưới ảnh hưởng của biến dạng và các tính chất được cải thiện bởi biến dạng là rất tiềm năng cho nhiều ứng dụng thiết thực.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-051

86291.08-2023 Tái cấu trúc lưới điện phân phối có tích hợp nguồn điện phân tán ứng dụng thuật toán tối ưu hóa./ TS. Trần Văn Thành, ThS. Trương Hoàng Bảo Huy - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình toán học của bài toán tái cấu trúc lưới điện phân phối có tích hợp nguồn điện phân tán. Áp dụng thuật toán tối ưu hóa để giải bài toán tái cấu trúc lưới điện phân phối tích hợp nguồn điện phân tán nhằm tối thiểu tổn thất công suất và tối đa chỉ số ổn định điện áp. Đánh giá hiệu quả của lưới điện phân phối trước và sau quá trình tái cấu trúc tích hợp nguồn phân tán. So sánh kết quả nghiên cứu với các nghiên cứu đã được công bố trong tài liệu để đánh giá hiệu quả của phương pháp đề xuất. Kết quả mô phỏng từ thuật toán đề xuất được so sánh với phương pháp khác trong tài liệu để chứng minh tính hiệu quả của nó

trong bài toán tái cấu trúc lưới điện tích hợp nguồn phân tán. Kết quả so sánh thuật toán đề xuất và các thuật toán khác cho thấy thuật toán đề xuất có được chất lượng giải pháp tốt hơn, tốc độ hội tụ nhanh và độ lệch chuẩn nhỏ trong hầu hết các nghiên cứu điển hình.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-052

86293.08-2023 Ước tính hiệu quả và tối ưu hóa chi phí xây dựng bằng máy học/ TS. Trần Văn Xuân, ThS. Phạm Quý Đức Thịnh; ThS. Bùi Sỹ Vương và ThS. Lê Hồng Thái - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tối ưu hóa nguyên vật liệu và nhân công để tiết kiệm chi phí kỹ thuật và thiết kế, đồng thời cải thiện trải nghiệm của khách hàng. Trong nghiên cứu này, sử dụng phương pháp học máy để ước tính một cách nhanh chóng và chính xác về chi phí trong quá trình xây dựng. Đồng thời, tối ưu hóa chi phí xây dựng để tăng lợi nhuận cho công ty trong quá trình tư vấn, thiết kế xây dựng. Bài toán tối ưu hóa theo các ràng buộc đã được giải quyết thành công, giúp người mua xác định chi phí xây dựng tối ưu theo sở thích và nhu cầu của họ. Các kết quả thực nghiệm của nghiên cứu này chỉ ra rằng các mô hình học máy (ML) hoàn toàn có thể được sử dụng hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng để tối ưu hóa quy trình

làm việc nhằm tiết kiệm chi phí và cung cấp một số ý nghĩa thiết thực cho việc quản lý xây dựng theo hướng dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-053

86294.08-2023 Khảo sát khả năng trị bỏng của chiết xuất Cordyceps militaris và vật liệu silica nano trên mô hình chuột trắng./ TS. Nguyễn Thị Liên Thương, ThS. Nguyễn Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Minh Chánh - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 10/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng trị bỏng của chất chiết Cordyceps militaris kết hợp với nano silica. Kết quả khảo sát cho thấy nồng độ cồn 70%, nhiệt độ chiết 80 °C, thời gian chiết trong 120 phút phù hợp nhất cho việc tách chiết cordycepin từ quả thể nấm đông trùng hạ thảo. Cordyceps militaris và hỗn hợp CM-SiO₂NP có tác dụng tương tự đối với các tế bào tăng sinh, đẩy nhanh quá trình đóng vết thương và phục hồi cấu trúc da. Hỗn hợp CM-SiO₂NP thúc đẩy sự phục hồi cao nhất của lớp biểu bì và sự hình thành collagen, giúp cấu trúc da được chữa lành hoàn toàn sau 15 ngày điều trị. Những phát hiện này cho thấy hiệu quả chữa lành vết thương của chiết xuất Cordyceps militaris và khả năng cải thiện lợi ích điều trị của nó thông qua sự kết hợp với SiO₂NP.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-054

86295.08-2023 **Xây dựng mô hình du lịch MICE dựa trên di sản văn hóa ở cù lao Thạnh Hội, Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương/** TS. Trần Hạnh Minh Phương, TS. Lê Anh Vũ; ThS. Nguyễn Quang Huy - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhận diện di sản văn hóa ở cù lao Thạnh Hội, cù lao Bạch Đằng. Xây dựng và thực nghiệm mô hình du lịch MICE (Hội họp- Khen thưởng- Hội nghị, Hội thảo- Triển lãm) dựa trên di sản văn hóa ở cù lao Thạnh Hội, cù lao Bạch Đằng. Tính vượt trội của nghiên cứu xuyên ngành là kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn, giải quyết nan đề của thực tiễn. Quá trình nghiên cứu xuyên ngành trí thức mới liên tục được nảy sinh, nhà nghiên cứu có cơ hội học hỏi những tri thức thực tiễn từ nhóm phi hàn lâm. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng gặp không ít những thách thức trong quá trình tìm kiếm tiếng nói chung giữa nhóm hàn lâm và phi hàn lâm, đề cương nghiên cứu liên tục được thay đổi và cần phải cập nhật, cân bằng lợi ích giữa chính quyền và người dân và vượt qua những định chế của hội đồng xét duyệt đề cương và nghiệm thu đề tài theo hướng nghiên cứu truyền thống.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-055

86296.08-2023 **Sàng lọc và khảo sát hoạt tính ức chế tế bào ung thư dạ dày của một số loại rau cải Việt Nam/** TS. Ngô Đại Hùng, TS. Nguyễn Thị Nhật Hằng; PGS.TS. Võ Thanh Sang; PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp; TS. Nguyễn Thị Liên Thương và ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nhi - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chứng minh khả năng kháng ung thư dạ dày của các cao chiết thu nhận từ các loại rau xanh, từ đó định hướng ứng dụng sản xuất thực phẩm có tác dụng phòng ngừa và hỗ trợ chữa trị ung thư dạ dày. Kết quả sàng lọc đã xác định được rau cải rổ (*Brassica oleracea* var. *alboglabra*) có khả năng tiêu diệt tế bào ung thư dạ dày BGC-823 cao nhất với giá trị $IC_{50} = 217,6 \pm 2,8 \mu\text{g/ml}$. Thông qua phương pháp DCFH -DA (2',7'-dichlorofluorescein diacetate), hoạt tính kháng oxy hóa của cao chiết rau cải rổ cũng được chứng minh thông qua khả năng ức chế sự sản sinh các gốc tự do trong tế bào. Các kết quả trên cho thấy rằng rau cải rổ có tiềm năng ức chế sự phát triển của tế bào ung thư dạ dày và khả năng kháng oxy hóa. Tuy nhiên, các nghiên cứu sâu hơn để xác định hoạt chất cụ thể có liên quan đến hoạt tính kháng oxy hóa và kháng tế bào ung thư dạ dày của rau cải rổ cũng cần được thực hiện trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-056

86297.08-2023 **Nghiên cứu các chỉ số sinh lý, sinh hóa máu và hormone sinh sản của dê Bách Thảo, Boer, Saanen và con lai/** TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 08/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định các chỉ số sinh lý, sinh hoá máu của dê Bách Thảo, Boer, Saanen và con lai theo giới tính và độ tuổi; Xác định các chỉ số hormone Estrogen và Progesterone của dê Bách Thảo và dê Boer theo 2 giai đoạn: động dục, mang thai. Đánh giá các chỉ số sinh lý, sinh hoá máu trên các giống dê Bách Thảo, Boer, Saanen và con lai; sự thay đổi các chỉ số hormone estradiol và progesterone của dê Bách Thảo và Boer ở giai đoạn động dục và mang thai. Dê Bách Thảo và dê Boer thể hiện cấu hình progesterone và estradiol tương đương với các giống dê khác. Việc theo dõi động thái hormone giúp quản lý quá trình sinh sản hiệu quả, đồng thời kết quả nghiên cứu này dùng làm tham chiếu đáng tin cậy khi sử dụng các công cụ hỗ trợ sinh sản và các chiến lược dinh dưỡng cải tiến có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả sinh sản trên dê.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-057

86298.08-2023 **Hiệu ứng từ - nhiệt điện trong dây lượng tử hình trụ khi có mặt sóng điện từ./** TS. Hoàng Văn Ngọc, GS.TS. Nguyễn

Quang Báu; ThS. Trần Hải Hưng - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 02/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu ảnh hưởng của sóng điện từ lên hiệu ứng từ-nhiệt điện trong dây lượng tử hình trụ. Như chúng ta đã biết sự khác nhau về phổ năng lượng và hàm sóng của mỗi loại vật liệu bán dẫn thấp chiều nói chung và dây lượng tử nói riêng đều dẫn đến những tính chất vật lý khác nhau và khác với bán dẫn khối thông thường. Hiệu ứng từ-nhiệt điện trong dây lượng tử hình trụ dưới ảnh hưởng của sóng điện từ cũng không ngoại lệ. Sau thời gian thực hiện đề tài, các kết quả chính đạt được bao gồm: Hoàn thành nghiên cứu hiệu ứng Ettingshausen và hiệu ứng Peltier là hai hiệu ứng thành phần của hiệu ứng từ-nhiệt-điện trong dây lượng tử hình trụ khi có mặt sóng điện từ.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-058

86300.08-2023 **Tích hợp điều kiện biên cho mô hình tựa khí động QGD (Quasi-Gas Dynamic model) trong mô phỏng dòng khí loãng/** ThS. Huỳnh Thân Phúc, Tiến sĩ Lê Tuấn Phương Nam - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xem xét và đánh giá mô hình các phương trình tựa khí động QGD (Quasi-Gas Dynamic model) trong

tính toán mô phỏng dòng khí loãng. Từ đó đề xuất một mô hình QGD hoàn thiện với đầy đủ các điều kiện biên cho tính toán dòng khí loãng, và mô hình tích hợp này sẽ được đánh giá toàn diện đầu tư mô hình tựa khí động lên cho dòng khí loãng cho các biên dạng hình học phức tạp về khí động học ứng dụng trong công nghiệp có liên quan. Kiểm chứng mô hình tích hợp QGD bao gồm các điều kiện biên được đề xuất trong nghiên cứu này cho tính toán mô phỏng số dòng khí loãng trên các biên dạng bề mặt phức tạp về khí động lực học ứng dụng trong các ngành kỹ thuật cơ khí hàng không, không gian – vũ trụ và trong các thiết bị vi cơ điện tử (MEMS). Các kết quả tính toán mô phỏng đã được đăng trên các tạp chí ISI và trong nước.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-059

86301.08-2023 Sử dụng Se kết hợp phế phẩm nông nghiệp ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (*Brassica rapa chinensis*) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm./ TS. Trần Thị Anh Thư, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 11/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sử dụng Se kết hợp phế phẩm nông nghiệp ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Đánh giá ảnh hưởng của Se đối với việc giảm

nồng độ Cu hấp thụ lên cây cải thìa. Đánh giá ảnh hưởng của phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) đối với việc giảm nồng độ Cu hấp thụ lên cây cải thìa. Đề xuất nồng độ Se và hàm lượng phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) sử dụng tối ưu nhằm đạt hiệu quả tốt nhất. Se đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn cản sự hấp thụ Cu bởi cây cải thìa ở nồng độ Cu quá cao (200 mg/kg) thông qua việc biến đổi thành các phân đoạn Cu cố định.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-036

86303.08-2023 Mô hình sự phosphoryl hóa của glucose bởi enzyme Hexokinase I ở người/ TS. Mai Quang Vinh, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 11/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phát triển một mô hình toán học toàn diện để mô tả sự phosphoryl hóa của glucose bởi enzyme hexokinase I. Tìm ra các tham số để mô phỏng số học của mô hình khớp với các quan sát thực nghiệm của hexokinase I. Thực hiện một phân tích độ nhạy toàn cục của mô hình để giúp xác định các cơ chế điều tiết chủ chốt của hexokinase I. Một mô hình toán học toàn diện mô tả sự phosphoryl hóa của glucose bởi enzyme hexokinase I đã được phát triển. Các giá trị tham số thích hợp của mô hình đã được tìm thấy. Các cơ chế điều tiết chủ chốt của hexokinase I

đã được xác định dựa trên kết quả của phân tích độ nhạy toàn cục của mô hình. Một công thức về tốc độ tạo sản phẩm cho phản ứng enzyme với sự ức chế cạnh tranh bởi sản phẩm đã được viết lại theo một cách dễ tiếp cận hơn. Hơn nữa, một ứng dụng tiềm năng của mô hình này cho mini-hexokinase I cũng đã được thảo luận.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-038

86308.08-2023 Nghiên cứu chế tạo bê tông cường độ cao HSC sử dụng phụ gia kết hợp nano SiO₂ và tro bay khu vực miền Nam/ TS. Trần Hữu Bằng, ThS. Võ Thanh Hùng; ThS. Lê Thành Trung; ThS. Phú Thị Tuyết Nga. - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 10/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu ảnh hưởng của phụ gia kết hợp NS+FA đến các chỉ tiêu cơ lý (tính công tác, cường độ nén, cường độ kéo khi uốn, độ mài mòn và giá trị mô đun đàn hồi) của bê tông HSC; Khả năng áp dụng kết quả nghiên cứu vào thiết kế kết cấu mặt đường BTXM cấp cao khu vực Miền Nam; Tận dụng vật liệu phế thải Tro trấu (RHA) của ngành nông nghiệp khu vực miền Tây Nam Bộ và nguồn phế thải Tro bay ngành công nghiệp là góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường, việc sử dụng sản phẩm phụ gia kết hợp NS+FA vào hỗn hợp bê tông HSC có ý nghĩa

khoa học và thực tiễn; Mặt đường bê tông HSC khi có sử dụng phụ gia kết hợp NS+FA sẽ làm giảm nhiệt thủy hóa, giảm ứng suất nhiệt trong tấm nên có thể ứng dụng làm lớp mặt bê tông HSC cho đường có qui mô giao thông cấp cao. Xây dựng các công thức thành phần vật liệu và dạng kết cấu áo đường bằng bê tông HSC sử dụng phụ gia kết hợp NS+FA đây là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, học viên cao học, kỹ sư thiết kế,...

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-041

86309.08-2023 Đánh giá sự hiện diện và hiệu suất xử lý vi nhựa có trong hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tỉnh Bình Dương/ SV Hồ Tổng Trọn, Sinh viên Lê Nguyễn Thanh Trí - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 03/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá hàm lượng và hiệu suất xử lý vi nhựa của hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải Dĩ An và nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một; Mô tả đặc trưng thành phần vi nhựa trong nước thải sinh hoạt sau xử lý và bùn bằng hệ thống lọc với mắt lưới lọc 25µm, 100µm và 300µm. Kết quả cho thấy nồng độ vi nhựa có trong nước thải sinh hoạt dao động từ 0,11 - 0,52 hạt vi nhựa/L; Hiệu suất xử lý vi nhựa của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt 99,9%; Mật độ vi nhựa trong bùn

thải nhiều hơn trong nước thải; Nghiên cứu còn cho thấy phương pháp phân tích vi nhựa trong nước thải và bùn thải có khả năng mở rộng áp dụng cho đối tượng nghiên cứu khác.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-042

86310.08-2023 **Sử dụng cây thân ngô (*Zea mays*) ức chế độc chất đồng hấp thụ lên cây cải thìa (*Brassica rapa chinensis*) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm.**/ SV Lê Kim Hồng, Sinh viên Phạm Huỳnh Yên Vy; sinh viên Đỗ Lê Phương Vy; sinh viên Nguyễn Võ Hữu Tình, sinh viên Lý Thùy Mị. - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 05/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sử dụng cây ngô ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa trong điều kiện giả định đất ô nhiễm; Đánh giá ảnh hưởng của cây ngô đối trong việc giảm nồng độ Cu hấp thụ lên cây cải thìa; Xem xét quá trình thay đổi các hình thái Cu trong đất ở các thí nghiệm có cây ngô và không có cây ngô; Đề xuất hàm lượng thân ngô khô tối ưu nhằm đạt hiệu quả ức chế Cu hấp thụ lên cây; Đánh giá ảnh hưởng của cây ngô đối trong việc giảm nồng độ Cu hấp thụ lên cây cải thìa; Xem xét quá trình thay đổi các hình thái Cu trong đất ở các thí nghiệm có cây ngô và không có cây ngô; Đề xuất hàm lượng thân ngô khô tối ưu nhằm đạt hiệu quả ức chế Cu hấp thụ lên cây.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-043

86311.08-2023 **Bài toán ngược với các tham số bị nhiễu**/ ThS. Nguyễn Minh Điện, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 03/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tính không chỉnh của bài toán; chứng minh bài toán có 1 nghiệm duy nhất với một số điều kiện thích hợp; đề xuất phương pháp chỉnh hóa bài toán, đánh giá sai số giữa nghiệm xấp xỉ và nghiệm chính xác của bài toán. Phân tích tính không chỉnh của bài toán, từ đó cho thấy một số sơ đồ chỉnh hóa thông thường không còn khả dụng đối với trường hợp nghiên cứu. Đưa ra một số điều kiện phù hợp để bài toán có nghiệm duy nhất. Xây dựng bài toán xấp xỉ cho bài toán đang nghiên cứu. tác giả chứng tỏ bài toán xấp xỉ là chỉnh, đồng thời phụ thuộc liên tục vào các tham số của bài toán. Đánh giá sai số giữa nghiệm xấp xỉ và nghiệm chính xác của bài toán. Tốc độ hội tụ của tác giả cho dưới dạng Holder, các kết quả này tốt hơn các kết quả trước đó.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-044

86312.08-2023 **Nghiên cứu khả năng ức chế ăn mòn của cao lá bần cho thép cacbon trong môi trường axit clohydric.**/ ThS. Trần Đình Mạnh, ThS. Nguyễn Anh Dũng; PGS.TS. Nguyễn Đăng Nam; TS. Nguyễn Văn Kiều - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022;

07/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phát triển chất ức chế ăn mòn mới nền hợp chất thiên nhiên từ lá cây bần chua có hiệu suất chống ăn mòn cao, thân thiện với môi trường từ nguồn nguyên liệu có sẵn trong nước với giá thành cạnh tranh. Cao nước lá cây bần chua thể hiện chúng hoạt động như một chất ức chế hỗn hợp với hiệu suất ức chế cao nhất đạt 98.06% đối với thép trong môi trường HCl 1 M chứa 2500 ppm cao nước lá cây bần chua. Kết quả phân tích cũng chỉ ra sự tồn tại của các nhóm chức có mặt trong cao nước lá cây bần chua, có thể thúc đẩy quá trình hấp thụ các thành phần có trong cao nước lá cây bần chua để tự tạo thành một lớp bảo vệ trên bề mặt thép. Công trình được báo cáo ở đây đề xuất một chiến lược mạnh mẽ để giảm thiểu ăn mòn điện hóa bằng cách thêm chất ức chế mới hiệu quả để đạt được hệ thống chất ức chế xanh.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-045

87150.08-2023 Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ nuôi cua gạch, cua lột bằng lồng nhựa trong nhà có mái che phù hợp điều kiện tự nhiên quận Dương Kinh, Hải Phòng/ TS. Đặng Xuân Sơn, CN. Nguyễn Văn Chung; CN. Đào Thị Thúy; CN. Đào Thị Minh; KTV. Nguyễn Duy Khương - Hải Phòng - Công ty TNHH Cát Vàng, 2022;

12/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án tiếp nhận thành công chuyển giao công nghệ của mô hình ứng dụng nuôi cua gạch, cua lột bằng lồng nhựa trong nhà có mái che, phù hợp điều kiện tự nhiên quận Dương Kinh, Hải Phòng. Đào tạo được 02 kỹ thuật viên, tập huấn cho 40 người dân về quy trình kỹ thuật nuôi. Mô hình ứng dụng công nghệ nuôi cua gạch, cua lột bằng lồng nhựa trong nhà có mái che đạt được các chỉ tiêu kỹ thuật: kích thước thu hoạch cua lột (10,8-11,2 cm/con), khối lượng thu hoạch cua lột (252-279 g/con); kích thước thu hoạch cua gạch (11,8-12,2 cm/con), khối lượng thu hoạch cua gạch (312-330g/con); Sản lượng đạt 784 kg/năm (130 kg/đợt), tỷ lệ sống 86,8%, hệ số FCR (4,6); lợi nhuận: 180 triệu đồng/năm (30 triệu đồng/đợt và đạt 60.000 đồng/hộp).

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.012

87194.08-2023 Nghiên cứu phân vùng khô hạn và quản lý giám sát hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Thuận/ Nguyễn Hồng Trường, ThS.Nguyễn Hồng Trường; ThS.Trần Văn Hưng; KS.Nguyễn Đăng Hiệp.ThS.Bùi Văn Chanh; ThS.Trần Thị Thanh Hiền; KS.Nguyễn Đăng Hùng; CN.Nguyễn Văn Cường; ThS.Vũ Văn Chính; KS.Nguyễn Văn Huynh; ThS.Tạ Lê Đăng Khôi - Bình Thuận - Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Nam Trung Bộ, 2022; 11/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu phân vùng khô hạn và quản lý giám sát hạn hán trên địa

bản tỉnh Bình Thuận. Theo dõi, giám sát, dự báo và cảnh báo hạn hán. Phối hợp với các ban ngành có liên quan đề xuất và tiến hành các hoạt động ngăn ngừa, phòng tránh và giảm nhẹ tác hại của hạn hán. Phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học xây dựng các phương pháp dự báo và cảnh báo hạn hán.

Số hồ sơ lưu: BTN-2022-06

87211.08-2023 **Một số phương trình khuếch tán có chứa số hạng Kirchhoff/** ThS. Danh Hứa Quốc Nam, ThS. Danh Hứa Quốc Nam (Chủ nhiệm đề tài); ThS. Nguyễn Đức Phương (Thành viên thực hiện chính); ThS. Nguyễn Hữu Cần (Thành viên thực hiện chính) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tầm quan trọng của việc nghiên cứu các phương trình vi phân-đạo hàm riêng được khẳng định qua những ứng dụng thực tiễn, cũng như hàng loạt kết quả đăng trên nhiều tạp chí uy tín. Trong đề tài này, tác giả nghiên cứu những kết quả mới và mạnh hơn, sâu sắc hơn những kết quả đã biết. Cụ thể hơn, khảo sát một số tính chất nghiệm của phương trình khuếch tán dạng Kirchhoff với điều kiện phi địa phương trong hai trường hợp thuần nhất ($F=0$) và không thuần nhất. Tìm hiểu tính chất nghiệm của phương trình khuếch tán dạng Kirchhoff với điều kiện phi địa phương trong hai trường hợp hàm nguồn thuần nhất và hàm nguồn

không thuần nhất đồng thời chỉ ra tính không chính của bài toán, từ đó đề xuất một bài toán chỉnh hóa.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-066

87213.08-2023 **Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xuyên ngành/** GS.TS. Bùi Thế Cường (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Đinh Thị Hòa (Thư ký) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khái niệm, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xuyên ngành, trước mắt làm cơ sở tham khảo cho các nghiên cứu xuyên ngành thực nghiệm ở Đại học Thủ Dầu Một, tiến tới xây dựng hướng nghiên cứu và đào tạo xuyên ngành ở Việt Nam. Đề tài cung cấp một nghiên cứu bước đầu nhưng cơ bản về khái niệm, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xuyên ngành, đề tài đề xuất bốn kiến nghị cụ thể với Lãnh đạo nhà trường nhằm tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu và đào tạo xuyên ngành ở Trường Đại học Thủ Dầu Một. Đề tài này đã cùng với đề tài tổng quan lịch sử nghiên cứu xuyên ngành tổ chức 15 tọa đàm tập huấn (vượt mức đã đăng ký là 6 tọa đàm tập huấn cho cả 2 đề tài).

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-067

87217.08-2023 **Tổng quan lịch sử nghiên cứu xuyên ngành/** GS.TS. Bùi Thế Cường (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Đinh Thị Hòa (Thư ký) -

Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trình bày về lịch sử nghiên cứu xuyên ngành trên thế giới, trước mắt làm cơ sở tham khảo cho các nghiên cứu xuyên ngành thực nghiệm ở Đại học Thủ Dầu Một, tiến tới xây dựng hướng nghiên cứu và đào tạo xuyên ngành ở Việt Nam. Đề tài cung cấp một nghiên cứu bước đầu nhưng cơ bản về lịch sử phát triển nghiên cứu xuyên ngành trên thế giới, trình bày những dấu mốc, tác giả và tác phẩm chủ yếu đánh dấu sự phát triển của tư tưởng xuyên ngành từ đầu thập niên 1970 đến nay. Đề tài đã đưa ra một phân tích về những đặc trưng nổi bật của nghiên cứu xuyên ngành. Đề tài đã thực hiện một tổng quan sơ lược và phân tích về sự phát triển của ý tưởng và thực hành xuyên ngành ở Việt Nam. Đề tài đề xuất bảy kiến nghị cụ thể với Lãnh đạo nhà trường nhằm tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu và đào tạo xuyên ngành ở Trường Đại học Thủ Dầu Một. Đề tài này đã cùng với đề tài lý thuyết và phương pháp tổ chức 15 tọa đàm tập huấn (vượt mức đã đăng ký là 6 tọa đàm tập huấn cho cả 2 đề tài).

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-068

87219.08-2023 Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Dương với các địa phương của nước ngoài (2005-2020)/ TS. Nguyễn Hoàng

Huế (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Nguyễn Thị Mai (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Làm rõ quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Dương với các địa phương của nước ngoài (2005-2020). Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được và những hạn chế trong quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Dương với các địa phương của nước ngoài (2005-2020) đưa ra những nhận định, đánh giá và dự báo triển vọng của mối quan hệ trong thời gian tiếp theo. Đề tài tiếp cận theo hướng thông qua phân tích các nhân tố tác động đến việc xây dựng và phát triển quan hệ, thực trạng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Dương với các địa phương của nước ngoài (2005-2020), từ đó đánh giá những thành tựu và hạn chế của mối quan hệ này. Đồng thời đưa ra những nhận định, đánh giá và dự báo triển vọng quan hệ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương với các địa phương của nước ngoài trong thời gian tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-069

87224.08-2023 Nghiên cứu chế tạo vật liệu than vỏ hạt Mác-ca kết hợp từ tính sắt ứng dụng xử lý kim loại nặng trong nước/ TS. Đào Minh Trung (Chủ nhiệm nhiệm vụ); Học viên Võ Đức Thương (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 05/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tìm ra giải pháp xử lý hàm lượng kim loại nặng trong nước bằng vật liệu thân thiện môi trường, điều chế thành công vật liệu sinh học mang từ tính từ phế phẩm vỏ hạt Mắc-ca bằng các tác nhân hóa học. Vật liệu sinh học than hoạt tính mang từ tính oxit sắt đã được điều chế thành công trên cơ sở tận dụng nguồn phụ phẩm từ cây trồng nông nghiệp - vỏ hạt cây Mắc-ca. Vật liệu được điều chế sở hữu bề mặt thô, kém đồng đều, với diện tích bề mặt tương đối nhỏ và chứa một số nhóm chức đặc trưng như $-OH$, $C=O$, $C=C$, $C=O$. Bên cạnh đó, các kết quả phân tích cũng đã khẳng định sự gắn kết và phân tán đều của hợp chất từ Fe_3O_4 trong mạng lưới cấu trúc của than hoạt tính, cùng tính chất siêu thuận từ của vật liệu. Vật liệu điều chế được cho là phù hợp để ứng dụng vào xử lý các tác nhân ô nhiễm trong nước thải.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-075

87227.08-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò lai hướng thịt năng suất cao tại huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương/** ThS. Nguyễn Văn Tiến (Nghiên cứu viên); TS. Phạm Văn Quyến (Nghiên cứu viên chính); ThS. Giang Vi Sal (Nghiên cứu viên); BSTY. Nguyễn Quang Phúc (Nghiên cứu viên); KS. Huỳnh Văn Lâm (Nghiên cứu viên); TC. Nguyễn Thanh Tùng (Cán bộ kỹ thuật) - Bình Dương - Trung tâm Nghiên

cứu và Phát triển Chăn nuôi gia súc lớn, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng thành công tiến bộ khoa học công nghệ trong chăn nuôi bò lai hướng thịt năng suất cao tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Chuyển giao, tiếp nhận và làm chủ được các quy trình công nghệ: Chăn nuôi bê lai hướng thịt, trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản cỏ cho bò (08 quy trình). Xây dựng thành công các mô hình: Mô hình nuôi bò cái sinh sản lai Zebu để tạo ra bê lai hướng thịt năng suất cao: 150 con, mô hình nuôi bê lai hướng thịt năng suất cao quy mô hộ gia đình: 100 con bê lai F1 hướng thịt, mô hình trồng cỏ thâm canh: 2,5 ha cỏ VA06 và cỏ sả lá lớn Hamil.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-077

87232.08-2023 **Phân lập và khảo sát hoạt tính ức chế enzyme alpha-glucosidase của một số hợp chất từ loài địa y *Parmotrema tinctorum*/** TS. Hoàng Lê Thụy Thùy Trang (Chủ nhiệm nhiệm vụ); TS. Nguyễn Văn Kiều (Thành viên); ThS Trần Thanh Nhã (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Từ loài địa y *Parmotrema tinctorum* cô lập và xác định cấu trúc hóa học các hợp chất hữu cơ. Việc nghiên cứu cơ bản về hóa được, xác định giá trị của loài địa y khảo sát, làm

phong phú thêm kho tàng các cây thuốc y học cổ truyền Việt Nam, tạo nguồn nguyên liệu thân thiện môi trường cho ngành công nghiệp dược... là việc làm cần thiết, đáp ứng được yêu cầu của Thủ Tướng Chính phủ và nhu cầu của toàn xã hội. Điều chế cao tổng của địa y bằng phương pháp ngâm dầm với methanol/ethanol. Tiến hành phân lập các hợp chất hữu cơ có trong cao phân đoạn, xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất phân lập được bằng các phương pháp vật lý hiện đại như Phổ Cộng Hưởng Từ Hạt Nhân (NMR), khối phổ...Khảo sát/ứng dụng các hợp chất thiên nhiên trong ức chế enzyme alpha-glucosidase nhằm hỗ trợ điều trị ở bệnh nhân tiểu đường.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-076

87233.08-2023 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nuôi dê lai hướng thịt tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương./ ThS. Bùi Ngọc Hùng (Nghiên cứu viên); ThS. Hoàng Thị Ngân (Nghiên cứu viên); ThS. Nguyễn Thị Thủy (Nghiên cứu viên); Kỹ sư Lê Thị Ngọc Thùy (Nghiên cứu viên); Bác sỹ thú y Nguyễn Quang Phúc (Nghiên cứu viên); Kỹ sư Huỳnh Văn Lâm (Nghiên cứu viên) - Bình Dương - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi gia súc lớn, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chuyển giao và tiếp nhận được các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi dê và xây dựng thành công các mô hình nuôi dê lai hướng thịt (Boer x Bách Thảo) đạt hiệu quả kinh tế cao phù hợp với điều kiện huyện Bàu Bàng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tăng thu nhập cho người nông dân; Chuyển giao, tiếp nhận và làm chủ được các quy trình công nghệ: Chăn nuôi dê, sản xuất nguồn thức ăn cho dê (5 quy trình) phù hợp với điều kiện của huyện Bàu Bàng; Xây dựng thành công các mô hình chăn nuôi dê: Xây dựng thành công mô hình sản xuất nguồn thức ăn thô cho dê (1 ha thức ăn thô và chế biến bảo quản 6 tấn thức ăn thô xanh cho mùa khô); Chuyển giao được một số qui trình kỹ thuật cho người chăn nuôi dê thông qua tham quan, tập huấn kỹ thuật và hội thảo đầu chuỗi;

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-078

87245.08-2023 Nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk/ CN. Linh Nga Niê Kdăm, PGS.TS Tuyết Nhung Buôn Krông (Thư ký); TS. Trương Thị Hiền; ThS. Lý Vân Linh Niê Kdăm; CN. Trần Phương Hạnh Niê Kdăm; TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm; TS. Phạm Văn Trường; TS. Nguyễn Thanh Phương; TS. Ao Xuân Hòa; Ths. Vũ Trinh Vương; Ths. Y Jonh Bjă; Ths. H'Loat Knul; CN. Nguyễn Trung Vương; Ths. H'Uyên Niê; Ths. Lưu

Minh Tuấn; CN. Na Sơ Rơ Niê. - Đắc Lắc - Trung tâm Phát triển nông thôn Tây Nguyên, 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng, sự tham gia của cộng đồng dân cư vào hoạt động du lịch cộng đồng và xây dựng mô hình làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao năng lực tham gia của các bên liên quan vào phát triển du lịch cộng đồng góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2021-2025. Phân tích thực trạng sự tham gia của người dân vào phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2016-2020. Xây dựng mô hình phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở phát huy nội lực. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực tham gia của các bên liên quan vào phát triển du lịch cộng đồng đem lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và góp phần phát triển du lịch tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2021-2025, hướng đến 2030.

Số hồ sơ lưu: DLK40-2023-001

87257.08-2023 **Nghiên cứu triển khai ứng dụng năng lượng mặt trời phục vụ cộng đồng tại Cù lao Rùa, xã Thạnh Hội, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương/** ThS. Nguyễn Thanh Tùng (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Đinh Thị Hòa (Thành viên); ThS. Huỳnh Minh Phú (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Triển khai ứng dụng Năng Lượng Mặt Trời phục vụ cộng đồng nông

thôn xã Thạnh Hội, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hướng tiếp cận nghiên cứu xuyên ngành. Trang bị cho thư viện Cù lao Rùa hệ thống đèn Năng Lượng Mặt Trời thấp sáng cho không gian các kệ sách, các phòng sách, không gian bàn trà, không gian khu vui chơi thiếu nhi ngoài trời; Lắp đặt hệ thống wifi, sạc điện thoại, thiết bị rửa tay tự động cho thư viện Cù lao Rùa. Thiết kế lắp đặt hệ thống pin Năng Lượng Mặt Trời cho tủ mát rau củ quả. Hệ thống camera an ninh được trang bị tại 2 điểm ngã tư đường trên địa bàn ấp Thạnh Hiệp và tại đình Nhựt Thạnh thuộc ấp Nhựt Thạnh và được bàn giao cho trưởng ấp Thạnh Hiệp và thủ từ đình Nhựt Thạnh quyền truy cập quan sát và lưu trữ hình ảnh. Xuất bản 1 bài tạp chí tiếng Anh trên Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, 1 bài tạp chí quốc tế, hướng dẫn 2 sinh viên làm đề tài báo cáo tốt nghiệp (vượt mức đăng ký).

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-069

87258.08-2023 **Phân tích tốc độ truyền dữ liệu trong hệ thống mạng đa đầu vào và đa đầu ra với kênh truyền Key-holes/** TS. Đoàn Xuân Toàn; TS. Ngô Quốc Hiến (Thành viên); TS. Hồ Đức Chung (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích và đánh giá năng lực hệ thống viễn thông tương lai sử dụng

công nghệ massive MIMO trong trường hợp kênh truyền là Key holes, với 02 kỹ thuật giải mã tín hiệu bao gồm: use-and-then-forget (UTF) và full-side-information (FSI). Trên kết quả đó, đề xuất kỹ thuật giải mã tín hiệu phù hợp cho hệ thống. Ngoài ra, kết quả đề tài còn xây dựng công thức toán học mô tả đáp ứng của hệ thống, phục vụ cho việc thiết kế hệ thống và các nghiên cứu sâu hơn trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-070

87310.08-2023 Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn sóc theo hướng tăng năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh tại xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk/ Thạc Sĩ Y Cing MLô, 1. CN. Y Cing MLô; 2. CN. Nguyễn Quốc Huân (Thư ký); 3. KS. H'Philip Niê Kdăm; 4. ThS. Châu Thị Minh Long - Đắk Lắk - Phòng Kinh tế thị xã Buôn Hồ, 2021; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn Sóc theo hướng tăng năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh tại xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk nhằm nâng cao thu nhập, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân. Tổng quan tình hình chăn nuôi lợn Sóc theo truyền thống tại xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Đánh giá thực trạng nuôi lợn Sóc tại xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn Sóc lấy thịt theo hướng tăng năng suất, chất lượng và

an toàn dịch bệnh tại xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-002

87352.08-2023 Nâng cao chất lượng hoạt động công tác tuyên giáo cấp cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Đắk Lắk/ ThS. Trịnh Dũng (Chủ nhiệm); ThS. Trần Thị Thu Hà (Thư ký); TS. Nguyễn Thành Dũng; ThS. Lê Đình Hoan; ThS. Nguyễn Đình Nam; ThS. Nguyễn Văn Bông; ThS. Trần Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Thu Nhi; CN. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Cảnh; CN. Nguyễn Mạnh Hà - Đắk Lắk - Ban Tuyên giáo tỉnh ủy - Đắk Lắk, 2023; 09/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích rõ thực trạng chất lượng hoạt động công tác tuyên giáo (CTTG) cấp cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tại tỉnh Đắk Lắk, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động CTTG cấp cơ sở trong vùng đồng bào DTTS tại tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. Bổ sung, làm rõ hơn cơ sở lý luận về CTTG cấp cơ sở. Đánh giá thực trạng hoạt động CTTG cấp cơ sở và nâng cao chất lượng hoạt động CTTG cấp cơ sở trong vùng đồng bào DTTS tại tỉnh Đắk Lắk. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của CTTG cấp cơ sở trong vùng đồng bào DTTS tại tỉnh Đắk Lắk.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-003

87434.08-2023 Thương mại sản phẩm làng nghề tỉnh Bình Dương -

Thực trạng và một số giải pháp khuyến nghị/ Tiến Sĩ Nguyễn Văn Thắng (Chủ nhiệm nhiệm vụ) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Làm rõ một số vấn đề lí luận về làng nghề và thương mại của các doanh nghiệp làng nghề. Đánh giá thực trạng phát triển làng nghề và thương mại các làng nghề tỉnh Bình Dương thời gian qua. Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển làng nghề và thương mại sản phẩm của các nghề, làng nghề tỉnh Bình Dương thời gian tới,...Thực hiện đề tài khoa học cấp trường “*Thương mại sản phẩm ngành nghề tỉnh Bình Dương – thực trạng và một số giải pháp khuyến nghị*” là việc làm cần thiết trong giai đoạn phục hồi kinh tế thương mại sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu và thực hiện các cam kết với WTO của nước ta. Góp phần giải quyết những khó khăn, bất cập trong phát triển làng nghề và thương mại của các làng nghề tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-060

87435.08-2023 **Nghiên cứu thực trạng quản lý tài nguyên đa dạng sinh học và giải pháp phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên/** TS. Đinh Thanh Sang (Chủ nhiệm nhiệm vụ) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của hoạt động nhận khoán bảo vệ rừng đến sinh kế đồng bào thiểu số tham gia nhận khoán cũng như công tác quản lý tài nguyên đa dạng sinh học, từ đó đưa ra các đề xuất để phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên. Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tham gia bảo vệ, quản lý bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-061

87440.08-2023 **Các nhân tố tác động đến cán cân thanh toán quốc tế - Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam/** Lê Mã Long (Chủ nhiệm nhiệm vụ) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 04/2022 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá các nhân tố kinh tế vĩ mô có mối quan hệ trong ngắn hạn và dài hạn với cán cân thanh toán quốc tế ở Việt Nam trong giai đoạn 2000-2020 bằng cách ứng dụng mô hình Véc tơ hiệu chỉnh sai số VECM với dữ liệu chuỗi thời gian được hỗ trợ chạy mô hình kinh tế lượng bởi phần mềm Stata 15.1.Đề xuất một số khuyến nghị và hàm ý chính sách nhằm cải thiện cán cân thanh toán quốc tế và ổn định kinh tế vĩ mô trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-062

87442.08-2023 **Nghiên cứu cấu trúc và động học của chì Silicat bằng phương pháp mô phỏng động lực học phân tử/** TS. Trần Thanh Dũng (Chủ nhiệm nhiệm vụ); Thạc sĩ Mai Văn Dũng (Thành viên); Tiến sĩ Nguyễn Văn Yên (Thành viên); PGS.TS. Lê Thế Vinh (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 07/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát ảnh hưởng của thành phần PbO đến cấu trúc của vật liệu chì silicat bằng mô phỏng động lực học phân tử. Việc làm sáng tỏ cấu trúc của vật liệu chì silicat có vai trò quan trọng cho các ứng dụng thực tế. Các nghiên cứu thực nghiệm và mô phỏng đã chỉ ra rằng vật liệu chì silicat có cấu trúc mạng ngẫu nhiên liên tục, bao gồm các đơn vị cấu trúc SiO_x và PbO_y liên kết với nhau tạo thành mạng không gian ba chiều. Sự phân bố không đồng nhất của các đơn vị cấu trúc hay sự hình thành của các vùng nguyên tử có mật độ khác nhau chính là nguyên nhân dẫn đến sự dịch chuyển khác nhau của các nguyên tử trong mô hình.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-063

87446.08-2023 **Khai phá luồng dữ liệu văn bản/** TS. Võ Thị Hồng Thắm (Chủ nhiệm nhiệm vụ); Nguyễn Minh Vũ (Thành viên); Võ Hắc Việt (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Cải thiện hiệu quả phát hiện chủ đề bằng cách giải quyết các vấn đề như cấu trúc quan hệ đồng xuất hiện của từ, sự không rõ ràng của từ (từ đồng nghĩa), độ rời rạc và biểu diễn ẩn tuần tự trong văn bản bằng cách cải tiến biểu diễn tài liệu. Để giải quyết một cách hiệu quả thách thức thay đổi chủ đề của dữ liệu đến liên tục trên luồng, chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên DPMM để gom cụm văn bản. Ngoài ra, trong quá trình suy diễn của mô hình, chúng tôi cũng triển khai cơ chế cập nhật thông tin cụm để hỗ trợ loại bỏ các chủ đề đã lỗi thời trong các lô tài liệu trước đó. Để chứng minh tính hiệu quả của phương pháp được đề xuất tốt hơn các phương pháp gom cụm luồng văn bản ngắn được công bố gần đây, chúng tôi thử nghiệm so sánh các mô hình với hai tập dữ liệu tiêu chuẩn gồm Twitter và Google Tin tức.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-064

87448.08-2023 **So sánh khả năng dự đoán độ mặn vùng cửa sông Mê Kông của các thuật toán học máy: Trường hợp nghiên cứu Cửa Đại, Hàm Luông và Cổ Chiên/** ThS. Phạm Ngọc Hoài (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Trần Thành Thái (Thành viên chính); TS. Phạm Bảo Quốc (Thành viên chính); ThS. Phan Thị Thanh Huyền (Thư ký đề tài); CN. Lương Lê Lâm (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ

Dầu Một, 2022; 12/2021 - 10/2022.
(Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng chính xác của các thuật toán học máy, bao gồm các thuật toán truyền thống (MLR, KNNR, RFR, và SVR) và thuật toán học sâu (ANN) trong dự báo mặn ở các cửa sông Mê Kông khi ở điều kiện hạn chế dữ liệu đầu vào. Ứng dụng thành công các thuật toán học máy vào dự báo mặn các cửa sông Mê Kông với độ chính xác cao. Tìm ra thuật toán tối ưu khi dữ liệu đầu vào còn hạn chế. Các kết quả đã được xuất bản trong 5 bài báo quốc tế và quốc gia uy tín. Kết quả đề tài có tính ứng dụng để dự báo xâm nhập mặn vùng cửa sông Mê Kông trong điều kiện biến đổi khí hậu. Phục vụ công tác quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước ngọt vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là vào mùa khô. Dự báo thời gian thực dựa trên các số liệu từ các trạm quan trắc mặn ở cửa sông.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-065

87454.08-2023 **Điều khiển các tính chất điện tử và từ tính của vật liệu silicene nanoribbons bằng phương pháp thay thế nguyên tử/** PGS.TS. Võ Văn Ổn (Chủ Nhiệm nhiệm vụ); TS. Hoàng Văn Ngọc (Thành viên); TS. Nguyễn Duy Khanh (Thành viên); ThS. Nguyễn Thanh Tùng (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu các tính chất cấu trúc và điện tử đa dạng của các dải nano silicene 1D (SiNR) dưới ảnh hưởng của doping nguyên tử. Kết quả chính đạt được bao gồm: Độ ổn định cấu trúc của ASiNRs 1D dưới ảnh hưởng của thay thế nguyên tử C, hấp phụ Pr và pha tạp Zn là được xác định thông qua các đại lượng DFT đã phát triển bao gồm năng lượng hình thành, năng lượng hấp phụ, các thông số mạng tối ưu và cấu trúc vùng phonon. Các kết quả nghiên cứu từ các tính toán DFT hiệu năng cao có thể đạt được độ chính xác cao là bước khởi đầu cho việc nghiên cứu tìm ra các vật liệu mới, định hướng cho các ứng dụng và các nghiên cứu thực nghiệm kiểm chứng trên các hệ vật liệu này.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-080

87455.08-2023 **Nghiên cứu các tính chất điện tử và từ tính của vật liệu Nano Ribbon Germanene khi hấp thụ nguyên tử Flo và của loại vật liệu 2 lớp Janus mới dạng MXY/** PGS.TS. Võ Văn Ổn (Chủ nhiệm nhiệm vụ); TS. Hoàng Văn Ngọc (Thành viên); TS. Nguyễn Duy Khanh (Thành viên); ThS. Nguyễn Thanh Tùng (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu các tính chất cấu trúc, điện tử, từ tính và quang học của một số vật liệu đơn lớp Janus mới dạng TiXY (X=F và Cl; Y=S, Se và

Te) thông qua các tính toán phiếm hàm mật độ (DFT). Nghiên cứu các tính cấu trúc, điện tử và từ tính đa dạng của các dải germanene 1D dưới ảnh hưởng của chức hóa bề mặt và hấp thụ các nguyên tử halogen thông qua các tính toán DFT. Các tính chất cấu trúc, điện tử, từ tính và quang học của các đơn lớp Janus mới TiFS, TiFSe, TiFTe, TiClS, TiClSe và TiClTe là được nghiên cứu một cách hệ thống và các tính chất thiết yếu này là rất tiềm năng cho nhiều ứng dụng trong các thiết bị điện tử, điện tử spin và quang điện tử.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-079

87462.08-2023 Số hóa công trình cầu, đường và hạ tầng kỹ thuật bằng công nghệ BIM phục vụ cho công tác quản lý, vận hành ở tỉnh Cà Mau/ Ths. Huỳnh Xuân Tín; Ts. Ngô Thanh Thủy; Ts. Hà Trung Hiếu; Ths. Nguyễn Hoàng Huy; Ts. Lâm Thành Thép; Ths. Lê Chí Nguyên; Ks.Bùi Hoàng Đạt; Ks.Nguyễn Xuân Việt; Ks.Nguyễn Trường Giang - Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau - Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau, 2022; 07/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Giúp các đơn vị quản lý nhà nước, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công nắm bắt được công nghệ mới; tính chính xác và ưu điểm của BIM so với quản lý truyền thống, từ đó làm cơ sở triển khai ứng dụng BIM tại tỉnh Cà Mau trong việc lập

dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, quản lý điều hành dự án

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-001

87463.08-2023 Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cà phê, hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk/ TS. Nguyễn Văn Toàn (Chủ nhiệm); ThS. Bùi Thị Minh Tuyết (Thư ký); TS Nguyễn Hồng Sơn; TS Hoàng Công Mệnh; TS. Nguyễn Đình Long; TS Nguyễn Võ Linh; TS Hà Văn Định; TS Hoàng Tuấn Hiệp; TS. Hồ Kim Hương; TS. Nguyễn Hùng Cường - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Quy hoạch Nông nghiệp Nông thôn, 2022; 09/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển sản xuất cà phê, hồ tiêu đạt hiệu quả cao và bền vững trong điều kiện BĐKH, nâng cao thu nhập cho người dân, phù hợp với các mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đối với cà phê, hồ tiêu tỉnh Đắk Lắk. Lựa chọn mô hình (cà phê, hồ tiêu) canh tác bền vững thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Dự báo và đề xuất các giải pháp thích ứng của biến đổi khí hậu đối với sản xuất (cà phê, hồ tiêu) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Số hồ sơ lưu: ĐLK40-2023-004

87464.08-2023 Nghiên cứu đề xuất xây dựng mô hình OCOP (One Commune one Product - Mỗi xã một sản phẩm) dựa vào nội lực

cộng đồng tại tỉnh Đắk Lắk/ ThS. Châu Thị Minh Long (Chủ nhiệm); ThS. Trần Thị Thường (Thư ký); TS. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Đỗ Văn Chung; ThS. Đinh Văn Phê; ThS. Đinh Thị Nhã Trúc; ThS. Hoàng Hải Long; TS. Đỗ Thị Nga; ThS. Tôn Thất Dạ Vũ; KS. Nguyễn Vũ Kỳ; CN Trần Thị Phương Hằng; CN Nguyễn Thị An; ThS. Lê Kim Loan - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2023; 12/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu đề xuất mô hình OCOP dựa vào nội lực cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, góp phần thực hiện thành công Chương trình OCOP tại tỉnh Đắk Lắk và chương trình mục tiêu xây dựng Nông thôn mới quốc gia. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình OCOP dựa vào nội lực cộng đồng; Đánh giá thực trạng triển khai Chương trình OCOP tại tỉnh Đắk Lắk; Xây dựng thành công 02 mô hình OCOP dựa vào nội lực cộng đồng tại tỉnh Đắk Lắk: 01 mô hình đại diện cho xã vùng ĐBDTTS và 01 mô hình đại diện cho các xã còn lại với 02 sản phẩm đạt chứng nhận 3 sao; Đề xuất giải pháp phát triển sản phẩm OCOP tại tỉnh Đắk Lắk.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-005

87471.08-2023 Xây dựng, khai thác và phát triển Nhãn hiệu tập thể cho trái cam và bưởi Phú Giáo/ ThS. Nguyễn Trường Hải (Chủ nhiệm nhiệm vụ); CN. Lê Trí Dũng (Thành viên) - Bình Dương - Trung Tâm Dịch vụ nông nghiệp

huyện Phú Giáo, 2022; 12/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng Nhãn Hiệu Tập Thể được cấp giấy chứng nhận tạo cơ sở pháp lý để làm nền tảng xây dựng và phát triển thương hiệu Phú Giáo cho trái cam và trái bưởi. Khai thác và phát triển Nhãn Hiệu Tập Thể để kết nối thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu; nâng cao giá trị văn hóa, kinh tế-xã hội và bảo tồn giống cam, bưởi ngon phù hợp địa phương. Nâng cao nhận thức của người dân về việc xây dựng Nhãn Hiệu Tập Thể và bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ, tiến đến việc xây dựng và phát triển thương hiệu Phú Giáo trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-081

87472.08-2023 Nghiên cứu xây dựng chiến lược và chính sách phát triển bền vững hệ thống logistics trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050./ PGS.TS. Hồ Thị Thu Hòa (Chủ nhiệm đề tài); ThS. Tô Thị Hằng (Thư ký); PGS.TS. Hà Thị Ngọc Oanh (Thành viên); TS. Nguyễn Hán Khanh (Thành viên); TS. Trần Vũ Tự (Thành viên); ThS. Chu Thị Huệ (Thành viên); ThS. Bùi Thị Bích Liên (Thành viên); ThS. Hoàng Văn Thúc (Thành viên); ThS. Lê Văn Thành (Thành viên); ThS. Huỳnh Chí Giỏi (Thành viên); ThS. Lã Thu Thủy (Thành viên); ThS. Trần Quang Đạo (Thành viên); TS. Lê Văn Quốc Anh (Thành viên);

PGS.TS. Phạm Thị Anh (Thành viên); TS. Nguyễn Thị Thanh Hương (Thành viên); TS. Lê Ngô Ngọc Thu (Thành viên); TS. Hồ Thị Hồng Xuyên (Thành viên) - Bình Dương - Viện Nghiên cứu và Phát triển logistics Việt Nam, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng các nhu cầu của chính họ. Hệ thống logistics là sự kết hợp quản lý 2 mặt: đầu vào (gọi là cung ứng vật tư) với đầu ra (phân phối sản phẩm), để tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả. Viện Nghiên cứu Kinh tế Vận tải và Logistics Cộng hòa Liên bang Đức đưa ra một công thức gồm 4 thành tố cấu thành hệ thống logistics: ngoài 3 thành tố là cơ sở hạ tầng và thiết chế công, các nhà cung ứng dịch vụ logistics, viện này cho rằng các cơ sở đào tạo về logistics cũng là một thành tố quan trọng tạo nên một hệ thống logistics hoàn chỉnh.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-071

87484.08-2023 **Bình tuyển, công nhận cây đầu dòng bưởi đường da láng và bưởi ổi. Xây dựng vườn cây đầu dòng bưởi đường lá cam, bưởi đường da láng và bưởi ổi ở xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương/** KS. Lê Thị Chung (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS.

Vũ Mạnh Hà (Thành viên); KS. Trần Thị Liên (Thành viên); ThS. Đỗ Văn Quý (Thành viên); KS. Lê Thị Vân (Thành viên); KS. Nguyễn Đăng Khoa (Thành viên); KS. Phạm Thị Xuân Diệu (Thành viên); KS. Lê Thị Ánh (Thành viên); KS. Võ Thúy Huỳnh (Thành viên); TS. Trịnh Việt Nga (Thành viên) - Bình Dương - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp bền vững, 2022; 10/2018 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng vườn cây đầu dòng và nhà ươm cây giống bưởi đường lá cam, bưởi đường da láng và bưởi ổi để lưu giữ, bảo tồn, quản lý và khai thác có hiệu quả nguồn gen. Xây dựng vườn cây đầu dòng để bảo tồn nguồn gen 3 giống bưởi bưởi Đường lá cam, đường da láng và bưởi ổi cung cấp nguồn bo (vật liệu nhân giống) để nhân giống và sản xuất cây giống chuẩn với tổng diện tích 1.000m². Xây dựng vườn ươm cây giống cho 3 giống bưởi: Diện tích 200m² (01 nhà lưới ươm cây giống). Chuyển giao thông qua đào tạo 10 kỹ thuật viên nhân giống, hội thảo với 60 người tham dự. Hoàn thiện quy trình chăm sóc cây bưởi trong vườn cây đầu dòng. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống bưởi đường da láng, bưởi đường lá cam và bưởi ổi trong vườn ươm.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-072

87561.08-2023 **Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ nuôi cá**

lăng nhà trong lòng bè trên hồ chứa tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk/ KS, Lê Thị Quỳnh Nhung, KS. Phạm Quang Tân; CN Kpa Bính (Thư ký); KS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa; KS. Y Ngăn Niê - Ea Kar - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ea Kar, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Chuyển giao kỹ thuật “Nuôi cá Lăng trong lòng bè trên hồ chứa đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với tiêu thụ sản phẩm” nhằm đa dạng các hình thức, đối tượng nuôi, khai thác hiệu quả tiềm năng diện tích mặt nước sẵn có tại địa phương, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với thị trường, tăng thu nhập cho người sản xuất, nâng cao đời sống nông – ngư dân quanh khu vực lòng hồ, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn bền vững, xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới...

Số hồ sơ lưu: ĐLK40-2023-006

87606.08-2023 Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Ba khía - Cà Mau"/ Ks. Nguyễn Thị Mỹ; Ths. Đinh Hùng Anh; Ths. Tô Thảo Đăng; Ths. Tiêu Hoàng Pho; Ks. Lê Ngọc Lâm; Ks. Nguyễn Tấn Kiên; Ks. Phạm Văn Diên - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau, 2022; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng bảo hộ NHCN cho sản phẩm “Ba khía – Cà Mau” nhằm

nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, danh tiếng của ba khía trong tỉnh Cà Mau, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân thu hoạch, khai thác và cơ sở, doanh nghiệp chế biến kinh doanh ba khía của tỉnh Cà Mau. Nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương trong tỉnh về lĩnh vực SHTT. Ban hành được 04 Quy chế, 01 quy trình phục vụ trong quá trình quản lý và sử dụng NHCN “Ba khía – Cà Mau”. Hoàn thành 02 cuộc Hội thảo (40 người/cuộc), tập huấn 01 lớp (50 người/lớp), góp phần nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, người dân và chính quyền địa phương vùng triển khai Dự án về lĩnh vực SHTT.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-002

87608.08-2023 Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ thực phẩm thịt lợn sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk/ TS. Nguyễn Võ Linh (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Bùi Thị Minh Tuyết (Thư ký); TS Hồ Kim Hương; PGS.TS. Nguyễn Đình Long; PGS.TS Nguyễn Trọng Xuân; KS. Hoàng Thị Thu Thơm; ThS. Ngô Thị Bé; CN Huỳnh Thị Chiến Hòa; CN Hoàng Đình Tiến; ThS. Ngô Ngọc Diệp - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Quy hoạch Nông nghiệp Nông thôn, 2021; 12/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tăng cường chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ thịt lợn sạch nhằm nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, góp phần cho ngành chăn nuôi của tỉnh Đắk Lắk phát triển bền

vững.Đánh giá thực trạng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ thịt lợn sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ thịt lợn sạch. Xây dựng nhãn hiệu thịt lợn sạch cho các hộ/tổ chức tham gia mô hình. Đề xuất các giải pháp phát triển ổn định chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ thịt lợn sạch nhằm hoàn thiện tổ chức sản xuất. Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-007

87609.08-2023 Áp dụng một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng sinh sản của đàn bò thịt tại tỉnh Đắk Lắk/ TS. Phạm Văn Quyến (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Nguyễn Văn Tiến; PGS.TS Trần Quang Hạnh; ThS. Nguyễn Đức Điện; KS. Lê Năng Thắng; ThS. Giang Visal; KS. Hoàng Anh Dương; ThS. Hoàng Thị Ngân; CĐ. Nguyễn Minh Cảnh - Bình Dương - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi gia súc lớn, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá hiện trạng, xác định khả năng sinh sản của đàn bò thịt tại tỉnh Đắk Lắk.Nghiên cứu hoàn thiện qui trình sử dụng liệu pháp hormone để xử lý chậm động dục trên đàn bò thịt tại tỉnh Đắk Lắk.Hoàn thiện quy trình xử lý bò cái gieo tinh nhiều lần không đậu thai.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-008

87610.08-2023 Ứng dụng khoa học công nghệ trồng và chế biến ngô sinh khối làm thức ăn phục vụ cho phát triển chăn nuôi đại gia súc tại

huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk/ KS. Nguyễn Văn Kiên (Chủ nhiệm nhiệm vụ); KS. Lê Thị Quỳnh Nhung (Thư ký); KS. Vương Khả Hùng; KS. Y Ngăn Niê; CN. Nguyễn Văn Vinh. - Ea Kar - Trạm Khuyến nông huyện Ea Kar, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng đồng bộ các giải pháp về Công nghệ - Kỹ thuật đảm bảo đầu tư chi phí thấp , đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người chăn nuôi đại gia súc .Xây dựng thành công mô hình trồng và chế biến cây ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi cho đại gia súc.Chuyển giao công nghệ kỹ thuật cho 150 hộ dân nuôi Bò.Tổ chức hội thảo khoa học và nhân rộng ứng dụng cho 100 đại biểu.Hoàn thiện tài liệu hướng dẫn kỹ thuật.Tuyên truyền cho người dân thông qua phóng sự, đài báo.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-009

87613.08-2023 Xây dựng chỉ dẫn địa lý "Cà Mau" dùng cho sản phẩm của thương phẩm của tỉnh Cà Mau/ Ths. Trần Hữu Lam; Ks.Nguyễn Thị Mỹ; Ths. Đinh Hùng Anh; Cn. Trần Thị Ngọc; Ks. Phạm Minh Song; Ths. Trần Hoàng Vũ; Ks. Hoàng Văn Hữu - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau, 2022; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng thương hiệu "Cà Mau" cho sản phẩm của thương phẩm của tỉnh Cà Mau thông qua việc đăng ký

CDĐL, nâng cao giá trị, danh tiếng sản phẩm của thương phẩm của tỉnh Cà Mau trên thị trường trong và ngoài nước; góp phần ổn định thị trường, chống lại sự lạm dụng dấu hiệu nguồn gốc, hình thành sự ổn định và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm của Cà Mau, từ đó nâng cao giá bán và thu nhập cho các chủ thể tham gia sản xuất, phân phối của thương phẩm của tỉnh Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-003

87648.08-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025/** TS. Cung Trọng Cường, ThS. Hồ Văn Hiệp CN. Cao Quốc Hải; TS. Nguyễn Đoàn Quốc Anh; ThS. Hồng Nguyên Diệu Ngân; ThS. Đỗ Quỳnh Hương; ThS. Nguyễn Xuân Bình; ThS. Nguyễn Văn Hoàng - Thừa Thiên Huế - Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế, 2022; 06/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng và nhu cầu hoạt động giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Thừa Thiên Huế. Xây dựng các giải pháp có tính chiến lược đến năm 2025 nhằm thúc đẩy công tác đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng cũng như giải quyết việc làm cho người lao động phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số hồ sơ lưu: 209/KQNC

87709.08-2023 **Ứng dụng công nghệ sinh học nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) siêu thâm canh 03 giai đoạn tại Cà Mau/** Ks. Nguyễn Phúc, Ths. Tiêu Hoàng Pho; Ks. Nguyễn Quốc Thới - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau, 2022; 03/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) siêu thâm canh 03 giai đoạn tại Cà Mau” đã mang lại hiệu quả kinh tế là trên 1,2 tỷ đồng trong khoảng 100 – 120 ngày nuôi cho hộ dân tham gia thực hiện. Ngoài hiệu quả kinh tế dự án còn góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và mang lại hiệu quả xã hội tích cực. Kết quả của dự án còn là mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất mang tính bền vững. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân từng bước tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, để nâng cao năng suất, sản lượng và thu nhập. Giải quyết được phần nào về quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng hiện nay, góp phần giảm thiểu rủi ro cho người nuôi và làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường; góp phần tạo thêm công ăn việc làm, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội của tỉnh, tăng giá trị xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-004

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

84424.08-2023 **Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chấp nhận sử dụng thanh toán di động của**

người tiêu dùng tại Việt Nam/ ThS. Huỳnh Công Danh, TS. Nguyễn Hoàng Sỹ - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 07/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đóng góp vào tài liệu hiện tại về dịch vụ thanh toán di động bằng cách điều tra mối quan hệ giữa một số cấu trúc chính (ví dụ: sự hài lòng của khách hàng, sự tin tưởng của khách hàng, sự tham gia của khách hàng, hạnh phúc chủ quan) và lòng trung thành của khách hàng với dịch vụ của M-Payment tại một thị trường mới nổi (Việt Nam). Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi đề xuất hai điểm mới: một mặt tạo ra mô hình tổng thể tích hợp các yếu tố quan trọng chính đã được chứng minh cho đến nay và kiểm chứng các yếu tố này ở một thị trường mới nổi như Việt Nam, với tiềm năng sử dụng các hệ thống dịch vụ thanh toán di động. Nghiên cứu có khảo sát đến các thông tin về nhân khẩu học như: Giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và thu nhập để có thể tiến hành các phân tích riêng cho từng nhóm.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-029

87290.08-2023 Mô hình thực hành tự động hóa./ ThS. Phan Đình Trung; ThS. Trương Thị Phương Thảo - Quảng Ngãi - Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc - Quảng Ngãi., 2022; 02/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu này đóng góp vào lĩnh vực sản xuất thiết bị dạy học thêm 1 phương pháp gắn (gá) các module thực hành vào bảng thực hành. Ưu điểm của phương pháp này là: Giúp cho thao tác gắn các module lên bảng thực hành nhanh chóng, đơn giản và linh hoạt. Tạo ra một mô hình có Ứng dụng công nghiệp 4.0 vào giảng dạy thực hành. Sau khi nghiên cứu thành công mô hình sẽ ứng dụng vào giảng dạy các môn học, các bài học liên quan đến tự động hóa tại Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi. Mô hình giúp trường có thêm một phương tiện dạy học tiện dụng, hiện đại, phù hợp với nhu cầu giảng dạy thực hành tại nhà trường.

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-004

87292.08-2023 Xây dựng chương trình đào tạo ngành/nghề Cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn năng lực quốc gia NCS của Hàn Quốc, áp dụng tại Trường Cao đẳng Việt nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi/ ThS. Đỗ Minh Trí, KS. Lê Văn Đạt; ThS. Nguyễn Quốc Sếch; KS. Lê Minh Chương; KS. Lê Xuân Tùng; KS. Phạm Tân Vũ - Quảng Ngãi - Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc - Quảng Ngãi., 2022; 02/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoàn thành việc xây dựng môn học/ Mô đun dựa trên các tiêu chuẩn năng lực NCS nghề cắt gọt kim loại. Hoàn thành việc xây dựng được chương trình đào tạo cắt gọt kim loại cho bậc trung cấp, cao đẳng cụ thể, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu đặt ra. So với bộ chương trình cắt gọt kim loại hiện

nay đang áp dụng tại trường thì bộ chương trình mới áp dụng tiêu chuẩn năng lực Hàn quốc có những ưu điểm vượt trội hơn.

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-005

87443.08-2023 **Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, tiếp nhận, xử lý phản ánh vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Giang/ BSCKI.** Đinh Văn Lưu, BSCKI. Hoàng Ngọc Sông; BS. Nguyễn Thị Mạnh; ThS. Lê Tuấn Anh; BS. Nguyễn Thị Bao; BS. Vũ Quang Huy; BSCKI. Phùng Văn Tiến; KS. Nguyễn Đăng Nguyên. - Hà Giang - Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang, 2022; 08/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, tiếp nhận, xử lý phản ánh vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) mang lại kết nối liên thông giữa cơ quan quản lý, cơ sở kinh doanh và người tiêu dùng, tiếp nhận phản ánh của người dân nhanh chóng kịp thời; nắm bắt, tổng hợp, phân tích nhu cầu, thị hiếu của người dân để có hoạch định, kế hoạch nâng cao chất lượng ATVSTP; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra giúp xây dựng một hệ thống thông tin có sức lan tỏa nhanh chóng, tương tác trực tiếp, đem đến hiệu quả tích cực trong việc nâng cao mức độ hiểu biết, ý thức chấp hành các quy định trong việc đảm bảo ATVSTP, xây dựng một thị trường cung ứng, tiêu thụ thực phẩm sạch,

góp phần nâng cao chất lượng đời sống, kinh tế - xã hội của người dân địa phương.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2023

87456.08-2023 **Xác định tiềm năng sản xuất điện mặt trời tỉnh Hậu Giang/ Ts. Trần Văn Tấn; Ths. Nguyễn Lê Phương; Ts. Nguyễn Huỳnh Phước; Ts. Nguyễn Minh Hòa; Ts. Đỗ Nguyễn Duy Phương; Ths. Cao Thanh Lưu; Ks. Huỳnh Thị Thanh Liễu; Ths. Nguyễn Thị Huỳnh Ngân; CN. Thạch Ngọc Mai; Ks. Thái Minh Thư - Hậu Giang - Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang, 2021; 12/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Sau khi hoàn thiện nghiên cứu đề tài “Xác định tiềm năng sản xuất điện mặt trời tỉnh Hậu Giang” đạt được một số kết quả như sau: Tỉnh Hậu Giang có số giờ nắng trung bình năm là: 2.000 hr/yr. Bức xạ trung bình là 1.123 kWh/m²/năm. Góc tối ưu để lắp đặt tấm pin năng lượng mặt trời là góc từ 10 – 11° hướng Nam. Nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp như sau: đẩy mạnh công tác quy hoạch phát triển điện mặt trời, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện mặt trời, thành lập quỹ hỗ trợ tài chính cho phát triển và sử dụng điện mặt trời, áp dụng cơ chế đấu thầu các dự án điện mặt trời và áp dụng các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

Số hồ sơ lưu: HGI-2022-K00

87653.08-2023 Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ điều chế dung dịch vệ sinh phụ nữ từ dịch chiết chè xanh và nghệ vàng tại tỉnh Hà Giang/ TS. Bùi Lan Anh, ThS. Nguyễn Bình Minh; PGS.TS. Nguyễn Thúy Hà ; TS. Bùi Nữ Hoàng Anh; BsCKII. Vũ Hùng Vương; BsCKII. Nghiêm Trần Đại Quân; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo; KS. Trần Thị Thanh; CN. Trần Văn Sáng; Dược sĩ. Lê Thùy Linh; Trần Văn Tạo; Phạm Thị Duyên - Hà Giang - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông Lâm sản và Dược liệu Việt Anh GACP, 2022; 09/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tạo ra được sản phẩm dung dịch vệ sinh phụ nữ (DDVSPN) từ chè xanh và nghệ an toàn. Điều chế thành công DDVSPN, phân tích và kiểm định chất lượng sản phẩm.Đánh giá tình hình viêm nhiễm đường sinh dục dưới (VNĐ SDD) và hiện trạng sử dụng DDVSPN trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghiên cứu điều chế DDVSPN từ chè xanh và nghệ vàng của Hà Giang. Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm DDVSPN, quy mô 2.500 chai (100 ml/chai); Đánh giá chất lượng và phát triển sản phẩm DDVSPN từ dịch chiết chè xanh, nghệ vàng của Hà Giang (*kiểm định chất lượng sản phẩm; hội thảo, tập huấn và thăm dò thị trường đối với sản phẩm*).

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

20102. Kỹ thuật xây dựng

86115.08-2023 Nghiên cứu công nghệ và hệ thống thiết bị thi công cọc gia cố có tiết diện thay đổi phục vụ công tác xử lý nền đất yếu/ ThS. Nguyễn Chí Minh, ThS. Phạm Đình Nam; ThS. Dương Quang Trọng; ThS. Đinh Trọng Thân; KS. Nguyễn Văn Huân; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Huỳnh Thanh Bình; KS. Hoàng Quốc Trưởng; ThS. Hoàng Ngọc Tú; TS. Nguyễn Văn Thuyên - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Để áp dụng thành công và hiệu quả công nghệ cọc gia cố có tiết diện thay đổi, ngoài việc học tập và nhận chuyển giao công nghệ từ đối tác nước ngoài thì chúng ta cần phải chủ động trong việc cung cấp hệ thống thiết bị thi công đáp ứng được yêu cầu của công nghệ. Từ thực tế trên, Viện Khoa học và Công nghệ GTVT đăng ký và được Bộ GTVT giao thực hiện đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu công nghệ và hệ thống thiết bị thi công cọc gia cố có tiết diện thay đổi phục vụ công tác xử lý nền đất yếu ” mã số DT214041. Mục tiêu của đề tài là tìm hiểu về công nghệ cọc gia cố có tiết diện thay đổi và làm chủ công tác thiết kế trong nước thiết bị thi công lắp trên máy cơ sở có sẵn phục vụ công tác xử lý nền đất yếu ở Việt Nam, từ đó làm cơ sở hướng đến việc chế tạo thiết bị đáp ứng yêu cầu công nghệ thi công, phù hợp với trình độ công nghệ chế tạo trong nước.

Số hồ sơ lưu: 21245

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải
 86854.08-2023 **Nghiên cứu sự phân bố nhiệt độ trong dầm cầu bê tông cốt thép có mặt cắt dạng hộp trên đường ô tô/** Pgs. TS. Ngô Đăng Quang, ThS. Đinh Hữu Tài; ThS. Mai Đình Lộc; ThS. Lê Ngọc Minh; TS. Tô Nam Toàn; TS. Nguyễn Hoàng Quân; ThS. Nguyễn Huy Cường; KS. Bùi Văn Sáng - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định, bằng khảo sát thực địa, sự phân bố nhiệt độ trên một số cầu bê tông cốt thép điển hình có kết cấu mặt cắt dạng hộp trên đường ô tô ở Việt Nam; Xây dựng biểu đồ phân bố nhiệt độ (gradient nhiệt độ) trong các dầm cầu bê tông cốt thép có mặt cắt dạng hộp cả theo phương đứng và phương ngang của mặt cắt; Đề xuất một số giải pháp tính toán, thiết kế xem xét được ảnh hưởng của gradient nhiệt độ trong dầm cầu bê tông cốt thép có mặt cắt dạng hộp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21518

86876.08-2023 **Nghiên cứu các phương pháp đánh giá ảnh hưởng của cháy đến khả năng chịu lực của công trình cầu bê tông dự ứng lực ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thái Khanh, ThS. Kiều Như Cường; ThS. Lê Văn Hùng; KS. Lưu Quốc Vượng; ThS. Cao Anh Tuấn; ThS. Phạm Thanh Hải; KS. Lê Quang Thảo; KS. Quách Anh Tuấn; TS. Nguyễn Nguyệt Hằng; ThS. Nguyễn

Trung Kiên - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2022; 01/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đề xuất các phương pháp đánh giá ảnh hưởng của cháy đến khả năng chịu lực của cầu Bê tông dự ứng lực nhằm đưa ra các chỉ dẫn khảo sát, đánh giá khả năng chịu lực của cầu Bê tông dự ứng lực đang khai thác bị hỏa hoạn. Phạm vi của đề tài là đánh giá khả năng chịu lực còn lại của dầm Bê tông dự ứng lực và cả các bộ phận Bê tông cốt thép của công trình cầu sau khi bị cháy. Đề tài chỉ áp dụng với trường hợp cấp Cường độ cao nằm trong dầm bê tông, không áp dụng đánh giá đối với cấp Dự ứng lực ngoài, cáp văng cầu dây văng hay cáp treo của cầu dây văng.

Số hồ sơ lưu: 21527

86910.08-2023 **Liên kết địa bàn giữa hệ thống các cảng biển Cái Mép - Thị Vải và đô thị lõi cận kề trong bối cảnh đô thị hóa gia tăng tại lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Nguyễn Xuân Sang, GS. TS. Nguyễn Hồng Thục; ThS. Nguyễn Chí Hùng; ThS. Phạm Trung Kiên; KS. Nguyễn Phương Nam; ThS. Trịnh Minh Hiếu; TS. Vũ Hoài Đức; ThS. Nguyễn Xuân Anh; TS. Trịnh Thế Cường; ThS. Vũ Tuấn Hùng - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2023; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất các nguyên tắc phát triển kết nối địa bàn giữa hệ thống cảng và đô thị cận kề ; Đề xuất quan điểm phát triển về cấu trúc và không gian phát triển hạ tầng kết nối địa bàn giữa hệ thống cảng và đô thị cận kề ; Một số khuyến nghị về định hướng phát triển và tổ chức không gian kết nối địa bàn giữa Hệ thống các cảng biển Cái Mép - Thị Vải với các đô thị cận kề tích hợp trong nội dung quy hoạch hệ thống cảng biển tại khu vực nghiên cứu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bên cạnh nội dung về phát triển hạ tầng liên kết vùng và liên tỉnh trong quy hoạch vùng Đông Nam Bộ ; Một số khuyến nghị về tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp vận hành hạ tầng kết nối địa bàn giữa chính quyền cảng và đô thị.

Số hồ sơ lưu: 21543

20105. Kỹ thuật thủy lợi

87086.08-2023 **Nghiên cứu hiện tượng nứt đê và giải pháp nâng cấp, sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn cho đê khi kết hợp đường giao thông/** PGS. TS. Phùng Vĩnh An, GS. TS. Nguyễn Quốc Dũng; ThS. Tô Quang Trung; TS. Phan Trường Giang; TS. Nguyễn Châu Lâm; PGS. TS. Đỗ Minh Toàn; ThS. Nguyễn Đình Hải; TS. Vũ Ngọc Bình; Đỗ Thế Quỳnh; ThS. Trần Quốc Lĩnh - Hà Nội - Viện Thủy công, 2022; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ nguyên nhân lún nứt các đoạn đê trọng điểm có kết hợp đường giao thông. Đưa ra giải pháp nâng cấp, xử lý lún nứt hiệu quả, nhằm đảm bảo an toàn chống lũ cho các tuyến đê có kết hợp giao thông. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật để nâng cấp đê kết hợp làm đường giao thông. Nghiên cứu đề xuất giải pháp thiết kế để nâng cấp đê đảm bảo an toàn chống lũ ở cấp thiết kế, đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn đường giao thông kết hợp.

Số hồ sơ lưu: 21634

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

86938.08-2023 **Nghiên cứu các cảm biến khí linh hoạt tự cấp nguồn theo hiệu ứng ma sát điện sử dụng các vật liệu nhay cấu trúc nano 2D/** PGS. TS. Hoàng Sĩ Hồng, TS. Nguyễn Hoàng Nam; PGS. TS. Trần Vĩnh Hoàng; TS. Nguyễn Thanh Hường; ThS. Đào Đức Thịnh; ThS. Nguyễn Thị Huế; ThS. Nguyễn Hải Hà - Hà Nội - Viện Điện, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp thành công các lớp nhay mới dạng 2D có khả năng tạo ra điện áp lớn theo hiệu ứng ma sát điện đồng thời có khả năng hấp thụ một số loại khí. Thiết kế và tính toán thành công cảm biến nêu trên với một số cấu trúc vật liệu khác nhau. Chế tạo thành công cảm biến theo cơ chế TENG với cấu trúc đa dạng. Qua

đó tìm ra sự cải thiện và các đặc tính của chúng như độ tính, độ lọc lựa, thời gian đáp ứng/phục hồi thông qua các điều kiện môi trường khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 21555

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

84976.08-2023 **Xây dựng phần mềm điều khiển tín hiệu giao thông thông minh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa/ CN.** Mai Duy Linh, Lê Văn Hào; Nguyễn Trung Hiếu; Lê Việt Nam; Trần Doãn Minh; Hoàng Lê Huy; Đậu Quang Vinh - Thanh Hóa - Công ty TNHH Phát triển và Ứng dụng công nghệ tin học Hitech, 2021; 09/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích thiết kế hệ thống, công nghệ kết nối, giao tiếp mạng vạn vật (IoT), công nghệ MQTT, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI). Phân tích, thiết kế các chức năng của hệ thống và thiết kế cơ sở dữ liệu. Nghiên cứu thiết kế kiến trúc phần cứng và các giải pháp an toàn, bảo mật hệ thống. Hướng dẫn sử dụng các chức năng của phần mềm trên môi trường webapp và mobileapp.

Số hồ sơ lưu: THA-010-2022

86434.08-2023 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống bơm lấy mẫu dùng cho thiết bị đo và giám sát nồng độ khí/** PGS.TS. Bùi Đăng Thanh; TS. Vũ Văn Trường;

PGS.TS. Nguyễn Quang Định; TS. Nguyễn Hoàng Nam; TS. Trần Khánh Dương; NCS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Khắc Hiếu; KS. Nguyễn Văn Thực; KS. Giang Hồng Quân; ThS. Trịnh Công Đồng - Hà Nội - Viện Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, 2022; 09/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mô phỏng số dòng chảy trong bơm. Nghiên cứu tổng quan về các dạng bơm cũng như các công nghệ thiết kế bơm. Lựa chọn loại bơm và công nghệ thiết kế bơm phù hợp nhất với hệ lấy mẫu. Tính toán thiết kế bơm cho hệ lấy mẫu với trình tự thiết kế vi bơm. Nghiên cứu phát triển các thuật giải điều khiển cho bộ điều khiển bơm lấy mẫu.

Số hồ sơ lưu: 21422

86842.08-2023 **Phân tích và tối ưu khả năng bảo mật của mạng vô tuyến nhận thức thu thập năng lượng/** PGS. TS. Hồ Văn Khương, TS. Võ Quế Sơn; PGS. Tiến sỹ. Phạm Hồng Liên; TS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Đỗ Đức Thiêm; ThS. Nguyễn Hữu Phong; ThS. Phạm Thị Đan Ngọc; ThS. Đặng Ngọc Hạnh - Hà Nội - Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 04/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích và tối ưu khả năng bảo mật của mạng vô tuyến nhận thức thu thập năng lượng trong các điều kiện vận hành sát thực tế. Nghiên cứu phương pháp để mô hình hóa sự không hoàn hảo về thông tin kênh truyền đối với các phân bố fading

tổng quát và nhiều non-Gaussian. Nghiên cứu giải pháp bảo mật thông tin hiệu quả cho mạng vô tuyến nhận thức thu thập năng lượng trong các điều kiện vận hành sát thực tế. Phân tích hiệu năng bảo mật của các giải pháp đề xuất. Xây dựng chương trình Matlab để tính toán kết quả phân tích và mô phỏng kiểm chứng tính chính xác của kết quả phân tích khả năng bảo mật của giải pháp bảo mật được đề xuất. Lựa chọn thông số hệ thống tối ưu bằng cách giải bài toán tối ưu với các hàm mục tiêu là các biểu thức phân tích. Nghiên cứu sự tương nhượng giữa khả năng bảo mật và độ tin cậy truyền tin của các giải pháp bảo mật đề xuất. Đối chiếu các giải pháp bảo mật đề xuất với các giải pháp đã có, thu thập kết quả nghiên cứu và viết bài báo để đăng trên các tạp chí và hội nghị.

Số hồ sơ lưu: 21520

86874.08-2023 **Mô hình tối ưu và giải thuật điều khiển lưu lượng trong ảo hóa chức năng mạng/** TS. Phạm Tuấn Minh, PGS. TS. Ngô Hồng Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thùy Liên; ThS. Chử Hoài Nam - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cung cấp các giải pháp với sự đảm bảo hiệu năng cho việc tối ưu quản lý tài nguyên tối ưu và điều khiển lưu lượng trong Ảo hóa chức năng

mạng. Tăng sự hiểu biết tốt hơn về hiệu năng của các dịch vụ trong NFV khi có và không có lỗi. Giúp đánh giá các tham số hiệu năng cần thiết để hiểu được tác động của các yếu tố thiết kế đối với hiệu năng dịch vụ, từ đó có thể cải tiến hiệu năng của các dịch vụ mạng ảo hóa trong NFV.

Số hồ sơ lưu: 21525

86906.08-2023 **Phân tích chương trình máy tính sử dụng mạng nơron học sâu/** TS. Phan Việt Anh, TS. Nguyễn Quốc Khánh; TS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Vũ Văn Trường; KS. Nguyễn Văn Quân; KS. Nguyễn Văn Cường - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các cách biểu diễn giàu thông tin cho chương trình; Phát triển các mạng nơron học sâu để khám phá đặc trưng chương trình từ biểu diễn dữ liệu; Kết hợp các phương pháp học máy để nâng cao hiệu quả; Nghiên cứu tích hợp triển khai hệ thống trong thực tế. Làm rõ nội dung, yêu cầu một số bài toán liên quan đến phân tích ngữ nghĩa phần mềm: dự đoán lỗi logic, phân tích mã độc. Tập trung vào tìm hiểu các ưu điểm và hạn chế của phương pháp hiện tại. Đặc biệt phát hiện các vấn đề mà các phương pháp này chưa giải quyết hoặc chưa giải quyết được. Từ đó làm cơ sở để đề xuất

các giải pháp mới hoặc nâng cao độ chính xác. Kết hợp, tận dụng lợi thế của các kiểu dữ liệu khác nhau nhằm làm giàu dữ liệu. Kết hợp các phương pháp và mô hình học máy khác nhau như ensemble learning, transfer learning để khắc phục các trường hợp thiếu hụt dữ liệu hoặc tận dụng dữ liệu giữa các bài toán.

Số hồ sơ lưu: 21541

87087.08-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thực tế ảo tăng cường kết nối dữ liệu địa lý trên thiết bị di động thông minh/ ThS. Phạm Lan Hương, ThS. Đỗ Tuấn Nghĩa; KS. Nguyễn Quang Chung; KS. Nghiêm Hồng Ngọc; KS. Nguyễn Thị Thu Hậu; KS. Nguyễn Mai Phương; KS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Bùi Quốc Việt; CN. Nguyễn Thị Lan Anh; KS. Quan Thị Vân Anh - Hà Nội - công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đề xuất quy trình ứng dụng công nghệ thực tế ảo tăng cường trong kết nối dữ liệu địa lý trên thiết bị di động thông minh nhằm nâng cao khả năng khai thác sử dụng dữ liệu nền địa lý. Đề xuất các tiêu chuẩn cơ sở phục vụ ứng dụng công nghệ thực tế ảo tăng cường trong kết nối dữ liệu địa lý trên thiết bị di động thông minh.

Số hồ sơ lưu: 21629

87088.08-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng quy định về hệ thống hóa và số hóa thông tin, tích hợp thông tin nhằm quản lý dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường trên Hệ tri thức Việt số hóa/ ThS. Đặng Thị Thu Trang, ThS. Nguyễn Thị Thu Cúc; ThS. Trương Thị Hoà; ThS. Nguyễn Thị Hồng Minh; KS. Phạm Thị Phương; ThS. Trần Huy Cường; KS. Nguyễn Hải Hưng; CN. Phùng Ngọc Hưng; ThS. Nguyễn Thị Huế; KS. Nguyễn Minh Tuấn - Hà Nội - Trung tâm công nghệ phần mềm và GIS, 2022; 07/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy định về hệ thống hóa và số hóa thông tin ngành TN&MT phục vụ Hệ tri thức Việt số hóa; Đề xuất được các giải pháp tích hợp dữ liệu ngành TN&MT lên Hệ tri thức Việt số hóa Nghiên cứu và đề xuất danh mục dữ liệu mở ngành TN&MT, danh mục dữ liệu mở ngành TN&MT tích hợp trên Hệ tri thức Việt số hóa. Xây dựng kiến trúc kho dữ liệu mở ngành TN&MT. Dự thảo các quy định về tích hợp thông tin, dữ liệu mở ngành TN&MT lên Hệ tri thức Việt số hóa, dự thảo các quy định về hệ thống hóa và số hóa thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng kho dữ liệu mở ngành TN&MT.

Số hồ sơ lưu: 21625

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

87058.08-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đảm bảo an ninh mạng cho Đài Tiếng nói Việt Nam trong tình hình mới.**/ KS. Cao Hòa Bình, ThS. Vũ Xuân Cường; KS. Đàm Thị Phương Hoa; ThS. Hoàng Thị Hiếu; KS. Trịnh Văn Tươi; KS. Nguyễn Anh Quân; KS. Nguyễn Đình Tiến; KS. Trịnh Quang Dương; TS. Nguyễn Thu Hương; CN. Nguyễn Hồ Thanh Hương - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài nghiên cứu khoa học nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu về công nghệ bảo mật, các giải pháp an ninh mạng mới. Kết hợp phương pháp khảo sát, đánh giá hiện trạng hệ thống máy tính, hạ tầng kỹ thuật tại Đài Tiếng nói Việt Nam với tổ chức hội thảo chuyên đề trong lĩnh vực an ninh, bảo mật để đề xuất giải pháp phù hợp, hiệu quả cho Đài Tiếng nói Việt Nam. Nhóm nghiên cứu tham khảo, tổng hợp tài liệu nghiên cứu của các hãng bảo mật lớn như: Checkpoint, Kaspersky, Fortinet, Palo Alto, Cisco... và các tổ chức an ninh mạng trong nước như: Cục An toàn thông tin-Bộ TTTT, Bộ Tư lệnh 86-BQP, Cục A05-BCA, BKAV,...

Số hồ sơ lưu: 21611

87059.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng phóng sự tài liệu tại Đài Tiếng nói Việt Nam**/ CN. Vũ Thị Tuyết Mai, CN. Trần Bá Duy; CN. Nguyễn Trần Anh Thu; CN. Hoàng

Thị Phương Trang; ThS. Trần Thị Thanh Hải; ThS. Thái Nguyệt Quế; CN. Nguyễn Thị Minh Ngọc; CN. Trần Việt Cường; CN. Nguyễn Thị Thanh Hương - Hà Nội - Ban Văn hóa - Xã hội (VOV2), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, phân tích về nhu cầu, tâm lý và khả năng tiếp cận của công chúng đối với phóng sự tài liệu nói chung và phóng sự tài liệu trên sóng phát thanh nói riêng; Đánh giá những thuận lợi, khó khăn cũng như những cơ hội đặt ra đối với việc thực hiện phóng sự tài liệu trên các kênh sóng của Đài TNVN trong xu thế phát triển của phát thanh hiện đại. Trên cơ sở phân tích, đánh giá các dữ liệu thu thập được, nhóm nghiên cứu đề xuất quy trình sản xuất phóng sự tài liệu phát thanh và tính khả thi khi áp dụng sản xuất tại các đơn vị/kênh sóng của Đài TNVN. Đề tài cũng đề xuất một số giải pháp để giải quyết những khó khăn, thách thức khi triển khai sản xuất phóng sự tài liệu tại Đài TNVN; Cung cấp thêm những luận cứ khoa học, bổ sung kiến thức mang tính lý luận về phóng sự tài liệu phát thanh phục vụ cho công tác giảng dạy, bồi dưỡng phóng viên.

Số hồ sơ lưu: 21610

87080.08-2023 **Mô hình kênh biến thiên nhanh - không dừng cho truyền thông liên tục giữa các thiết bị dưới nước**/ PGS. TS. Nguyễn Văn Đức, TS. Nguyễn Tiến Hòa; TS. Nguyễn Thu Nga; TS. Nguyễn Quốc Khương; TS. Đỗ Việt Hà; PGS. TS. Nguyễn Hữu Trung; PGS. TS. Hà

Duyên Trung - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2023; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển mô hình kênh không dừng đặc tả các hiệu ứng tán xạ của môi trường truyền sóng cụ thể. Nghiên cứu hướng tiếp cận mới trong mô hình hóa kênh không dừng có khả năng đặc tả được các đặc tính thống kê mong muốn. Đề xuất một mô hình tiêu chuẩn có khả năng hỗ trợ trong việc nghiên cứu các hệ thống thông tin thủy âm. Phát triển công cụ mô phỏng kênh thủy âm dùng cho các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm có thể thay thế các phép đo đặc thực nghiệm nhằm giảm thời gian và chi phí.

Số hồ sơ lưu: 21618

87090.08-2023 **Nghiên cứu giải pháp kết nối định tuyến từ xa (remote peering) sử dụng công nghệ SD-WAN để phát triển mở rộng thành viên kết nối VNIX/** ThS. Nguyễn Trường Giang, KS. Phan Xuân Dũng; KS. Phạm Tuấn Nam - Hà Nội - Trung tâm Internet Việt Nam, 2023; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng hệ thống VNIX và nhu cầu phát triển mở rộng kết nối, nhu cầu phát triển hạ tầng số của các cơ quan, tổ chức, cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ có hệ thống mạng độc lập có nhu cầu kết nối VNIX. Nghiên cứu mô hình, hình thức kết nối định tuyến từ xa (remote peering) cho các điểm IX, xu hướng và tình hình triển khai các giải pháp kết nối định tuyến từ xa (remote

peering) trên thế giới áp dụng cho IX. Nghiên cứu công nghệ mạng diện rộng được định nghĩa bằng phần mềm (SD-WAN) và đánh giá tính tương thích, mức độ khả thi của giải pháp khi áp dụng cho kết nối IX. Đề xuất mô hình, giải pháp kết nối định tuyến từ xa sử dụng công nghệ SD-WAN triển khai cho hệ thống VNIX. Xây dựng mô hình, thử nghiệm và đánh giá giải pháp kết nối định tuyến từ xa sử dụng công nghệ SD-WAN cho VNIX.

Số hồ sơ lưu: 21624

87095.08-2023 **Nghiên cứu, tổng hợp, biên soạn các thuật ngữ, định nghĩa, từ viết tắt về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và số hóa dữ liệu lên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng/** CN. Trương Hạnh Hoa, ThS. Phan Thanh Sơn; ThS. Vũ Thị Tú Quyên; CN. Nguyễn Thị Mai Sinh; CN. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Vũ Thị Thu Phương; KS. Nguyễn Tiến Đông; CN. Phạm Thị Nhung; CN. Nguyễn Quang Hạnh; CN. Cao Việt Bách; ThS. Nguyễn Tùng - Hà Nội - Vụ Hợp tác Quốc tế, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN “Nghiên cứu, tổng hợp, biên soạn các thuật ngữ, định nghĩa, từ viết tắt về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và số hóa dữ liệu lên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” phục vụ ba mục tiêu chính như sau: Một là giúp thống nhất về cách hiểu và sử dụng đúng các thuật ngữ, định nghĩa

và từ viết tắt cơ bản, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả của công tác nghiên cứu, triển khai liên quan trong lĩnh vực TCĐLCL. Hai là tăng cường sự chủ động, rút ngắn thời gian tra cứu các thuật ngữ, định nghĩa và từ viết tắt trong lĩnh vực TCĐLCL. Ba là góp phần tăng cường nhận thức của các cá nhân, tổ chức có quan tâm đến lĩnh vực TCĐLCL, từ đó thúc đẩy việc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực TCĐLCL.

Số hồ sơ lưu: 21650

87096.08-2023 Nghiên cứu xây dựng mô hình và quy định quản lý địa chỉ IP, ASN khi chuyển sang sử dụng hoàn toàn IPv6 ở Việt Nam./ ThS. Nguyễn Thị Oanh, ThS. Nguyễn Hồng Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; KS. Phan Xuân Dũng - Hà Nội - Trung tâm Internet Việt Nam, 2023; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về mức độ cạn kiệt IPv4 và thời điểm cạn kiệt IPv4 hoàn toàn trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APNIC), tại Việt Nam cũng như toàn cầu. Đánh giá tác động đối với của sự phát triển Internet Việt Nam khi IPv4 cạn kiệt hoàn toàn. Tham khảo chính sách quốc tế về việc điều chỉnh mô hình, chính sách, nghiệp vụ sau khi IPv4 cạn kiệt hoàn toàn. Hiện trạng chính sách quản lý IP, ASN Việt Nam; chính sách thúc đẩy IPv6; các vấn đề quản lý, vấn đề chính sách quan trọng liên quan đến tài nguyên IP/ASN và IPv6 gắn với phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng mô hình, đề xuất

quy định quản lý địa chỉ IP, ASN cho giai đoạn cạn kiệt hoàn toàn IPv4 và chuyển sang sử dụng hoàn toàn IPv6 ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21623

87476.08-2023 Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng hệ thống quản lý môi trường trực tuyến tỉnh Yên Bái/ Nguyễn Thanh Hải, TS. Nguyễn Văn Hiểu; KS. Đào Thanh Hồng; ThS. Đinh Thị Thanh Uyên; KS. Nguyễn Hà Phú; KS. Lương Hữu Mạnh; KS. Ronnie Faith Paralejas; ThS. Đỗ Hồng Anh; KS. Khuất Thị Thanh Huyền - Thái Nguyên - Trung tâm Nghiên cứu Địa tin học, 2022; 06/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, thu thập dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý môi trường; Xây dựng phần mềm quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Tổ chức hội thảo khoa học; Đào tạo, chuyển giao sản phẩm của đề tài; Cài đặt và vận hành phần mềm

Số hồ sơ lưu: YBI-03-2022

87477.08-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu vệ tinh xây dựng hệ thống thông tin thời tiết và cảnh báo thiên tai trên địa bàn các huyện phía Tây, tỉnh Yên Bái/ TS. Nguyễn Văn Hiểu, KS. Vũ Hồng Quân; KS. Nguyễn Trần Quang; CN. Hoàng Đình Tiến; KS. Mùi Minh Tùng; KS. Ngô Đức Anh; KS. Dương Văn Huy; ThS. Nguyễn Sơn Hải, - Thái Nguyên - Trung tâm Nghiên cứu Địa tin học, 2022;

10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, thu thập, chuẩn bị dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu thời tiết, thiên tai 4 huyện phía Tây của tỉnh Yên Bái; Xây dựng phần mềm giám sát thời tiết, thiên tai của 4 huyện phía Tây tỉnh Yên Bái; Tổ chức hội thảo khoa học; Cài đặt và vận hành phần mềm; Đào tạo, chuyển giao sản phẩm của đề tài.

Số hồ sơ lưu: YBI-04-2022

87512.08-2023 **Chuyển đổi số các hiện vật tại Bảo tàng tỉnh Yên Bái hình thành Bảo tàng thực tế ảo (VR)/** TS. Nguyễn Văn Huân, ThS. Nguyễn Trần Ánh; TS. Ngô Hữu Huy; TS. Quách Xuân Trường; ThS. Lê Anh Tú; ThS. Lê Thái Sơn; ThS. Đỗ Thị Diệu Thu; CN. Lê Kiều Minh; CN. Đinh Thị Hoài Thu; Cn Hoàng Đình Tiến - Thái Nguyên - Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Phân tích, đánh giá thực trạng về công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị lịch sử văn hóa về các hiện vật, tư liệu tại Bảo tàng tỉnh Yên Bái; Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu, tư liệu và ảnh dữ liệu của các hiện vật, tư liệu tại Bảo tàng tỉnh Yên Bái, hình ảnh về Bảo tàng, không gian trưng bày các hiện vật; Xây dựng được mô hình 3D của các hiện vật, tư liệu hiện đang trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Yên Bái; Xây dựng được cơ sở dữ liệu ảnh 3D của các hiện vật, tư liệu tại Bảo tàng tỉnh Yên Bái; Xây dựng được Hệ thống

phần mềm tham quan ảo các hiện vật, tư liệu tại Bảo tàng tỉnh Yên Bái; Cài đặt và vận hành kiểm thử phần mềm; Hội thảo khoa học xin ý kiến nhận xét và đánh giá khách quan về phần mềm tham quan Bảo tàng ảo; Tập huấn chuyển giao sử dụng phần mềm tham quan bảo tàng ảo.

Số hồ sơ lưu: YBI-08-2022

87516.08-2023 **Nghiên cứu xây dựng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Yên Bái/** CN. Nguyễn Văn Chính, ThS. Nguyễn Viết Tuấn; CN. Trần Thị Vân; CN. Nguyễn Thị Hồng Nhung; CN. Nguyễn Huyền Trang; CN. Phạm Xuân Hoà; CN. Hoàng Thanh Bình; CN. Phạm Thuỳ Linh; KS. Nguyễn Xuân Long - Hà Nội - Công ty cổ phần iCheck, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá thực trạng triển khai, quản lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Yên Bái; Thu thập thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Nghiên cứu, phân tích, thiết kế hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Xây dựng 6 mô hình điểm để hỗ trợ triển khai truy xuất nguồn gốc, đăng ký mã số, mã vạch và tem truy xuất nguồn gốc; Hội thảo khoa học; Tổ chức Tập huấn chuyển giao công nghệ.

Số hồ sơ lưu: YBI-08-2022

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

86168.08-2023 **Nghiên cứu công nghệ và dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột, tinh bột biến tính và đường trehalose từ khoai lang/** TS. Nguyễn Mạnh Đạt , ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền ; PGS. TS. Lê Đức Mạnh; ThS. Bùi Thị Hồng Phương ; ThS. Nguyễn Thị Hồng Lĩnh ; KS. Chu Thắng ; TS. Đỗ Thị Thủy Lê; PGS. TS. Vũ Nguyên Thành ; ThS. Nguyễn Thị Thu ; TS. Trần Đức Long - Hà Nội - Viện Công nghiệp Thực phẩm , 2022; 01/2018 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu công nghệ và dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột từ khoai lang quy mô 1 tấn nguyên liệu/mẻ. Nghiên cứu công nghệ và dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột biến tính từ khoai lang bằng phương pháp enzyme và sản xuất enzyme trehalose synthase tái tổ hợp. Nghiên cứu công nghệ và dây chuyền thiết bị sản xuất đường chức năng trehalose từ khoai lang bằng phương pháp enzyme. Ứng dụng tinh bột khoai lang trong sản xuất bánh pudding (tỷ lệ tinh bột khoai lang 10-20%). Ứng dụng tinh bột biến tính từ khoai lang trong sản xuất váng sữa lên men (tỷ lệ tinh bột biến tính 5-15%).

Số hồ sơ lưu: 21199

86905.08-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Đà Nẵng/** KS. Lê Ngọc Vương, ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; KS. Nguyễn Vũ; CN. Trần Thị

Thắm; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; KS. Nguyễn Đức Huỳnh; CN. Huỳnh Hoài Nam - Đà Nẵng - Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Tư vấn chuyển giao công nghệ Đà Nẵng, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tưới tiết kiệm nước trên cây rau; tưới tiết kiệm nước trên cây hoa; tưới tiết kiệm nước trên cây ăn quả; tưới tiết kiệm nước trên cây dược liệu được Tổ chức chủ trì tiếp thu và làm chủ. Khảo sát đánh giá thực trạng sử dụng nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp tại huyện Hòa Vang. Đào tạo, chuyển giao các quy trình công nghệ tưới tiết kiệm nước để triển khai xây dựng các mô hình của dự án. Xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước cho cây rau, cây dược liệu, hoa và cây ăn quả.

Số hồ sơ lưu: 21542

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

86184.08-2023 **Hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo loạt nhỏ bình nước nóng năng lượng mặt trời dùng ống nhiệt thủy tinh chân không/** TS. Võ Huy Hoàn, PGS.TS. Bùi Hải; PGS.TS. Trần Thế Sơn; TS. Trương Nam Hưng; TS. Bùi Mạnh Tú; ThS. Nguyễn Quốc Uy; ThS. Vũ Văn Minh; ThS. Phùng Thị Xuân Bình; KS. Lã Văn Thắng; ThS. Phạm Văn Hải; KS. Phạm Quang Chính; KS. Trần Văn Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2022; 01/2012 - 12/2013. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đơn vị sản xuất thử nghiệm đã nghiên cứu, tính toán, hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo và sản xuất bình nước nóng mặt trời loại nhỏ kiểu mới dùng ống nhiệt thủy tinh chân không nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm chất lượng cao, phục vụ chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng. Trong quá trình nghiên cứu lý thuyết, tính toán thiết kế, đơn vị sản xuất đã hoàn thiện công nghệ thiết kế chế tạo bình nước nóng mặt trời loại nhỏ công nghệ mới dùng ống nhiệt thủy tinh chân không với hiệu suất cao có các mức công suất lớn nhiệt và dung tích bình chứa khác nhau, Tuy nhiên, trong quá trình chế tạo sản xuất thực tế, trên cơ sở áp dụng công nghệ mới - Công nghệ ống nhiệt thủy tinh chân không - vào dây chuyền sản xuất bình nước nóng công nghệ cũ - Bình nước nóng năng lượng mặt trời ống thủy tinh chân không, với mục đích giảm tối thiểu giá thành sản phẩm, phù hợp với nhu cầu sử dụng của người dân, tăng tính cạnh tranh trên thị trường khi đưa vào sản xuất thương mại,

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-46/ĐK-TTTT&TK

86844.08-2023 **Nâng cao hiệu năng mạng điện kích cỡ lớn có sự phối hợp các nguồn năng lượng tái tạo/** PGS. TS. Dương Minh Quân, TS. Nguyễn Hồng Việt Phương; PGS. TS. Đinh Thành Việt; TS. Lê Hồng Lâm; GS. TS. Lê Kim Hùng; ThS. Võ Văn Phương; TS. Nguyễn Trung thắng; KTV. Lê Tuấn - Hà Nội - Đại học Đà Nẵng, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng các thuật toán tối ưu heuristic để thực hiện phân bố công suất trên mạng điện. Phân tích tác động của các nhà máy điện tái tạo (ví dụ: gió, mặt trời, thủy điện) đến hiệu năng mạng kích cỡ lớn như tối ưu hóa việc vận hành mạng. Khảo sát các công trình nghiên cứu trước đây để tổng hợp các lý thuyết, khái niệm cơ bản, các kết quả thực nghiệm và mô phỏng trong các nội dung nghiên cứu của đề tài. Dự báo và đề xuất giải pháp nâng cao độ tin cậy mạng điện trong trường hợp tích hợp nguồn năng lượng tái tạo.

Số hồ sơ lưu: 21519

86952.08-2023 **Bộ nhớ từ trở tích hợp sử dụng hiệu ứng truyền tải spin: Một công nghệ mới triển vọng để xây dựng hệ thống tính toán hiệu suất cao và tiết kiệm năng lượng/** TS. Trịnh Quang Kiên, Phó giáo sư. Tiến sỹ. Hoàng Văn Phúc; Tiến sỹ. Lương Duy Mạnh; Tiến sỹ. Vũ Hoàng Gia; Tiến sỹ. Đào Đình Hà; Thạc sỹ. Dương Quang Mạnh; Thạc sỹ. Trần Văn Toàn - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 07/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mở rộng chức năng của STT-MRAM bằng cách thay đổi ngoại vi bộ nhớ để có thể hỗ trợ các phép toán logic/số học trong khi vẫn giữ nguyên cấu trúc mảng bộ nhớ và ô nhớ. Cụ thể, những sửa đổi này phải chịu cho phí tối thiểu cho năng

lượng và độ trễ tối thiểu và đáp ứng yêu cầu mạnh mẽ. Thực hiện và đánh giá tác động của kiến trúc LiM với việc sử dụng STT-MRAM. Đề xuất đề cập đến các vấn đề chính trong kỹ thuật mạch để tăng cường độ tin cậy của STT-MRAM với hỗ trợ các phép toán logic/số học trong bộ nhớ và việc thực hiện và đánh giá khái niệm LiM ở mức hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 21550

87076.08-2023 **Phát triển hệ định vị SONAR chủ động sử dụng vật liệu gốm và thiết bị thủy âm/ PGS. TS. Nguyễn Văn Đức, TS. Đặng Đức Dũng; TS. Nguyễn Quốc Khương; PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Phạm Văn Tiến; TS. Trương Văn Thuận; TS. Nguyễn Tiến Hòa; TS. Lương Hữu Bắc; TS. Nguyễn Hoàng Thoan; TS. Ngô Đức Quân - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2022; 11/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm chủ quy trình công nghệ chế tạo vật liệu gốm áp điện nền chì và không chì. Làm chủ công nghệ chế tạo các linh kiện chuyển đổi điện cơ dựa trên vật liệu gốm áp điện. Làm chủ công nghệ chế tạo thiết bị Transducer, Hydrophone ứng dụng trong kỹ thuật thủy âm và SONAR trong nước. Thiết kế chế tạo hệ thống định vị vật thể dưới nước (SONAR) chủ động, ứng dụng Transducer dựa trên cơ sở vật liệu gốm áp điện có tần số làm việc ở khoảng 10 kHz – 60 kHz với cự ly

phát hiện mục tiêu khoảng 100 m, sử dụng công nghệ quét hai chiều. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ vật liệu và hệ thống thông tin thủy âm.

Số hồ sơ lưu: 21640

87081.08-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và đưa vào vận hành hệ thống thải khói cho nhà máy nhiệt điện chạy than có công suất tổ máy đến khoảng 600MW/ KS. Phạm Trung Thành, KS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Đinh Viết Hải; KS. Nguyễn Thế Nam; KS. Bùi Minh Sơn; KS. Mai Duy Vũ; KS. Vũ Trọng Thiết; KS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Ngô Hồng Đăng; ThS. Dương Tiến Diễn; ThS. Trương Thanh Tuấn; ThS. Nguyễn Thành Long; KS. Hoàng Đức Việt; ThS. Phạm Hải Nam; ThS. Đỗ Văn Hà; KS. Phan Duy Kỳ; ThS. Ngô Viết Thụ; ThS. Mai Văn Nguyên; ThS. Nguyễn Anh Đức; KS. Nguyễn Công Đức; KS. Nguyễn Thị Phương Liên; KS. Trương Ngọc Tú; KS. Lê Trung Hiếu - Hà Nội - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, 2022; 12/2015 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Từng bước tiến tới làm chủ công tác nghiên cứu, thiết kế hệ thống thải khói nhà máy nhiệt điện đốt than, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa; Làm chủ được quy trình chế tạo, xây lắp, quy trình thử nghiệm, chạy thử, vận hành và bảo dưỡng hệ thống thải khói nhà máy nhiệt điện đốt than; Thay đổi, phát triển linh hoạt để áp dụng kết quả nghiên cứu KH-CN vào các Dự

án tương tự khác; Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chuyên sâu về tư vấn thiết kế, chế tạo, vận hành và quản lý hệ thống thải khói nhà máy nhiệt điện đốt than; Thiết kế và chế tạo được 01 hệ thống thải khói, lắp đặt và vận hành tại nhà máy nhiệt điện đốt than công suất tổ máy đến 600MW

Số hồ sơ lưu: 21639

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

87078.08-2023 **Các hợp chất furan no giàu năng lượng từ phế liệu gỗ/** PGS. TS. Lê Quang Diễn, TS. Nguyễn Trung Thành; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Nguyễn Hoàng Chung; TS. Giang Thị Phương Ly; TS. Phạm Tuấn Anh - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2023; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tiền thủy phân phế liệu gỗ bằng axit sunfuric loãng và đường hóa phế liệu gỗ sử dụng enzyme. Chuyển hóa dịch đường C5 thành furfural sử dụng xúc tác axit rắn từ tính. Chuyển hóa dịch đường C6 thành 5-HMF sử dụng xúc tác axit rắn từ tính. Tổng hợp 2-methylfuran từ furfural ở nhiệt độ thấp trong môi trường propanol/butanol. Tổng hợp 2,5-dimethylfuran từ 5-HMF ở nhiệt độ thấp trong môi trường propanol/butanol.

Số hồ sơ lưu: 21621

20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

86870.08-2023 **Chế tạo vật liệu Graphenen và TiO₂ pha tạp nito bằng phương pháp điện hóa siêu âm ứng dụng xử lý môi trường và quang điện hóa tách nước/** PGS. TS. Đặng Văn Thành, TS. Nguyễn Văn Chiến; TS. Hà Xuân Linh; PGS. TS. Nguyễn Nhật Huy; TS. Nguyễn Đắc Trung; ThS. Phạm Văn Hảo; ThS. Nguyễn Thị Khánh Vân - Thái Nguyên - Trường Đại học Y-Dược, 2022; 12/2018 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm ra quy trình mới để chế tạo thành công vật liệu Nitrogen-Doped Graphene nanosheets, Nitrogen-Doped TiO₂ dạng hạt nano, cũng như tổ hợp của chúng bằng phương pháp điện hóa siêu âm. Tìm ra quy trình điều khiển các phản ứng trên bề mặt các điện cực để chế tạo vật liệu tổ hợp graphene/TiO₂ bằng phương pháp điện hóa siêu âm. Tìm ra cơ chế mới để quang xúc tác phân hủy xanh methylene và khí NO_x sử dụng Nitrogen-Doped TiO₂ dạng hạt nano và vật liệu tổ hợp graphene/TiO₂.

Số hồ sơ lưu: 21537

20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim

87120.08-2023 **Nghiên cứu giảm biến dạng trong quá trình nhiệt luyện thép SKD61 trên lò tôi chân không/** TS. Hoàng Anh Tuấn, KS. Nguyễn Tiến Trình; KS. Ngô Bảo Trung; KS. Nguyễn Quốc Toàn; CN. Nguyễn Vinh Ngọc; KS. Nguyễn

Thanh Tùng; KS. Đồng Xuân Thái; KS. Trương Văn Doan; KS. Phan Khắc Hùng; Cao Văn Quang - Hà Nội - Viện Công nghệ - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu những lý thuyết về quá trình nhiệt luyện và ảnh hưởng của quá trình này đến kích thước chi tiết. Nghiên cứu những tài liệu và báo cáo về sự biến dạng và thay đổi kích thước vật liệu trong quá trình nhiệt luyện trong nước và ngoài nước. Tổng hợp những nguyên nhân chính dẫn đến sự biến dạng và thay đổi kích thước này, đặc biệt là đối với vật liệu SKD61. Thiết lập thông số quá trình mô phỏng mẫu vật liệu SKD61 để xác định những yếu tố gây biến dạng và thay đổi kích thước mẫu trong quá trình nhiệt luyện. Từ các kết quả thu được khi nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu tài liệu trong nước và ngoài nước, mô phỏng quá trình nhiệt luyện, tiến hành xây dựng quy trình nhiệt luyện phù hợp cho các mẫu thí nghiệm. Thí nghiệm nhiệt luyện trên mẫu chữ C (mẫu vành khuyên), mẫu phẳng. Tổng hợp kết quả thí nghiệm nhiệt luyện bao gồm: sự thay đổi kích thước, độ cứng, độ dai va đập. Lựa chọn những thông số nhiệt luyện mang đến sự thay đổi kích thước mẫu nhỏ nhất và độ cứng, độ dai va đập tốt nhất. Dựa vào đó xây dựng quy trình nhiệt luyện phù hợp cho sản phẩm khuôn rèn cang lái chế tạo bằng vật liệu SKD61.

Số hồ sơ lưu: 21655

20507. Vật liệu xây dựng

87066.08-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn Kết cấu bê tông - Thi công và nghiệm thu theo định hướng mới/** TS. Đỗ Tiến Thịnh, TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Hoàng Anh Giang; ThS. Ngô Mạnh Toàn; ThS. Đặng Trọng Thăng; ThS. Nguyễn Hồng Sơn; ThS. Đỗ Trần Hùng; ThS. Hà Văn Hạnh; ThS. Vũ Ngọc Luyện; KS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Sưu tầm, nghiên cứu tổng quan một số tiêu chuẩn thi công kết cấu bê tông cốt thép và các tiêu chuẩn liên quan trên thế giới. Nghiên cứu thực trạng tiêu chuẩn thi công bê tông cốt thép tại Việt Nam. Biên dịch tiêu chuẩn gốc BS EN 13670 : 2009, nghiên cứu nội dung của tiêu chuẩn gốc, thu thập, nghiên cứu các tài liệu, tiêu chuẩn Việt Nam và châu Âu liên quan đến thi công nghiệm thu kết cấu bê tông, tiến hành đánh giá, so sánh kết hợp với nghiên cứu riêng cho điều kiện xây dựng ở Việt Nam, từ đó đưa ra các điều chỉnh, bổ sung cho các nội dung tiêu chuẩn để phù hợp với điều kiện xây dựng của Việt Nam, sau đó lấy ý kiến các chuyên gia, hoàn thiện Báo cáo tổng kết, Dự thảo và thuyết minh tiêu chuẩn.

Số hồ sơ lưu: 21641

87075.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng các hệ lớp phủ có độ bền cao**

để bảo vệ các công trình bê tông cốt thép làm việc trong môi trường ven biển/ PGS. TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, ThS. Đinh Thị Hằng; TS. Nguyễn Tài Thái; ThS. Văn Tú Anh; CN. Bùi Đăng Bình; ThS. Trần Hương Thực; TS. Lê Thanh Hòa; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn 02 hệ lớp phủ có độ bền cao với lớp phủ ngoài cùng trên cơ sở polyuretan, polyme fluor và silicon để bảo vệ các công trình bê tông cốt thép làm việc trong môi trường ven biển (có áp dụng 01 loại sơn phủ nghiên cứu) và sơn lót dạng màng phủ trên cơ sở nhựa epoxy/nhựa vinylester/acrylic và dạng thấm tẩm trên cơ sở nhựa silan/silicat. Xây dựng được chỉ dẫn thiết kế, thi công và nghiệm thu 02 hệ lớp phủ có độ bền cao để bảo vệ các công trình bê tông cốt thép làm việc trong môi trường ven biển cho xây dựng mới và duy tu sửa chữa.

Số hồ sơ lưu: 21647

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ

87153.08-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm sơn phủ gầm ô tô phù hợp điều kiện Việt Nam/** KS. Lưu Mạnh Hùng, TS. Võ Hoàng Tùng; TS. Lã Đức Dương - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ HTChem, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về vấn đề có liên quan. Đánh giá thực trạng nghiên cứu, sản xuất, phân tích nhược điểm, hạn chế của sơn phủ gầm DEVI thế hệ thứ nhất do công ty sản xuất. Nghiên cứu công nghệ sản xuất sơn phủ gầm ô tô. Nghiên cứu hoàn thiện công thức sơn phủ gầm ô tô DEVI. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất và sản xuất thử nghiệm sơn phủ gầm ô tô thế hệ 2. Sản xuất thử nghiệm trên dây chuyền sản xuất của Công ty, hoàn thiện quy trình sản xuất sơn phủ gầm ô tô DEVI thế hệ 2. Thi công thử sản phẩm sơn phủ gầm ô tô DEVI thế hệ 2 và đánh giá tính năng kỹ thuật sản phẩm, hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.014

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

86183.08-2023 **Nghiên cứu công nghệ và sản xuất thiết bị tách sợi tự nhiên từ bẹ chuối, lá dừa bằng phương pháp cơ học tạo nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ/** PGS.TS. Vũ Huy Đại, ThS. Nguyễn Thị Loan; PGS.TS. Tạ Thị Phương Hoa; ThS. Lê Xuân Ngọc; TS. Nguyễn Như Ngọc; TS. Vũ Mạnh Hải; KS. Vũ Văn Minh; KS. Đinh Minh Trí; KS. Dương Hồng Cường; KS. Nguyễn Tuấn Phan; ThS. Nguyễn Thị Yên; TS. Tống Thị Phụng; ThS. Nguyễn Thế Nghiệp; TS. Hoàng Sơn; ThS. Bùi Đình Toàn; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; KS. Vũ Thị Ngoan; KS. Nguyễn Thị Hồng

Hạnh; KS. Trần Hoàng Anh; KS. Nguyễn Đăng Tuấn; TS. Trần Công Chi - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 10/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đặc điểm chung hàng thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu sợi tự nhiên ở nước ta; Tổng hợp và phân tích được một số kết quả nghiên cứu và sử dụng sợi chuối, lá dứa sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ ở trên thế giới. Đề xuất một số lĩnh vực ưu tiên sử dụng bẹ chuối, lá dứa sản xuất một số hàng thủ công mỹ nghệ chủ yếu ở nước ta. Xây dựng 02 quy trình công nghệ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ bẹ chuối, lá dứa. Các quy trình công nghệ bao gồm nhiều quy trình nhỏ: tách sợi; xử lý tẩy trắng, nhuộm màu, xe sợi; kỹ thuật đan tạo hàng thủ công mỹ nghệ. Tổ chức khóa tập huấn và chuyển giao công nghệ tách sợi từ bẹ chuối, lá dứa làm hàng thủ công mỹ nghệ tại làng nghề xã Phú Nghĩa.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-07/ĐK-TTTT&TK

86894.08-2023 Hoàn thiện công nghệ sản xuất nhựa kháng khuẩn ứng dụng trong một số sản phẩm nhựa gia dụng cao cấp./ ThS. Nguyễn Thị Liên Phương, ThS. Nguyễn Thị Huế; TS. Hoàng Tuấn Hưng; TS. Nguyễn Thị Minh; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Phạm Thị Thu Hà; TS. Phạm Thu Trang; KS. Lê Văn Đức; KS. Lê Thị Mai; CN. Nguyễn Đình Chính; TS. Nguyễn Phi Trung; TS. Nguyễn Trung Đức; CN. Dương Thu Hiền; CN. Đỗ Công Hoan; KS. Ngô Thị Hằng; KS.

Nguyễn Văn Kiên; ThS. Lê Thị Băng; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; KS. Phạm Thanh Sơn; KS. Vũ Ngọc Hải; KS. Dương Ngô Vụ; KS. Bùi Thị Hương; TS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Nguyễn Thị Thức; KS. Nguyễn Thiện Hải; ThS. Lưu Thị Xuyên - Hà Nội - Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội, 2019; 10/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo phụ gia kháng khuẩn zeolit - Ag quy mô 2kg/mẻ. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất hạt nhựa kháng khuẩn. Xây dựng dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất hạt nhựa kháng khuẩn công suất 30kg/giờ. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất một số sản phẩm nhựa gia dụng chất lượng cao có tính kháng khuẩn. Xây dựng Bộ hồ sơ Tiêu chuẩn cơ sở cho hạt nhựa kháng khuẩn và sản phẩm nhựa gia dụng kháng khuẩn. Đào tạo, tập huấn, hội thảo.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-17/ĐK-TTTT&TK

87068.08-2023 Nghiên cứu chế tạo vật liệu cấu trúc phi tinh thể cơ sở Al bằng phương pháp hợp kim hóa cơ học và thiêu kết xung điện plasma/ PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt, TS. Hoàng Thị Ngọc Quyên; PGS. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh; TS. Lê Hồng Thắng; TS. Nguyễn Cao Sơn; ThS. Đỗ Nam Bình - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật vật liệu, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về hợp kim phi tinh thể hệ Al-TM/RE. Chế tạo

và đánh giá bột hợp kim cấu trúc vô định hình hệ Al-TM/RE cụ thể là nghiên cứu sự ảnh hưởng của thời gian nghiền và chế độ xử lý nhiệt đến quá trình hình thành pha vô định hình trong vật liệu. Đánh giá mẫu khối trong quá trình thiêu kết SPS như sự ảnh hưởng của nhiệt độ và áp lực thiêu kết đến tổ chức và cơ tính. Độ bền nén của mẫu khối có cấu trúc vô định hình đạt ≥ 700 MPa. Chế tạo và đánh giá bột hợp kim cấu trúc giả tinh thể hệ Al-TM cụ thể: ảnh hưởng của thời gian nghiền và chế độ xử lý nhiệt đến quá trình hình thành pha cấu trúc giả tinh thể trong vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 21648

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

84973.08-2023 **Hoàn thiện công nghệ, thiết bị tái chế rác thải nhựa sản xuất sản phẩm nhựa phục vụ nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng/** Cn. Nguyễn Việt Thanh, ThS. Lê Hồng Quang; ThS. Lê Đăng Tuấn; ThS. Trần Đăng Thành; KS. Nguyễn Văn Tiêm; ThS. Nguyễn Ngọc Thảo; CN. Lê Xuân Nhất; ThS. Phạm Quốc Thành; ThS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Lê Thị Mùi; CN. Mai Thị Hương; ThS. Phạm Mạnh Hùng; ThS. Đoàn Khả Phú; CN. Lê Ngọc Hùng; CN. Phạm Thị Hòa; CN. Nguyễn Thị Hoa - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Tân Thanh Phương, 2021; 05/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, hoàn thiện được công nghệ, thiết bị tái chế rác thải nhựa PVC sản xuất sản phẩm nhựa phục

vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường bao gồm: Hoàn thiện quy trình tái chế rác thải nhựa PVC sản xuất ống nước có hàm lượng nhựa nguyên sinh tối thiểu 75%, đạt chất lượng theo quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD. Xây dựng các quy trình tái chế rác thải nhựa PVC sản xuất sản phẩm nhựa (gồm: phào chỉ, ống gen, tấm giả gỗ, tấm giả đá ốp lát) đảm bảo nhựa PVC tái sinh có hàm lượng nhựa nguyên sinh tối thiểu 75%. Sản xuất 300 tấn sản phẩm nhựa các loại (trong đó: 150 tấn ống nước đạt chất lượng theo quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD; 150 tấn các sản phẩm: phào chỉ, ống gen, tấm giả gỗ, tấm giả đá ốp lát).

Số hồ sơ lưu: THA-007-2022

86909.08-2023 **Nghiên cứu đánh giá khả năng chuyển đổi công nghệ của một số ngành công nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường trong điều kiện hội nhập quốc tế/** TS. Trần Thị Thu Lan, TS. Phan Quang Thăng; TS. Trần Phương Hà; TS. Văn Diệu Anh; TS. Phan Đỗ Hùng; TS. Phạm Thị Hải Thịnh; TS. Đào Thành Dương; KS. Đỗ Thị Linh; ThS. Đinh Văn Viện; ThS. Phạm Phương Hạnh; ThS. Phùng Đức Hiếu - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2022; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng công nghệ và khả năng đáp ứng các quy chuẩn về môi trường của 03 ngành công nghiệp: sản xuất thép, giấy và dệt nhuộm. Đánh giá khả năng và lộ trình cải tiến, đổi mới công nghệ của

các cơ sở nhằm đáp ứng quy chuẩn về môi trường theo hướng hội nhập quốc tế. Đánh giá hiện trạng công nghệ của các ngành sản xuất thép, sản xuất giấy và bột giấy, dệt nhuộm và đánh giá được hiện trạng xử lý nước thải tại các nhà máy đi khảo sát thuộc 03 ngành sản xuất thép, sản xuất giấy và bột giấy, dệt nhuộm. Rà soát các quy định pháp luật trong và ngoài nước về xử lý nước thải công nghiệp nói chung và nước thải của 03 ngành thép, sản xuất giấy và bột giấy, dệt nhuộm.

Số hồ sơ lưu: 21546

86948.08-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất biện pháp kiểm soát và khai thác hiệu quả nguồn nước sinh hoạt gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại một số khu vực khan hiếm nước vùng núi phía Bắc/** ThS. Tô Đức Hiện, ThS. Cao Hồng Kỳ; KS. Phạm Thị Hiền; CN. Phạm Thị Hồng Lan; CN. Phạm Thị Hường; CN. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Ngô Phương Lan; Ông. Hà Đình Uy; Ông. Hoàng Anh Tuấn - Hà Giang - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hà Giang, 2022; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng, làm rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát và khai thác sử dụng các nguồn nước sinh hoạt khu vực khan hiếm nước tỉnh Hà Giang. Đánh giá thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước sinh hoạt

một số khu vực khan hiếm nước vùng núi phía Bắc trường hợp điển hình tại tỉnh Hà Giang. Đề xuất biện pháp can thiệp nhằm kiểm soát và khai thác hiệu quả các nguồn nước sinh hoạt gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu khu vực khan hiếm nước sinh hoạt vùng núi phía Bắc, trường hợp điển hình tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 21548

20704. Viễn thám

85866.08-2023 **Giám sát, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản tại một số tỉnh trọng điểm phía Bắc bằng công nghệ kết hợp ảnh viễn thám và ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái/** ThS. Lê Minh Huệ, CN. Vũ Thị Thanh Hiền; ThS. Lê Ngọc Xuyên; ThS. Trần Tuấn Đạt; TS. Đỗ Thị Phương Thảo; TS. Vũ Phương Lan; ThS. Phạm Phú Ninh; ThS. Bùi Xuân Tiến; TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Phạm Ngọc Sơn - Hà Nội - Đài Viễn thám Trung ương, 2022; 06/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về giám sát, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản bằng công nghệ kết hợp ảnh viễn thám và ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái. Cách tiếp cận và phương pháp giám sát hoạt động khai thác khoáng sản bằng công nghệ kết hợp ảnh viễn thám và ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái. Các quy trình công nghệ được thử nghiệm trong dự án sản xuất thử nghiệm. Thử nghiệm và sản phẩm giám sát, kiểm soát

hoạt động khai thác khoáng sản bằng công nghệ kết hợp ảnh viễn thám và ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái.

Số hồ sơ lưu: 21216

87022.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu viễn thám đa thời gian trong giám sát sự biến động hệ thực vật vùng ven biển (vùng chuyển tiếp giữa lục địa và biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển)/** TS. Nguyễn Văn Hùng, ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Đào Thu Hằng; ThS. Trần Tuyết Mai; TS. Trần Thanh Hà; ThS. Lê Thị Hải Như; ThS. Đồng Văn Thư; ThS. Hoàng Thị Bình; ThS. Tăng Quốc Cường; ThS. Phan Minh Thụ - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dữ liệu viễn thám, 2022; 07/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và lựa chọn phương pháp và quy trình công nghệ phù hợp để giám sát biến động hệ thực vật vùng ven biển sử dụng ảnh viễn thám đa thời gian. Xác định biến động lớp phủ thực vật dưới nước ven bờ (rong biển, cỏ biển) và hệ thực vật vùng đất ven biển (rừng ngập mặn và hệ thực vật nông nghiệp) tại khu vực nghiên cứu ở Khánh Hòa giai đoạn 2013-2017, 2017- 2021 và 2013-2021. Phân tích nguyên nhân, sự biến động hệ thực vật ven bờ khu vực tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở khảo sát thực tế và kết quả nghiên cứu của đề tài. Xây dựng quy trình và thuật toán phù hợp trong giám sát biến động hệ thực vật vùng ven biển sử dụng ảnh viễn thám đa thời gian.

Số hồ sơ lưu: 21597

87117.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ địa không gian xây dựng dữ liệu không gian địa lý 3D cho thành phố thông minh ven biển phù hợp với điều kiện Việt Nam, thí điểm tại khu vực thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh./** PGS. TS. Nguyễn Văn Trung, TS. Phạm Thị Làn; TS. Nguyễn Văn Nam; ThS. Lê Văn Cảnh; ThS. Phạm Thị Thanh Hòa; TS. Trần Thanh Hà; TS. Lê Thị Thu Hà; TS. Tống Sĩ Sơn; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Đoàn Thị Nam Phương - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở khoa học và qui trình ứng dụng công nghệ địa không gian xây dựng dữ liệu không gian địa lý 3D thành phố thông minh ven biển; Xây dựng được dữ liệu không gian địa lý 3D và dữ liệu hệ GIS về hệ thống cây xanh đô thị cho một khu vực (diện tích 1 km²) của thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Đề xuất được các giải pháp ứng dụng dữ liệu không gian địa lý 3D trong quản trị, quản lý và giám sát đô thị thông minh ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 21658

20799. Kỹ thuật môi trường khác

87047.08-2023 **Nghiên cứu đánh giá mức độ đóng góp của các dạng nguồn thải đến bụi PM_{2.5} trong không khí ở thành phố Hà Nội/** TS .Bùi Thị Hiếu, ThS. Ứng Thị Thúy Hà; PGS.TS. Nguyễn Đức Lượng;

ThS. Bùi Quang Trung; ThS. Nguyễn Hoàng Hiệp; CN. Đỗ Hoàng Dương; CN. Trần Ngọc Minh; CN. Nguyễn Bình Minh; CN. Đặng Thị Thùy Trang - Hà Nội - Viện khoa học và kỹ thuật môi trường, 2022; 04/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, phân tích và đánh giá mức độ ô nhiễm và sự biến đổi về nồng độ khối lượng của bụi PM_{2.5} và các thành phần hóa học (ion, nguyên tố, cacbon) của bụi PM_{2.5} theo mùa mưa và mùa khô ở thành phố Hà Nội. Nghiên cứu, phân tích kết hợp các số liệu quan trắc bụi PM_{2.5}, số liệu khí tượng, và kết quả mô hình hóa (mô hình nơi tiếp nhận; mô hình chuyển động ngược của khối không khí) để nhận dạng các nguồn thải và xác định mức độ đóng góp của chúng đến bụi PM_{2.5} trong không khí ở thành phố Hà Nội. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chính sách góp phần kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm bụi PM_{2.5} trong không khí ở thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 21612

20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung

87715.08-2023 Nghiên cứu chế tạo thiết bị lọc loại bỏ các chất ô nhiễm trong nước sinh hoạt cho mô hình trường học và đồn Biên phòng vùng cao tỉnh Lào Cai./ Đào Ngọc Nhiệm, TS Phạm Ngọc Chức; PGS.TS Lưu Minh Đại; TS Vũ Thế Ninh; Th.S Đoàn Trung Dũng; Th.S Nguyễn Thị Hà Chi; Th.S Đào Ngọc Hoàn; CN. Nguyễn Thị Hương Huế; Th.S Nguyễn Quang Bắc -

Viện Khoa học Vật liệu - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2023; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát lấy mẫu phân tích tại các điểm trường học và đồn biên phòng vùng cao tại tỉnh Lào Cai; Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano oxit hỗn hợp Fe – Mn trên nền silicagel; Nghiên cứu đánh giá khả năng hấp phụ một số kim loại nặng độc hại như sắt, mangan, asen trên vật liệu nano oxit hỗn hợp Fe – Mn trên nền silicagel được tổng hợp ở điều kiện tối ưu; Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano bạc trên nền than hoạt tính; Nghiên cứu đánh giá khả năng hấp phụ tổng hữu cơ (TOC) và diệt khuẩn E.coli, Coliform của vật liệu nano bạc trên nền than hoạt tính; Nghiên cứu hấp phụ kim loại nặng độc hại như sắt, mangan, asen trên cột bằng vật liệu hấp phụ nano oxit hỗn hợp Fe – Mn trên nền silicagel; Nghiên cứu hoạt hóa vật liệu trao đổi ion bằng dung dịch axit HCl và HNO₃ để tăng hiệu quả xử lý nước nhiễm Ca²⁺ và Mg²⁺; tích như cốc 100ml, 250ml, 500ml, 1000 ml.; Nghiên cứu đánh giá khả năng trao đổi ion Ca²⁺, Mg²⁺ của vật liệu trao đổi ion đã hoạt hóa; Chạy thử nghiệm trên hệ thiết bị mô phỏng trong phòng thí nghiệm với mẫu lấy từ Lào Cai;

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-0452

20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)

87089.08-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá độ an toàn của chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo vệ môi trường/ ThS. Phạm Thị Kiều Oanh, TS. Trần Quốc Trọng; ThS. Nguyễn Thị Thiên Phương; ThS. Nguyễn Thị Phương Linh; TS. Nguyễn Sỹ Nguyên; PGS.TS. Đỗ Thị Thảo; CN. Nguyễn Việt Thắng; ThS. Nguyễn Thị Cúc; ThS. Hà Trọng Ngọc; ThS. Triệu Hà Phương - Hà Nội - Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, 2022; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan tình hình sử dụng, quản lý chế phẩm sinh học trong bảo vệ môi trường trong nước và trên thế giới. Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, năng lực cán bộ nghiên cứu tại những phòng thí nghiệm sinh học Việt Nam có khả năng đánh giá độ an toàn chế phẩm sinh học. Đề xuất các tiêu chí đánh giá độ an toàn theo 3 cấp độ gồm cấp độ 1 là độc tính cấp tính; cấp độ 2 là độc tính sinh sản và cấp độ 3 là độc tính hệ sinh thái. Nghiên cứu thử nghiệm, đánh giá được độ an toàn của chế phẩm sinh học tương ứng với từng cấp độ an toàn dành cho chế phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tiến tới xây dựng Dự thảo Bộ tiêu chí đánh giá độ an toàn cho các chế phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21598

87656.08-2023 Nghiên cứu xác định lượng phát thải các chất gây ô nhiễm không khí, các khí nhà kính từ hoạt động giao thông vận tải và sản xuất công nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đề xuất giải pháp giảm nhẹ phát thải/ TS. Hà Quang Anh, TS. Nguyễn Hùng Minh; ThS. Lý Việt Hùng; ThS. Trần Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Đỗ Văn Anh; ThS. Đỗ Lê Chinh; CN. Hoàng Thanh Tâm; ThS. Mai Quốc Trị; ThS. Nguyễn Trường Tuấn. - Hà Nội - Trung tâm Phát triển các-bon thấp, 2023; 01/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, điều tra, thống kê hiện trạng các chất gây ô nhiễm không khí và phát thải khí nhà kính từ hoạt động giao thông vận tải, hoạt động sản xuất xi măng và nguồn phát thải lớn khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Đề xuất lộ trình quản lý và giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất xi măng, giao thông vận tải và các nguồn phát thải lớn khác trên cơ sở xác định và thống nhất các thông số ô nhiễm không khí phù hợp mục tiêu về kiểm soát phát thải khí nhà kính và ô nhiễm không khí.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-008-2023

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

86863.08-2023 **Nghiên cứu cảm biến sinh học trên cơ sở vật liệu nano lai MoS₂/AgNPs và MoS₂/PANI nhằm xác định nồng độ glucose/** TS. Vũ Văn Thù, PGS. TS. Phương Đình Tâm; TS. Nguyễn Thị Thuỷ; TS. Hoàng Lan; ThS. Vũ Thị Phương Thuý; TS. Nguyễn Thị Nguyệt - Hà Nội - Trường Đại học Công đoàn, 2022; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo cảm biến sinh học glucose có độ nhạy cao sử dụng vật liệu nano lai MoS₂/AgNPs và MoS₂/PANI. Tổng hợp vật liệu MoS₂/AgNPs và MoS₂/PANI. Chế tạo cảm biến điện hóa có độ nhạy cao để xác định nồng độ glucose. Nghiên cứu tổng hợp vật liệu Ag có kích thước đường kính trung bình từ 30-50nm; Tổng hợp vật liệu MoS₂ với các cấu trúc khác nhau như dạng hạt, dạng hoa, dạng thành hoặc dạng đĩa bằng phương pháp thủy nhiệt và phương pháp hóa học. Sau khi tổng hợp loại vật này đã được ứng dụng để kiểm tra đặc tính nhạy sinh học của vật liệu phụ thuộc vào các cấu trúc các dạng khác nhau của vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 21523

87048.08-2023 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu nano composit trên cơ sở g-C₃N₄ biến tính nhằm ứng dụng xử lý hiệu quả chất màu hữu cơ/** PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà, TS. Nguyễn Thị

Thu Hà; PGS. TS. Lê Minh Cẩm; TS. Nguyễn Văn; TS. Phùng Thị Lan; ThS. Nguyễn Thị Mơ; NCS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Bùi Công Trình - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2022; 07/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ được công nghệ chế tạo và biến tính vật liệu hấp phụ- xúc tác quang để xử lý chất màu hữu cơ trên cơ sở nano composit oxit bán dẫn/gC₃N₄ và vật liệu hấp phụ. Xây dựng hệ thống thử nghiệm xử lý hiệu quả nước thải chứa chất màu hữu cơ ở qui mô pilot phòng thí nghiệm sử dụng hệ vật liệu hấp phụ- xúc tác quang và sử dụng năng lượng mặt trời. Thử nghiệm thành công quy trình công nghệ xử lý một loại nước thải thực tế (nước thải từ một cơ sở dệt nhuộm Thái Bình sau khi đã xử lý sơ bộ để giảm các cặn rắn). Nghiên cứu chế tạo vật liệu xúc tác hỗn hợp trên cơ sở gC₃N₄ biến tính có khả năng xử lý hiệu quả chất màu hữu cơ sử dụng năng lượng mặt trời.

Số hồ sơ lưu: 21609

3. Khoa học y, dược

84684.08-2023 **Nghiên cứu sự lan truyền vết nứt do mỏi để phân tích sự nứt gãy xương quanh vùng khớp giả - (Fatigue crack propagation study for analyzing the periprosthetic fractures (Bone - crack))./** TS. Nguyễn Hồ Quang, GS.TS. Đào Tiến Tuấn; TS. Trần Văn Xuân; ThS. Nguyễn Triều Nhật Thanh. - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 05/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài BONE-CRACK tập trung nghiên cứu sự lan truyền vết nứt gãy do mỏi trong xương đùi để phân tích sự nứt gãy khớp giả và của xương quanh vùng này. Để đạt được mục tiêu này, trước hết một mô hình phần tử hữu hạn chuyên biệt sẽ được xây dựng cho khớp gối có bộ phận cấy ghép theo phương pháp thay thế toàn khớp gối. Sau đó, mô hình này sẽ được sử dụng để tính toán mô phỏng sự lan truyền vết nứt gãy do mỏi để tạo lại các dạng nứt quanh vùng khớp giả. Cuối cùng, các chỉ báo định lượng và định tính sẽ được trích xuất để đưa ra một sự hiểu biết tốt hơn về hiện tượng nứt gãy quanh vùng khớp giả được cấy ghép theo phương pháp thay thế toàn khớp gối.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-031

87686.08-2023 **Nghiên cứu điều chế các dạng chế phẩm từ cây Đinh lăng (*Polycias fruticosa* (L.) Harms) trồng tại Đắk Lắk/ ThS. Lê Trung Khoảng, ThS. Cù Lê Nguyên (Thư ký); TS. Lê Minh Quân; ThS. Trần Nguyễn Tuấn Anh; TS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Hoàng Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Huỳnh Văn Chung; ThS. Huỳnh Thị Như Quỳnh; DS. Hà Hoàng Anh Vĩnh; ThS. Hoàng Thúy Bình - Đắk Lắk - Trường Đại học Y dược Buôn Ma Thuột, 2023; 01/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng được công thức và quy trình điều chế các dạng chế phẩm viên nang, viên nén và cốm phân tán làm thực phẩm chức năng từ cao chiết của cây Đinh lăng (*Polycias fruticosa* (L.) Harms). Xây dựng được quy trình thu hái và xử lý dược liệu để làm nguyên liệu cho quá trình điều chế. Xây dựng được bộ tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu đầu vào. Xây dựng được quy trình chiết xuất đã được tối ưu hóa nhằm thu được cao định chuẩn có chất lượng phù hợp để làm đầu vào cho điều chế các dạng chế phẩm. Chứng minh được hoạt tính sinh học của cao định chuẩn trên mô hình động vật. Xây dựng được công thức và quy trình điều chế viên nén, viên nang và cốm phân tán thực phẩm chức năng từ cao định chuẩn của cây Đinh lăng.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-010

87747.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi 3D trong điều trị ung thư đại trực tràng/ GS.TS. Phạm Như Hiệp, TS.BS. Nguyễn Thanh Xuân; PGS.TS.BS. Hồ Hữu Thiện; TS.BS. Phan Hải Thanh; ThS.BS. Phạm Xuân Đông; TS.BS. Phạm Trung Vỹ; TS.BS. Hồ Văn Linh; ThS.BS. Vũ Hoài Anh; ThS.BS. Phan Thanh Hải; ThS.BS. Phạm Như Hiên; ThS.BS. Mai Trung Hiếu; ThS.BS. Trần Nghiêm Trung; TS.BS. Phạm Minh Đức; TS.BS. Phan Cảnh Duy - Thừa Thiên Huế - Bệnh viện Trung ương Huế, 2023; 12/2019 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Ứng dụng các quy trình cắt đại tràng (phải, trái, sigma) và trực tràng bằng phẫu thuật nội soi 3 D. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư đại trực tràng bằng phẫu thuật nội soi 3 D.

Số hồ sơ lưu: 210/KQNC

30101. Giải phẫu học và hình thái học

86749.08-2023 **Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc/ BSKII.** Lê Văn Tịnh; Ths. BS.Đặng Tiến Ngọc; ThS. Trần Ngọc Hải; ThS.BS. Nguyễn Đình Phúc; Ths.BS.Thái Trung Kiên; BS. Trương Tiến Thịnh; DS. Đỗ Việt Phú; ĐD. Lê Hồng Mai; ĐD. Phùng Quang Thi; ThS. Nguyễn Thị Hồng Phúc - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc - Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 03/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan và thực trạng triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc; Phân tích tổng hợp số liệu triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá kết quả nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp triển khai nhân rộng phương pháp triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 37/ĐTKHVP/2019-2021

30203. Nhi khoa

87523.08-2023 **Đánh giá thực trạng nhiễm khuẩn hô hấp dưới, tiêu chảy và chuyển giao kỹ thuật realtime PCR đa môi trường chuẩn đoán điều trị bệnh nhi tại tỉnh Hòa Bình/ PGS. TS Phạm Thu Hiền, - Hà Nội - Bệnh viện Nhi Trung ương, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tiến hành điều tra thực trạng chẩn đoán, điều trị cho trẻ mắc nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới, tiêu chảy và thực trạng nhân lực, cơ sở vật chất, điều kiện trang thiết bị, an toàn sinh học phòng xét nghiệm cho chẩn đoán căn nguyên gây nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới, tiêu chảy; Đánh giá thực trạng nhân lực, cơ sở vật chất, điều kiện trang thiết bị, an toàn sinh học phòng xét nghiệm cho chẩn đoán căn nguyên gây nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới, tiêu chảy tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện Mai Châu, Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi; Đề xuất 05 nhóm giải pháp nâng cao chất lượng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới, tiêu chảy ở trẻ em cho cán bộ y tế tỉnh Hoà Bình.

Số hồ sơ lưu: Nhiễm khuẩn HH

30206. Huyết học và truyền máu

86748.08-2023 **Đánh giá tác dụng của lọc máu hấp phụ bằng quả lọc Resin HA330 kết hợp lọc máu liên tục trong điều trị sốc nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh**

Phúc/ ThS.BS. Tô Quang Hưng; Ths. BS.Nguyễn Viết Thanh; ThS. BS.Ngô Mạnh Hà; ThS.BS. Trừ Văn Trường; BSCCKII.Vũ Đức Minh; BS. Đỗ Đình Lượng; ĐDCKI. Ngô Thị Thanh Thủy; BS. Nguyễn Kim Hiệp; CN. Nguyễn Thị Vân Anh; ĐD. Phạm Minh Tuấn - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc - Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 03/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan và thực trạng triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc. Phân tích tổng hợp số liệu triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá kết quả nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp triển khai nhân rộng phương pháp triệt căn ung thư dạ dày bằng dao siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 36/ĐTKHVP/2019-2021

30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon)

87600.08-2023 **Đánh giá tỷ lệ, yếu tố liên quan và một số biến chứng của bệnh tiền đái tháo đường mới phát hiện ở người lớn từ 20-60 tuổi tại tỉnh Quảng Bình/ Bs CKII. Lê Viết Hùng; Nguyễn Hải Thủy; Nguyễn Hải Ngọc Minh ; Nguyễn Hữu Nghĩa; Phan Thị Thanh Nga; Lê Thị Minh Toàn; Nguyễn Hoàng**

Bảo Châu. - Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình - Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình, 2023; 07/2021 - 03/2032. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ tiền đái tháo đường mới phát hiện trong cộng đồng qua xét nghiệm Glucose máu lúc đói và xét nghiệm HbA1c ở người lớn từ 20 - 60 tuổi tại tỉnh Quảng Bình. Đánh giá một số yếu tố nguy cơ trên đối tượng được chẩn đoán tiền đái tháo đường mới phát hiện qua phỏng vấn trực tiếp đối tượng bằng bộ câu hỏi liên quan thói quen sinh hoạt, chế độ ăn, vận động thể lực, đo chỉ số nhân trắc (Vòng bụng, BMI và chỉ số mỡ cơ thể). Xác định các biến chứng xuất hiện sớm do bệnh tiền đái tháo đường gây ra đối với người mắc bệnh qua xét nghiệm thành phần Lipid máu, chỉ 5 số sinh xơ vữa, định lượng Creatinin máu, mức lọc cầu thận, Protein niệu, đo điện tâm đồ, siêu âm tim mạch, chỉ số huyết áp tâm thu động mạch cổ chân/cánh tay (ABI) và bề dày lớp nội trung mạc (IMT) động mạch cảnh. Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện tình trạng bệnh cho đối tượng tiền đái tháo đường mới mắc cũng như hạn chế số người có nguy cơ mắc bệnh Tiền đái tháo đường trong cộng đồng dân cư Quảng Bình trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 07/2023-QLKHCN

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

86862.08-2023 **Phát triển hệ thống vi lưu ứng dụng nghiên cứu số lượng lớn các đơn tế bào ung thư /**

TS. Nguyễn Tiến Anh , TS. Nguyễn Văn Quỳnh ; TS. Chu Thị Xuân ; TS. Phạm Văn Chuyên ; ThS. Nguyễn Văn Toàn - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 03/2018 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, mô phỏng, và chế tạo thiết bị vi lưu có khả năng bắt giữ khoảng 1000 tế bào đơn lẻ để sử dụng cho các thí nghiệm phân tích tiếp theo. Tối ưu hóa quy trình đóng gói hệ vi lưu dựa trên công nghệ tích hợp với lớp PDMS trên đế kính. Thiết lập, nghiên cứu những hoạt động của các đơn tế bào bên trong hệ vi lưu trong một khoảng thời gian dài (nhiều hơn 2 tuần lễ). Nghiên cứu phản ứng của tế bào ung thư (tế bào ung thư vú MDA-231) đối với các loại thuốc chống ung thư khác nhau (Cisplatin, Pudomicin).

Số hồ sơ lưu: 21533

30225. Thần kinh học lâm sàng

86541.08-2023 **Nghiên cứu dịch tế học động kinh tại nội thành thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Phạm Hồng Đức, - Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện 30-4, 2020; 10/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ hiện mắc, tỷ lệ mới mắc, các loại cơn động kinh của bệnh động kinh tại nội thành, thành phố Hồ Chí Minh. Mô tả tỷ lệ bệnh nhân động kinh được điều trị, tỷ lệ các thuốc chống động kinh đang sử

dụng. Sàng lọc đối tượng nghi ngờ mắc động kinh tại cộng đồng. Chúng tôi điều tra theo phương pháp “gõ cửa từng nhà” (door to door). Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, thăm khám chuyên khoa thần kinh và xác định động kinh, quá trình điều trị của bệnh nhân động kinh. Nghiên cứu đặc điểm cận lâm sàng, ghi điện não thông thường, chụp CT scan (chụp cắt lớp vi tính – CLVT) sọ não không tiêm thuốc cản quang.

Số hồ sơ lưu: HCM-065-2022

30227. Y học thẩm mỹ, Phẫu thuật thẩm mỹ

86752.08-2023 **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** DSK II Nguyễn Văn Long, DSK II Phạm Đình Thảo DSKII Nguyễn Văn Long; DSKII Phạm Đình Thảo; DSKII Nguyễn Thị Cúc; CN kinh tế Tạ Thị Thu Hà; DSKII Nguyễn Đình Dũng; Ths công nghệ thực phẩm; Lê Thị Mai Loan; DSKII Nguyễn Trung Kiên; DSKII Trịnh Thị Thu Vân; DSKII Bùi Thị Kiều Ngân; DSKII Nguyễn Thị Yến - Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Vĩnh Phúc - Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Vĩnh Phúc, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn về mỹ phẩm, chất lượng mỹ phẩm. Đánh giá thực trạng lưu hành mỹ phẩm hiện nay và chất

lượng mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 12/ĐTKHVP 2021-2022

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

74662.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất một số sản phẩm từ nguồn dược liệu tại tỉnh Hà Giang/** KS. Nguyễn Văn Hoan, TS. Trần Quốc Toàn; TS. Lê Tất Thành; TS. Lê Thị Thu Thủy; KS. Lê Xuân Duy; KS. Lê Hữu Điền; KS. Nguyễn Huy Tùng; ThS. Đặng Việt Anh; TS. Hoàng Thị Bích; TS. Đoàn Lan Phương - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2017; 11/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát và đánh giá trữ lượng vùng nguyên liệu sâm cau tại một số địa phương của tỉnh Hà giang. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cho nguyên liệu sâm cau, tiêu chuẩn cho cao chiết sâm cau, tiêu chuẩn cho bột cao chiết sâm cau. Xây dựng, hoàn thiện quy trình công nghệ và lắp đặt 01 dây chuyền thiết bị xử lý dược liệu, chiết xuất dược liệu, cô đặc dịch chiết với quy mô 50-100 kg nguyên liệu/mẻ. Trên đối tượng là dược liệu sâm cau đã thực hiện quy trình chiết ổn định, đảm bảo chất lượng yêu cầu. Xây dựng, hoàn thiện quy trình công nghệ và lắp đặt 01 hệ

thống thiết bị tinh chế rượu truyền thống nhằm ổn định chất lượng rượu. Sản xuất thử nghiệm được 500 chai rượu sâm cau đạt các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm - Bộ Y tế. Xây dựng, hoàn thiện quy trình công nghệ bào chế tạo viên nang thực phẩm chức năng sâm cau. Sản xuất thử nghiệm 50.000 viên TPCN viên nang sâm cau đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm - Bộ Y tế. Đăng ký lưu hành 02 sản phẩm của dự án là rượu sâm cau và TPCN viên nang sâm cau theo đúng quy định của Bộ Y Tế. Đào tạo 03 cán bộ vận hành cho sở Khoa học Công nghệ tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HGG-003-2019

86951.08-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ chiết tách các phân đoạn có hoạt tính sinh học, phát triển sản phẩm hỗ trợ hạ đường huyết từ vỏ quả Măng cụt (*Garcinia mangostana* Linn., *Clusiaceae*) và đài hoa Bụp giấm (*Hibiscus sabdariffa* L., *Malvaceae*)/** PGS. TS. Trần Thu Hương, TS. Lê Huyền Trâm; TS-DS. Nguyễn Văn Thông; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Trần Thượng Quảng; TS. Trần Thị Minh; ThS. Đinh Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Tú; KS. Nguyễn Hoàng Minh; TS. Nguyễn Thị Hồng Phượng; PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt; TS. Nguyễn Tuấn Hiệp; PGS. TS. Đỗ Thị Thảo; TS. Trần Thu Hà - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2022;

07/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ chiết tách các phân đoạn có hoạt tính sinh học, phát triển sản phẩm hỗ trợ hạ đường huyết từ vỏ quả Măng cụt (*Garcinia mangostana* Linn., *Clusiaceae*) và đài hoa Bụp giấm (*Hibiscus sabdariffa* L., *Malvaceae*). Xây dựng quy trình công nghệ tách chiết các phân đoạn có hoạt tính sinh học; điều chế cao định chuẩn giàu hoạt chất xan thon, chứa tannin từ vỏ quả măng cụt và cao định chuẩn giàu hoạt chất polyphenol từ đài hoa Bụp giấm. Đánh giá, lựa chọn sản phẩm theo hướng có tác dụng hỗ trợ hạ đường huyết. Xây dựng quy trình bào chế viên nang cứng hỗ trợ điều trị hạ đường huyết. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu và sản phẩm. Đánh giá độ ổn định và độ an toàn của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21549

87017.08-2023 **Nghiên cứu khảo sát cây thuốc có tiềm năng phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe tại tỉnh Cao Bằng/ PGS. TS. Phương Thiện Thương, ThS. Lê Hồng Oanh; TS. Nguyễn Đức Hùng; TS. Vũ Văn Hà; DS. Ngô Minh Khoa; KS. Bùi Lê Hoàng; CN. Trịnh Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Thùy; ThS. Mai Thế Định; CN. Vũ Hoàng Hải - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2022; 08/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Khảo sát, điều tra, nghiên cứu các cây thuốc dân gian do cộng đồng người dân tộc sinh sống tại tỉnh Cao Bằng sử dụng làm thuốc phòng chữa bệnh. Đồng thời khảo sát, điều tra, nghiên cứu tri thức sử dụng cây thuốc trong y học cổ truyền, y học dân gian và các công dụng trong chăm sóc sức khỏe. Qua đó, đề xuất các cây thuốc có tiềm năng phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ nguồn thực vật ở Cao Bằng

Số hồ sơ lưu: 21595

30404. Hoá dược học

86875.08-2023 **Nghiên cứu tổng hợp các vật liệu nano khung hữu cơ- kim loại (tâm là ion Zn, Mg hoặc Fe) và silica hữu cơ xốp làm chất mang phân hủy sinh học cho dược chất chống ung thư/ TS. Đoàn Lê Hoàng Tân, TS. Nguyễn Thị Liên Thương; ThS. Mai Ngọc Xuân Đạt; ThS. Nguyễn Hồ Thùy Linh; GS. TS. Phan Bách Thắng; ThS. Trần Bạch Như Ý; ThS. Tạ Thị Kiều Hạnh; TS. Phạm Kim Ngọc; PGS. TS. Trần Hoàng Phương; TS. Lê Nguyễn Uyên Chi - Hà Nội - Trung Tâm Nghiên Cứu Vật Liệu Cấu Trúc Nano Và Phân Tử, 2022; 03/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm chủ qui trình công nghệ chế tạo được thuốc chữa trị ung thư gồm dược chất ức chế ung thư hấp phụ vào giá thể nano (Zn/Fe) MOF hoặc Silica xốp, có hiệu năng cao hơn thuốc chữa ung thư cùng loại. Chế tạo được hệ chất mang từ MOF có tâm kim loại (Zn, Fe) với

linker tự chọn và từ silica hữu cơ xốp chức năng hóa, hấp phụ với hàm lượng cao dược chất (Cordycepin...). Xây dựng được quy trình gắn một trong các dược chất lên các hệ chất mang MOF và silica hữu cơ xốp. Thử nghiệm và đánh giá tính năng mang, giải phóng dược chất và khả năng tự phân hủy của mỗi hệ vật liệu mang dược chất trong điều kiện in vitro. Thử nghiệm và đánh giá độ an toàn trên động vật của hai hệ vật liệu MOF và Silica hữu cơ xốp được gắn dược chất đã chọn. Làm chủ quy trình công nghệ chế tạo một loại thuốc chữa ung thư được bào chế theo đường uống. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tổng hợp vật liệu xốp trong ứng dụng y sinh.

Số hồ sơ lưu: 21536

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

87141.08-2023 **Nghiên cứu tạo thư viện chứng dương cho xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện các đột biến gen phục vụ chuẩn đoán Thalassemia/ TS.** Bạch Thị Như Quỳnh, PGS.TS. Nguyễn Huy Điện; PGS.TS. Đặng Văn Chức; TS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Trần Quốc Trình; TS. Dương Quốc Chính; ThS. Lê Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Văn Thanh; CN. Nguyễn Thị Hồng; CN. Vũ Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Hà Thị Thu - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược

Hải Phòng, 2022; 12/2019 - 11/2021.
(Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lựa chọn nguồn chứng dương phục vụ cho nghiên cứu, cụ thể: sàng lọc được đủ 14 loại đột biến gây bệnh thalassemia, 6 đột biến alpha thalassemia và 8 đột biến beta thalassemia từ 1456 mẫu bệnh phẩm. Tổng hợp được 14 đoạn gen đặc hiệu cho 14 loại đột biến gây bệnh thalassemia. Tạo dòng 14 loại chứng dương: 14 loại plasmid tái tổ hợp mang 14 loại gen đột biến gây bệnh thalassemia; 14 dòng tế bào chứa 14 loại gen đột biến gây bệnh thalassemia. Đã thực hiện giải trình tự gen 14 dòng tế bào chứa các đột biến tương ứng để khẳng định sự có mặt của 14 loại đột biến gen gây bệnh thalassemia tương ứng với mỗi dòng tế bào. Đã tạo được thư viện chứng dương, thư viện được quản lý trên phần mềm Biobank, các mẫu được mã hoá và cất giữ theo sơ đồ lưu mẫu trên phần mềm. Thư viện được phân quyền quản lý đảm bảo an toàn sinh học và an ninh sinh học.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.005

87142.08-2023 **Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới (Next Generation Sequencing) để xác định đột biến gen BRCA1 và BRCA2/ GS.** TS. Phạm Văn Thức, TS. Bạch Thị Như Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Thắm; TS. Dương Quốc Chính; ThS. Nguyễn Lê Anh; ThS. Lê Thị Thùy Linh; TS. Phạm Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Hải Bằng; CN. Nguyễn Văn Thanh ; CN. Nguyễn Thị Hồng; TS. Nguyễn Huy Điện; TS. Vũ Văn Thái; ThS.

Nguyễn Thị Minh Ngọc; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược Hải Phòng, 2020; 08/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Tiếp nhận chuyển giao quy trình kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới. Triển khai thử nghiệm trên một số bệnh nhân ung thư vú tại Hải Phòng, kết quả giải trình tự gen phát hiện đột biến gen BRCA1 và BRCA2 liên quan đến bệnh ung thư vú. So sánh với các quy trình kỹ thuật trước đây áp dụng công nghệ giải trình tự Sanger giải trình tự gen BRCA1 với hơn 40 cặp mẫu hay 15 cặp mẫu để khuếch đại toàn bộ các exon và intron lân cận, công nghệ giải trình tự thế hệ mới NGS cũng như các công cụ tin sinh thích hợp đã giúp cho quá trình giải trình tự cũng như phân tích đột biến rút gọn về mặt thời gian. Đào tạo 4 cán bộ nắm vững quy trình kỹ thuật thực hiện xác định trình tự trên hệ thống Illumina Miseq (2 chuyên viên và 2 kỹ thuật viên). Đào tạo 4 cán bộ nắm vững quy trình kỹ thuật thực hiện xác định trình tự trên hệ thống Illumina Miseq (2 chuyên viên và 2 kỹ thuật viên).

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.006

4. Khoa học nông nghiệp

84373.08-2023 Nghiên cứu thành phần loài lan rừng Đông Nam Bộ và khảo sát đặc điểm sinh trưởng, phát triển một số loài có giá trị thuần dưỡng tại Đại học Thủ Dầu Một/ TS. Nguyễn Minh Ty, ThS. Nguyễn Vinh Hiền - Bình Dương -

Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu đa dạng thành phần loài lan rừng Đông Nam Bộ; khảo sát đặc điểm sinh trưởng, phát triển một số loài lan rừng; phục vụ cho công tác đào tạo và bảo tồn. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy mô tả đặc điểm hình thái và lập danh lục 173 loài lan thuộc 50 chi của họ lan (Orchidaceae) ở Đông Nam Bộ; xây dựng vườn lan, chăm sóc tại trường Đại học Thủ Dầu Một 8; xây dựng được qui trình trồng, chăm sóc và khảo sát đặc điểm sinh trưởng và phát triển một số loài có giá trị thuần dưỡng tại Đại học Thủ Dầu Một; cung cấp mẫu vật phong phú cho phòng nuôi cấy mô thực vật về lan rừng. Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở dữ liệu quan trọng phục vụ cho các nghiên cứu tiếp theo (như nhân giống in vitro, sinh sản hữu tính, lai tạo giống, giâm cành,...).

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-009

87143.08-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng quy trình kỹ thuật nhân giống và trồng thương phẩm cây Bò khai (*Erythrola scandens* Blume) bằng phương pháp giâm hom có nguồn gốc tại Vườn Quốc gia Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng/ ThS. Phạm Văn Phúc, KS. Nguyễn Văn Thịu; ThS.Vũ Hồng Vân; ThS.Nguyễn Thị Trang; ThS. Nguyễn Xuân Khu;**

ThS. Vũ Xuân Hường; CN. Nguyễn Văn Hách; KS. Vũ Hồng Vĩ; CN. Đỗ Thị Hát; ThS. Nguyễn Văn Dinh; Đỗ Thị Mai Hoa; KS. Ngô Thị Thu Phương - Hải Phòng - Vườn Quốc gia Cát Bà, 2022; 12/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý luận, thực tế có liên quan. Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ dự án. Tiến hành tiếp nhận quy trình công nghệ nhân giống và trồng cây Bò khai, đào tạo được 10 cán bộ kỹ thuật của Vườn Quốc gia Cát Bà. Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình trồng thương phẩm Bò khai trên vùng đất trống ở Vườn Quốc gia Cát Bà, với diện tích: 3.000m² từ giống bằng phương pháp giâm hom có nguồn gốc tại Vườn Quốc gia Cát Bà.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.007

87191.08-2023 **Nghiên cứu tuyển chọn, nhân giống và các biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp (ICM) phát triển bền vững cây hồ tiêu tại 2 huyện Đức Linh và Tánh Linh tỉnh Bình Thuận/** PGS.TS Lê Đình Đôn; TS. Nguyễn Tấn Chung; TS. Huỳnh Văn Biết; TS. Nguyễn Ngọc Hà; ThS.Tô Thị Nhã Trâm; ThS.Tôn Trang Ánh; ThS.Phùng Võ Cẩm Hồng; ThS.Đào Uyên Trân Đa; ThS.Đình Đức Huy; KS.Trần Thị Lưu Vi; KS.Nguyễn Minh Nghị; CN.Huỳnh Thị Mỹ Chi; CN.Võ Thanh Bình. - Bình Thuận - Viện Nghiên cứu Công nghệ Sinh học và Môi trường (RIBE), 2019; 05/2015 - 05/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tuyển chọn, nhân giống và các biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp (ICM) phát triển bền vững cây hồ tiêu tại 2 huyện Đức Linh và Tánh Linh tỉnh Bình Thuận. Đề tài” Nghiên cứu tuyển chọn, nhân giống và các biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp (ICM) phát triển bền vững cây hồ tiêu tại 2 huyện Đức Linh và Tánh Linh tỉnh Bình Thuận” được thực hiện từ 2015 đến 2018. Với mục tiêu nghiên cứu và phát triển cây hồ tiêu đạt năng suất cao, chất lượng tốt và xây dựng quy trình canh tác phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, thời tiết, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn tại huyện Đức Linh và Tánh Linh tỉnh Bình Thuận.

Số hồ sơ lưu: BTN-2022-04

87193.08-2023 **Xây dựng mô hình trồng măng tây xanh kết hợp tưới tiết kiệm nước tại huyện Tánh Linh/** KS.Trần Thị Minh Thảo; KS.Phan Lộc Bảo Chiêu; ThS.Nguyễn Minh Đông; CN.Huỳnh Quốc Tiến - Bình Thuận - Trung tâm thông tin và ứng dụng tiến bộ KH&CN Bình Thuận, 2021; 04/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng măng tây xanh kết hợp tưới tiết kiệm nước tại huyện Tánh Linh. Xây dựng thành công mô hình trồng măng tây xanh tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, làm mô hình trình diễn cho người dân tham quan, học tập kinh nghiệm.Góp phần đa dạng hóa cây trồng tại địa phương, cải thiện nguồn thu nhập, tăng hiệu quả kinh tế cho người dân.Ứng dụng công nghệ tưới phun tiết kiệm nước vào sản xuất

nông nghiệp, góp phần đưa tiến bộ kỹ thuật đến với đời sống người dân và tiết kiệm công lao động.

Số hồ sơ lưu: BTN-2022-05

87197.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng tỏi trên vùng đất cát tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận/** ThS. Phạm Văn Phước; ThS.Võ Minh Thư; TS.Phan Công Kiên; ThS.Phan Văn Tiêu; ThS.Nại Thanh Nhân; ThS.Nguyễn Văn Sơn; KS.Đỗ Ty; KS.Nguyễn Thị Liễu; KS.Hồ Công Bình; KS.Lương Thị Anh Đào - Bình Thuận - Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ, 2022; 10/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng tỏi trên vùng đất cát tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Chọn được từ 1-2 giống tỏi có năng suất cao, củ to, chất lượng tốt, thích nghi với điều kiện sinh thái tỉnh Bình Thuận; Tổ chức Nhân giống và trình diễn mô hình trồng tỏi; Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng và nhân giống tỏi được cơ quan chức năng phê duyệt theo quy định; Xây dựng 01 mô hình trồng tỏi tại vùng đất cát xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận với quy mô diện tích 2.000 m², kích thước củ đạt được từ 2,5 - 3,5cm; số lượng củ tươi trung bình từ 80-90 củ/kg; hiệu quả kinh tế tăng 30-35% so với một số cây trồng cạn khác trên đất màu tại địa phương. Bổ sung cây trồng mới cho ngành nông

ng nghiệp tỉnh; hướng đến thương hiệu tỏi trên vùng đất cát Bình Thuận.

Số hồ sơ lưu: BTN-2022-07

87458.08-2023 **Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Chanh không hạt Hậu Giang" dùng cho sản phẩm chanh không hạt của tỉnh Hậu Giang/** Huỳnh Tấn vụ, - Hậu Giang - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Hậu Giang, 2022; 07/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sau 02 năm triển khai thực hiện, dự án đã góp phần nâng cao giá trị và danh tiếng của sản phẩm mang NHTT Chanh không hạt Hậu Giang, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân trồng, sản xuất và kinh doanh sản phẩm chanh không hạt trong việc sử dụng NHTT. Tuyên truyền, quảng bá sản phẩm mang NHTT Chanh không hạt Hậu Giang thông qua các hình thức như xây dựng Website, hệ thống nhận diện sản phẩm, poster, tờ rơi, pano quảng cáo ngoài trời cũng như giới thiệu quảng bá sản phẩm Chanh không hạt Hậu Giang trên báo địa phương và trung ương...; Có thể khẳng định, dự án đã đạt được các mục tiêu đề ra, giá trị và danh tiếng NHTT Chanh không hạt Hậu Giang ngày càng được củng cố, NHTT đang được các HTX chanh không hạt trong tỉnh quan tâm và chia sẻ, dự án đã góp phần nâng cao đời sống người dân trồng và tiêu thụ Chanh không hạt Hậu Giang mang NHTT của Tỉnh.

Số hồ sơ lưu: HG

87486.08-2023 **Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Lê Đồng Văn" cho sản phẩm Lê của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang/** ThS. Hoàng Hữu Nội, ThS. Bùi Kim Đồng; KS. Trịnh Thị Quyên; ThS. Hoàng Thị Thu Huyền; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Trần Văn Chính; ThS. Hà Trần Mạnh Hùng. - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2022; 08/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng nhãn hiệu tập thể “Lê Đồng Văn” và phát triển sản xuất bền vững sản phẩm lê của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Đăng ký bảo hộ NHTT "Lê Đồng Văn" cho sản phẩm lê của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Xây dựng được hệ thống quản lý nhãn hiệu và phát triển sản xuất “Lê Đồng Văn” của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Xây dựng được hệ thống liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (nông dân - tổ chức quản lý - siêu thị/cửa hàng).

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2023

87666.08-2023 **Dự án: "Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Hoa hồng Quyết Tiến” cho sản phẩm hoa hồng của xã Quyết Tiến huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang"/** ThS. Bùi Kim Đồng, ThS. Hoàng Hữu Nội; KS. Trịnh Thị Quyên; ThS. Hoàng Thị Thu Huyền; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Trần Văn Chính; ThS. Hà Trần Mạnh Hùng - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp,

2022; 08/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đăng ký thành công nhãn hiệu tập thể “Hoa hồng Quyết Tiến” để phát triển sản xuất hoa hồng trong thời gian tới. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể "Hoa hồng Quyết Tiến"; Xây dựng được hệ thống quản lý nhãn hiệu tập thể “Hoa hồng Quyết Tiến” và vận hành thử nghiệm tại xã Quyết Tiến; Xây dựng hệ thống liên kết sản xuất và tiêu thụ hoa hồng trên địa bàn tỉnh. Tổng kết các bài học kinh nghiệm từ dự án để nhân rộng việc xây dựng và quản lý thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp khác của huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2023

87673.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano trong canh tác cây bơ tại tỉnh Đắk Nông/** ThS. Đoàn Quang Hà; CN. Chu Thị Hảo; GS.TS. Nguyễn Hoài Châu; ThS. Hoàng Thị Mai; KSC. Nguyễn Văn Hà; ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Trần Mạnh Hải; CN. Lê Văn Đàn; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; KS. Bùi Thị Thỏa - Đắk Nông - Viện Công nghệ môi trường, 2023; 09/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu sử dụng phân bón lá nano cho cây bơ, có được bộ phân bón lá nano vi lượng, chế phẩm nano phòng trừ một số bệnh gây bởi nấm trên lá, thân và quả bơ. Các quy trình sử dụng các sản phẩm nêu trên trong canh tác bơ. Chế tạo được bộ phân bón lá nano vi lượng gồm 4 loại và xây dựng được quy trình sử dụng

trong canh tác cây bơ. Chế tạo được chế phẩm nano bảo vệ thực vật và quy trình sử dụng để hạn chế tác hại của các nấm gây các bệnh thán thư và bệnh thối thân thối trái, bệnh ghẻ vỏ quả cho cây bơ.

Số hồ sơ lưu: 02/2023

87691.08-2023 Dự án: "Xây dựng, quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể "Cam vàng Hà Giang" cho sản phẩm Cam vàng của tỉnh Hà Giang"/ CN. Nguyễn Thị Phương Thảo, ThS. Trần Xuân Thủy ; CN. Trần Quốc Việt ; CN. Nguyễn Thị Ngát; CN. Ngô Minh Khang; CN. Trịnh Thị Dung; CN. Đinh Thị Bích Ngọc; CN. Nguyễn Văn Tài ; ThS. Hoàng Hữu Nội; ThS. Bùi Kim Đồng. - Hà Giang - Hội nông dân tỉnh Hà Giang, 2022; 07/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng nhãn hiệu tập thể "Cam Vàng Hà Giang" và phát triển sản xuất bền vững các sản phẩm Cam Vàng của tỉnh Hà Giang. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể "Cam Vàng Hà Giang" cho các sản phẩm cam xã đoài, CS1 và V2 của tỉnh Hà Giang; Xây dựng được hệ thống quản lý nhãn hiệu và phát triển sản xuất "Cam Vàng Hà Giang" của tỉnh Hà Giang; Xây dựng được hệ thống liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (nông dân - tổ chức quản lý - siêu thị/cửa hàng). Tổng kết các bài học kinh nghiệm từ dự án để nhân rộng việc xây dựng và quản lý thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản khác của tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

87697.08-2023 Trồng thử nghiệm giống quýt đường không hạt tại Khánh Hòa/ Lê Tuấn Quang, Nguyễn Bá Phú - ThS. Lê Xuân Hải - ThS. Nguyễn Quốc Sĩ - ThS. Trần Thị Diễm Ngân - KS. Lê Thị Mỹ Dung - ThS. Lê Đặng Công Toại - ThS. Võ Thị Mỹ Dung - KS. Nguyễn Thị Tú Anh - KS. Đinh Minh Thắng - Nha Trang, Khánh Hòa - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Khánh Hòa, 2023; 09/2017 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Với điều kiện sinh thái ở Khánh Hòa, cây quýt Đường không hạt có khả năng thích nghi. Kết quả mô hình trồng thử nghiệm cây quýt Đường không hạt tại các địa phương ở Khánh Hòa cho thấy cây quýt Đường không hạt tại Khánh Vĩnh và Diên Khánh sinh trưởng và phát triển tốt nhất. Kết quả thí nghiệm về phân bón trên ba loại gốc ghép ở các địa phương cho thấy: Gốc ghép phát triển tốt nhất khi ghép trên gốc chanh Volkamer; Về hữu cơ, qua theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng cũng như về năng suất chất lượng cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa ở các mức độ bón bổ sung. Qua phân tích trung vi lượng nhận thấy đất ở Diên Khánh và Khánh Sơn thiếu trung lượng Ca nên đã tiến hành bón bổ sung Ca (CaCO_3).

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/341

87706.08-2023 Ứng dụng khoa học công nghệ trong canh tác khoai sấp sạch bệnh, năng suất cao tại

Cam Lâm/ Nguyễn Thị Hải Đăng, - ThS. Phạm Thị Oanh - CN. Thái Thị Tuyết - CN. Hồ Tường Vi - Nguyễn Xuân Hải - Nguyễn Văn Toàn - KS. Cao Thị Trúc - CN. Trần Hoàng Quỳnh Như - Hoàng Thị Liên - Nguyễn Ngọc Lợi - Cam Lâm, Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa, 2023; 09/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoàn thiện quy trình nhân giống khoai sếp bằng phương pháp nuôi cấy mô. Nhân nhanh giống nuôi cấy mô tại đồng ruộng. Hoàn thiện quy trình canh tác khoai sếp năng suất cao tại huyện Cam Lâm. Tổ chức lớp tập huấn, viết báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. Viết báo cáo tổng hợp kết quả đề tài.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/342

87725.08-2023 Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống và phát triển cây Sâm cau (*Curculigo orchioides* Gaertn) trên địa bàn tỉnh Hà Giang/ ThS. Vũ Thị Anh Đào, KS. Trần Thế Duy; KS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; KS. Triệu Văn Vệ; KS. Mai Tiến Bằng; CN. Phan Thanh Hương; TS. Nguyễn Văn Khiêm. - Hà Giang - Trung Tâm Thông Tin Và Chuyển Giao Công Nghệ Mới, 2023; 07/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện được quy trình nhân giống và xây dựng quy trình trồng, chăm sóc, thu hái và bảo quản cây Sâm cau (*Curculigo orchioides* Gaertn) đảm bảo việc lưu giữ, bảo tồn và nhân giống phục vụ cho phát triển Sâm cau tại tỉnh Hà Giang.

Hoàn thiện được quy trình nhân giống cây sâm cau bằng phương pháp giâm hom phù hợp với điều kiện của tỉnh Hà Giang; Xây dựng được vườn lưu giữ diện tích 300 m² phục vụ tốt công tác bảo tồn và nhân giống; Xây dựng được quy trình trồng trọt, thu hái và bảo quản cây sâm cau.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

87735.08-2023 Quy trình nuôi thâm canh cá rô phi thương phẩm ứng dụng công nghệ Aquamimicry tại tỉnh Đắk Lắk/ ThS. Trần Thị Thu Hiền (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Dương Tuấn Phương (Thư ký); ThS. Phan Thị Lệ Anh; KS. Bùi Thị Thùy Nhung; KS. Hoàng Trọng Tiên; CN. Võ Thị Bảy; KS. Hoàng Mạnh Thắng; KTV. Nguyễn Văn Tuấn; NVHT. Tạ Kim Ngọc - Khánh Hòa - Trung tâm Tư vấn, Sản xuất, Dịch vụ và Chuyển giao Công nghệ Thủy sản, 2023; 12/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ aquamimicry trong nuôi thâm canh cá rô phi đạt năng suất cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng hiệu quả kinh tế và an toàn với môi trường. Xây dựng 03 mô hình nuôi thâm canh cá rô phi ứng dụng công nghệ aquamimicry đạt năng suất ≥ 27 tấn/ha; tỷ lệ sống $\geq 80\%$; FCR $\leq 1,05$; và kích cỡ cá thu hoạch trung bình $\geq 0,7$ kg/con. Hoàn thiện được quy trình công nghệ nuôi thâm canh cá rô phi theo công nghệ aquamimicry: năng suất ≥ 27 tấn/ha; tỷ lệ sống $\geq 80\%$; FCR $\leq 1,05$ và kích cỡ cá thu hoạch

trung bình $\geq 0,7$ kg/con. Cá thương phẩm đạt 81 tấn, sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đào tạo được 10 kỹ thuật viên và tập huấn được 50 người về kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô phi thương phẩm ứng dụng công nghệ aquamimicry.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-011

87744.08-2023 **Đề tài: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển bền vững cây Chè Shan tuyết cổ thụ trên địa bàn tỉnh Hà Giang/** ThS. Giang Đức Hiệp, ThS. Xìn Thanh Quyết; KS. Vi Thị Mai Lan; KS. Nguyễn Phương Thảo; TS. Trần Xuân Hoàng; TS. Lưu Ngọc Quyên; TS. Nguyễn Ngọc Bình; ThS. Phạm Thị Như Trang. - Hà Giang - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Hà Giang, 2022; 05/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu giải pháp bảo vệ, bảo tồn, khai thác và phát triển cây chè Shan tuyết cổ thụ bền vững, gắn với phát triển du lịch sinh thái; từ đó nâng cao giá trị, tạo thu nhập cho người sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Tổ chức rà soát, đánh giá các cây chè, vườn chè Shan tuyết cổ thụ tại 5 huyện triển khai nhiệm vụ; Công nhận được 80 - 100 cây chè Shan tuyết cổ thụ đầu dòng; Công nhận quần thể, vườn (hoặc cây) chè Tây Côn Lĩnh được công nhận quần thể di sản Việt Nam, gắn với phát triển du lịch sinh thái; Xây dựng mô hình thâm canh, cải tạo vườn chè theo hướng hữu cơ, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm

chè Shan tuyết cổ thụ; Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho người sản xuất chè về bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững cây chè trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2023

87745.08-2023 **Dự án: Quản lý và phát triển Chỉ dẫn địa lý "Vị Xuyên" đối với sản phẩm Thảo quả của huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang/** ThS. Bùi Văn Quang, ThS. Nguyễn Thị Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Hoàng Trọng Vinh; ThS. Lê Như Thịnh; ThS. Nguyễn Doãn Lâm; ThS. Trần Thế Cường - Hà Nội - Viện Kinh tế và Phát triển, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý (CDĐL) “Vị Xuyên” đối với sản phẩm thảo quả của huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang xây dựng tổ chức sử dụng hiệu quả CDĐL thảo quả Vị Xuyên, xây dựng các công cụ quản lý và sử dụng CDĐL, xây dựng các phương tiện quảng bá sản phẩm thảo quả mang CDĐL thảo quả Vị Xuyên từ đó góp phần tăng giá trị sản phẩm thảo quả. Thành lập Hội sản xuất và thương mại thảo quả mang chỉ dẫn địa lý “Vị Xuyên”; Xây dựng các công cụ để quản lý và phát triển CDĐL “Thảo quả Vị Xuyên”; Xây dựng chiến lược phát triển chỉ dẫn địa lý thảo quả Vị Xuyên; Tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên

hội và các tác nhân trong chuỗi giá trị thảo quả tại Vị Xuyên.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2023

88001.08-2023 Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trồng cây cà chua chuỗi ngọc (Tomato Sprut Cherry KDO) phù hợp với điều kiện tại Khánh Hòa/ Hà Thị Lý, - ThS. Vũ Thị Hồng Gấm - ThS. Nguyễn Thị Thường - ThS. Nguyễn Thị Soa - ThS. Cao Minh Ngự - Nha Trang, Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa, 2023; 10/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ đèn sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống cà chua chuỗi ngọc trong nhà lưới. Xây dựng 01 mô hình trồng cây cà chua chuỗi ngọc (Tomato Sprut Cherry KDO) trong nhà lưới đạt được một số kết quả sau: Chiều cao cây đạt 275,0 cm, số lá xanh/cây đạt 30,3 lá xanh/cây, số chùm quả trên cây 10 chùm quả/cây, trọng lượng quả trung bình đạt 27,1 g/quả, đường kính quả gần 3,1 cm và năng suất thực thu đạt 6,5 kg/cây và tỷ suất lợi nhuận gần 2,6 lần góp phần mag lại hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/343

88003.08-2023 Xây dựng mô hình trồng hoa dạ yến thảo (Petunia sp.) tại Khánh Hòa/ Nguyễn Ngọc Ánh, - ThS. Hà Thị Lý - KS. Nguyễn Thị Hiệp - ThS. Nguyễn Thị Soa - ThS. Cao Minh Ngự - Nha Trang, Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh

Hòa, 2023; 10/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sử dụng giá thể trồng hoa dạ yến thảo có tỷ lệ phối trộn Tro trấu + Xơ dừa + Phân HCVS sông Gianh (1:1:1) có thời gian sinh trưởng từ 81 – 82 NST (tùy vào vụ trồng), chiều cao cây đạt 17,3 cm/cây, số nhánh cấp 1 từ 14,5 – 14,8 nhánh/cây, số lá xanh đạt 36,3 lá xanh/cây là cao nhất so với các giá thể còn lại. Số nụ hoa/cây từ 60,7 - 61,4 nụ/cây, số hoa 58,6 – 59,3 hoa/cây, đường kính hoa 5,6 – 5,8 cm, độ bền hoa từ 4 – 5 ngày và lợi nhuận đạt gần 20.000 đồng/chậu khi sử dụng giá thể trồng hoa dạ yến thảo có tỷ lệ Tro trấu + Xơ dừa + Phân HCVS sông Gianh (1:1:1), khác biệt so với công thức đối chứng Tro trấu + Xơ dừa + phân bò (1:1:1). Qua kết quả triển khai mô hình tại huyện Cam Lâm và TP. Nha Trang: Trên nền giá thể Tro trấu + Xơ dừa + Phân HCVS sông Gianh (1:1:1) sử dụng trồng hoa dạ yến thảo tại huyện Cam Lâm và TP. Nha Trang, với điều kiện thời tiết bất lợi nhưng cây hoa dạ yến thảo sinh trưởng và phát triển tốt, số nụ hoa đạt từ 67,5 – 68 nụ hoa/cây, số hoa nở từ 65 hoa/cây và độ bền hoa 04 ngày và lợi nhuận đạt 21.798.250 đồng/chậu mang lại hiệu quả kinh tế cho nông dân.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/343

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

86162.08-2023 Sản xuất thử giống ngô nếp lai TG10 ở một số vùng phía Bắc/ TS. Lê Văn Hải, TS. Châu Ngọc Lý; KS. Trần Thị Thu Hương;

ThS. Mai Thành Luân; ThS. Bùi Văn Duy; TS. Nguyễn Văn Thu; ThS. Cấn Văn Cường; CN. Bùi Văn Cường; KS. Phạm Văn Thắng; KS. Nguyễn Thị Hằng Nga; KS. Nguyễn Thị Huyền; KS. Nguyễn Thị Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2022; 02/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất ngô thương phẩm (bắp tươi) giống ngô nếp lai TG10. Giống ngô nếp lai TG10 được công nhận chính thức (Công nhận lưu hành). Sản xuất được 5 ha hạt F1 của giống ngô nếp lai TG10 đạt năng suất $\geq 2,0$ tấn/ha, chất lượng hạt theo QCVN01-53-2011. Xây dựng 50 ha mô hình trình diễn cho giống ngô nếp lai TG10. Đào tạo tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất hạt F1 và kỹ thuật thâm canh giống ngô nếp lai TG10 cho 150 lượt người. Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống F1, quy trình kỹ thuật thâm canh ngô thương phẩm (bắp tươi) và mở rộng sản xuất giống ngô nếp lai TG10 có chất lượng tốt phục vụ ăn tươi, sản xuất hàng hóa. Mở rộng sản xuất, thu hút 1-2 doanh nghiệp đầu tư sản xuất và tiêu thụ hạt giống ngô nếp lai TG10.

Số hồ sơ lưu: 21281

86163.08-2023 Sản xuất thử 2 giống ngô lai LVN26 và QPM NL13-1 tại các tỉnh phía Bắc/ ThS. Nguyễn Chí Thành, KS. Đào Hữu Hoàng; TS. Châu Ngọc Lý; KS.

Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Lưu Cao Sơn; ThS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Hoàng Thu Hằng; KS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; KS. Nguyễn Thị Thanh Hà; ThS. Trần Hợp Minh Nghĩa; ThS. Hà Văn Giới - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2022; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống ngô lai F1 LVN26 đạt năng suất 2,5-3,0 tấn/ha. Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống ngô lai F1 QPM NL13-1 đạt năng suất 2,5-3,0 tấn/ha. Xác định được liều lượng phân bón và mật độ trong sản xuất ngô thương phẩm LVN26 tại Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung bộ. Sản xuất hạt giống lai F1 cho giống LVN26 và QPM NL13-1. Xây dựng mô hình trình diễn giống ngô lai LVN26 và QPM NL13-1 đạt năng suất 6-7 tấn/ha trong điều kiện khó khăn và 7-8 tấn/ha cho vùng thâm canh.

Số hồ sơ lưu: 21280

86727.08-2023 Nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng chống sâu keo mùa thu “*Spodoptera frugiperda*” hại ngô tại tỉnh Vĩnh Phúc/ Nguyễn Xuân Việt, Ths. Nguyễn Việt Xuân; Ths. Nguyễn Hữu Dũng; Ks. Nguyễn Thị Thu Trà; Ths. Lê Thị Kim Ngân; Ths. Đinh Văn Lý; Ks. Lê Thị Hải Hà; Ks. Nguyễn Thị Hải Yến; Ks. Triệu Thị Ngọc Duyên; Ts. Lê Xuân Vị; Ths. Kim Thị Hiền; Ks. Lê Đức Trung; Ks. Phạm Văn Sơn; Ks. Trần Thị Đoàn Trang; Ks. Đặng Thị Quỳnh Nga; Ks. Nguyễn

Văn Tuyền; Ks. Nguyễn Thị Thanh Nga; Ks. Kim Ngọc Quý; Ks. Nguyễn Hữu Khánh; Ks. Vũ Quý Tuân; Ks. Dương Thị Trà - Chi cục trồng trọt và BVTV Vĩnh Phúc - Chi cục trồng trọt và BVTV Vĩnh Phúc, 2021; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về sâu keo mùa thu và điều tra sự phân bố, xác định phổ ký chủ và đánh giá tác hại của sâu keo mùa thu *Spodoptera frugiperda* đối với cây ngô tại tỉnh Vĩnh Phúc; Nghiên cứu một số điều kiện tập tính gây hại và quy luật phát sinh, phát triển tại một số vùng trồng ngô trọng điểm; Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái cơ bản của sâu keo mùa thu; Nghiên cứu một số biện pháp để xây dựng quy trình phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô tại Vĩnh Phúc; Xây dựng 03 mô hình tại 3 vùng sinh thái khác nhau và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Đề xuất giải pháp phòng, chống sâu keo mùa thu đối với cây ngô tại tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 25/ĐTKHVP/2020-2021

86871.08-2023 Nghiên cứu phát triển công nghệ canh tác tôm – lúa theo hướng hữu cơ vùng ven biển Tây đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Huỳnh Văn Nghiệp, TS. Dương Hoàng Sơn; TS. Mai Nguyệt Lan; TS. Trần Đình Giỏi; TS. Lê Quang Long; ThS. Nguyễn Thị Anh Đào; TS. Nguyễn Thanh Linh; ThS. Phạm Trung Kiên; KS. Huỳnh Ngọc Huy; ThS. Nguyễn Thị Dương; ThS. Trần Anh Thái; ThS. Nguyễn Đức Minh;

ThS. Nguyễn Đình Hùng; ThS. Lê Ngọc Hạnh; CN. Đỗ Thị Phụng; KTV. Trần Ngọc Anh Tuấn - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2022; 11/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình nuôi trồng luân canh tôm lúa bền vững, đạt năng suất và thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng ven biển Tây đồng bằng sông Cửu Long. Khảo sát, đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất giải pháp kỹ thuật trong hệ thống tôm lúa vùng ven biển Tây ĐBSCL. Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật canh tác đồng bộ để tăng hiệu quả và năng suất cho mô hình tôm lúa. Xây dựng phát triển công nghệ nuôi tôm trong hệ thống canh tác tôm-lúa. Xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp canh tác lúa hữu cơ và tôm sinh thái đồng bộ. Xây dựng, đăng kí, quản lý và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận cho hai sản phẩm tôm và lúa ở An Biên và An Minh.

Số hồ sơ lưu: 21530

87478.08-2023 Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Chè Sông Bôi” cho sản phẩm Chè của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình/ ThS Lã Tuấn Anh, - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2022; 10/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Chè Sông Bôi"

cho sản phẩm Chè của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình nhằm kiểm soát chất lượng, xúc tiến thương mại cho sản phẩm. Góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống của địa phương; Rút ra những bài học để áp dụng rộng rãi và nhân rộng mô hình về tạo lập, quản lý và phát triển NHCN cho các sản phẩm tương ứng của tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: Chè Sông Bôi

87495.08-2023 **Nghiên cứu điều chỉnh mở rộng chỉ dẫn địa lý "Cao Phong" cho sản phẩm cam của huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình/** ThS Bùi Kim Đồng, - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2021; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được điều kiện địa lý của 7 xã nằm trong vùng dự kiến mở rộng bảo hộ chỉ dẫn địa lý; Đánh giá được chất lượng lý hóa của 04 giống cam CS1, xã đoài cao, xã đoài lùn và cam canh tại 07 xã của huyện Cao Phong tỉnh Hòa Bình; Xây dựng quy trình sản xuất và bảo quản cam V2; Đánh giá chất lượng cảm quan, lý hóa và ATTP cam V2 Cao Phong; Thực hiện xây dựng kế hoạch quảng bá, giới thiệu cam cao phong và sản xuất in ấn các tài liệu quảng bá; Hỗ trợ Hợp tác xã 3T nông sản Cao Phong tham gia giới thiệu sản phẩm tại Hội chợ triển lãm nông nghiệp quốc tế lần thứ 20 tổ chức tại Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: CDĐL_Cam CP

87510.08-2023 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Quất hồng bì Kỳ Sơn" cho sản phẩm quả Quất hồng bì của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình/** TS. Hà Minh Tuấn, - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đã thu thập các tài liệu liên quan đến việc xây dựng và quản lý chất lượng sản phẩm Quất hồng bì nói chung và các sản phẩm Quất hồng bì Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình nói riêng; Tổng hợp và khai thác các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến sản phẩm và vùng trồng Quất hồng bì Kỳ Sơn; Xây dựng hệ thống quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Quất hồng bì Kỳ Sơn; Hỗ trợ quảng bá, phát triển thương mại cho sản phẩm Quất hồng bì mang NHCN "Quất hồng bì Kỳ Sơn".

Số hồ sơ lưu: Quất HB_KS

87511.08-2023 **Quản lý, phát triển Chỉ dẫn địa lý "Gạo Mường Lò" cho sản phẩm gạo của cánh đồng Mường Lò, tỉnh Yên Bái/** CN. Đỗ Thị Thanh Nga, CN. Liễu Ngọc Mậu; KS. Lò Văn Vy; ThS. Vũ Đức Trung; CN. Phạm Tuấn Tài; CN. Ngô Thanh Hiền; ThS. Lương Mạnh Hà; KS. Quàn Thị Tuyết Nhung; KS. Vũ Văn Cường; KS. Vì Văn Tâm. - Thị xã Nghĩa Lộ - Văn phòng HĐND và UBND thị xã Nghĩa Lộ, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng việc sử dụng, quản lý Chỉ dẫn địa lý "Gạo Mường Lò" đối với sản phẩm gạo

của cánh đồng Mường Lò sau khi được bảo hộ; Nghiên cứu hoàn thiện, phát triển mô hình quản lý Chỉ dẫn địa lý "Gạo Mường Lò" phù hợp với tình hình thực tiễn; Xây dựng được 40 ha mô hình điểm về sản xuất lúa nguyên liệu Sém cù chất lượng cao; Nâng cấp, bổ sung bộ công cụ nhận diện, quảng bá của sản phẩm gạo mang Chỉ dẫn địa lý; Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho sản phẩm gạo mang Chỉ dẫn địa lý; Tổ chức hội thảo khoa học đánh giá mô hình quản lý, bộ công cụ nhận diện, quảng bá sản phẩm mang Chỉ dẫn địa lý.

Số hồ sơ lưu: YBI-07-2022

87544.08-2023 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Sả - Tinh Dầu Sả Thành Phố Hòa Bình" cho sản phẩm Sả và tinh dầu Sả của thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình/** ThS Hoàng Hữu Nội, - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2022; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đã mô tả các đặc tính sinh vật học các giống Sả được trồng tại thành phố Hòa Bình; Đã xác định được bộ tiêu chí cảm quan các giống Sả và tinh dầu Sả thành phố Hòa Bình; Đã xác định các tiêu chí chất lượng sinh hóa các giống Sả tại thành phố Hòa Bình; Lựa chọn 01 mẫu nhãn hiệu làm hồ sơ đăng ký cấp chứng nhận "Sả-tinh dầu Sả thành phố Hòa Bình" ; Xây dựng bản đồ khoanh vùng sản phẩm đăng ký NHCN "Sả-tinh dầu Sả thành phố Hòa Bình"; Đã trao quyền sử dụng NHCN "Sả-

tinh dầu Sả thành phố Hòa Bình" cho 10 tổ chức cá nhân; Xây dựng 01 hệ thống nhận diện và 01 hệ thống tem QR code cho sản phẩm Sả và tinh dầu sả tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: Tinh dầu sả

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

84975.08-2023 **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ quản lý nước và dinh dưỡng của Israel trong sản xuất một số loại rau quả an toàn thực phẩm tại Thanh Hóa/** TS. Trần Công Hạnh, ThS. Trần Xuân Cương; TS. Lê Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Văn Hoan; TS. Tống Văn Giang; ThS. Trịnh Lan Hồng; KS. Đỗ Văn Kỳ; ThS. Lê Huy Cường - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2021; 10/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập thông tin về tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ trong sản xuất rau quả tại 3 huyện đại diện cho 3 vùng sinh thái của tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu cơ sở dữ liệu đầu vào cho xây dựng mô hình thử nghiệm quản lý nước và dinh dưỡng trong sản xuất rau quả an toàn thực phẩm tại Thanh Hóa bằng phần mềm Nutrinet.com. Triển khai xây dựng mô hình thực nghiệm quản lý nước và dinh dưỡng trong sản xuất rau quả an toàn thực phẩm tại Thanh Hóa bằng phần mềm Nutrinet.com. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ quản lý nước và dinh dưỡng trong sản xuất rau quả an toàn thực phẩm tại Thanh Hóa. Xây dựng các giải pháp phát triển mô hình liên kết

sản xuất, chế biến trên cơ sở ứng dụng công nghệ quản lý nước và dinh dưỡng của Israel.

Số hồ sơ lưu: THA-008-2022

86996.08-2023 **Nghiên cứu xác định vùng trồng và các giải pháp kỹ thuật phát triển cây bạc hà và nuôi ong lấy mật tại vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang/** ThS. Lê Thị Mỹ Hảo, ThS. Phạm Đức Thụ; ThS. Phạm Ngọc Sơn; PGS.TS. Phạm Hồng Thái; ThS. Giang Đức Hiệp; TS. Nguyễn Văn Hiểu; TS. Nguyễn Quang Hải; ThS. Phùng Thị Mỹ Hạnh; CN. Hoàng Thị Hoa; CN. Hoàng Trọng Quý; ThS. Nguyễn Dân Trí; TS. Bùi Tân Yên; ThS. Nguyễn Thành Long; ThS. Bùi Bích Lương; ThS. Dương Thị Hằng; ThS. Đào Văn Núi - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2022; 01/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định những vùng đất đai thích hợp trồng cây bạc hà để nuôi ong quy mô đến cấp huyện. Qui trình kỹ thuật nhân giống trồng và chăm sóc cây bạc hà phục vụ nuôi ong lấy mật, qui trình nuôi ong lấy mật phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương gắn với đào tạo, tập huấn cho các hộ nông dân tại vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang. Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần tăng thu nhập của người dân. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý phát triển chuỗi mật ong bạc hà trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Đề xuất cơ chế, chính sách phát triển cây bạc hà và nuôi ong lấy mật tại vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 21591

87135.08-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất cà chua, đậu cove leo theo tiêu chuẩn VietGAP gắn truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng/** CN. Trần Thị Quỳnh Vân, CN. Nguyễn Thị Hồng Nhung; Phạm Văn Mạnh; Phạm Văn Đập; Trần Văn Thanh; Đào Thị Lan - Hải Phòng - Công ty TNHH thực phẩm Q&V Hải Phòng, 2022; 12/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tổng quan các vấn đề lý luận và thực tế có liên quan. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện dự án, đào tạo cán bộ kỹ thuật cơ sở. Kết quả xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất cà chua, đậu cove leo theo tiêu chuẩn VietGAP gắn truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm tiêu chuẩn VietGAP gắn truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp của dự án. Đánh giá kết quả đạt được mô hình và đề xuất một số giải pháp xây dựng mô hình cà chua, đậu cove leo theo VietGAP hiệu quả, bền vững.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.001

87137.08-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất chuối Tiêu Hồng theo tiêu chuẩn VietGAP và ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lý phế phụ phẩm cây chuối thành mùn hữu cơ tại xã Tây Hưng, huyện Tiên Lãng/** Phạm Văn Quyên, Bùi Thị Phương Thúy; Phạm Văn Tuyên; Lê Thị Thanh Tâm; Trần Thị Thu - Hải

Phòng - Hợp tác xã nông lâm thủy hải sản Nam Việt, 2022; 12/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tổng quan các vấn đề liên quan dự án. Chuẩn bị cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ dự án. Tiếp nhận 02 quy trình công nghệ, đào tạo 03 cán bộ, tập huấn 80 lượt người. Thực nghiệm mô hình sản xuất chuối tiêu hồng theo tiêu chuẩn VietGap gắn với truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm tại xã Tây Hưng huyện Tiên Lãng, quy mô 1 ha; Mô hình ứng dụng chế phẩm Compost maker xử lý phế phẩm cây chuối thành mùn hữu cơ, quy mô 100 tấn nguyên liệu. Đề xuất các giải pháp quản lý, vận hành, nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.003

87146.08-2023 Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất rau mầm trên giàn máy gieo mạ tự động theo tiêu chuẩn VietGAP tại Hải Phòng/ ThS. Cao Thanh Huyền, ThS. Bùi Thị Hòa; KS. Ngô Thị Nga; ThS. Vũ Thị Huyền Lan; KS. Nguyễn Quang Trung; KS. Cao Thị Thu Hiệp - Hải Phòng - Trung tâm khuyến nông Hải Phòng, 2022; 10/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất rau mầm (03 loại; rau cải ngọt, cải củ, rau muống) trên giàn máy gieo mạ tự động theo tiêu chuẩn VietGAP. Đào tạo, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho 30 lượt công nhân, nông dân vùng triển khai đề tài nắm bắt được quy

trình sản xuất rau mầm trên giàn máy gieo mạ tự động theo tiêu chuẩn VietGAP. Xây dựng và triển khai mô hình thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.010

87480.08-2023 Đánh giá khả năng thích ứng của giống đào ĐMN1 trên địa bàn huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái/ KS. Nhữ Thị Hằng, KS. Giàng A Chua; KS. Hoàng Văn Hân; KS. Lý A Khua; KS. Phạm Thị Thu Hà; KS. Lương Văn Thụ; KS. Thào A Phênh; KS. Trần Quyết Tiến. - Huyện Mù Cang Chải - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2022; 07/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, chọn hộ, chọn điểm xây dựng mô hình; Trồng thử nghiệm và đánh giá khả năng thích ứng của Đào ĐMN1; Tập huấn kỹ thuật; Hội nghị đầu

bờ.

Số hồ sơ lưu: YBI-05-2022

87507.08-2023 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất rau an toàn tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái/ ThS. Phạm Tiến Lâm, KS. Nhữ Thị Hằng; KS. Hoàng Văn Hân; KS. Lê Trọng Khang; KS. Lương Văn Thụ; KS. Giàng A Chua; KS. Nguyễn Văn Túc - Huyện Mù Cang Chải - Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Mù Cang Chải, 2022; 06/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lựa chọn địa điểm xây dựng dự án; Xây dựng hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất rau an toàn; Xây

dựng mô hình ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến sản xuất rau an toàn trong nhà lưới; Xây dựng mô hình ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến sản xuất rau an toàn ngoài tự nhiên; Đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn cho nông dân; Xây dựng nhà sơ chế sản phẩm; Thiết kế tem, nhãn mác cho sản phẩm; Hình thành chuỗi liên kết sản xuất rau an toàn

Số hồ sơ lưu: YBI-06-2022

87527.08-2023 Trồng thử nghiệm cây chanh tứ quý trên đất thịt nhẹ huyện Quảng Trạch./ ThS. Nguyễn Đại Phong; Trần Hào Quang; Lê Thị Hiền Lương; Nguyễn Văn Lâm - Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình - Công ty TNHH SXTM và DV Thanh Sơn., 2023; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây chanh tứ quý, theo dõi khả năng sinh trưởng, phát triển và thích nghi. - Hoàn thiện quy trình trồng chanh tứ quý phù hợp với địa phương để nhân rộng mô hình. Khảo sát thực tế, xây dựng thuyết minh.; Xây dựng mô hình trồng cây chanh tứ quý. Theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển, sâu bệnh hại để đánh giá khả năng thích nghi của cây chanh trong điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây chanh tứ quý phù hợp với địa phương.

Số hồ sơ lưu: 02/2023-QLKHCN-CS

87540.08-2023 Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Trám đen (*Canarium nigrum* Dai

& Yakovl) tại tỉnh Hòa Bình/ TS. Hoàng Thanh Lộc, - Hà Nội - Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng nguồn gen cây trám đen tại tỉnh Hòa Bình; Tuyển chọn 20 cây trội chính thức gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ra quyết định công nhận giống cây nông nghiệp; Đã nghiên cứu tính đa dạng di truyền của 20 cây đầu dòng; Nghiên cứu xác định thành phần, hàm lượng 20 chất trong thịt quả và trong nhân hạt của 20 cây trội; Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép cho cây trám đen tại tỉnh Hòa Bình; Xây dựng 01 mô hình 1ha vườn bảo tồn gen kết hợp với vườn cây đầu dòng; Xây dựng 01 ha thí nghiệm kỹ thuật thâm canh cây trám đen; Tổ chức 01 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép cho 20 học viên.

Số hồ sơ lưu: Trám Đen_HB

87642.08-2023 Ứng dụng tiến bộ khoa học ghép cải tạo, phát triển giống nhãn chín sớm PHS2 và chín muộn PHM99-1.1 trên gốc nhãn chất lượng thấp tại tỉnh Yên Bái/ (1). Bùi Văn Quang; Tiến sĩ - Chủ nhiệm dự án. (2). Đào Thanh Tùng; Thạc sĩ – Thư ký dự án. (3). Hà Duy Trường; Tiến sĩ – Thành viên chính. (4). Nguyễn Quỳnh Anh; Nghiên cứu sinh - Thành viên chính. (5). Bùi Tri Thức; Tiến sĩ - Thành viên (6). Vũ Văn Dũng; Thạc sĩ - Thành viên. (7). Phạm Quang Huy; Kỹ sư - Thành viên. (8). Đoàn Ngọc Cường;

Kỹ sư - Thành viên. (9). Phùng Thế Hanh; Thạc sĩ - Thành viên. (10). Vũ Thanh Nhã; Thạc sĩ - Thành viên. - Thái Nguyên - Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu Giống cây trồng và vật nuôi, 2022; 07/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra chọn điểm , chọn hộ tham gia dự án ghép cải tạo nhãn tại huyện Văn Yên và Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; Tổ chức triển khai ghép cải tạo nhãn tại huyện Văn Yên, huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái với quy mô 30 ha (tương ứng ghép 3.600 cây nhãn). Cụ thể quy mô tại mỗi huyện như sau: Huyện Văn Chấn: 20 ha (2.400 cây); trong đó: 15 ha ghép giống nhãn PHS2 (1.800 cây) và 05 ha ghép giống nhãn PHM99-1.1 (600 cây), Huyện Văn Yên: 10 ha (1.200 cây); trong đó: 05 ha ghép giống nhãn PHS2 (600 cây) và 05 ha ghép giống nhãn PHM99-1.1 (600 cây); Đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: YBI-37-2022

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

86859.08-2023 **Nguồn thực vật có tinh dầu của một số loài Thông ở Việt Nam/** PGS. TS. Trần Huy Thái, ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Nguyễn Thế Cường; TS. Đinh Thị Thu Thủy; ThS. Hà Thị Vân Anh; ThS. Lê Ngọc Diệp - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2022; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng nguồn thực vật chứa tinh dầu của một số loài Thông ở Việt Nam tại một số khu vực phân bố chính của chúng về thành phần loài, sự phân bố, hàm lượng và thành phần hóa học của tinh dầu. Tra cứu và hệ thống các thông tin nghiên cứu đã có ở trong và ngoài nước liên quan đến đề tài. Bổ sung , tập hợp, hệ thống tư liệu để tiến tới biên soạn và xuất bản bộ sách "Nguồn thực vật có tinh dầu từ một số loài Thông ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp bảo tồn, gây trồng, và sử dụng bền vững những loài có tiềm năng và giá trị nói trên.

Số hồ sơ lưu: 21539

87485.08-2023 **Tạo lập quản lý nhãn hiệu chứng nhận "Xạ đen Hòa Bình" cho sản phẩm Xạ đen của tỉnh Hòa Bình"/** Th.S Nguyễn Thị Huế, - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2022; 10/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết lập được cơ chế bảo hộ, quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm "Xạ đen Hòa Bình" nhằm kiểm soát chất lượng, xúc tiến thương mại cho sản phẩm, góp phần nâng cao được giá trị sản phẩm, giữ gìn và phát huy giá trị đặc sản của địa phương; Xây dựng được tiêu chí đánh giá chất lượng cho sản phẩm xạ đen của tỉnh Hòa Bình; Xây dựng mô hình quản lý, vận hành, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu chứng nhận, triển khai hoạt động quản bá

Số hồ sơ lưu: Xa Den_HB

87508.08-2023 **Điều tra, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp phát triển cây Trà Hoa Vàng (*Camellia sp*) trên địa bàn tỉnh Yên Bái/** TS. Trần Trung Kiên, TS. Hà Duy Trường; TS. Bùi Văn Quang; KS. Nguyễn Quỳnh Anh; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Lương Thị Kim Oanh; TS. Đặng Thị Tố Nga - Thái Nguyên - Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu Giống cây trồng và vật nuôi, 2022; 07/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng cây Trà Hoa Vàng trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Xây dựng mô hình vườn ươm nhân giống cây Trà Hoa Vàng; Xây dựng mô hình trồng Trà Hoa Vàng giai đoạn kiến thiết cơ bản tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tập huấn hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc cây Trà Hoa Vàng tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tổ chức hội thảo khoa học

Số hồ sơ lưu: YBI-07-2022

87556.08-2023 **Nghiên cứu, trồng thử nghiệm giống cây dược liệu Actiso (*Cynara colymus*) tại một số xã vùng cao của tỉnh Hòa Bình/** Th.S Nguyễn Hồng Tuấn, - Hòa Bình - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hòa Bình, 2022; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá điều kiện khí hậu, đất đai và điều kiện kinh tế xã hội liên quan đến phát triển cây Atiso tại 03 điểm của tỉnh Hòa Bình; Mở 03 lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, nhân

giống, sơ chế cho 60 hộ dân tại 03 xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Xây dựng vườn ươm 02 dòng cây Atiso tại 03 xã trên địa bàn tỉnh; Hoàn thiện quy trình nhân giống cây dược liệu Atiso từ hạt; Phân tích, kiểm nghiệm đánh giá hoạt chất Cynarin có trong cây Atiso trồng tại 03 xã vùng cao của tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: Actiso

87696.08-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học xây dựng mô hình trồng, chế biến một số sản phẩm giàu omega từ cây sacha inchi (*Plukenetia Volubilis* L.) tại huyện Bảo Yên tỉnh Lào Cai/** Nguyễn Bằng Tuyên, Hà Văn Quang Nguyễn Thị Bích Hồng; Mai Thị Thanh Tuyên; Vũ Thị Thu Hiền; Nguyễn Thị Bích Lưu; Nguyễn Thị Thanh Thủy; Trần Văn Vũ; Lê Thị Tuyết Châm; Ngô Thị Hồng Tươi - Học viện nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 09/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá đặc điểm nông sinh học, sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng của cây sacha inchi tại Xuân Hòa huyện Bảo Yên - Lào Cai; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây sacha inchi cho năng suất cao từ 2 - 3 tấn/ha/năm tại xã Xuân Hòa huyện Bảo Yên tỉnh Lào Cai; Xây dựng được mô hình trồng cây sacha inchi với diện tích 1 ha và đánh giá hiệu quả kinh tế của sacha inchi tại xã Xuân Hòa (quy mô 01ha); Đánh giá chất lượng và chế biến sản phẩm từ sacha inchi như trà túi lọc và dầu sacha inchi có hàm

lượng omega 3 từ 40 - 44%; omega 6 từ 36 - 40% và omega 9 từ 5 - 9%; Tổ chức tập huấn kỹ thuật và hội thảo khoa học đánh giá về cây sacha inchi tại Bảo Yên – Lào Cai; Chuyển giao các quy trình công nghệ nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản sacha inchi cho HTX Tiến Đoàn - xã Xuân Hòa.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-049

87703.08-2023 **Trồng cây dược liệu xuyên tâm liên trên vùng đất gò đồi tại xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch/ ThS. Trần Tiến Sỹ; Trần Thị Liên; Phạm Thị Thanh Phúc; Nguyễn Trường Thành; Nguyễn Thị Giang - Hợp tác xã Sản xuất cây dược liệu sạch và Kinh doanh nông nghiệp xã Cự Nẫm - Hợp tác xã Sản xuất cây dược liệu sạch và Kinh doanh nông nghiệp xã Cự Nẫm, 2023; 04/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xây dựng được mô hình trồng Xuyên Tâm liên trên vùng đất gò đồi tại Quảng Bình đạt năng suất và tăng giá trị cao, đạt hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường. Mô hình trồng Xuyên Tâm liên với diện tích 0,2 ha thu được 5.000 kg thân lá toại vào tháng 9/2022. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây Xuyên Tâm liên trên vùng đất gò đồi Quảng Bình. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của Xuyên Tâm liên trên vùng đất gò đồi Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 03/2023-QLKHCN-CS

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

86726.08-2023 **Nghiên cứu xác định một số giống Sen (*Nelumbo nucifera* Gaertn) phù hợp với vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ Ths. Đào Văn Minh; TS. Nguyễn Đắc Bình Minh; Ts. Nguyễn Văn Tiến; Ths. Lương Đình Doanh; Đoàn Thị Bắc; Cao Hồng Nhung; Bùi Thị Hằng; Đào Thùy Dương; Phạm Hồng Nhung; Lưu Văn Bắc; Nguyễn Chí Thiết; Lê Thị Lý - Viện nghiên cứu phát triển vùng - Viện nghiên cứu phát triển vùng, 2021; 03/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá tổng quan về sinh trưởng và phát triển của cây sen, điều kiện tự nhiên, hiện trạng trồng và chế biến các sản phẩm sen tại tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống sen trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng sen. Xây dựng mô hình trồng sen. Nghiên cứu chế biến thử nghiệm một số sản phẩm từ cây sen. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhân rộng phát triển thương mại hóa sản phẩm từ cây sen.

Số hồ sơ lưu: 22/ĐTKHVP/2019-2021

87156.08-2023 **Xây dựng dự án sản xuất nấm Kim châm theo tiêu chuẩn VietGAP gắn truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm tại xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng/ ThS. Bùi Thị Hòa, KS. Đào Mạnh Hùng;**

KS. Cao Thị Thu Hiệp; KS. Nguyễn Thị Mùa; Đào Quang Vĩnh - Hải Phòng - Trung tâm khuyến nông Hải Phòng, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan các vấn đề có liên quan về sản xuất và tiêu thụ nấm kim châm tại một số tỉnh, Hải Phòng và vùng triển khai dự án. Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ dự án. Tiếp nhận công nghệ chuyển giao, đào tạo tập huấn kỹ thuật. Xây dựng và triển khai thực nghiệm mô hình. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.015

87474.08-2023 Nghiên cứu tính thích ứng của giống Lạc đen CNC1 tại huyện Lục Yên và Yên Bình, tỉnh Yên Bái./ Nguyễn Quang Huy, Thạc sĩ Nguyễn Văn Huân; Thạc sĩ Ninh Khắc Bẩy; Cử nhân Nguyễn Hồng Ngọc; Kỹ sư Mai Thị Như Trang; Tiến sĩ Nguyễn Thị Kim Thúy; Thạc sĩ Nguyễn Đức Duy; Thạc sĩ Trần Quốc Tuấn; Thạc sĩ Lã Tuấn Hưng - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, khảo sát chọn địa điểm triển khai thực hiện nhiệm vụ. Trồng thử nghiệm giống Lạc đen CNC1. Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, tình hình dịch hại của giống Lạc đen CNC1 so với giống Lạc đang trồng tại địa phương. Tập huấn kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: YBI-36-2023

87018.08-2023 Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang/ KS. Ông Khắc Nở, - Bắc Giang - Công ty TNHH sinh vật cảnh Hoàng Linh, 2022; 11/2018 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình sản xuất rau chất lượng cao trong nhà lưới; Mô hình sản xuất rau trong nhà lưới đơn giản theo tiêu chuẩn VietGAP; Mô hình sản xuất rau an toàn ngoài đồng ruộng. Xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ rau an toàn.

Số hồ sơ lưu: 21592

87097.08-2023 Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả/ TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt, ThS. Cao Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Huyền Thu ; TS. Nguyễn Đình Đáp; Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được cơ sở lý luận về bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững. Phân tích nguồn vốn tự nhiên dưới dạng phân tích thực trạng và tình hình sử dụng một số một số nguồn tài nguyên cơ bản (đất, nước) phục vụ phát triển nông nghiệp ở vùng hạ lưu sông Cả. Phân tích thực trạng bảo tồn, phát triển

các nguồn vốn tự nhiên (đất, nước) phục vụ cho phát triển nông nghiệp ở hạ lưu sông Cả. Đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát triển một số nguồn vốn tự nhiên cơ bản phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả.

Số hồ sơ lưu: 21626

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

86873.08-2023 **Khai thác và phát triển nguồn gen vịt Sín Chéng/BSTY.** Lã Thành Bắc, KS. Phạm Văn Quảng; BSTY. Ngô Văn Độ; KS. Vũ Kiều Hưng; TS. Đặng Vũ Hòa; ThS. Nguyễn Quyết Thắng; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; CN. Vũ Thị Hương; CN. Viên Đình Hiệp - Lào Cai - Công ty TNHH MTV giống gia cầm Lào Cai, 2022; 12/2016 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo đàn hạt nhân vịt Sín Chéng với quy mô 250 mái sinh sản, có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống. Năng suất trứng/mái/năm ≥ 145 quả; tỷ lệ trứng phôi $\geq 90\%$ và tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 85\%$. Xây dựng được 03 mô hình (200-500 mái/mô hình) đàn sản xuất vịt Sín Chéng với quy mô 1000 mái, có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống. Năng suất trứng/mái/năm ≥ 140 quả; tỷ lệ trứng phôi $\geq 90\%$ và tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 84\%$. Xây dựng được 04 mô hình đàn vịt Sín Chéng thương phẩm với

quy mô 4000 con. Khối lượng 12 tuần tuổi $\geq 1,5\text{kg/con}$; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 3,0$ kg. Xây dựng được quy trình chọn đàn hạt nhân, quy trình chăn nuôi vịt Sín Chéng sinh sản và thương phẩm. Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân, đàn sản xuất và đàn thương phẩm vịt Sín Chéng. Báo cáo đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của vịt Sín Chéng; Báo cáo đánh giá AND và Báo cáo đánh giá năng suất thân thịt và chất lượng thịt vịt Sín Chéng.

Số hồ sơ lưu: 21531

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

86903.08-2023 **Phát hiện taxon mới thuộc nhóm các loài ong bắt mồi phân họ Eumeninae (Hymenoptera: Vespidae) ở khu vực dãy Trường Sơn, Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Liên, TS. Nguyễn Quang Cường; GS. Tiến sỹ. Trương Xuân Lam; TS. Nguyễn Thành Mạnh; ThS. Bùi Thị Quỳnh Hoa; ThS. Trần Thị Ngát; ThS. Nguyễn Đức Hiệp - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2022; 04/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành điều tra và thống kê các loài ong bắt mồi thuộc phân họ Eumeninae ở các khu bảo tồn và vườn quốc gia thuộc dãy Trường Sơn của Việt Nam. Mô tả các taxon mới cho khoa học (loài/giống mới), thiết lập khóa phân loại cho các loài đã biết cũng như các loài mới được

mô tả của phân họ *Eumeninae*. Nghiên cứu hệ thống cũng như nghiên cứu tu chính phân loại các loài thuộc phân họ *Eumeninae*, đây là tiền đề cho việc đánh giá độ phong phú về loài ở khu vực nghiên cứu, bổ sung kiến thức cho những nghiên cứu về địa lý sinh vật và sự phát sinh của các loài trong nhóm sau này.

Số hồ sơ lưu: 21545

87077.08-2023 **Sản xuất thử nghiệm gà Cáy củm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc/** TS. Bùi Thị Thơm, ThS. Ma Thị Trang; PGS. Tiến sỹ. Trần Văn Phùng; ThS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Đức Trường; ThS. Đào Thị Hồng Chiêm; KS. Hoàng Văn Hưng; ThS. Dương Thị Khuyên; KS. Nguyễn Văn Hiên; Tô Hoài Đức - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2022; 09/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Quy trình chăn nuôi gà cáy củm sinh sản, bao gồm quy trình thụ tinh nhân tạo và định lượng thức ăn cho gà nuôi sinh sản ở giai đoạn hậu bị. Phương thức chăn nuôi thích hợp cho gà cáy củm thương phẩm. Các mô hình chăn nuôi sinh sản và thương phẩm gà cáy củm có sự tham gia của doanh nghiệp: 02 mô hình chăn nuôi gà sinh sản, quy mô: 500 con/năm/mô hình, chỉ tiêu kỹ thuật: Năng suất trứng: 115 quả/mái/năm; Tỷ lệ trứng có phôi/ trứng ấp $\geq 76\%$ và tỷ lệ nở/ trứng có phôi $\geq 90\%$. 04

mô hình chăn nuôi gà thương phẩm, quy mô: 2000 con/năm/mô hình (tối đa 02 cơ sở/năm/mô hình), chỉ tiêu kỹ thuật: Khối lượng trung bình đến 20 tuần tuổi ≥ 1.950 g; Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng ≤ 4.100 g

Số hồ sơ lưu: 21635

87083.08-2023 **Nghiên cứu ứng dụng một số giải pháp kỹ thuật trong chăn nuôi Thỏ hiệu quả, bền vững và vệ sinh an toàn thực phẩm tại xã An Dương, huyện Tân Yên và xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang/** PGS. TS. Lê Thị Thúy, TS. Vũ Hoàng Trung; TS. Lê Thị Nga; TS. Trần Thị Mai Phương; TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Lý Thị Luyến; ThS. Trần Thị Kim Anh; CN. Bùi Đức Trân - Hà Nội - Hội Chăn nuôi Việt Nam, 2022; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tri thức bản địa, ứng dụng một số giải pháp kỹ thuật tiến tiến phù hợp với điều kiện vùng trung du, miền núi tại 2 xã Minh Đức, huyện Việt Yên và xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang: bao gồm quy trình về chọn lọc, nhân giống và loại thải giống, quy trình chế biến thức ăn, quy trình thú y và quy trình giết mổ trong chăn nuôi thỏ. Thí điểm ứng dụng khoa học công nghệ đồng bộ trên đàn thỏ sinh sản và thỏ thịt thương phẩm bao gồm: cải tạo giống, cải tiến thức ăn, quy trình thú y, chuồng trại, nâng cao năng suất, giá trị gia tăng, giảm

ô nhiễm môi trường, phù hợp với điều kiện, trình độ của nông hộ tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: 21642

40205. Bảo vệ động vật nuôi

86869.08-2023 **Phân tích quần thể gen kháng kháng sinh và mối liên quan đến tỷ lệ vi khuẩn mang gen ndm và mcr-1 kháng kháng sinh từ các ổ chứa ở cộng đồng tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam/** TS. Trần Huy Hoàng, GS. TS. Đặng Đức Anh; PGS. TS. Trần Như Dương; ThS. Nguyễn Thị Hiền Anh; ThS. Trần Thị Vân Phương; ThS. Phạm Duy Thái; TS. Trần Diệu Linh; ThS. Trần Thị Mai Hưng; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương; TS. Nguyễn Thị Phương Liên; CN. Nguyễn Hiệp Lê Yên; BS. Trịnh Hoài Linh; ThS. Lê Thanh Hương; CN. Nguyễn Hà Thanh - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2022; 09/2018 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tỷ lệ vi khuẩn mang gen MCR-1 và NDM - trong các nguồn khác nhau ở tỉnh Hà Nam; Mô tả sự lan truyền MCR-1 và NDM - trong các nguồn trong cộng đồng; Phân tích quần thể gen kháng sinh MCR-1 và NDM. Nghiên cứu xác định 1 số yếu tố liên quan đến tình trạng nhiễm E. coli mang gen mcr-1 ở người như tuổi, kiến thức, thái độ, đặc điểm hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là gợi ý về vai trò của ruồi trong sự lan truyền của gen KKS giữa người và vật nuôi thông qua các

phân tích thống kê và củng cố thêm bằng dữ liệu sinh học phân tử của các chủng vi khuẩn.

Số hồ sơ lưu: 21538

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

86745.08-2023 **Ứng dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo giống bò mới Blonde và Wagyu với đàn bò cái nền lai Zebu nhằm nâng cao năng suất và chất lượng đàn bò thịt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** Ths. Bùi Như Ý; TS. Vũ Hoàng Lâm; Ths. Phùng Thị Thu Hà; Nguyễn Thu Hương; KS. Dương Văn Phương; Ths. Dương Thị Vân; Nguyễn Thị Liên Hương; KS. Nguyễn Thị Hải Anh; KS. Nguyễn Thị Hải Anh; KS. Lê Thị Lý; Ths. Nguyễn Văn Lâm - Trung tâm khuyến nông Vĩnh Phúc - Trung tâm khuyến nông Vĩnh Phúc, 2021; 03/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tổng quan về đàn bò và thực trạng, tiềm năng về chăn nuôi bò trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Bình tuyển đàn bò cái nền lai Zebu; Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò cái sinh sản và bò thịt cho người chăn nuôi; Thụ tinh nhân tạo cho đàn bò cái nền lai Zebu đã được bình tuyển bằng tinh bò Wagyu và tinh bò Blonde; Theo dõi các chỉ tiêu sinh sản (tỷ lệ thụ thai, tỷ lệ đẻ) của đàn bò cái nền lai Zebu khi phối giống bằng tinh bò Wagyu và tinh bò Blonde; Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật (khối lượng sơ sinh, tỷ lệ nuôi sống, sinh trưởng tích lũy, sinh trưởng tuyệt đối, kích thước các

chiều đo) của đàn bò lai F1 được sinh ra từ đàn bò lai Zebu phối giống bằng tinh bò Wagyu và tinh bò Blonde; Mô khảo sát đánh giá năng suất và chất lượng thịt bò lai Wagyu và Blonde; đề xuất các giải pháp, kiến nghị phát triển đàn bò lai Wagyu và Blonde trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 27/ĐTKHVP 2019-2021

87566.08-2023 Nghiên cứu lai giữa gà H're với gà Kiến, gà Nòi để tạo gà thương phẩm có năng suất, chất lượng cao./ KS. Lê Thị Quỳnh Trang, KS. Lê Thị Hải Vân CN. Nguyễn Vĩnh Linh; CN. Nguyễn Thị Thanh Bình; CN. Võ Tín Dũng; KS. Nguyễn Tấn Thọ; CN. Trương Hoàng Diệu Linh; Lê Thị Thúy Hạnh - Quảng Ngãi - Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, 2022; 09/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thực hiện thử nghiệm các công thức lai kinh tế đơn giản giữa gà trống H're với gà mái Kiến, trống Kiến với mái H're, trống Nòi với mái H're. Đã tạo ra được 3 tổ hợp lai là: Tổ hợp lai F1 (trống H're x mái Kiến); F1 (trống Kiến x mái H're) và F1 (trống Nòi x mái H're). Qua theo dõi đánh giá các chỉ tiêu về ngoại hình, tỉ lệ sống (khả năng kháng bệnh), tốc độ tăng trọng, tiêu hao thức ăn cho 1 kg tăng trọng mang 50% máu mẹ, 50% máu bố. Tỷ lệ ấp nở của các tổ hợp lai lần lượt là: 69,33%, 70%, 73%.

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-006

87734.08-2023 Đánh giá, so sánh năng suất, chất lượng thịt và đề xuất giải pháp chăn nuôi hiệu quả cho các tổ hợp bò lai tại Quảng Ngãi làm cơ sở định hướng xây dựng thương hiệu thịt bò Quảng Ngãi./ PGS.TS. Đinh Văn Dũng, TS. Lê Đức Thọ; GS.TS. Lê Đình Phùng; PGS.TS. Nguyễn Xuân Bả; PGS.TS. Nguyễn Hữu Văn; GS.TS. Lê Đức Ngoan; KS. Trần Ngọc Long; ThS. Lê Văn Nam; TS. Nguyễn Văn Huế; ThS. Dương Thị Hương; ThS. Võ Thị Minh Tâm; KS. Lê Thị Thu Hằng; KS. Lê Trần Hoàn; ThS. Thân Thị Thanh Trà - TP. Huế - Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế, 2023; 07/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra 200 hộ có nuôi bò lai chuyên thịt (bò lai BBB, lai Red Angus, lai Droughtmaster, lai Charolais), 15 thương lái buôn bò, 10 lò giết mổ bò, 24 người bán sỉ, 24 người bán lẻ, 10 điểm bán bê thui, 2 siêu thị có bán thịt bò, 50 người tiêu dùng thịt, 5 cơ sở cung cấp tinh, 10 đại lý bán thức ăn cho vật nuôi; thiết kế thí nghiệm và khẩu phần với 32 con bò để đánh giá năng suất và chất lượng thịt của 04 tổ hợp bò lai nuôi tại Quảng Ngãi; đề xuất được giải pháp kỹ thuật chăn nuôi bò lai chuyên thịt; tập huấn 50 cán bộ quản lý chăn nuôi và 150 người dân nuôi bò lai chuyên thịt...

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-008

40404. Sinh thái và môi trường rừng

86861.08-2023 **Động thái cấu trúc không gian-thời gian của các quần thể rừng tự nhiên Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Hồng Hải, TS. Đào Thị Hoa Hồng; PGS. TS. Bùi Thế Đồi; TS. Vương Duy Hưng; TS. Catalin Petritan; TS. Phạm Thế Anh; TS. Vũ Tiến Hưng; TS. Cao Thị Thu Hiền - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu động thái không gian và thời gian của cấu trúc các quần thể rừng nhiệt đới ở Việt Nam, tập trung vào hai kiểu rừng chính là: rừng tự nhiên lá rộng thường xanh và rừng tự nhiên họ dầu nửa rụng lá; Tìm các cơ chế sinh thái và môi trường đã điều chỉnh động thái rừng và đề xuất phương pháp kỹ thuật lâm sinh và sinh thái để quản lý rừng bền vững; nâng cao năng lực cho nghiên cứu viên, cũng như hỗ trợ sinh viên và học viên cao trong nghiên cứu về điều tra rừng, sinh thái rừng và phân tích thống kê.

Số hồ sơ lưu: 21535

87487.08-2023 **Đánh giá thực trạng rừng trồng sản xuất và đề xuất loài cây trồng chủ lực phù hợp với điều kiện lập địa, nâng cao hiệu quả kinh doanh rừng và thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Hòa Bình/** PGS. TS Nguyễn Minh Thanh, - Hòa Bình - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2021; 10/2020 -

12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được sinh trưởng của các loài cây trồng rừng sản xuất qua đó đánh giá các giải pháp lâm sinh và các phương thức trồng rừng; Xác định được các loại cây trồng rừng thích hợp với điều kiện lập, nâng cao hiệu quả trồng rừng trên địa bàn tỉnh; Đánh giá được tình hình khai thác sử dụng gỗ rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường từ các diện tích rừng trồng hiện có; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trồng rừng sản xuất ở khu vực.

Số hồ sơ lưu: Cây trồng chủ lực

87591.08-2023 **Điều tra phân bố và đánh giá tình trạng bảo tồn của một số loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, đề xuất các giải pháp quản lý bảo tồn và phát triển tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng./** ThS. Đinh Huy Trí; Lưu Hồng Trường; Bùi Ngọc Thành; Nguyễn Quang Vĩnh ; Lê Thuận Kiên ; Lê Phương Nam; Hoàng Mạnh Hùng - Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình - Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, 2023; 08/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững 8 loài thực vật nguy cấp, quý hiếm và có giá trị kinh tế cao tại Vườn quốc gia, góp phần bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ

Bàng. Xác định được vùng phân bố của 8 loài thực vật nguy cấp, quý hiếm và có giá trị kinh tế cao tại Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; - Đánh giá hiện trạng bảo tồn và xác định tình trạng bảo tồn của chúng theo Danh mục đỏ thế giới (IUCN, 2021) và Sách Đỏ Việt Nam (2007); - Xây dựng cơ sở dữ liệu của 08 loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế cao tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng - Đề xuất các giải pháp quản lý bảo vệ và phát triển bền vững cho các loài này tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Số hồ sơ lưu: 06/2023

40405. Giống cây rừng

86868.08-2023 Ứng dụng khoa học kỹ thuật phát triển công nghệ sản xuất cây giống lâm nghiệp mới, chất lượng cao phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn tại một số vùng miền núi tỉnh Bình Định/ KS. Phan Thị Hạnh, TS. Nguyễn Xuân Quang; CN. Phạm Nguyễn Bích Trâm; ThS. Huỳnh Thị Minh Thúy; CN. Lê Thị Quyên; CN. Trần Thị Cẩm Ái; CN. Nguyễn Hà Ngọc Quý; Lý Thị Thủy Tiên - Bình Định - Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ Cây trồng Nguyên Hạnh, 2022; 07/2018 - 01/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng thành công các quy trình công nghệ tiên tiến trong sản xuất cây giống lâm nghiệp mới, chất lượng cao (keo lá tràm: Clt7, Clt18, Clt26; bạch đàn Caman: C55; BV22; bạch đàn lai UP54)

vào trồng rừng cây gỗ lớn tại một số vùng miền núi tỉnh Bình Định. Tiếp nhận và hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống nuôi cấy mô ở quy mô công nghiệp cho các giống được lựa chọn của Dự án. Xây dựng 01 mô hình sản xuất cây giống nuôi cấy mô công suất 2 triệu cây. Xây dựng 04 mô hình sản xuất cây giống mô hom cải tiến công suất 01 triệu cây/mô hình thông qua việc hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây giống bằng công nghệ mô hom cải tiến cho 4 vườn ươm thuộc các đơn vị sản xuất tham gia Dự án

Số hồ sơ lưu: 21532

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

82677.08-2023 Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực Miền Bắc/ PGS. TS. Đặng Thị Lua, TS. Vũ Văn In; ThS. Lê Ngọc Khánh; ThS. Nguyễn Hải Sơn; TS. Võ Văn Bình; KS. Tăng Thị Lành; KS. Phạm Văn Thìn; KS. Đinh Thị Hạnh; KS. Trần Trọng Lượng; PGS. TS. Nguyễn Quang Huy - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập mới 02 nguồn gen cá hồng vằn (*Lutjanus sebae*) và cá rai (*Neolissochilus benasi*), thu thập bổ sung nguồn gen cá mát (*Onychostoma laticeps*). Mỗi loài thu thập từ 10- 50 cá thể. Bảo tồn, lưu giữ an toàn 15 nguồn gen thủy hải sản và 5 nguồn gen vi tảo. Đánh

giá sơ bộ nguồn gen cá hồng vằn và cá rai về đặc điểm hình thái, sự phân bố và khả năng thích nghi điều kiện nuôi; Đánh giá chi tiết nguồn gen cá hồng, cá mát và 5 nguồn gen vi tảo. Hoàn thiện việc cập nhật thông tin các nguồn gen bảo tồn, lưu giữ trên website của nhiệm vụ. Trao đổi thông tin, cung cấp nguồn gen với các đơn vị của nhiệm vụ

Số hồ sơ lưu: 19827

40504. Nuôi trồng thủy sản

84980.08-2023 **Ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp thông minh, xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chẽm (*Lates calcarifer* (Bloch, 1790) theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn VietGAP quy mô công nghiệp tại Thanh Hóa/ ThS. Vũ Văn Hà, - Thanh Hóa - Công ty TNHH DV & TM Trường Giang, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Chuyển giao, tiếp nhận, đào tạo, tập huấn các quy trình công nghệ ương giống cá Chẽm trong nhà mái che và quy trình nuôi thương phẩm cá Chẽm theo quy trình VietGAP. Xây dựng mô hình ương giống cá Chẽm. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chẽm theo quy trình VietGAP. Triển khai mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ ương giống đến nuôi thương phẩm và tiêu thụ cá Chẽm. Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá Chẽm. Tập huấn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Chẽm cho nông dân. Xây dựng phương án sử dụng, nhân rộng kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: THA-011-2022

86860.08-2023 **Đánh giá chất lượng tinh trùng, trứng và ấu trùng cá chẽm mõm nhọn (*Psammoperca waigiensis*) thông qua việc cải thiện dinh dưỡng cá bố mẹ trong điều kiện biến đổi khí hậu/ PGS. TS. Lê Minh Hoàng, PGS. TS. Phạm Quốc Hùng; TS. Phạm Đức Hùng; TS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Phan Văn Út - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2022; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá chất lượng tinh trùng, trứng và ấu trùng cá chẽm mõm nhọn *Psammoperca waigiensis* thông qua việc cải thiện dinh dưỡng cá bố mẹ trong điều kiện biến đổi khí hậu. Nghiên cứu ảnh hưởng của vitamin C đến khả năng chịu đựng biến động nhiệt độ của cá chẽm mõm nhọn *Psammoperca waigiensis* giai đoạn giống. Đánh giá chất lượng tinh trùng, trứng và ấu trùng cá chẽm mõm nhọn thông qua việc bổ sung vitamin E, vitamin C, vào thức ăn cá bố mẹ.

Số hồ sơ lưu: 21534

87121.08-2023 **Hoàn thiện quy trình công nghệ ương nuôi tôm hùm (*Panulirus ornatus*) giống./ ThS. Đinh Tấn Thiện, TS. Lê Văn Chí; TS. Trương Quốc Thái; ThS. Lê Thị Nhàn; KS. Nguyễn Diều; CN. Nguyễn Văn Thắng; KTV. Nguyễn Ngọc Hà - Nha Trang - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng được Quy trình công nghệ ương nuôi tôm hùm (*Panulirus ornatus*) giống. Xây dựng được dự thảo tiêu chuẩn tôm hùm giống đưa vào ương nuôi đạt hiệu quả. Tập huấn, đào tạo 60 học viên về Quy trình công nghệ ương nuôi tôm hùm giống. Sản xuất được 20.000 con tôm hùm giống với khối lượng 15-20 g/con đạt chất lượng cao. Nâng cao hiệu quả ương nuôi tôm hùm giống góp phần phát triển bền vững nghề nuôi tôm hùm ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21654

87136.08-2023 Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm cá nác [*Boleophthalmus pectinirostris* (Linnaeus, 1758)] tại Hải Phòng/ ThS. Đặng Minh Dũng, ThS. Phạm Thành Công; ThS. Đỗ Mạnh Dũng; ThS. Lại Duy Phương; ThS. Nguyễn Xuân Sinh; CN. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Nguyễn Quốc Tĩnh; KTV. Trần Tuấn Anh - Hải Phòng - Trung tâm Phát triển Nghề cá Vịnh Bắc Bộ, 2022; 11/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Kết quả nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo cá nác: lựa chọn chế độ dinh dưỡng nuôi vỗ cá bố mẹ; xác định loại, liều lượng kích dục tố kích thích sinh sản; lựa chọn chế độ dinh dưỡng ương nuôi cá nác; kết quả xây dựng các bước kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo cá nác. Kết quả nghiên cứu thử nghiệm nuôi thương phẩm cá nác bằng nguồn giống nhân tạo. Hoàn thiện quy trình sản xuất giống

và nuôi thương phẩm cá nác tại Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.002

87151.08-2023 Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá song trên châu tại Hải Phòng/ ThS. Hoàng Nhật Sơn, ThS. Bùi Văn Điền; KS. Phạm Văn Thìn; ThS. Lê Minh Toán; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; ThS. Đỗ Xuân Hải; ThS. Vũ Đình Thúc; KS. Trần Trọng Lượng; KS. Bùi Mỹ Ánh; Nguyễn Văn Công; Ngô Văn Tuấn; Đỗ Mạnh Dũng - Hải Phòng - Trung tâm quốc gia giống hải sản miền Bắc, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất giống cá song trên châu phù hợp với điều kiện Hải Phòng: các chỉ tiêu kỹ thuật đạt được: tỷ lệ thụ tinh: 80,9-88,9%; tỷ lệ trứng nở: 81,3-85,7%; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương: 5,01 – 5,4%; từ cá hương lên cá giống: 80,08-88,39%. Xây dựng và hoàn thiện được 02 quy trình nuôi thương phẩm cá song trên châu: quy trình nuôi thương phẩm cá song trên châu trong lồng bè phù hợp điều kiện Hải Phòng: chỉ tiêu kỹ thuật đạt được: tỷ lệ sống: 63%; kích cỡ trung bình $\geq 1,0\text{kg/con}$; năng suất: 603,5 kg/lồng (27m³); quy trình nuôi thương phẩm cá song trên châu trong ao đất phù hợp với điều kiện Hải Phòng: chỉ tiêu kỹ thuật đạt được: tỷ lệ sống: 67,2%; kích cỡ trung bình $\geq 1,0\text{kg/con}$; năng suất: 5,6 tấn/ha.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.013

87496.08-2023 **Ứng dụng khoa học và công nghệ sản xuất và ương giống Ngao hai còi (*Tapes conspersus*) tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.**/ ThS. Đỗ Văn Kiên, KS. Nguyễn Văn Nam; CN.Trần Thị Linh; KTV. Trần Văn Hoà; KTV. Trần Văn Thành; KTV. Nguyễn Văn Tùng; KTV.Trần Văn Đạo; KTV. Nguyễn Văn Hùng; CN. Trịnh Xuân Đạo; ThS. Hoàng Thị Như Loan. - Ninh Bình - Công ty TNHH Thủy sản Quang Đạo, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp nhận và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống Ngao hai còi và ương lên giống cấp 2 phù hợp điều kiện sản xuất tại huyện Kim Sơn; Xây dựng mô hình sản xuất giống Ngao hai còi và ương giống từ cấp 1 lên giống cấp 2 Ngao hai còi tại huyện Kim Sơn. Ngao giống cấp 1 sản xuất được 80 triệu con giống kích cỡ 2-3mm/con đảm bảo tiêu chuẩn làm giống. Ngao giống cấp 2 sản xuất được 8 triệu con giống kích cỡ 10-15mm/con đảm bảo tiêu chuẩn làm giống; Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất nhân tạo giống ngao hai còi và ương giống cấp 1 lên cấp 2 phù hợp điều kiện sản xuất tại huyện Kim Sơn.

Số hồ sơ lưu: NBH-2023-04-KQNC

87497.08-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất giống hào cửa sông (*Crassostrea rivularis*) tại vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn/** KS.Trần Văn

Công, CN. Nguyễn Văn Trung; KTV.Trần Văn Nhật; CN.Trần Thị Linh; KTV. Trần Thị Duyên; KTV. Trần Quang Tinh; KTV. Phạm Văn Cương; KTV. Nguyễn Văn Phi; ThS. Trịnh Đức Dũng; ThS. Trần Anh Đức - Ninh Bình - Công ty TNHH Thủy sản Việt Nhật, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp nhận, hoàn thiện quy trình công nghệ và xây dựng mô hình sản xuất giống hào cửa sông, đảm bảo con giống khoẻ mạnh, chất lượng tại huyện Kim Sơn; Xây dựng mô hình sản xuất giống hào cửa sông , tạo ra 100 triệu con giống đảm bảo con giống khỏe mạnh, chất lượng và sạch bệnh tại huyện Kim Sơn; Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống hào cửa sông phù hợp với điều kiện tự nhiên tại huyện Kim Sơn.

Số hồ sơ lưu: NBH-2023-03-KQNC

87530.08-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi thử nghiệm cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus* (Rafinesque, 1818) tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình/** KS. Nguyễn Trung Tiến, TC. Vũ Đức Thiện; CN. Phạm Thị Hiên; CN. Nguyễn Văn Cử; CN. Nguyễn Văn Bình; ThS. Tô Quốc Việt; ThS. Nguyễn Văn Tốt; KS. Lê Anh Tuấn; ThS. Đinh Thị Thanh Bình; ThS. Đinh Thị Mỹ Hạnh. - Ninh Bình - Công ty TNHH dinh dưỡng Hưng Thịnh, 2023; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp nhận và hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá

Nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus* (Rafinesque, 1818)) phù hợp với điều kiện tự nhiên huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; Xây dựng thành công mô hình nuôi thử nghiệm cá Nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus* (Rafinesque, 1818)) tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, Quy mô: 01 ha/vụ/năm, Năng suất: ≥ 30 tấn/ha; Đánh giá việc thích nghi điều kiện tự nhiên và hiệu quả kinh tế của việc nuôi thử nghiệm cá nheo Mỹ tại huyện Yên Mô; Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus* (Rafinesque, 1818)) phù hợp với điều kiện tự nhiên huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-2023-005-KQNC

87650.08-2023 **Xây dựng mô hình nuôi cá rô phi siêu thâm canh bằng công nghệ biofloc tại tỉnh Lào Cai/** KS. Hoàng Thị Thanh Xuân, CN. Phạm Hồng Cương; KS. Bùi Văn Hồng; KS. Bùi Trung Tá; CN. Trần Thị Phụng; Nguyễn Văn Hòa; Chu Ngọc Hạnh - Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN tỉnh Lào Cai - Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN tỉnh Lào Cai, 2023; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ biofloc của Israel trong nuôi siêu thâm canh cá rô phi; Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ biofloc trong nuôi siêu thâm canh cá rô phi.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-0450

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

87140.08-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất và sử dụng đá Nano UFB để bảo quản mực ống trên tàu khai thác thủy sản tại Hải Phòng/** ThS. Phạm Văn Tuyển, ThS. Đặng Văn An; ThS. Phạm Văn Tuấn; KS. Nguyễn Thành Công; ThS. Phan Đăng Liêm; ThS. Phạm Thị Diễm; KS. Nguyễn Văn Thành; TS. Bùi Thị Thu Hiền; KS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Đức Bình - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2022; 12/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan được các vấn đề nghiên cứu có liên quan là cơ sở khoa học để đề tài thực hiện xây dựng quy trình sản xuất nước đá Nano UFB và bảo quản mực ống bằng nước đá Nano UFB. Xây dựng được quy trình sản xuất nước đá Nano UFB đạt 200 cây/mẻ với thông số chi tiết, rõ ràng. Các thông số, kỹ thuật của quy trình sản xuất nước đá Nano UFB dựa kết quả nghiên cứu ở quy mô thí nghiệm (loại đá 5 kg/cây) và ở quy mô thực nghiệm sản xuất (loại đá 25 kg/cây). Nghiên cứu bảo quản mực ống bằng nước đá Nano UFB, xác định điều kiện xử lý mực trước khi bảo quản là ngâm hạ nhiệt trong hỗn hợp nước biển và nước đá Nano UFB. Kết quả thử nghiệm bước đầu bảo quản cá bạc má bằng nước đá Nano UFB tốt hơn nước đá thông thường và thời gian bảo quản khuyến cáo lân cận trong 15÷18

ngày, thời gian bảo quản cá bạc má (thí nghiệm BM1) bằng nước đá Nano UFB tăng thêm khoảng 30-35% so với mẫu đối chứng (mẫu bảo quản theo quy trình của ngư dân trên tàu).

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.004

40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác

87147.08-2023 Xây dựng mô hình nuôi thâm canh cá rô phi trong môi trường nước lợ bằng công nghệ Biofloc tại phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng/ KS. Phạm Văn Bảo, TS. Nguyễn Xuân Thành; ThS. Lê Minh Hiệp; ThS. Hoàng Việt Hùng; Lương Thái Hoàng; KS. Nguyễn Hùng Cường; Đoàn Thị Thư; Bùi Văn Tám - Hải Phòng - Công ty TNHH phát triển thủy sản hải sản Hoàng Hương, 2022; 12/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan những vấn đề lý luận có liên quan. Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất trang thiết bị thực hiện dự án. Đào tạo 05 kỹ thuật viên của đơn vị và tập huấn cho 40 người dân nuôi trồng thủy sản có thể chủ động sản xuất. Tiếp nhận và làm chủ quy trình kỹ thuật nuôi cá rô phi thâm canh trong môi trường nước lợ bằng công nghệ biofloc và thực hiện thành công mô hình nuôi quy mô 0,5 ha năng suất đạt > 32 tấn/ha, đạt hiệu quả kinh tế 309 triệu đồng/ha/vụ nuôi.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.011

87733.08-2023 Nghiên cứu sinh sản nhân tạo và nuôi thử nghiệm

thương phẩm cá bóng cát sông Trà (*Glossogobius sparsipapillus*) tỉnh Quảng Ngãi./ KS. Lê Văn Diệu, ThS. Dương Tuấn Phương; ThS. Phạm Trường Giang; KS. Võ Thành Nhân; KS. Nguyễn Thị Ánh Dung; KS. Lê Thị Ngọc Hà; CN. Nguyễn Thị Liệu; ThS. Nguyễn Hữu Thái; KS. Nguyễn Bá Quyền - Quảng Ngãi - Trung tâm Quốc gia Giống Thủy sản nước ngọt miền Trung, 2022; 07/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu sinh sản nhân tạo với tổng số cá bột thu được qua các năm khoảng 2 triệu con; thí nghiệm về ương giống cá bóng cát trong bể và trong ao với tổng số cá giống sản xuất được là 148.000 con. Xây dựng được 02 hướng dẫn kỹ thuật sinh sản nhân tạo và ương giống, cá bóng cát sông Trà Khúc và kỹ thuật nuôi thương phẩm cá bóng cát trong ao; xây dựng được 01 hướng dẫn kỹ thuật sinh sản nhân tạo và ương giống cá bóng cát sông Trà và 01 hướng dẫn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá bóng cát sông Trà trong ao, là cơ sở để tiếp tục thực hiện các nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sinh sản nhân tạo, ương giống và nuôi thương phẩm cá bóng cát sông Trà trong những năm tới; sản xuất con giống nhân tạo cá bóng cát sông Trà thành công, mô hình thử nghiệm nuôi thương phẩm bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, mùa vụ nuôi xen canh tại những vùng nuôi tôm vào mùa lạnh, là cơ sở để phát triển nuôi

cá bóng cát sông Trà trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-007

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

87466.08-2023 **Ứng dụng khoa học công nghệ hoàn thiện quy trình nhân giống, nuôi trồng thu sinh khối, chế biến tảo xoắn *Spirulina* tại thành phố Tam Điệp/ CN.** Nguyễn Thị Dung, CN. Nguyễn Văn Biên; CD. Vũ Thị Quy; CN. Nguyễn Thị Thanh Thủy ; ThS. Phạm Thị Hương Giang; KTV. Nguyễn Phi Long; KTV. Nguyễn Ngọc Thạch; CN. Đinh Thị Thu Thủy; ThS. Vương Thị Thơm; KTV. Vũ Xuân Độ. - Tam Điệp - Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Tảo Việt, 2022; 07/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng khoa học công nghệ đầu tư, hoàn thiện quy trình sản xuất Tảo xoắn *Spirulina* tại thành phố Tam Điệp nhằm phát triển HTX Nông nghiệp công nghệ cao Tảo Việt thành trung tâm cung cấp giống, sản xuất và phát triển các sản phẩm thương mại bán ra thị trường phục vụ người dân trong tỉnh và khách du lịch với quy mô 10 tấn tảo tươi/năm; Xây dựng dây chuyền nuôi trồng, thu sinh khối, chế biến tảo xoắn; Tổ chức sản xuất thử nghiệm trên dây chuyền công nghệ đầu tư mới có năng suất cao, chất lượng đạt yêu cầu tương đương sản phẩm tảo xoắn được nuôi trồng và bán trên thị trường; Dự kiến tổng số tảo tươi thu

được 1200kg, 42kg dùng để đóng thành 420 khay tươi, còn lại sấy khô được 228kg đóng gói thành 1140 lọ bột tảo khô và 1140 lọ viên nén; Hoàn thiện quy trình nhân giống cấp 2, nuôi trồng thu sinh khối, chế biến tảo xoắn *Spirulina* ứng dụng công nghệ cao tại TP. Tam Điệp.

Số hồ sơ lưu: NBH-2023-002-KQĐK

40603. Các công nghệ enzyme và protein trong nông nghiệp

87116.08-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất protein đơn bào từ nguồn phụ phẩm ngành giấy và ứng dụng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi/ PGS. TS. Lê Quang Diễn, TS. Nguyễn Hoàng Chung; TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Thái Đình Cường; PGS.TS. Phan Huy Hoàng; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Cao Văn Sơn; TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Nguyễn Trung Thành; TS. Lê Đức Thịnh - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ đường hóa phế liệu gỗ keo tai tượng. Tuyển chọn chủng giống và nhân giống nấm men *Candida utilis* từ giống gốc. Nghiên cứu nuôi cấy nấm men trong môi trường dịch đường từ phế liệu gỗ. Xây dựng mô hình thiết bị sản xuất nấm men từ phế liệu gỗ quy mô 1000 lít/ mẻ. Sản xuất thử protein đơn bào. Ứng dụng sản phẩm protein đơn bào làm thức ăn chăn nuôi lợn và gà tại doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21657

499. Khoa học nông nghiệp khác

87473.08-2023 **Xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho một số sản phẩm nông nghiệp đặc sản của huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái/** Nguyễn Đắc Bình Minh, TS. Phạm Thị Mỹ Phương; TS. Lê Tất Khương; ThS. Nguyễn Ngọc Quý; ThS. Nguyễn Đắc Hoan; ThS. Đoàn Văn Tú, KS. Nguyễn Văn Kỳ; ThS. Lê Thành Phương; ThS. Trương Công Đức; KS. Hằng A Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng - Bộ Khoa học và Công nghệ, 2021; 04/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm: “Lợn đen bản địa Trạm Tấu”, “Gà đen bản địa Trạm Tấu”, “Gạo nếp 87 Trạm Tấu” và “Măng ớt Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái; Xây dựng bản thuyết minh tính chất/chất lượng đặc thù của 04 sản phẩm; Xây dựng các bộ hồ sơ đăng ký NHCN cho các sản phẩm “Lợn đen bản địa Trạm Tấu”, “Gà đen bản địa Trạm Tấu” và NHTT cho các sản phẩm “Gạo nếp 87 Trạm Tấu”, “Măng ớt Trạm Tấu”; Lập, nộp và theo đuổi hồ sơ đăng ký xác lập quyền đối với Nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm “Lợn đen bản địa Trạm Tấu”, “Gà đen bản địa Trạm Tấu” và nhãn hiệu tập thể cho “Gạo nếp 87 Trạm Tấu”, “Măng ớt Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái; Xây dựng hệ thống văn bản quản lý, sử dụng NHCN cho các sản phẩm “Lợn đen bản địa Trạm Tấu”, “Gà đen bản địa Trạm Tấu” và NHTT “Gạo nếp 87

Trạm Tấu”, “Măng ớt Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái; Xây dựng hệ thống quảng bá NHCN cho các sản phẩm “Lợn đen bản địa Trạm Tấu”, “Gà đen bản địa Trạm Tấu” và NHTT “Gạo nếp 87 Trạm Tấu”, “Măng ớt Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái; Hội thảo khoa học; Xây dựng bộ hồ sơ mẫu, triển khai thí điểm trao (cấp) quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu chứng nhận cho 04 sản phẩm

Số hồ sơ lưu: YBI-030-2021

87509.08-2023 **Xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái./** Ths Bùi Quang Duẩn, Thạc sĩ Lê Đức Công; Thạc sĩ Vũ Hữu Cường; Thạc sĩ Nguyễn Tiến Đà; Cử nhân Phạm Ngọc Sang; Thạc sĩ Nguyễn Thu Hương; Cử nhân Nguyễn Hà Thanh 7. Thạc sĩ Vũ Văn Đoàn; Thạc sĩ Phùng Thế Khanh - Trung tâm nghiên cứu và phát triển Hệ thống nông nghiệp - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2022; 04/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm “Cam Văn Chấn”, “Chè Shan Văn Chấn” và “Mật ong Văn Chấn”; Xây dựng bản thuyết minh tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm; Xây dựng Bộ hồ sơ đăng ký bảo hộ Chỉ dẫn địa lý “Cam Văn Chấn” và “Chè Shan Văn Chấn”; Đăng ký bảo hộ Nhãn hiệu tập thể “Mật ong Văn Chấn”; Xây dựng hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý

“Cam Văn Chấn”; “Chè Shan Văn Chấn” và NHTT “Mật ong Văn Chấn”; Xây dựng hệ thống quảng bá cho Chỉ dẫn địa lý “Cam Văn Chấn”; “Chè Shan Văn Chấn” và NHTT “Mật ong Văn Chấn”; Tập huấn nâng cao năng lực cho người hưởng lợi trong vùng chỉ dẫn địa lý “Cam Văn Chấn”, CDĐL “Chè Shan Văn Chấn” và NHTT “Mật ong Văn Chấn”; Tổ chức hội thảo, hội nghị; Triển khai thí điểm trao (cấp) quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Cam Văn Chấn”; “Chè Shan Văn Chấn” và Nhãn hiệu tập thể “Mật ong Văn Chấn”.

Số hồ sơ lưu: 202002YB

5. Khoa học xã hội

81181.08-2023 **Danh mục dữ liệu ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Dương/ TS. Huỳnh Ngọc Đáng, - Bình Dương - Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bình Dương, 2021; - .** (Đề tài cấp Cơ sở)

Hình thành 2 bộ Tổng tập gồm: Tổng tập Danh mục chi tiết 1000 địa danh, sự kiện, danh nhân văn hóa lịch sử và mỹ từ dùng đặt tên đường và công trình công cộng gồm các nội dung: tên, loại tên, nhóm tên, xuất xứ, ý nghĩa lịch sử-văn hóa, sắp xếp theo thứ tự a, b, c... Tổng tập Danh mục tóm tắt 1000 địa danh, sự kiện, danh nhân văn hóa lịch sử và mỹ từ dùng đặt tên đường và công trình công cộng gồm các nội dung: tên, loại tên, loại nhóm, xuất xứ, ghi chú, nội dung tóm tắt, sắp xếp theo thứ tự

a, b, c...Sau khi công trình nghiên cứu hoàn thành, nhóm nghiên cứu đề tài sẽ chuyển giao cho ngành văn hóa, chính quyền địa phương để sử dụng trong công tác đặt tên đường và công trình công cộng tại địa phương mình.

Số hồ sơ lưu: 05.2021

84371.08-2023 **Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động dạy nghề phổ thông tại các Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương/ TS. Hồ Văn Thông, ThS. Nguyễn Thị Kim Anh - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 09/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động nâng cao hiệu quả hoạt động dạy nghề phổ thông tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động dạy nghề phổ thông tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề xuất hệ thống các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động dạy nghề phổ thông tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề tài là cơ sở thực tiễn giúp cho các nhà giáo dục có những minh chứng nhằm xác định những mặt mạnh, mặt yếu, tìm ra được những nguyên nhân để đề xuất các biện

pháp hữu hiệu nâng cao hiệu quả hoạt động dạy nghề phổ thông tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề tài còn là nguồn tham khảo cho các nhà quản lý và giáo viên thuộc lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-007

84372.08-2023 **Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học phụ đạo học sinh yếu - kém ở Trường Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương/** TS. Trần Văn Trung, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 08/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động dạy học phụ đạo học sinh yếu kém ở trường trung học cơ sở; Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động dạy học phụ đạo học sinh yếu kém ở trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; Đề xuất hệ thống các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học phụ đạo học sinh yếu kém ở trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Hoạt động dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém cho Học Sinh là một bộ phận quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường trung học cơ sở, góp phần quan trọng trong việc xây dựng “nhà trường thân thiện”, tạo một môi

trường học tập an toàn, lành mạnh cho các em Học Sinh. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém ở trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, đề tài đã đề xuất hệ thống các biện pháp giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém ở trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Các biện pháp có mối liên hệ, tác động qua lại chặt chẽ.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-008

84384.08-2023 **Mức sống dân cư vùng Đông Nam bộ qua kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2008; 2010; 2012; 2014; 2016; 2018/** ThS. Nguyễn Quang Giải, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng và phác thảo mức sống dân cư Vùng Đông Nam Bộ 10 năm giai đoạn 2008 - 2018. Qua đó xác định và phân tích những nhân tố, điều kiện chi phối đến mức sống dân cư. Trên cơ sở đó, đề xuất chính sách và giải pháp phát triển bền vững mức sống dân cư Vùng Đông Nam Bộ trong bối cảnh hiện nay. Nhận diện và mô tả trạng thái các chỉ tiêu về mức sống dân cư Vùng Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay (năm 2008; 2010; 2012; 2014; 2016; 2018); Xác định, phân tích

những tác nhân chi phối, quy định đối với các chỉ tiêu về mức sống dân cư Vùng Đông Nam Bộ; Phân tích và đánh giá các chỉ tiêu về mức sống dân cư vùng Đông Nam Bộ phân theo khu vực 9 đô thị - nông thôn; theo giới; theo trình độ tay nghề; theo thu nhập...; Phân tích và đánh giá mức sống dân cư Vùng Đông Nam Bộ trong quan hệ đối sánh với Vùng Tây Nam Bộ, một số vùng khác, cũng như cả nước; Đề xuất giải pháp nhằm phát triển bền vững mức sống dân cư Vùng Đông Nam Bộ trong bối cảnh hiện nay.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-010

84386.08-2023 **Nghề mộc ở Việt Nam - Lịch sử phát triển qua các thời kỳ/** TS. Nguyễn Văn Thủy, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tập hợp và hệ thống hóa các tài liệu nghiên cứu đi trước, các nguồn tư liệu có liên quan về nghề mộc, là cơ sở để khảo cứu quá trình ra đời và phát triển của nghề mộc ở Việt Nam. Phác thảo một cách tổng thể quá trình hình thành và phát triển của nghề mộc ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Kết quả nghiên cứu cung cấp một cái nhìn tổng thể về quá trình hình thành và phát triển của nghề mộc đi kèm với sự thay đổi của đời sống văn hóa tinh thần của người dân qua từng giai đoạn trong lịch sử. Kết quả nghiên cứu cho thấy nghề

mộc có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, gắn liền với quá trình phát triển đất nước, gắn liền với những công trình kiến trúc nhà cửa, đền đài, chùa, đình, miếu và những đồ thờ, đồ gia dụng,... Những biến động của các giai đoạn lịch sử cũng tác động đến sự phát triển thăng trầm của nghề mộc. Qua đó cho thấy được sự gắn kết bền vững giữa nghề mộc và sự phát triển kinh tế, văn hóa đất nước.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-014

84387.08-2023 **Thực trạng hoạt động giáo dục phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận/** ThS. Nguyễn Hữu Hào, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 12/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Từ đó, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh trung học phổ thông huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, góp phần vào việc giáo dục học sinh phát triển toàn diện. Hoạt động giáo dục phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh trung học phổ thông với những nội dung, hình thức, phương pháp

chưa thật sự phù hợp với lứa tuổi của các em nên dẫn đến hiệu quả giáo dục chưa cao.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-015

84388.08-2023 **Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương/** ThS. Võ Thị Thúy Hằng, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 12/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát và phân tích nguyên nhân thực trạng về hoạt động phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Từ đó đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra khi đánh giá các yếu tố ảnh hưởng thì giáo viên trong tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi tại trường mầm non cũng ảnh hưởng đến quá trình tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-016

84391.08-2023 **Kinh tế tỉnh Bình Dương trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Thách thức và cơ hội/** TS. Nguyễn Hồng Thu, TS. Đào Lê Kiều Oanh; TS. Nguyễn Văn Chiến; TS. Trần Văn Đạt; ThS. Huỳnh

Công Danh; ThS. Nguyễn Thị Hồng; CN. Trần Thanh Vân; CN. Hoàng Hà; CN. Nguyễn Thị Thanh Nhân - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 05/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế tài chính của Bình Dương trong bối cảnh dịch Covid 19. Những tác động ảnh hưởng đến kinh tế tài chính của tỉnh Bình Dương, các vấn đề về thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào địa phương, các chỉ số tăng trưởng kinh tế và dự báo xu hướng sắp tới nhằm phát triển ổn định kinh tế của tỉnh. Đánh giá và phân tích thực trạng tình hình kinh tế tỉnh Bình Dương trong bối cảnh Covid 19, những cơ hội và thách thức trong bối cảnh Covid 19 xảy ra. Đề xuất khuyến nghị các giải pháp góp phần phát triển kinh tế của tỉnh Bình Dương trong bối cảnh Covid và hậu Covid.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-019

84394.08-2023 **Quản lý hoạt động giáo dục phòng, chống ma túy tại các Trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương/** TS. Tạ Thị Thanh Loan, TS. Nguyễn Thị Hương Thủy - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 11/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát, đánh giá và phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phòng chống ma túy tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn

thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đó đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục phòng chống ma túy tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn nghiên cứu. Đề tài đã tổng hợp và trình bày một số tổng quan vấn đề nghiên cứu trong và ngoài nước. Việc quản lý hoạt động giáo dục phòng, chống ma túy tại trường trung học phổ thông được coi là rất quan trọng trong hoạt động giáo dục giáo dục nói chung và hoạt động giáo dục phổ thông nói riêng.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-022

84395.08-2023 **Quá trình phát triển giáo dục phổ thông thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương từ năm 2014 đến năm 2020.**/ Cử nhân. Trần Trung Thiện (Chủ nhiệm nhiệm vụ) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu quá trình phát triển giáo dục phổ thông thị xã Tân Uyên dưới nhiều góc độ: quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước; quá trình phát triển của ngành giáo dục phổ thông thị xã Tân Uyên, trình bày cụ thể những thành tựu đã đạt được, những hạn chế, yếu kém; đồng thời đề xuất một số biện pháp quản lý góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông của tỉnh Bình Dương và một số biện pháp để phát

triển giáo dục phổ thông thị xã Tân Uyên giai đoạn 2020 - 2025.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-023

84685.08-2023 **Chất lượng nguồn nhân lực và phát triển tài chính - Nghiên cứu trường hợp tại Việt Nam và một số nền kinh tế mới nổi.**/ TS. Nguyễn Văn Chiến, TS. Trần Văn Đạt; ThS. Vũ Thị Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 10/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thống cơ sở lý thuyết về tác động của chất lượng nguồn nhân lực và phát triển tài chính. Xây dựng phương pháp phân tích, thảo luận tác động chất lượng nguồn nhân lực và một số nhân tố khác lên phát triển tài chính. Đánh giá tác động và mức độ tác động của nguồn nhân lực lên phát triển tài chính tại Việt Nam và một số quốc gia mới nổi. Đề xuất một số khuyến nghị chính sách trong phát triển tài chính tại Việt Nam và một số quốc gia mới nổi. Kết quả nghiên cứu khẳng định tác động dương của chất lượng nguồn nhân lực lên phát triển tài chính, theo phương pháp sai số chuẩn Driscoll – Kraay và hiệu chỉnh dữ liệu bảng PCSE có ý nghĩa thống kê, và kết quả phân tích theo bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) không có ý nghĩa thống kê.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-032

86302.08-2023 Thực trạng và biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tại tỉnh Bình Dương thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm./ ThS. Đoàn Thị Mỹ Linh, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 10/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu lý luận và thực trạng kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm tại Bình Dương từ đó đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm tại Bình Dương. Trình bày và phân tích thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua tổ chức hoạt động cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề xuất những biện pháp khắc phục những hạn chế làm cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Hiệu quả trong giáo dục và đào tạo, đề tài giúp giáo viên, những nhà quản lý có cái nhìn toàn diện cụ thể về thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học và vận dụng những biện pháp của đề tài đề ra để giáo dục mang lại hiệu quả hơn.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-037

86304.08-2023 Nhận thức và cách ứng phó với hành vi quấy rối tình

dục nơi công cộng của sinh viên vùng Đông Nam bộ/ Tiến sĩ Lê Anh Vũ, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích xây dựng các luận cứ về lý luận cũng như thực tiễn để đề xuất các mô hình hỗ trợ sinh viên nâng cao nhận thức và khả năng ứng phó với quấy rối tình dục nơi công cộng. Đánh giá hoạt động hỗ trợ sinh viên ứng phó với quấy rối tình dục nơi công cộng vùng Đông Nam Bộ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hỗ trợ sinh viên phòng chống quấy rối tình dục nơi công cộng vùng Đông Nam Bộ. Đề xuất mô hình ứng dụng phương pháp Công tác xã hội (CTXH) trong hỗ trợ sinh viên ứng phó với quấy rối tình dục nơi công cộng.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-039

86306.08-2023 Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với nữ công nhân nhập cư tỉnh Bình Dương./ Thạc sĩ Lê Thị Phương Hải, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy nữ lao động di cư nói chung và nữ công nhân nhập cư luôn đối diện với rất nhiều vấn đề sức khỏe sinh sản cần giải quyết; tồn tại các hành vi tình dục rủi ro và có các nhu cầu về

thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cần giải quyết. Xây dựng hệ thống lý luận cũng như thực tiễn về thực trạng chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực trạng hoạt động hỗ trợ trong chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với nữ công nhân nhập cư; từ đó, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao đời sống nữ công nhân nhập cư, đặc biệt là sức khỏe sinh sản. Thông qua các kết quả nghiên cứu được phân tích, chúng tôi đúc kết những kết luận chính, từ đó, làm rõ các mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu đã đề ra.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-040

87222.08-2023 Hoạt động tôn giáo của tu sĩ Phật giáo ngoài hệ thống tự viện tại địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2014 đến năm 2021: Thực trạng và giải pháp/ TS. Lương Thy Cận (Chủ nhiệm nhiệm vụ); Cử Nhân. Nguyễn Thị Thu Thúy (Thành viên) - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khái quát tình hình Phật giáo ở Bình Dương từ khi tôn giáo này du nhập vào địa phương đến năm 2021 và vai trò của Phật giáo trong đời sống tinh thần tín ngưỡng, Kinh Tế-Xã Hội của Bình Dương. Thực trạng tình hình quản lý hoạt động của tu sĩ Phật giáo ngoài hệ thống tự viện của chính quyền địa phương theo quy định của Pháp luật và của Giáo hội Phật giáo theo Hiến chương, Nội

quy Ban Tăng sự. Gợi ý một số giải pháp nhằm thực hiện quản lý một cách tốt hơn đối tượng tu sĩ Phật giáo hoạt động tôn giáo ngoài hệ thống tự viện; bảo đảm quyền lợi của tu sĩ Phật giáo hoạt động tôn giáo ngoài hệ thống tự viện theo đúng quy định Pháp luật về cư trú của công dân, Luật tín ngưỡng, tôn giáo và đúng quy định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nội quy Ban Tăng sự... Đồng thời qua kết quả nghiên cứu của đề tài, góp phần ngăn ngừa những hậu quả, những tác động tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình hoạt động tôn giáo của tu sĩ Phật giáo ngoài hệ thống tự viện.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-073

87289.08-2023 Nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thông qua hoạt động giảng dạy ở Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi./ ThS. Đỗ Tiến Cẩn, ThS. Trần Đình Cẩm ThS. Lê Quang Huy; ThS. Trần Văn Dur; ThS. Nguyễn Bắc Phương; ThS. Phan Thị Thúy Hiền; ThS. Nguyễn Thị Nhượng; ThS. Trần Thị Bảo Châu; ThS. Ngô Thị Ngọc Ánh; CN. Phạm Thị Thủy Tiên; CN. Lê Vũ Thu Thảo - Quảng Ngãi - Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi., 2022; 02/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Để thực hiện ngày càng có hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thông

qua hoạt động giảng dạy ở Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến, trước hết, cần thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp đã nêu trên của Đề tài. Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh chính trị, các nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương; giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ, mỗi đơn vị khoa, phòng.

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-003

87647.08-2023 **Nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử lực lượng vũ trang Quảng Bình giai đoạn 1945 - 1975 phục vụ phát triển du lịch.**/ ThS. Lê Thị Hoài Hương; Mai Thế Trung; Phạm Thị Anh Đào; Phạm Minh Đức; Nguyễn Hoàng Quỳnh Trang ; Lê Thị Mỹ Hạnh; Trang Thị Hồng Thúy - Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Bình - Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Bình, 2023; 07/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân và du lịch di sản văn hóa; hệ thống quan điểm, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo tồn, phát

huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch. Đánh giá hiện trạng, đặc điểm, vai trò của hệ thống các di tích lịch sử LLVTND Quảng Bình thời kỳ 1945-1975 và công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống các di tích lịch sử LLVTND Quảng Bình thời kỳ 1945-1975 thời gian qua. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp, phương án bảo tồn, tôn tạo gắn với phát huy giá trị hệ thống các di tích lịch sử LLVTND Quảng Bình thời kỳ 1945-1975 trong phát triển du lịch bền vững; cung cấp luận cứ khoa học cho việc đề ra những chủ trương, chính sách để bảo tồn, tôn tạo gắn với phát huy giá trị hệ thống các di tích lịch sử LLVTND Quảng Bình thời kỳ 1945-1975 trong phát triển du lịch; góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò, vị trí của hệ thống di tích lịch sử LLVTND Quảng Bình. Nâng cao năng lực quản lý của các cấp chính quyền và cộng đồng trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị của di tích.

Số hồ sơ lưu: 08/2023

87707.08-2023 **Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy giá trị cảnh quan nổi trội và hình thái tổ chức không gian định cư, sản xuất của các dân tộc vùng huyện Bắc Quang**/ ThS, KTS. Đỗ Thanh Tùng, ThS, KTS. Nguyễn Quốc Hoàng; ThS, KTS. Lê Phong Lan; ThS, KTS. Lê Thị Lan Phương; ThS, KTS. Đặng Trần Nhật Linh; ThS,

KTS. Sầm Minh Đức; ThS, KTS. Trịnh Tuấn Sơn; ThS, KTS. Đặng Tuấn Anh; ThS, KTS. Phạm Thị Phương Dung; ThS, KTS. Lê Quỳnh Anh; KTS. Nguyễn Quang Thái; KTS. Đinh Thị Ngọc Anh; CN. Phan Thanh Hải; CN. Phạm Thị Thanh. - Hà Nội - Viện kiến trúc quốc gia, 2022; 04/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đưa ra những định hướng cho công tác quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn mới để tạo tạo dựng bản sắc, nâng cao tính cạnh tranh, độc đáo của huyện Bắc Quang. Bảo tồn, bảo vệ và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên nổi trội của huyện Bắc Quang, Kế thừa và phát huy giá trị của các dân tộc vùng huyện Bắc Quang, về: Các hình thái tổ chức không gian định cư (gồm: nhà ở, các công trình công cộng và sinh hoạt cộng đồng, cách vận dụng địa hình vào việc bố trí công trình...); mô hình sản xuất (gồm: chăn nuôi, trồng trọt và canh tác, sản xuất của các làng nghề...) của các dân tộc vùng huyện Bắc Quang.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

87736.08-2023 **Vai trò gia đình, nhà trường và xã hội trong phòng, chống bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk/** ThS. Phạm Đăng Khoa (Chủ nhiệm); CN. Nguyễn Thị Mai Hương (Thư ký); TS. Lê Thị Thảo; PGS.TS. Đoàn Thị Tâm; TS, Phạm Anh Tuấn; ThS. Lưu Tiến Quang; ThS. Võ Thị Phụng; ThS. Nguyễn Hoàng Chương; TS. Đặng Minh Tâm; ThS.

Phan Thị Bích Mười. - Đắk Lắk - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk, 2023; 10/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong phòng, chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp nhằm phát huy vai trò gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh trong thời gian sắp tới. Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng chống BLHĐ. Làm rõ thực trạng vai trò gia đình, nhà trường và xã hội và sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng, chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đề xuất giải pháp phát huy vai trò và nâng cao sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng mô hình giả thuyết về sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng tài liệu tuyên truyền về phòng, chống BLHĐ.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-012

87889.08-2023 **“Nghiên cứu chính sách và đề xuất giải pháp đối với hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp có nguồn gốc từ nông, lâm trường nhằm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk”/** TS. Nguyễn Duy Thụy (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Vũ Tiến Đức (Thư ký); TS. Hà Hữu Nga; TS. Lê Văn Nghĩa; TS. Trần Thị Hoàng Mai; TS.

Trương Thị Hạnh; TS. Nguyễn Kim Toàn; ThS. Lê Thị Hồng Gái; ThS. Nguyễn Hồng Quang; ThS. Trần Thị Thanh Thủy; NCS. Trần Thị Thanh Tuyền - Đắk Lắk - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, 2023; 08/2020 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Trên cơ sở nghiên cứu chính sách về sắp xếp, đổi mới, điều hành các công ty nông, lâm nghiệp có nguồn gốc từ nông, lâm trường, đề xuất các giải pháp chính sách về sắp xếp, đổi mới, điều hành các công ty nông, lâm nghiệp có nguồn gốc từ nông, lâm trường nhằm góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk. Đánh giá chính sách và thực tế triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến sắp xếp, đổi mới, điều hành các công ty nông, lâm nghiệp và quản lý nguồn tài nguyên đất, rừng có nguồn gốc từ các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2003 tới nay (năm 2020); Làm rõ tác động của chính sách đối với chức năng, vai trò và thực tiễn hoạt động, hiệu quả của các công ty nông, lâm nghiệp trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng tỉnh Đắk Lắk trong bối cảnh chung toàn vùng Tây Nguyên; Đề xuất quan điểm, định hướng chính sách và đề xuất giải pháp đối với hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-013

87895.08-2023 **Thực thi chính sách tinh giản biên chế các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk/** ThS. Đinh Thị Bích Thu (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Hồ Thị Bích Phương (Thư ký); ThS. Bạch Văn Mạnh; CN. Phạm Văn Phước; ThS. Đinh Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Đức Thảo; CN. Nguyễn Thanh Tùng; CN. Đoàn Dũng; CN Hoàng Hữu Nguyên; ThS. Phạm Ngọc Quang; CN. Đinh Thị Thu Thủy; ThS. Võ Thị Thu Thảo. - Đắk Lắk - Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk, 2023; 10/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích rõ việc thực thi chính sách tinh giản biên chế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng việc tinh giản biên chế của các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. Hệ thống hoá cơ sở lý luận về thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với các đơn vị SNCL. Đánh giá thực trạng việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế và các nguyên nhân tồn tại trong quá trình thực thi chính sách tinh giản biên chế ở các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực thi chính sách tinh giản biên chế các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-013

88004.08-2023 **Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Hương Thôn Cao” cho sản phẩm hương xạ của làng nghề sản**

xuất hương Thôn Cao của xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên./ CN. Vũ Hồng Nhung, CN. Vũ Thị Hồng Phượng; CN. Nguyễn Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Nguyễn Tất Đảm; CN. Lê Thị Hằng; CN. Lê Lệnh Linh; CN. Lương Thị Yên; ThS. Đặng Thị Thu Hoài. - Hà Nội - Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt, 2022; 02/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành công tác điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá về hiện trạng sản xuất và kinh doanh sản phẩm hương tại xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát và đánh giá, dự án đã thực hiện các nội dung và hoạt động phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, của tổ chức chủ sở hữu nhãn hiệu và thực tiễn của sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể. Hoàn thành Bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể theo các quy định hiện hành, bộ hồ sơ được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 421284 theo Quyết định số 37850/QĐ-SHTT ngày 09/05/2022. Hoàn thành xây dựng các công cụ quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể "Hương thôn Cao", được tổ chức chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể thẩm định và ban hành, Hoàn thành xây dựng các công cụ quảng bá và giới thiệu sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể "Hương Thôn Cao".

Số hồ sơ lưu: 2022-25-NVKHCN

88006.08-2023 **Phân tích thị trường khoa học và công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm thúc đẩy việc nâng hạng sản phẩm OCOP tỉnh Hưng Yên./** TS. Lê Thị Kim Oanh, - PGS. TS. Đỗ Quang Giám - TS. Nguyễn Văn Phương - TS. Nguyễn Thị Kim Oanh - ThS. Trần Thị Thanh Huyền - ThS. Nguyễn Thị Thu Trang - ThS. Đoàn Thị Ngọc Thúy - ThS. Đào Hồng Vân - ThS. Nguyễn Ngọc Mai - TS. Phạm Thị Hương Dịu - TS. Nguyễn Quốc Chính - PGS. TS. Bùi Thị Nga - PGS. TS. Trần Hữu Cường - TS. Bùi Thị Lâm - TS. Hoàng Sĩ Thính - ThS. Lê Văn Thắng; - TS. Nguyễn Hùng Anh - TS. Cao Trường Sơn - TS. Bùi Lê Vinh - ThS. Đào Thị Hoàng Anh - ThS. Vũ Thị Hằng Nga - ThS. Lê Thanh Hà - ThS. Trần Nguyễn Hải Yên - ThS. Bùi Hồng Quý - ThS. Hoàng Thị Mai Anh - ThS. Vũ Thị Hải - TS. Nguyễn Văn Hường - ThS. Phan Lê Trang - ThS. Nguyễn Thị Hải Bình - ThS. Phạm Thị Đàm - ThS. Trần Văn Thắng.. - Hà Nội - Viện Kinh tế và Phát triển, 2022; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về thị trường KHCN nói chung, thị trường KHCN nói riêng trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, đã khái quát về chương trình OCOP, nội dung nâng hạng sản phẩm OCOP, và liệt kê các chính sách về thị trường KHCN gắn với chương trình OCOP ở Việt Nam và tỉnh Hưng Yên. Phản ánh được thực trạng thị trường KH&CN lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gắn với nâng hạng sản phẩm

OCOP ở Hưng Yên; đánh giá được vai trò của việc sử dụng các sản phẩm khoa học công nghệ nhằm nâng hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đề xuất 2 nhóm giải pháp nhằm phát triển thị trường KH&CN lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gắn với nâng hạng sản phẩm OCOP như sau: Các giải pháp phát triển thị trường KH&CN lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gắn với nâng hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; Các giải pháp nâng hạng sản phẩm OCOP. Đề xuất kiến nghị với Nhà nước, Bộ ban ngành, Tỉnh Hưng Yên để thực hiện giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 2022-21-NVKHCN

50102. Tâm lý học chuyên ngành

87524.08-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Hòa Bình sau sắp xếp lại theo Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội/ Th.S Nguyễn Văn Vân, - Hòa Bình - Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình, 2021; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hệ thống hóa các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh Hòa Bình về cán bộ, công chức và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong giai đoạn hiện nay; Đánh giá thực trạng năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Hòa Bình; Phân tích, đánh giá những ưu điểm và hạn chế, bất cập của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Hòa Bình; Xác định nguyên nhân của ưu nhược điểm, bất

cập của đội ngũ cán bộ, công chức đồng thời đề xuất 05 nhóm giải pháp khắc phục.

Số hồ sơ lưu: Nâng cao CC Cấp xã

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

77349.08-2023 **Các giải pháp đảm bảo an toàn tín dụng đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/ TS. Nguyễn Xuân Bắc, ThS. Vũ Quỳnh Lê; TS. Bùi Huy Trung; ThS. Nguyễn Thị Kim Liên; ThS. Lê Hồng Cảnh; ThS. Nguyễn Đăng Khoa; CN. Vũ Thu Hường; CN. Nguyễn Yên Nhi; CN. Nguyễn Thị Nga - Hà Nội - Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN, 2022; 12/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Cơ sở lý luận về tín dụng đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại các NHTM Việt Nam. Thực trạng về cấp tín dụng đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại các NHTM Việt Nam. Đưa ra khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; khuyến nghị đối với NHNN, các NHTM nhằm đảm bảo an toàn tín dụng đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư góp phần đảm bảo an toàn tín dụng đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP tại các NHTMVN.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-001

87009.08-2023 **Việc làm bền vững gắn với phát triển năng lượng tái**

tạo ở Ninh Thuận/ TS. Trần Thị Tuyết, TS. Hà Huy Ngọc; ThS. Phạm Mạnh Hà; ThS. Lê Thu Quỳnh; CN. Đỗ Thị Duyên; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về việc làm bền vững gắn với phát triển năng lượng tái tạo. Phân tích được thực trạng việc làm bền vững gắn với phát triển năng lượng tái tạo ở Ninh Thuận. Qua đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp định hướng thúc đẩy việc làm bền vững gắn với phát triển năng lượng tái tạo ở Ninh Thuận

Số hồ sơ lưu: 21600

87055.08-2023 Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Hà Giang và Yên Bái/ TS. Phạm Thị Trâm, CN. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Lê Văn Hà; ThS. Bùi Thị Cẩm Tú; TS. Đoàn Thị Thu Hương; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tiến hành phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Hà Giang và Yên Bái. Qua đó, đề xuất quan điểm và các giải pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 21603

50202. Kinh doanh và quản lý

82048.08-2023 Hoàn thiện hệ thống tiêu chí xếp hạng các tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam/ TS. Nguyễn Phi Lâm, ThS. Nguyễn Xuân Hiệp; TS. Phan Hữu Việt; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Mai Văn Anh; CN. Nguyễn Thị Thanh Nga; CN. Đỗ Thị Hạnh; CN. Nguyễn Thanh Vân; CN. Nguyễn Thùy Dương. - Hà Nội - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, 2022; 09/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các hệ thống tiêu chí xếp hạng các TCTD tại các quốc gia trên thế giới, kinh nghiệm và thông lệ quốc tế; Đánh giá thực trạng hệ thống tiêu chí xếp hạng các TCTD trong thời gian qua tại NHNN Việt Nam; Xác định các nhóm chỉ tiêu định lượng, chỉ tiêu định tính; ước tính các trọng số, ngưỡng tính điểm xếp hạng; Đưa ra một số ý kiến đề xuất, kiến nghị và tham mưu cho Ban lãnh đạo NHNN về hoàn thiện hệ thống tiêu chí xếp hạng các TCTD.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-003

82049.08-2023 Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo Basel II tại các ngân hàng thương mại Việt Nam - nghiên cứu điển hình tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)/ TS. Nghiêm Xuân Thành, ThS. Đinh Thị Thái; TS. Nguyễn Phi Lâm; TS. Lê Thị Huyền Diệu; TS. Nguyễn Thanh Nhàn; CN. Tống Trần Hiếu; ThS. Vương Minh Giang; ThS. Hồ Anh Thư; TS. Phan Hữu Việt; PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh - Hà Nội - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, 2022; 09/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Các yêu cầu về quản trị rủi ro theo Basel II và quá trình áp dụng Basel tại các ngân hàng thương mại; Kinh nghiệm của các ngân hàng quốc tế về áp dụng các quy tắc quản trị rủi ro theo Basel II; Thực trạng triển khai Basel II của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và tại Vietcombank nói riêng; từ đó rút ra các điều kiện cần thiết để triển khai thành công quản trị rủi ro theo Basel II. Đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo yêu cầu Basel II từ kinh nghiệm của Vietcombank; Khuyến nghị cho Ngân hàng Nhà nước trong việc ban hành chính sách liên quan.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-004

82050.08-2023 Tiên kỹ thuật số được phát hành bởi Ngân hàng Trung ương (CBDC): Xác định mô hình phù hợp cho Việt Nam/ ThS. Nghiêm Thanh Sơn, ThS. Nguyễn Trung Anh; ThS. Lê Anh Dũng; ThS. Bùi Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Đức Cường; TS. Phan Thanh Đức; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Ngô Văn Đức; ThS. Nguyễn Thùy Anh; ThS. Đặng Hoàng Tùng. - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022; 09/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về Tiên kỹ thuật số được phát hành bởi Ngân hàng Trung ương; Kinh nghiệm nghiên cứu và triển khai các mô hình Tiên kỹ thuật số được phát hành bởi Ngân hàng Trung ương trên thế giới; Đề xuất mô hình Tiên kỹ thuật số được phát hành bởi Ngân hàng Trung ương phù hợp với Việt Nam. Qua đánh giá

các điều kiện cụ thể về kiến trúc, hạ tầng, công nghệ sử dụng cho hệ thống CBDC, nhóm nghiên cứu kiến nghị lựa chọn mô hình CBDC bán lẻ dựa trên mã token với mô hình phát hành lai (hybrid) mà NHTW lưu trữ số dư của từng tài khoản CBDC bán lẻ. Mô hình phát hành này sẽ tận dụng được các lợi thế của các mô hình bán buôn, bán lẻ trực tiếp cũng như đảm bảo vai trò của các tổ chức trung gian trong nền kinh tế, qua đó thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên cơ sở hệ thống của NHTW vận hành.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-027

82051.08-2023 Các giải pháp thanh toán trực tuyến cho dịch vụ công của Chính phủ điện tử/ ThS. Đào Minh Tuấn, TS. Ngô Hải Phan; ThS. Lê Anh Dũng; ThS. Nguyễn Đăng Hùng; Kỹ sư Phạm Thành Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thu; CN. Lê Thị Việt Thảo; CN. Hoàng Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Khánh Vân - Hà Nội - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, 2022; 09/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lý luận chung về Chính phủ điện tử và các giải pháp thanh toán; Thực trạng các giải pháp thanh toán dịch vụ công cho Chính phủ điện tử tại Việt Nam, bao gồm thực trạng kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia của các Bộ, Ngành, địa phương và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Giải pháp thanh toán dịch vụ công phục vụ cho Chính phủ điện tử tại Việt Nam. Báo cáo kết quả nghiên cứu đưa ra 05 nhóm giải pháp, gồm: Giải pháp thanh toán QR code; Giải pháp thanh toán thẻ Tokenization;

Giải pháp thanh toán từ ứng dụng Cổng DVCQG trên thiết bị di động sang ứng dụng thanh toán trên thiết bị di động của NHTM và ví điện tử (App to App); Giải pháp thanh toán trên các kênh của NHTM/TGTT kết nối với Cổng DVCQG (thanh toán Billing) và giải pháp chuẩn hóa hệ thống định danh các khoản thu nộp NSNN theo số ID giao dịch duy nhất. Báo cáo cũng đưa ra một số kiến nghị, đề xuất để thúc đẩy hoạt động thanh toán trực tuyến dịch vụ công của Chính phủ điện tử về 04 nhóm vấn đề chủ yếu là: Xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động thanh toán điện tử cho CPĐT; Xây dựng các chính sách khuyến khích thúc đẩy sử dụng thanh toán điện tử; Xây dựng các biện pháp nâng cao nhận thức của khách hàng đối với thanh toán điện tử; Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu xây dựng CPĐT.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-005

82054.08-2023 Đánh giá căng thẳng thanh khoản (liquidity stress tests) đối với hệ thống quỹ đầu tư tại Việt Nam/ PGS.TS. Trần Thị Xuân Anh, TS. Phạm Tiến Mạnh; TS. Nguyễn Quỳnh Thơ; ThS. Ngô Thị Hằng; ThS. Phạm Đăng Thuận - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 09/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về kiểm tra căng thẳng thanh khoản của hệ thống quỹ đầu tư (khái niệm; hệ thống thước đo đánh giá; các nhân tố ảnh hưởng); Đánh giá căng thẳng thanh khoản của hệ thống quỹ đầu tư tại Việt Nam; Đưa

ra khuyến nghị chính sách liên quan để giảm thiểu rủi ro hệ thống trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó, nhóm nghiên cứu đề xuất xây dựng khung hướng dẫn cho Việt Nam bao gồm 14 nội dung như: Thiết kế của các mô hình kiểm tra căng thẳng thanh khoản, tìm hiểu rủi ro thanh khoản, các nguyên tắc quản trị đối với kiểm tra căng thẳng thanh khoản. Nhóm nghiên cứu cũng đề xuất giải pháp nhằm xây dựng quy trình và thước đo đánh giá căng thẳng thanh khoản đối với hệ thống quỹ đầu tư tại Việt Nam, giúp tăng cường theo dõi, kiểm tra nguy cơ xảy ra căng thẳng thanh khoản, khả năng chống chịu trước các cú sốc thanh khoản, từ đó giảm thiểu tối đa nguy cơ tác động tiêu cực từ các cú sốc thanh khoản quỹ đầu tư cũng như từ năng lực ứng phó của quỹ đầu tư tới thị trường chung.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-008

82055.08-2023 Nghiên cứu về các nhân tố tác động đến tăng trưởng và rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam/ PGS.TS. Đặng Văn Dân, PGS.TS Lê Thị Tuyết Hoa; TS. Lê Đình Hạc; PGS.TS Nguyễn Khắc Quốc Bảo; TS. Phạm Quốc Việt; TS. Huỳnh Japan; TS. Lê Hoàng Anh - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, 2022; 09/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thông qua mô hình kinh tế để làm rõ tác động của các nhân tố vi mô đặc thù ngân hàng đối với tăng trưởng cho vay và rủi ro tín dụng; phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của

hệ thống ngân hàng kể từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO; Xác định ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô của nền kinh tế đối với hành vi cho vay của các ngân hàng. Từ đó, rút ra những hàm ý chính sách cho các cơ quan điều hành kinh tế vĩ mô trong vấn đề kiểm soát hoạt động tín dụng hợp lý trong từng thời kỳ. Xây dựng và áp dụng biến số đo lường hệ số vốn của ngân hàng. Khảo sát và đánh giá tác động của hệ số vốn đối với hành vi cho vay ngân hàng. Kiểm tra vai trò điều tiết của nhân tố quy mô ngân hàng, sở hữu ngân hàng, và mức độ rủi ro nội tại của ngân hàng lên tác động của vốn đối với hành vi cho vay của ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-009

82056.08-2023 Quỹ bảo toàn hỗ trợ Quỹ Tín dụng nhân dân: Thực trạng và giải pháp/ TS. Lê Hà Diễm Chi, ThS. Nguyễn Thị Minh Châu; TS. Phí Trọng Hiên; TS. Hồ Thị Ngọc Tuyền; TS. Nguyễn Minh Nhật; TS. Trần Trọng Huy; TS. Hồ Thúy Ái; ThS. Vũ Thị Hải Minh; Trịnh Thị Thu Dung; Dương Quỳnh Nga - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2022; 09/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống lý thuyết liên quan đến quỹ bảo toàn hỗ trợ quỹ tín dụng. Đặc biệt, chú trọng phân tích hoạt động của các Quỹ bảo toàn hỗ trợ quỹ tín dụng ở một số quốc gia trên thế giới làm bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, cũng như cơ sở cho việc hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến Quỹ bảo toàn tại Việt Nam. Phân tích

các văn bản pháp lý, các quy định ban hành liên quan đến Quỹ bảo toàn hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân của Việt Nam. Đánh giá thực trạng hoạt động của Quỹ bảo toàn nhằm chỉ ra những hạn chế của quỹ, chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hạn chế, tập trung vào những nguyên nhân xuất phát từ cơ chế chính sách và từ thực tế triển khai chính sách. Khảo sát các Quỹ tín dụng nhân dân về hoạt động của Quỹ bảo toàn. Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về Quỹ bảo toàn hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-010

82057.08-2023 Nhận diện các yếu tố tác động đến năng lực đổi mới sáng tạo của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam/ TS. Nguyễn Thị Việt Hà, TS. Phạm Đức Anh; PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hảo; TS. Hoàng Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Văn Hà; TS. Nguyễn Thanh Bình - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 09/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá lý thuyết về năng lực đổi mới sáng tạo; Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực đổi mới sáng tạo của các NHTM Việt Nam; Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến năng lực đổi mới sáng tạo của các NHTM Việt Nam; Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các NHTM Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-011

82059.08-2023 Nghiên cứu tác động của nợ hộ gia đình tới sự ổn

định tài chính tại Việt Nam/ TS.Đỗ Thị Hà Thương, TS. Lê Hoàng Vinh; ThS. Phan Minh Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS. Phạm Thị Tuyết Minh; NCS. Dư Thị Lan Quỳnh; NCS. Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2022; 09/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về tác động của nợ HGD tới ổn định tài chính. Tình hình nợ HGD ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, tình hình ổn định hệ thống tài chính, đánh giá tác động của nợ HGD tới ổn định tài chính vĩ mô và ổn định hệ thống ngân hàng. Bối cảnh nợ HGD trên bình diện quốc tế, đánh giá khả năng chống đỡ của HGD trong COVID-19, phân tích chính sách của các nước hiện nay đối với nợ HGD, đưa ra hàm ý chính sách nhằm theo dõi đánh giá và kiểm soát tác động của nợ HGD đối với ổn định tài chính - vĩ mô.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-012

82061.08-2023 Phát triển dịch vụ ngân hàng trong bối cảnh ứng dụng công nghệ 4.0 ở Việt Nam/ Ths. Nguyễn Mạnh Hùng, PGS.TS. Tô Kim Ngọc; ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Lê Hoàng Tùng; ThS. Phạm Xuân Hòe; CN. Nguyễn Khương Duy; TS. Chu Khánh Lâm; ThS. Ngô Thúy Phượng; CN. Phạm Châu Loan; ThS. Tô Thị Diệu Loan - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt, 2022; 12/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng ứng dụng công nghệ 4.0 của hệ

thống NHTM Việt Nam trên cơ sở xác định thang đo mức độ ứng dụng công nghệ 4.0 của các NHTM. Thực trạng điều kiện (hệ sinh thái) cho việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển dịch vụ ngân hàng của hệ thống NHTM ở Việt Nam. Đề xuất hệ thống giải pháp (xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái cho việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam) nhằm phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ 4.0. Kiến nghị khung pháp lý cho việc phát triển dịch vụ ngân hàng tương thích với bối cảnh công nghệ 4.0.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-016

82062.08-2023 Nghiên cứu sự tương tác giữa hệ thống ngân hàng và các công ty Fintech trong thị trường dịch vụ tài chính: Kinh nghiệm các nước và gợi ý chính sách cho Việt Nam/ Ths. Phạm Quang Dũng, PGS.TS. Kiều Hữu Thiện; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Vương Minh Giang; TS. Phạm Mạnh Hùng; TS. Trần Huy Tùng; TS. Nguyễn Trung Hậu; ThS. Ngô Văn Đức; ThS. Lê Thị Như Quỳnh; KS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, 2022; 12/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về sự phát triển Fintech và tác động của Fintech đối với hệ thống ngân hàng. Nghiên cứu kinh nghiệm về sự tương tác giữa hệ thống ngân hàng và công ty Fintech tại một số quốc gia. Tổng kết kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam. Thực trạng tương tác giữa hệ thống

ngân hàng và các công ty Fintech tại Việt Nam, gợi ý giải pháp, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường Fintech và tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa ngân hàng và công ty Fintech.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-017

82063.08-2023 **Nghiên cứu hoạt động cho vay ngang hàng: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam/** TS. Bùi Tín Nghi, PGS. TS Phạm Thị Hoàng Anh; ThS. Bùi Thúy Hằng; ThS. Đào Mỹ Hằng; ThS. Trần Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Vân; TS. Nguyễn Thị Thái Hưng; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Trịnh Công Văn; ThS. Trịnh Thị Thu Phương - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 12/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm đề xuất về quản lý hoạt động cho vay ngang hàng, đề tài ĐTNH.018/20 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau: Lý luận cơ bản về hoạt động cho vay ngang hàng (P2P Lending), khung pháp lý/ mô hình tổ chức quản lý hoạt động P2P Lending; Kinh nghiệm quốc tế về hoạt động P2P Lending và quản lý hoạt động P2P Lending; Thực trạng khung pháp lý và thực trạng hoạt động P2P Lending tại Việt Nam; Đề xuất về mô hình tổ chức quản lý hoạt động P2P Lending và khuôn khổ pháp lý nhằm quản lý hoạt động P2P Lending.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-018

82064.08-2023 **Thực trạng dữ liệu và đề xuất khung quản trị dữ liệu cho các ngân hàng thương mại**

Việt Nam/ TS. Phan Thanh Đức, TS. Chu Thị Hồng Hải; ThS. Chu Văn Huy; ThS. Ngô Thùy Linh ; ThS. Trần Hồng Thắng; ThS. Nguyễn Minh Đức; CN. Phạm Quang Tiến; ThS. Nguyễn Thị Thùy Anh; ThS. Lê Thị Hồng Nhung - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 12/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá hoạt động quản trị dữ liệu tại các NHTM đang hoạt động, qua đó đưa ra nhận định về thực trạng và các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản trị dữ liệu tại các NHTM (lưu ý quy trình quản trị dữ liệu cần gắn với việc khai thác, sử dụng dữ liệu); Nghiên cứu, đánh giá, phân tích một số vấn đề quan trọng các ngân hàng đang vướng mắc trong thực tế. Nghiên cứu một số Khung quản trị dữ liệu trên thế giới, qua đó đánh giá mức độ phù hợp và khả thi cho hoạt động quản trị dữ liệu của các ngân hàng thương mại Việt Nam; Đề xuất khung quản trị dữ liệu cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Các nội dung đề xuất bao gồm: Cách tiếp cận về Quản lý dữ liệu và Quản trị dữ liệu theo các mô hình quốc tế phổ biến về quản lý dữ liệu; Lộ trình triển khai hoạt động quản trị dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và mô hình tổ chức quản trị dữ liệu; Một số khuyến nghị đối với Chính phủ, Ngân hàng nhà nước và hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm triển khai hoạt động quản trị dữ liệu trong hệ thống ngân hàng một cách hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-019

82065.08-2023 **Ứng dụng công nghệ AI và Big Data trong quản trị rủi ro tín dụng tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Hồng Vinh, PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao; ThS. Lê Hoàng Long; TS. Phạm Thị Tuyết Trinh; TS. Trần Vương Thịnh; ThS. Vũ Thị Hải Minh; TS. Ngô Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; CN. Nguyễn Thanh Huyền - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2022; 12/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về công nghệ AI và Big Data; cách thức các công nghệ này đang được áp dụng trong quản trị rủi ro tín dụng trên thế giới; Đánh giá khả năng vận dụng AI và Big Data trong quản trị rủi ro tín dụng tại Việt Nam; Khuyến nghị về giải pháp và chính sách nhằm ứng dụng công nghệ AI và Big Data trong quản trị rủi ro tín dụng tại Việt Nam. Đưa ra một số khuyến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong xây dựng khung pháp lý, trong hỗ trợ các NHTM thông qua cung cấp, quản lý cơ sở dữ liệu số và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông qua đào tạo cũng như tăng cường giám sát các hoạt động ứng dụng công nghệ AI và Big Data của các NHTM.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-020

82066.08-2023 **Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030/** ThS. Phạm Tiến Dũng, Ths. Lê Văn Tuyên; Ths. Trần Thị Hải Yên; Ths. Nguyễn Minh Đức; Ths. Nguyễn Thị Hải Yên; Ths. Chu

Thị Ngọc Tú; TS. Nguyễn Thị Hiền; Ths. Phan Thái Dũng; PGS.TS. Lê Văn Luyện; Ths. Nguyễn Đăng Hùng - Hà Nội - Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022; 12/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thực trạng trong việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam thời gian qua; Kinh nghiệm quốc tế đối với một số lĩnh vực, trụ cột trong việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; Định hướng, giải pháp phát triển các lĩnh vực, trụ cột của phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó tập trung vào: Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; Nghiên cứu hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Nghiên cứu, phát triển các dịch vụ, hình thức thanh toán mới, hiện đại; Tăng cường quản lý, giám sát đối với các hệ thống thanh toán quan trọng; các hệ thống thanh toán, phương tiện, dịch vụ thanh toán mới, thanh toán xuyên biên giới.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-029

82067.08-2023 **Triển khai chương trình chuyển đổi số và phát triển hoạt động ngân hàng số của hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030/** ThS. Lê Anh Dũng, ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Dương Thị Thanh Bình; ThS. Lại Thị My; ThS. Nguyễn Trung AnH; ThS. Trần Thu

Hương; ThS. Lê Huy HoànG; ThS. Phạm Thị Hồng Xiêm; CN. Trần Hữu Thắng; CN. Nguyễn Chiến Thắng - Hà Nội - Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022; 12/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chuyển đổi số và hoạt động ngân hàng số;Thực tiễn triển khai số hóa hoạt động ngân hàng trên thế giới. Thực trạng về chuyển đổi số của các ngân hàng Việt Nam; các cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra trong thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển hoạt động ngân hàng số tại Việt Nam;Xu hướng và thực tiễn chuyển đổi số, phát triển hoạt động ngân hàng số tại một số quốc gia, khu vực trên thế giới;Mục tiêu và chương trình hành động, giải pháp xử lý nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành ngân hàng theo định hướng của Chính phủ, hướng tới hoạt động ngân hàng số, nắm bắt kịp thời cơ hội và vượt lên thách thức trong bối cảnh CMCN 4.0.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-028

82068.08-2023 Nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh liên tục tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/ TS. Phạm Thu Trang, ThS. Lê Thị Huyền Trang; TS. Nguyễn Văn Hà; TS. Lê Tiến Trung; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Phạm Đức Anh; ThS. Vũ Thị Yến; ThS. Nguyễn Phương Anh; ThS. Phạm Đình Dũng; ThS. Trịnh Phương Ly - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 03/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về quản trị khủng hoảng và quản trị kinh doanh liên tục tại các ngân hàng Thương mại;Thực trạng áp dụng quản trị kinh doanh liên tục tại các ngân hàng thương mại Việt Nam;Mô hình nghiên cứu các nhân tố quyết định hiệu quả quản trị kinh doanh liên tục tại các ngân hàng thương mại Việt Nam;Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của quản trị kinh doanh liên tục tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-022

82142.08-2023 Tác động của tài chính toàn diện đến giảm nghèo đa chiều tại Việt Nam/ TS. Trần Thị Thanh Hương, TS. Phạm Thu Hằng; TS. Lê Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Hoài Thu; TS. Hoàng Thanh Huyền; TS. Phạm Thị Minh Tuệ; ThS. Nguyễn Thanh Nga; ThS. Vũ Thị Mai Hương; TS. Nguyễn Thị Huệ - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về tài chính toàn diện, nghèo đa chiều.Phân tích đặc điểm và thực trạng nghèo đa chiều của Việt Nam (lượng hóa khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản hiện nay trong giảm nghèo đa chiều).Phân tích đặc điểm và thực trạng phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam (có đánh giá lợi ích các bên trong phát triển tài chính toàn diện và giảm nghèo đa chiều).Xây dựng mô hình đánh giá tác động của tài chính toàn diện đến nghèo đa chiều tại Việt Nam.Đề xuất giải pháp thúc đẩy tác động của tài chính toàn diện đến giảm nghèo đa chiều của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2022-024

82143.08-2023 **Kiểm toán nội bộ định hướng theo rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/** TS. Nguyễn Hồng Yến, TS. Trịnh Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Bảo Huyền; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương; NCS. Phạm Hồng Linh; ThS. Hoàng Sơn; ThS. Đặng Thế Tùng; ThS. Hoàng Linh; ThS. Ngô Bích Ngọc; CN. Vũ Thu Hương. - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề cơ sở lý luận về kiểm toán nội bộ (KTNB) định hướng theo rủi ro tại NHTM. Nghiên cứu kinh nghiệm triển khai KTNB định hướng theo rủi ro (RBIA) tại các NHTM Ấn Độ và Hy Lạp. Khảo sát, phân tích thực trạng phát triển KTNB định hướng theo rủi ro tại các NHTM Việt Nam. Cơ sở kết luận về thực trạng KTNB, những nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai áp dụng, những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai KTNB định hướng theo rủi ro tại các NHTM Việt Nam; đề xuất các giải pháp phát triển KTNB định hướng theo rủi ro tại các NHTM Việt Nam và kiến nghị với NHNN nhằm tạo hành lang pháp lý chặt chẽ hơn cho việc thực hiện RBIA tại các NHTM Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-001

82144.08-2023 **Ứng dụng phương thức quản lý chất lượng toàn diện (Total Quality Management - TQM) trong quản lý chất lượng dịch vụ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Việt

Hà, ThS. Phạm Mỹ Linh; PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Trần Phương; ThS. Trần Ngọc Tiến; ThS. Phạm Đình Dũng; ThS. Lê Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Trần Thị Nhung; ThS. Lê Thu Trang. - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các lý thuyết cơ sở về quản lý chất lượng, quản lý chất lượng theo TQM nói chung, áp dụng TQM trong lĩnh vực dịch vụ, làm rõ quản lý chất lượng dịch vụ theo TQM áp dụng trong lĩnh vực ngân hàng với những đặc thù riêng biệt của ngành như đòi hỏi tính an toàn cao, hạn chế thấp nhất rủi ro. Đánh giá thực trạng công tác quản lý chất lượng dịch vụ, việc thực hành quản lý chất lượng dịch vụ hiện nay theo các nguyên tắc của quản lý chất lượng toàn diện – TQM. Phân tích về bối cảnh kinh doanh và yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý chất lượng dịch vụ của NHTM Việt Nam và đưa ra đề xuất về phương thức áp dụng TQM; thang đo đánh giá năng lực tuân thủ nguyên tắc quản lý chất lượng dịch vụ ngân hàng theo TQM. Đưa ra khuyến nghị nhằm hoàn thiện quản lý chất lượng dịch vụ tại NHTM Việt Nam thông qua các nội dung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho áp dụng TQM; nâng cao năng lực lãnh đạo; định hướng quản lý chất lượng dịch vụ hướng tới khách hàng và chú trọng phát triển hệ thống thông tin, phân tích.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-002

82146.08-2023 **Ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế và vai trò của chính sách tiền tệ/** TS. Phạm Thị Tuyết Trinh, ThS. Lê Phan Ái Nhân; ThS. Bùi Thị Thiện Mỹ; ThS. Đào Văn Hà; ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy. - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2022; 06/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá cơ sở lý thuyết về cú sốc giá dầu, ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế và phản ứng của chính sách tiền tệ. Phân tích tác động của các cú sốc giá dầu và kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2000-2021. Phân tích định lượng ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến các biến số vĩ mô của Việt Nam và phản ứng của chính sách tiền tệ thông qua việc sử dụng mô hình SVAR phân tích cho dữ liệu tần suất tháng. Đưa ra một số kết luận về kết quả nghiên cứu và một số khuyến nghị về giảm dần sự phụ thuộc của nền kinh tế vào năng lượng từ dầu, về kiểm soát ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến lạm phát và sản lượng trong nước từ khía cạnh kinh tế thực và khuyến nghị về chính sách tiền tệ./.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-003

82147.08-2023 **Xây dựng bộ chỉ số định lượng mối liên kết giữa thị trường vốn Việt Nam và các thị trường vốn trong khu vực và trên thế giới/** ThS. Dương Thị Thùy An, TS. Nguyễn Thị Như Quỳnh; ThS. Phan Minh Anh; TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Phạm Thị Mỹ Châu; ThS. Bùi Ngọc Mai Phương; ThS. Võ Thiên Trang; ThS. Mai Thu

Hiền; CN. Trần Thị Minh Ngọc. - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2022; 06/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về hội nhập tài chính và đo lường hội nhập tài chính giữa các quốc gia, Nghiên cứu về chủ trương, định hướng hội nhập tài chính của Việt Nam, các thỏa thuận song phương và đa phương, các cải cách thể chế đáp ứng nhu cầu hội nhập tài chính của Việt Nam cũng như các cam kết của Việt Nam liên quan đến hội nhập tài chính và các quan hệ tài chính của Việt Nam. Lựa chọn mô hình và dữ liệu phù hợp, thực hiện ước lượng 04 chỉ số, gồm chỉ số tương quan biến động giá trong mô hình GARCH-DCC; chỉ số tương quan trạng thái trong mô hình Markov Regime switching Autoregressive; chỉ số hội tụ giá trong mô hình hội tụ Beta và chỉ số hội tụ suất sinh lời trong mô hình hội tụ Sigma. Trên cơ sở kết quả ước lượng, nhóm tác giả đưa ra nhận định và khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường hội nhập tài chính, tranh thủ được cơ hội và giảm thiểu rủi ro trong hội nhập.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-004

82148.08-2023 **Hoàn thiện công cụ chính sách tiền tệ nhằm từng bước chuyển dịch cơ chế điều hành theo khối lượng sang điều hành theo giá tại Việt Nam/** ThS. Dương Thị Thanh Bình, TS. Vũ Mai Chi; ThS. Đỗ Thu Hạnh; ThS. Nguyễn Huyền Diệu; ThS. Nguyễn Linh Phương; ThS. Phạm Thị Như Hoa; ThS. Lê

Thị Trang Dung; ThS Trần Thị Thu Phương; CN. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Lê Phương Thảo. - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về CSTT và các công cụ CSTT, đi sâu phân tích các đặc điểm, cơ chế tác động, ưu và nhược điểm của các công cụ truyền thống và phi truyền thống được NHTW trên thế giới sử dụng cho đến nay. Kinh nghiệm trong điều hành các công cụ CSTT gắn với quá trình chuyển từ điều hành CSTT từ lượng sang giá nhằm hướng tới khuôn khổ CSTT. Tập trung phân tích thực trạng về quy định pháp lý, định hướng và mục tiêu điều hành CSTT, đặc biệt là việc hoàn thiện các công cụ CSTT của NHNN Việt Nam giai đoạn từ 2008 đến nay. Trên cơ sở kết quả phân tích về cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế, thực trạng điều hành CSTT và các dự báo về kinh tế vĩ mô, chủ trương, định hướng về điều hành CSTT của NHNN, nhóm nghiên cứu đưa ra 04 nhóm giải pháp pháp hoàn thiện các công cụ CSTT của NHNN, lộ trình thực hiện và một số khuyến nghị với Chính phủ, các Bộ ngành, với NHNN và với các TCTD.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-005

82149.08-2023 Đánh giá khía cạnh pháp lý của các cam kết đầu tư liên quan đến lĩnh vực ngân hàng

và khuyến nghị chính sách/ ThS. Tạ Quang Đôn, CN. Đào Trần Thùy An; ThS. Phạm Thanh Ngọc; ThS. Vũ Thị Phương; ThS. Trần Thanh Vân; ThS. Nguyễn Sao Mai; ThS. Trần Thị Diệu Linh; ThS. Vũ Thị Châu Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Nhung - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Giải quyết các vấn đề khái quát chung, tập hợp cách diễn giải quy định về đối xử đối với khoản đầu tư/nhà đầu tư, nghĩa vụ tối huệ quốc, nghĩa vụ đối xử quốc gia và biện pháp quốc hữu hóa, nhận diện khoản đầu tư được bảo hộ, các biện pháp có khả năng bị khởi kiện, các cơ quan có liên quan và đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam. Phân tích các nội dung cam kết về đầu tư đối với dịch vụ tài chính, ngân hàng tại một số FTA của Việt Nam, tổng hợp một số nghĩa vụ mà nhà đầu tư nước ngoài có thể khởi kiện Việt Nam, tập trung làm rõ hơn các cam kết đối với 4 nghĩa vụ quan trọng (gồm đối xử công bằng, thỏa đáng/quốc hữu hóa/nguyên tắc đối xử quốc gia và nguyên tắc tối huệ quốc) tại 04 FTA nổi bật là Hiệp định Thương mại tự do CPTPP, VEAUFTA, VKFTA và AANZFTA. Phân tích về các khoản đầu tư được bảo hộ; Khuyến nghị chính sách đối với việc rà soát và sửa đổi khuôn khổ pháp lý; rà soát và sửa đổi Hiệp định Bảo hộ Đầu tư song phương/đa phương; về tăng cường nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, các định chế tài chính liên quan đến rủi ro tranh chấp, thiệt hại cũng như tăng cường

huy động sự tham gia của các giáo sư, học giả thuộc lĩnh vực luật đầu tư quốc tế.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-006

82150.08-2023 **Đánh giá hiệu lực thực thi chính sách an toàn hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** TS. Phan Hữu Việt, CN. Lê Hồng Quân; ThS. Nguyễn Quang Hải; ThS. Trần Thị Hòa; ThS. Nguyễn Hải Ninh; ThS. Phạm Hoàng Hà; TS. Trần Thị Minh Trang; CN. Đặng Thị Thảo; CN. Ngô Thị Lan Anh; CN. Nguyễn Đức Anh. - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022; 06/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về chính sách an toàn hoạt động ngân hàng. Đánh giá thực trạng thực thi chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Đánh giá định lượng hiệu lực thực thi chính sách an toàn hoạt động ngân hàng thông qua dữ liệu theo quý của 38 NHTM tại Việt Nam trong giai đoạn 2015-2020 nhằm kiểm tra mối liên hệ giữa các công cụ chính sách an toàn hoạt động ngân hàng đối với 02 chỉ tiêu. Đánh giá này nhằm mục tiêu hỗ trợ việc lựa chọn các công cụ chính sách an toàn hoạt động ngân hàng hiệu quả, lựa chọn các chỉ tiêu giám sát giúp cảnh báo sớm rủi ro của TCTD. Khuyến nghị chính sách đối với Ngân hàng Nhà nước, đối với Chính phủ và các bộ/ngành có liên quan nhằm nâng cao hiệu lực thực thi chính sách an toàn hoạt động ngân hàng./.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-008

82151.08-2023 **Quản lý Nhà nước về hoạt động ngân hàng số - thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế và giải pháp đối với Việt Nam/** ThS. Lê Anh Dũng, ThS. Nguyễn Thùy Anh; ThS. Bùi Thúy Hằng; ThS. Lê Trung Kiên; ThS. Nguyễn Đăng Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Nguyễn Thị Hương; CN. Nguyễn Đình Dũng - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022; 06/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về ngân hàng số, gồm: khái niệm, xu hướng phát triển, các mô hình, đặc điểm của ngân hàng số và một số thách thức, yêu cầu đặt ra trong quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng số. Nghiên cứu thực tiễn triển khai chuyển đổi số ngân hàng và xu hướng phát triển mô hình ngân hàng số tại Việt Nam. Phân tích khuôn khổ pháp lý, quy định quản lý về cấp phép, quản lý, giám sát ngân hàng số. Đưa ra đề xuất về ứng xử chính sách của Việt Nam đối với cấp phép, quản lý các mô hình ngân hàng số; về rà soát, bổ sung, chỉnh sửa quy định thanh tra, giám sát đối với hoạt động ngân hàng số; về cơ chế chính sách tạo thuận lợi ứng dụng công nghệ nhằm cải tiến quy trình, nghiệp vụ ngân hàng số và gia tăng trải nghiệm khách hàng; về rà soát quy định pháp lý tạo điều kiện triển khai sáng kiến Ngân hàng mở (Open Banking); về nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng số.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-009

82152.08-2023 **Giải pháp tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam/** TS. Cấn Văn Lực, TS. Lại Thị Thanh Loan; ThS. Nguyễn kim Hùng; TS. Lương Minh Huân; ThS. Phạm Thị Hạnh; TS. Trần Việt Phương; ThS. Nguyễn Đình Dũng; ThS. Phạm Thị Vân Khánh; CN. Nguyễn Tuấn Linh; ThS. Lê Thị Nguyệt - Hà Nội - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, 2022; 06/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn của các DNNVV trên thế giới. Phân tích các biện pháp tăng khả năng tiếp cận vốn của các DNNVV tại Việt Nam giai đoạn 2015-2021, đánh giá kết quả của các giải pháp tăng khả năng tiếp cận vốn của các DNNVV tại Việt Nam, chỉ ra những rào cản về tiếp cận vốn với DNNVV đối với từng nguồn vốn, một số giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn của DNNVV. Đề xuất một số giải pháp tăng khả năng tiếp cận vốn của DNNVV tại Việt Nam, tập trung vào một số vấn đề có tính dài hạn như đổi mới tư duy kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh; trình độ quản trị; thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi công nghệ; phát triển nền tảng dữ liệu, công nghệ phục vụ kinh doanh số và tạo lập hệ sinh thái hoàn chỉnh cho khách hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-010

82157.08-2023 **Ứng dụng Học máy (Machine Learning) vào xử lý dữ**

liệu trong hoạt động thông tin tin dụng tại Việt Nam/ ThS. Phan Huy Thắng, ThS. Vũ Thị Phương Thảo; ThS. Đỗ Thị Thu Lan; ThS. Vũ Thu Lê; ThS. Phạm Trang Nhung; ThS. Ngô Thanh Nam; ThS. Nguyễn Thị Tú; ThS. Trần Anh Cao; Cử nhân Nguyễn Hữu Cường; Cử nhân Nguyễn Khắc Hoàng - Hà Nội - Trung tâm Thông tin tin dụng Ngân hàng, 2022; 06/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề cơ sở lý luận cho việc ứng dụng học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động TTDD. Đánh giá thực trạng xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng, thực trạng ứng dụng Học máy trong ngành ngân hàng và khả năng ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng tại Việt Nam. Đề xuất mục tiêu tổng quát của các giải pháp ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động TTDD tại Việt Nam là nhằm nâng cao hiệu quả xử lý dữ liệu trong hoạt động TTDD, tạo điều kiện phát triển, cải tiến sản phẩm, dịch vụ TTDD hiện đại phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, của các chủ thể hoạt động trong ngành TC-NH. Để đáp ứng mục tiêu này, nhóm tác giả đưa ra đề xuất một số giải pháp về xây dựng hệ thống văn bản QPPL, xây dựng cơ chế tạo điều kiện thúc đẩy ứng dụng Học máy trong hoạt động TTDD; Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; Mở rộng CSDL.

Số hồ sơ lưu: NHN-2023-011

86069.08-2023 Xây dựng cơ chế, thiết chế hỗ trợ các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025/ TS. Nguyễn Duy Phúc, ThS. Nguyễn Thị Yên; TS. Vũ Minh Tiến; TS. Đào Xuân Hội; CN. Ngô Hoàng; ThS. Phạm Thị Chung; ThS. Phạm Huy Tú; ThS. Bùi Thị Hoàn; CN. Phạm Thị Minh Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Phương Nga - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các cơ sở pháp lý của việc hỗ trợ các tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp. Phân tích cơ sở thực tiễn của việc xây dựng cơ chế, thiết chế hỗ trợ các tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp. Đề xuất giải pháp có tính hệ thống nhằm xây dựng cơ chế, thiết chế hỗ trợ các tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp thành lập, hoạt động thuận lợi, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế về lao động khi BLLĐ 2019 có hiệu lực.

Số hồ sơ lưu: 21247

87021.08-2023 Giải pháp thúc đẩy sự tuân thủ các quy định kế toán và kiểm toán quốc tế tại Việt Nam/ GS. TS. Chúc Anh Tú, TS. Nguyễn Phi Hùng; ThS. Lưu Thị Thu Hoài; ThS. Phan Thị Thảo; ThS. Nguyễn Hoài Thu; TS. Lý Lan Yên; ThS. Nguyễn Lê Mai; ThS. Vương Thị Thu Hiền; ThS. Cao Anh Tuấn; TS. Đào Ngọc Hà - Hà Nội - Học viện tài chính, 2022; 12/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, trình bày các cơ quan liên quan và quy trình ban hành chuẩn mực Kế toán, chuẩn mực Kiểm toán của quốc tế. Từ đó, nghiên cứu kinh nghiệm của quốc tế về cơ cấu tổ chức và quy trình ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán và chuẩn mực kiểm toán. Khảo sát và trình bày thực tiễn ở Việt Nam về thực trạng tuân thủ kế toán và kiểm toán Việt Nam theo quốc tế. Qua đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện nhằm thúc đẩy sự tuân thủ các quy định kế toán và kiểm toán Việt Nam so với kế toán quốc tế

Số hồ sơ lưu: 21599

87045.08-2023 Hoàn thiện pháp luật về quản lý vốn đầu tư công qua công tác thanh tra, kiểm toán nhà nước/ TS. Tăng Thị Thiêm, TS. Tạ Thu Thủy; TS. Lê Tiến Hào; TS. Lê Đình Thăng; ThS. Nguyễn Hữu Hòa; TS. Lê Hoài Nam; ThS. Lê Quốc Đạt; ThS. Nguyễn Thị Thu Trung; ThS. Nguyễn Thị Hồng Loan; ThS. Phan Văn Kiên; ThS. Lại Kim Dung; ThS. Thái Hồng Dim; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Hiếu; ThS. Lê Hải Đăng; ThS. Trần Anh Tuấn - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2023; 04/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp luật về quản lý VĐTC và hoàn thiện pháp luật về quản lý VĐTC; vai trò của thanh tra, kiểm toán trong hoàn thiện pháp luật quản lý VĐTC. Đánh giá thực trạng pháp luật, hoàn thiện pháp luật về quản lý VĐTC và vai trò của thanh

tra, kiểm toán trong hoàn thiện pháp luật về quản lý vốn đầu tư công. Đề xuất các quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả hoàn thiện pháp luật về quản lý VĐTTC qua thanh tra, kiểm toán.

Số hồ sơ lưu: 21606

87049.08-2023 Nghiên cứu sự dịch chuyển cấu trúc kinh tế và năng suất lao động trong xu hướng chuyển đổi số tại Việt Nam/ TS. Đặng Thị Việt Đức, TS. Vũ Quang Kết; ThS. Đoàn Hiếu; ThS. Đặng Huyền Linh; ThS. Dương Thị Thúy Hồng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2023; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về cấu trúc kinh tế, năng suất lao động của ngành kinh tế số (ICT) ở Việt Nam. Đánh giá sơ bộ kết quả nghiên cứu kinh tế số tại Việt Nam giai đoạn 2000-2019. Nghiên cứu sự dịch chuyển cấu trúc kinh tế và năng suất lao động trong xu hướng chuyển đổi số tại Việt Nam. Đề xuất định hướng chuyển đổi số để phát triển kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới

Số hồ sơ lưu: 21608

87092.08-2023 Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi/ TS. Nguyễn Xuân Hòa, ThS. Lê Thu Quỳnh; ThS. Đặng Thành Trung; ThS. Lê Hồng Ngọc; CN. Nghiêm Văn Khoa; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về hệ thống thông tin địa lý (GIS) và cơ sở dữ liệu du lịch; Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về du lịch tỉnh Quảng Ngãi; Đề xuất các giải pháp khai thác tối đa lợi thế của cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi; Từ đó ứng dụng công nghệ GIS xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

Số hồ sơ lưu: 21614

87118.08-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay trực tiếp doanh nghiệp đổi mới công nghệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: nghiên cứu trường hợp Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia/ TS. Phạm Quang Trí, CN. Đinh Thị Huyền Trang; CN. Nguyễn Quốc Thịnh; TS. Chủ Đức Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Hằng; KS. Hoàng Lê Minh; ThS. Trịnh Quốc Hòa; ThS. Nghiêm Minh Thanh; ThS. Phạm Thanh Ngọc - Hà Nội - Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia, 2022; 08/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn về quản lý và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay trực tiếp doanh nghiệp đổi mới công nghệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, từ đó đề xuất được giải pháp chính sách về xử lý rủi ro trong cho vay trực tiếp của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; Xây dựng được quy định về xử lý rủi ro trong hoạt động

cho vay trực tiếp của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Số hồ sơ lưu: 21653

87122.08-2023 **Nghiên cứu chính sách, mô hình hỗ trợ thương mại điện tử xuyên biên giới của các nước Châu Á Thái Bình Dương trong bối cảnh thực thi cam kết FTAs/RTAs về thương mại điện tử/** ThS. Phùng Văn Kiên, ThS. Bùi Thị Thanh Hằng; KS. Nguyễn Hồng Huệ; ThS. Vũ Thị Phương Hoa; ThS. Nguyễn Hữu Thọ; CN. Lê Thế Phúc; CN. Nguyễn Thị Phương Trang; CN. Phạm Đỗ Duy; CN. Phạm Thanh Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Phạm Ngọc Vinh; CN. Nguyễn Văn Thành; CN. Nguyễn Văn Hải; ThS. Phạm Ngọc Dương; KS. Trần Vân; ThS. Nguyễn Việt Hưng - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, 2022; 04/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được về tình hình phát triển thương mại điện tử (TMĐT) thế giới trong giai đoạn vừa qua và dự báo xu hướng phát triển TMĐT thế giới, khu vực trong giai đoạn tới; Đánh giá, đưa ra được nội dung về TMĐT trong các RTAs/FTAs mà Việt Nam tham gia và các FTAs khác; Đánh giá các chính sách, chương trình hỗ trợ TMĐT xuyên biên giới của một số nước và tổ chức quốc tế; Đưa ra đề xuất chính sách và mô hình/chương trình hỗ trợ TMĐT xuyên biên giới trong bối cảnh thực thi cam kết FTAs/RTAs về TMĐT.

Số hồ sơ lưu: 21656

87614.08-2023 **Nghiên cứu nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình/** PGS. TS. Nguyễn Đào Tùng, ThS. Hoàng Văn Kiên; PGS. TS. Ngô Thanh Hoàng; TS. Hy Thị Hải Yến; TS. Phùng Thanh Loan; ThS. Bùi Thị Hồng Gấm; ThS. Nguyễn Đức Thắng; ThS. Nguyễn Văn Sáng; ThS. Nguyễn Lê Dung; ThS. Vũ Thị Hồng Hạnh. - Hà Nội - Học viện tài chính, 2023; 08/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng khung lý thuyết về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Đánh giá thực trạng thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 tỉnh Ninh Bình; Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-006-2023

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

86746.08-2023 **Nghiên cứu đánh giá chi phí đầu tư kinh doanh ở Vĩnh Phúc và đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ giảm chi phí đầu tư kinh doanh./** ThS Phạm Quang Thắng; ThS Nguyễn Ngọc Lợi; ThS Phan Tiến Dũng; TS Lương Minh Huân; TS Nguyễn Đình Hoan; ThS Đại Thị Thu Hà; ThS Lưu Bách

Thắng; KS Nguyễn Mạnh Đoàn; ThS Nguyễn Kim Phương; Ths Đinh Thị Thu Huyền - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 11/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về chi phí đầu tư kinh doanh, sự cần thiết phải hỗ trợ giảm chi phí đầu tư kinh doanh ở Vĩnh Phúc. Đánh giá tổng thể về năng lực cạnh tranh của tỉnh Vĩnh Phúc ở thời điểm hiện nay so với một số tỉnh tương đồng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; Nghiên cứu, ước lượng một số chi phí đầu tư kinh doanh điển hình khi đầu tư ở Vĩnh Phúc so với một số tỉnh tương đồng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm chi phí đầu tư kinh doanh ở Vĩnh Phúc nhằm tăng cường thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cho tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 34/ĐTKHVP/2020-2021

87294.08-2023 Nghiên cứu, tính toán chỉ số năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất các giải pháp nâng cao đóng góp của TFP vào kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái cho giai đoạn tiếp theo./ PGS.TS. Tăng Văn Khiên; CN. Nguyễn Mạnh Dân; TS. Nguyễn Tùng Lâm; ThS. Nguyễn Thu Hiền; CN. Lê Xuân Biên; CN. Đặng Thị Mai Phương; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; Ths. Đào Thị Thanh Vân; ThS. Lê Thị Phương Thúy; CN. Bùi Thu Hoài. - Hà Nội - Viện Năng suất

Việt Nam, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu phương pháp luận tính toán đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào phát triển kinh tế - xã hội. Tính toán và đánh giá năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020. Xây dựng mục tiêu và các giải pháp nâng cao năng suất của tỉnh Yên Bái đến năm 2025. Tập huấn cho cán bộ địa phương về TFP. Tổ chức Hội thảo đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

Số hồ sơ lưu: YBI-33-2022

87054.08-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn chuẩn hóa chương trình và tài liệu bồi dưỡng cơ bản về quản trị tài sản trí tuệ tại Việt Nam/ TS. Nguyễn Hữu Cẩn, ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; ThS. Trần Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Thị Hương Xiêm; ThS. Phạm Thị Huệ; ThS. Bùi Tiến Quyết; ThS. Vũ Thị Hân; ThS. Lê Thị Hằng; TS. Khổng Quốc Minh; CN. Lê Quang Dũng; CN. Phạm Thanh Loan; CN. Lê Việt Tiến; CN. Đỗ Nguyệt Thu; Nguyễn Thị Tiến - Hà Nội - Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cập nhật, chuẩn hóa chương trình, tài liệu bồi dưỡng về quản trị tài sản trí tuệ ở trình độ cơ bản; làm rõ các hình thức bồi dưỡng cơ bản về quản trị tài sản trí tuệ đang được áp dụng trên thế giới và Việt Nam; và đưa chương trình và tài liệu bồi dưỡng về quản trị tài sản trí tuệ ở trình độ cơ bản lên nền tảng trực tuyến. Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị

tài sản trí tuệ và nội dung bồi dưỡng quản trị tài sản trí tuệ; thực tiễn triển khai các hình thức bồi dưỡng cơ bản về quản trị tài sản trí tuệ trên thế giới và Việt Nam trong thời gian qua; trên cơ sở đó rút ra những vấn đề cần cập nhật, chuẩn hóa chương trình, tài liệu được sử dụng trong bồi dưỡng quản trị tài sản trí tuệ ở trình độ cơ bản và đề xuất việc phổ biến chương trình và đề cương tài liệu chuẩn hóa trên nền tảng trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: 21605

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

86926.08-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng ảnh bitmap trong in kỹ thuật số và ứng dụng đào tạo cán bộ kỹ thuật, sinh viên/** ThS. Nguyễn Xuân Tình, ThS. Nguyễn Thế Thành; ThS. Vũ Kết Đoàn; ThS. Lưu Thị Thu; ThS. Hoàng Thị Huyền Trang; KS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Lê Quang Nhật; CN. Nguyễn Quang Học - Hà Nội - Trường Cao đẳng Công nghiệp In Hà Nội, 2022; 02/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng luận cứ khoa học và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng ảnh bitmap trong in kỹ thuật số và ứng dụng đào tạo cán bộ kỹ thuật, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp in. Phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo sinh viên, cán bộ kỹ thuật trong trường Cao đẳng Công nghiệp in về công nghệ in ảnh bitmap trên máy in kỹ thuật số hiện

nay. Nghiên cứu xu hướng trong nước và nước ngoài về in kỹ thuật số hiện nay và các biện pháp tăng cường chất lượng ảnh bitmap trong in kỹ thuật số. Khảo sát và đánh giá thực trạng về chất lượng các sản phẩm in kỹ thuật số tại một số doanh nghiệp hiện nay và mức độ cần thiết các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm in kỹ thuật số. Xác định nhu cầu đào tạo nhân lực của doanh nghiệp. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng ảnh bitmap in kỹ thuật số của trường Cao đẳng Công nghiệp In và một số doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21553

87085.08-2023 **Đề xuất giải pháp thúc đẩy việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia/** TS. Nguyễn Chí Trường, ThS. Ngô Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Văn Cường; ThS. Đặng Thị Huyền; ThS. Bùi Thị Bích Thủy; ThS. Lê Thị Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hải Hòa; ThS. Đào Vũ Nguyên; ThS. Nguyễn Huyền Lê; ThS. Trần Quang Chính - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đánh giá, công nhận, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; Đánh giá thực trạng việc đánh giá, công nhận, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia từ khi hình thành đến năm 2020; Đề xuất định hướng, quan điểm và giải pháp thúc đẩy việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ

năng nghề quốc gia đến năm 2030. Đề xuất giải pháp thúc đẩy việc đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG nhằm góp phần chuẩn hóa lực lượng lao động, thúc đẩy học tập suốt đời giúp NLD có thể thích ứng với thay đổi của TTLĐ, góp phần tăng chất lượng, hiệu quả và năng suất lao động, phát triển kinh tế bền vững, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong việc cung cấp các chương trình đào tạo tại doanh nghiệp

Số hồ sơ lưu: 21630

87488.08-2023 Nghiên cứu biên soạn tài liệu tư vấn khởi nghiệp và xây dựng một số mô hình khởi nghiệp cho thanh niên tỉnh Hòa Bình hiện nay/ TS. Hoàng Phúc, - Sơn La - Trường Đại học Tây Bắc, 2022; 11/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề khởi nghiệp của thanh niên; Đánh giá được thực trạng, các nhân tố ảnh hưởng và dự báo xu hướng khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hòa Bình hiện nay; Đề xuất một số giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp cho thanh niên tỉnh Hòa Bình; Biên soạn bộ tài liệu tư vấn khởi nghiệp cho thanh niên tỉnh Hòa Bình; Xây dựng quy trình các bước khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hòa Bình; Xây dựng mô hình khởi nghiệp cho thanh niên tỉnh Hòa Bình

Số hồ sơ lưu: Mô hình KH

87521.08-2023 Nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác tham mưu, tổng hợp phục vụ cấp ủy của Văn phòng Tỉnh ủy Hòa Bình giai đoạn 2021-2025/ Ths. Nguyễn Đức Dũng, - Hòa Bình - Văn phòng Tỉnh ủy Hòa Bình, 2022; 08/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đã nêu được cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác tham mưu, tổng hợp của Văn phòng Tỉnh ủy Hòa Bình trong thời gian qua (2015-2020); Đánh giá thực trạng công tác tham mưu, tổng hợp phục vụ cấp ủy của Văn phòng Tỉnh ủy Hòa Bình giai đoạn 2015-2020; Đề xuất phương hướng, giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu, tổng hợp của Văn phòng Tỉnh ủy Hòa Bình giai đoạn 2015-2020.

Số hồ sơ lưu: VP Tỉnh ủy HB

87616.08-2023 Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, hành chính cho cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình/ ThS. Lưu Văn Hiền, ThS. Nguyễn Thị Hoa Nhài; CN. Dương Thị Ngoan; ThS. Phạm Đình Chiến; ThS. Giang Thị Thoa; ThS. Phạm Văn Khoản; ThS. Quách Thị Ngọc Chính; ThS. Lê Thị Thu Hường; ThS. Phạm Bích Hoa; ThS. Phạm Thị Tô Lịch. - Ninh Bình - Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình, 2023; 01/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác ĐT , BDLLCT, HC

cho CB, CC cấp xã; Đánh giá thực trạng đội ngũ CB, CC cấp xã và thực trạng công tác ĐT, BDLLCT, HC cho CB, CC cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm 2015 đến năm 2021; Đề xuất những giải pháp chủ yếu và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng ĐT, BDCB, CC cấp xã ở tỉnh Ninh Bình về LLCT, HC thuộc chức năng, nhiệm vụ của Trường Chính trị tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-007-2023

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

87016.08-2023 Nghiên cứu đề xuất hình thành và phát triển mô hình Văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO)/ GS. TS. Lê Minh Thắng, ThS. Nguyễn Quốc Anh; TS. Nguyễn Trung Dũng; CN. Phạm Tuấn Hiệp; PGS.TS. Văn Đình Sơn Thọ; ThS. Nguyễn Thị Diệp Hồng; CN. Trần Thị Khánh Hương; KS. Hoàng Thị Kim Thu; ThS. Nguyễn Hữu Thật; TS. Nguyễn Thị Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 06/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu vấn đề lý luận về việc hình thành và phát triển văn phòng chuyển giao công nghệ trong các trường đại học. Tìm hiểu thực trạng hoạt động chuyển giao của trường đại học có văn phòng chuyển giao công nghệ trên thế giới. Đồng thời tìm hiểu thực trạng hoạt động chuyển giao công nghệ và việc hình thành và phát triển mô hình văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO)

tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Qua đó, xây dựng và triển khai mô hình văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO) tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21602

87053.08-2023 Nghiên cứu những vấn đề ảnh hưởng đến động lực của nhà khoa học trong đăng ký, thương mại hóa sáng chế tại trường đại học và viện nghiên cứu/ TS. Nguyễn Hữu Cẩn, CN. Phạm Thanh Loan; ThS. Vũ Thị Hân; ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; CN. Nguyễn Thị Hương Xiêm; ThS. Lê Thị Hằng; ThS. Bùi Thanh Tùng; CN. Đào Thị Mai Dung; CN. Nguyễn Bích Châm; ThS. Phạm Thị Huê; CN. Đỗ Nguyệt Thu; CN. Lê Việt Tiến; Nguyễn Thị Tiến; Trần Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2022; 11/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về động lực và thúc đẩy động lực đăng ký, thương mại hóa sáng chế của nhà khoa học tại trường đại học, viện nghiên cứu. Tìm hiểu thực trạng hoạt động đăng ký, thương mại hóa sáng chế của nhà khoa học tại trường đại học, viện nghiên cứu ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất chính sách và giải pháp thúc đẩy động lực đăng ký, thương mại hóa sáng chế của nhà khoa học tại trường đại học, viện nghiên cứu ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21604

86732.08-2023 Nghiên cứu phát triển giáo dục Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm

2030/ Nguyễn Văn Huyền, Ths. Nguyễn Văn Huyền; Ths. Nguyễn Xuân Trường; Ths. Đặng Công Hòa; CN. Phạm Khương Duy; TS. Trịnh Văn Mừng; Ths. Hoàng Minh Tuấn; Ths. Nguyễn Đình Thư; Ths. Đỗ Văn Thắng; Ths. Nguyễn Thị Phương Thảo; Ths. Lê Văn Huân; CN. Nguyễn Thị Mai Liên; Ths. Hoàng Tiến Sỹ; Ths. Nguyễn Việt Hà; Ths. Tống Thị Thu; Ths. Vũ Thị Mùi; Ths. Nguyễn Thị Mai Hoan; Ths. Lê Mạnh Hùng; Ths. Nguyễn Thị Năm Nhỏ; Ths. Trần Quang Trung; Ths. Trương Trọng Kiên; Ths. Nguyễn Công Nguyên - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc - Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 05/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng giáo dục Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2020, đánh giá những mặt mạnh, những tồn tại, hạn chế của giáo dục tỉnh nhà giai đoạn vừa qua. Dự báo quy mô số lượng học sinh, trường, lớp trong giai đoạn tiếp theo. Đề xuất được những giải pháp phát triển giáo dục Vĩnh Phúc trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 01/ĐAKHVP-2021

50401. Xã hội học nói chung

86949.08-2023 Đổi mới chính sách ưu đãi người có công trong tình hình mới/ BSCKII. Đào Ngọc Lợi, CN. Nguyễn Thị Lý; ThS. Trần Thị Hằng; CN. Nguyễn Thủy Chung; ThS. Nguyễn Duy Thanh; ThS. Dương Châu Loan; ThS. Trần Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Văn Phú -

Hà Nội - Cục người có công, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn về đổi mới chính sách ưu đãi người có công. Đánh giá thực trạng chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2012-2020 ((kể từ khi pháp lệnh ưu đãi người có công sửa đổi lần thứ 3 được thông qua). Đề xuất quan điểm, mục tiêu, định hướng và nội dung đổi mới chính sách ưu đãi người có công phù hợp với tình hình mới giai đoạn 2021-2030; đề xuất giải pháp, điều kiện thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 21557

87542.08-2023 Đánh giá thực trạng quản lý chất thải y tế và đề xuất các giải pháp quản lý chất thải y tế tại các Trạm y tế trên địa bàn tỉnh Hòa Bình/ Th.S Hoàng Thị Thủy, - Hòa Bình - Sở Y tế tỉnh Hòa Bình, 2022; 10/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng quản lý chất thải y tế tại các trạm Y tế trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Đề xuất các giải pháp quản lý chất thải y tế tại các trạm y tế trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Khảo sát, đánh giá được mô hình quản lý chất thải y tế tại một số trạm y tế trên địa bàn tỉnh; Quan trắc môi trường nước của 03 mô hình; Xây dựng báo cáo hoàn thiện mô hình quản lý chất thải y tế tại một số trạm y tế trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: Chất thải y tế

87988.08-2023 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Giò chả Trai Trang” dung cho các sản phẩm giò, chả của huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/** ThS. Lê Thị Hạnh, TS. Hoàng Hà; CN. Vương Công Tuấn Anh; PGS.TS. Vũ Duy Vĩnh; CNSH. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Nguyenx thanh Đàn; CN. Nguyễn Xuân Khang; TS. Chu Thị Thu Hà; CN. Phạm Vũ Tuấn; CN. Vũ Tiến Sửu; CN. Hoàng Thị DUYên; CN. Nguyễn Văn Nhường. - Hưng yên - UBND Tỉnh Hưng Yên, 2022; 11/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu của dự án đã khẳng định được danh tiếng, tính chất và chất lượng đặc trưng của sản phẩm mang NHTT “Giò chả Trai Trang”. Đây chính là căn cứ để thực hiện đăng ký nhãn hiệu tập thể “Giò chả Trai Trang” đáp ứng các điều kiện đăng ký nhãn hiệu tập thể theo quy định của luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11. Góp phần khẳng định và tôn vinh danh tiếng của sản phẩm mang NHTT "Giò chả Trai Trang" trong và ngoài tỉnh. Góp phần duy trì chất lượng đặc trưng của sản phẩm, duy trì chất lượng sản phẩm, nâng cao lợi thế cạnh tranh của sản phẩm mang NHTT “Giò chả Trai Trang” trên thị trường và đóng góp vào đời sống kinh tế của người dân huyện Yên Mỹ nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung. Là căn cứ pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng nhãn hiệu tập thể, chống lại các hành vi xâm phạm quyền. Là cơ sở quan trọng để thực hiện kế hoạch

khoanh vùng và phát triển vùng sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Số hồ sơ lưu: 192-NVKH

87990.08-2023 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên/** TS. Nguyễn Thu Hiền, TS. Bùi Thị Hằng; TS. Trần Phương Anh; TS. Trần Thị Phương Dịu; TS. Phạm Nữ Mai Anh; TS. Phạm Hoài Nam; TS. Nguyễn Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Công Định; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền; ThS. Đào Thị Thanh Hòa; ThS. Lã Đình Hưng; ThS. Hà Thị Hằng; CN. Phạm Tuấn Anh; CN. Phạm Thị Nga; ThS. Trịnh Xuân Huân; ThS. Nguyễn Văn Đích; CN. Đào Mạnh Hà; ThS. Bùi Xuân Bắc; ThS. Nguyễn Hữu Đại; ThS. Trần Danh Quốc Biên. - Hà Nội - Học viện tài chính, 2022; 03/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dựa trên quá trình tổng hợp và phân tích nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến tính tuân thủ thuế, đề tài đã tiến hành tóm tắt một số nội dung chính của các công trình nghiên cứu tiêu biểu, đồng thời đưa ra một số nhận xét, đánh giá những mặt còn hạn chế của các công trình nghiên cứu, làm cơ sở xác định khoảng trống nghiên cứu. Mặt khác, thông qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan kết hợp với phân tích, so sánh kết quả của các nghiên cứu, đề tài đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về thuế, tuân thủ thuế và xây dựng 309

các giả thuyết nghiên cứu, mô hình lý thuyết, mô hình nghiên cứu định lượng để kiểm tra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tính tuân thủ thuế của các DNVTN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Dựa vào kết quả phân tích các dữ liệu thu thập được từ cuộc điều tra, khảo sát, đề tài đưa ra các hàm ý từ kết quả nghiên cứu làm cơ sở đề xuất và kiến nghị nhóm các giải pháp nhằm nâng cao tính tuân thủ thuế của các DNVTN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Số hồ sơ lưu: 2022-27-NVKHCN

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

86724.08-2023 **Nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030/** ThS. Hoàng Anh; CN. Hoàng Minh Ái; CN. Nguyễn Quang Trung; ThS. Trần Phú Phương; CN. Nguyễn Thế Dương; KS. Nguyễn Việt Cường; CN. Nguyễn Thị Hồng Soa; CN. Trần Thị Lý; ThS. Trần Thành; CN. Bùi Thị Phương Thu; ThS. Đỗ Thu Hà; CN. Tạ Thị Lệ Quyên; CN. Lê Thị Hoa Quỳnh; CN. Nguyễn T Trung Thủy; CN. Hoàng Thị Hằng; CN. Nguyễn Lệ Thủy; CN. Quách T Phương Anh; CN. Bằng Trung Kiên - Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc - Ban Dân Tộc Tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 05/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận, thực tiễn của Đề án. Phân tích bối cảnh tỉnh Vĩnh

Phúc tác động đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2020. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất giải pháp và kinh phí thực hiện Đề án.

Số hồ sơ lưu: 02/ĐAKHVP/2021

86728.08-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp tạo việc làm cho người lao động sau khi bị thất nghiệp từ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** PGS.TS. Đỗ Anh Tài, TS. Nguyễn Việt Phương PGS. TS. Đỗ Anh Tài; TS. Nguyễn Việt Phương; TS. Đỗ Đình Long; Th.s. Lê Minh Tân; Th.s. Nguyễn Duy Hiếu; Th.s. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thu Thủy; PGS.TS Hoàng Thị Thu; TS. Đoàn Mạnh Hồng; ThS. Đặng Quỳnh Trinh; ThS. Đặng Phi Trường; TS. Mai Việt Anh; ThS. Nguyễn Thị Kim Anh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên. - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên., 2021; 08/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận ở ngoài nước, trong nước, trong tỉnh có liên quan đến việc làm và công tác tạo việc làm cho người lao động sau khi bị thất nghiệp từ các doanh

ng nghiệp; Đánh giá thực trạng tình hình việc làm và công tác tạo việc làm cho người lao động sau khi bị thất nghiệp từ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2018-2023; Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng việc làm và công tác tạo việc làm cho người lao động sau khi bị thất nghiệp từ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 29/ĐTKHVP/2020-2021

86735.08-2023 **Nghiên cứu phát triển sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035/** Nguyễn Khắc Lập, Nguyễn Duy Ninh BSKII Nguyễn Khắc Lập; BSKII Nguyễn Duy Ninh; ThS Nguyễn Văn Cường; TS Trần Thị Mai Oanh; ThS Đào Văn Đăng; BSKII Bùi Trọng Thủy; BSKCI Lưu Thị Hồng Lê; BSKCI Hà Quang Trung; ThS Đỗ Thị Hồng Tươi; ThS Nguyễn Thị Bạch Yến; ThS Trần Anh Tuấn; ThS Trần Ngọc Hải; ThS Nguyễn Đức Thịnh; CN Nguyễn Hải Nam; Bác sĩ Nguyễn Quế Hằng - Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 06/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, căn cứ pháp lý và sự cần thiết của Đề án. Nghiên cứu bối cảnh của tỉnh Vĩnh Phúc tác động đến sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020. Nghiên cứu quan điểm, mục tiêu phát triển sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035. Nghiên cứu nhiệm vụ, giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 03/ĐAKHVP-2021

86755.08-2023 **Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, áp dụng sáng kiến, kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học giúp phụ nữ tiến bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** Nguyễn Thị Thu Hà; Trần Thị Ngọc Thùy; Nguyễn Thị Tình; Đào Thu Trang; Phùng Thị Hồng; Nguyễn Thị Kiều Anh; Ngô Thúy Hằng; Ngô Thị Chang; Nguyễn Thị Như Hoa; Phạm Thị Hải Yến; Phạm Thị Kiều Loan; Vũ Thị Hằng; Nguyễn Thị Âu; Đỗ Thị Ngọc Tú; Đỗ Thị Ánh - Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Vĩnh Phúc - Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Vĩnh Phúc, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về hoạt động tuyên truyền và sự cần thiết phải tuyên truyền, áp dụng sáng kiến kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học giúp phụ nữ tiến bộ; Đánh giá thực trạng hoạt động tuyên truyền, áp dụng sáng kiến kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học của Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp giai đoạn 2015-2020; Nghiên cứu tuyên truyền, áp dụng sáng kiến kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế giúp phụ nữ tiến bộ

tại Vĩnh Phúc; Đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nâng cao công tác tuyên truyền, áp dụng sáng kiến kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học giúp phụ nữ tiên bộ.

Số hồ sơ lưu: 10/ĐTKHVP-2021-2022

86858.08-2023 Đánh giá thực trạng và đề xuất mô hình tổ chức thực hiện công tác dân số phát triển Việt Nam/ TS. Phạm Văn Tác, ThS. Vũ Thị Minh Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Trần Thị Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Thị Tố Quyên; CN. Vũ Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Lan Hương; CN. Đặng Trần Thắng; ThS. Phạm Hồng Quân; TS. Trần Thị Hồng Cẩm; ThS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Xuân Sơn; ThS. Nguyễn Văn Hậu; ThS. Vũ Minh Đại; ThS. Lê Minh Hải - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách y tế, 2022; 04/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Góp phần nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện công tác Dân số trong tình hình mới. Mô tả được thực trạng hệ thống tổ chức thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam từ trung ương đến địa phương. Phân tích được thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức của hệ thống tổ chức thực hiện công tác Dân số- KHHGĐ hiện nay. Xây dựng và đề xuất được mô hình tổ chức thực hiện công tác Dân số phát triển tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21521

87046.08-2023 Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp/ GS. TS. Đặng Văn Minh, TS. Nguyễn Đỗ Hương Giang; TS. Nguyễn Duy Hải; TS. Hà Xuân Linh; TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Lèng Thị Lan; TS. Hà Thị Hòa; ThS. Phạm Thanh Thôi; TS. Hoàng Hữu Chiến - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2022; 02/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, lý thuyết nghiên cứu về di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên DTTS (DTTS) tại các KCN (KCN); Phân tích, đánh giá thực trạng di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên DTTS tại các KCN. Phân tích đánh giá thực trạng chính sách của nhà nước liên quan tới vấn đề di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên DTTS tại các KCN. Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên DTTS tại các KCN. Đề xuất giải pháp, cơ chế, chính sách giải quyết vấn đề di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên DTTS tại các KCN trong bối cảnh hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21607

87067.08-2023 Thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu của người Hmông ở Đồng Văn - Hà Giang hiện nay từ cách tiếp cận phát triển con người/ TS. Nguyễn Thị Lê, ThS. Nguyễn Thị Thắm; TS. Lê Thị Đan Dung; TS. Nguyễn Đình Tuấn; TS. Nguyễn Thị Hoa Mai; TS.

Lê Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan lý luận về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe ban đầu và phát triển con người, từ đó rút ra khung lý thuyết về nghiên cứu chăm sóc sức khỏe từ tiếp cận phát triển con người. Thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu của người Hmông hiện nay và các vấn đề đặt ra trong việc thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu của người Hmông ở Đồng Văn, Hà Giang. Khuyến nghị giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 21620

87073.08-2023 **Học vấn của phụ nữ dân tộc thiểu số: thực trạng, xu hướng và các yếu tố tác động**/ TS. Nghiêm Thị Thủy, ThS. Nguyễn Thị Xuân; TS. Hoàng Vũ Linh Chi; ThS. Nguyễn Trọng Tài; ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; ThS. Trần Việt Long; ThS. Khuất Thị Diệu Linh; Nguyễn Đức Thắng - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích về thực trạng trình độ học vấn của phụ nữ dân tộc thiểu số, các yếu tố tác động và đánh giá xu hướng học vấn của phụ nữ dân tộc thiểu số trong tương lai. Trên cơ sở đó đề xuất các chính sách nhằm góp phần cải thiện trình độ học vấn của phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu về trình độ học vấn

của người dân Việt Nam hiện nay và của phụ nữ dân tộc thiểu số; Khảo sát phân tích các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới trình độ học vấn của phụ nữ dân tộc thiểu số và đánh giá xu hướng học vấn của phụ nữ dân tộc thiểu số; Đề xuất các khuyến nghị, chính sách nhằm góp phần nâng cao trình độ học vấn cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 21628

87091.08-2023 **Biến đổi văn hóa sản xuất dưới tác động của chương trình OCOP ở thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh**/ ThS. Đinh Trọng Thu, ThS. Đinh Thị Lam; ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Lê Hồng Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lý nhân văn, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về biến đổi văn hóa sản xuất dưới tác động của Chương trình OCOP. Phân tích thực trạng biến đổi, xu hướng biến đổi văn hóa sản xuất dưới tác động của Chương trình OCOP ở thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Đề xuất một số phương hướng, giải pháp xây dựng, phát triển văn hóa sản xuất cho các địa bàn thực hiện Chương trình OCOP của thị xã Đông Triều và cho các vùng khác nói chung.

Số hồ sơ lưu: 21615

50499. Xã hội học khác

86747.08-2023 **Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh**

Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030/ TS. Nguyễn Việt Phương; CN. Lưu Văn Dũng; PGS.TS. Trần Quang Huy; PGS.TS. Đỗ Anh Tài; TS. Phạm Văn Hạnh; ThS. Đỗ Thị Thanh Hương; ThS. Lê Minh Tân; ThS. Ngô Thục Phương; ThS. Nguyễn Văn Tình; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Phạm Thế Vinh; ThS. Lương Thị Ánh Thu; ThS. Đỗ Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Kim Thành; ThS. Nguyễn Hồng Thịnh; ThS. Đào Huy Trường; ThS. Nguyễn Văn Bằng; ThS. Nguyễn Thị Văn; ThS. Trần Thị Thùy; CN. Đỗ Thị Mai Lộc. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Vĩnh Phúc - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Vĩnh Phúc, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về những nội dung nghiên cứu. Đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020. Mục tiêu, phương hướng và các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 04/ĐAKHVP/2021

50501. Luật học

86542.08-2023 **Nghiên cứu đề xuất thực hiện thí điểm việc điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân/** TS. Nguyễn Thị Cẩm Vân, ThS. Trịnh Thị Minh Châu; KS. Đào Thị Hồng Hoa; NCS.

Nguyễn Mai Anh; ThS. Nguyễn Như Ý; ThS. Lê Hồng Nhật; TS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Minh Thông; TS. Huỳnh Đức Nguyên - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân. Rà soát, đánh giá các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân; Đề xuất các kịch bản điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân; Đánh giá và lựa chọn kịch bản điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân; Xây dựng các giải pháp hỗ trợ với lộ trình.

Số hồ sơ lưu: HCM-064-2022

86877.08-2023 **Giới hạn quyền sở hữu theo pháp luật dân sự Việt Nam/** TS. Dương Quỳnh Hoa, ThS. Cao Thị Lê Thương; TS. Trần Văn Biên; TS. Nguyễn Thị Phương Châu; TS. Nguyễn Văn Hối; TS. Phạm Thị Hương Lan; TS. Đỗ Giang Nam; TS. Nguyễn Bích Thảo; ThS. Ngô Thu Trang; TS. Hoàng Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Đình Sơn; ThS. Lê Phương Hoa - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về giới hạn quyền sở hữu trên

một số khía cạnh sau: Làm rõ bản chất pháp lý, nội dung quyền sở hữu; Nghiên cứu làm rõ khái niệm, ý nghĩa, căn cứ, mục đích giới hạn quyền sở hữu, nội dung pháp luật giới hạn quyền sở hữu tài sản ; Chỉ ra tính phổ biến và những đặc thù khi giới hạn quyền sở hữu theo pháp luật dân sự; Làm rõ các yếu tố tác động , chi phối đối với việc giới hạn quyền sở hữu; nghiên cứu giới hạn quyền sở hữu của một số quốc gia trên thế giới mà Việt Nam có thể tham khảo. Đánh giá thực trạng giới hạn quyền sở hữu ở Việt Nam, qua đó tìm ra những hạn chế và nguyên nhân của nó. Trên cơ sở đánh giá thực trạng giới hạn quyền sở hữu, nhóm thực hiện đề tài sẽ chỉ ra phương hướng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giới hạn quyền sở hữu ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21540

86908.08-2023 **Pháp luật về an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay/** TS. Phạm Thị Thúy Nga, ThS. Nguyễn Thu Dung; ThS. Ngô Vĩnh Bạch Dương; TS. Cao Xuân Quảng; ThS. Bùi Thị Hương; ThS. Chu Thị Thanh An; ThS. Phạm Thị Hiền; TS. Bùi Thị Hồng Nương; ThS. Phạm Thị Hoàng Oanh; ThS. Lê Phương Hoa; ThS. Nguyễn Đình Sơn - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về pháp luật an toàn thực phẩm (ATTP); Làm rõ vai trò của pháp luật về ATTP, nguyên tắc điều chỉnh pháp luật và kinh nghiệm một số nước về vấn đề này. Phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về ATTP ở nước ta hiện nay. Đề tài có phân tích, đánh giá các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia về ATTP, chỉ rõ những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra hiện nay trong thực tiễn thực hiện pháp luật về ATTP ở Việt Nam. Xác định những quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực hiện hiệu quả pháp luật về ATTP cho thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21544

86925.08-2023 **Một số vấn đề pháp lý cấp bách về đất nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay/** TS. Phạm Thị Hương Lan, PGS. TS. Trần Hữu Tráng; PGS. TS. Nguyễn Thị Nga; TS. Trần Văn Biên; TS. Bùi Đức Hiền; TS. Dương Quỳnh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Bảo Nga; TS. Phạm Thị Thúy Nga; TS. Nguyễn Tiến Định; ThS. Nghiêm Thu Hồng; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, rà soát, đánh giá lý luận pháp luật về đất nông nghiệp như: khái niệm, phân loại, đặc điểm đất nông nghiệp; nội dung pháp luật đất nông nghiệp....nhằm kiểm

nghiệm tính đúng đắn của các tri thức đó trong bối cảnh mới hiện nay; Xây dựng cơ sở lý luận về pháp luật đất nông nghiệp trước yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đánh giá thực trạng pháp luật về đất nông nghiệp ở Việt Nam. Đề ra các định hướng và giải pháp xây dựng, hoàn thiện pháp luật về đất nông nghiệp ở Việt Nam phù hợp với nền kinh tế thị trường, góp phần phân tầng năng suất lao động, giúp người nông dân làm giàu từ đất nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21547

86941.08-2023 **Pháp luật an sinh xã hội đối với lao động khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam/** TS. Hoàng Kim Khuyên, ThS. Bùi Thị Hường; TS. Phạm Thị Thúy Nga; TS. Nguyễn Linh Giang; ThS. Phạm Thị Hương Giang; ThS. Trần Thị Loan; ThS. Nguyễn Thu Dung; ThS. Chu Thị Thanh An; TS. Trần Văn Duy; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; ThS. Đoàn Thị Thơm; ThS. Đoàn Xuân Trường; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nghiêm Thu Hồng - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận về khu vực kinh tế Phi chính thức (PCT); lao động khu vực kinh tế PCT, an sinh xã hội đối với lao động Khu vực kinh tế phi chính thức (KV KTPCT): khái niệm, phạm vi, đặc trưng cơ bản, vai trò. Làm rõ những vấn đề lý

luận về pháp luật về an sinh xã hội đối với i lao động khu vực kinh tế PCT: Khái niệm, đặc điểm; Nguyên tắc; Nội dung; Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận pháp luật an sinh xã hội của lao động KV KTPCT. Đánh giá thực trạng pháp luật an sinh xã hội đối với lao động lao động KV KTPCT ở Việt Nam trong thời gian qua, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và các nguyên nhân. Đề xuất định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật an sinh xã hội đối với lao động KV KTPCT ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21554

86944.08-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế/** ThS. Nguyễn Văn Bảy, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Việt Hà; ThS. Trần Nguyệt Minh; ThS. Nguyễn Thanh Hằng; ThS. Đỗ Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Lê Đức Minh; CN. Nguyễn Thị Tuyền; CN. Nguyễn Ngọc Chiến; TS. Nguyễn Thị Hoàng Hạnh; TS. Bùi Thị Hải Như; ThS. Lưu Đức Thanh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Trần Văn Hiệp; ThS. Đào Anh Dũng; ThS. Vũ Thị Thảo; ThS. Hoàng Mạnh Hưng; ThS. Nguyễn Lê Khanh; ThS. Nguyễn Quốc Việt Đức; CN. Hoàng Anh; CN. Nguyễn Mạnh Cường; CN. Trần Khắc Trọng Tài - Hà Nội - Cục Sở hữu trí tuệ,

2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung nghiên cứu để làm rõ các luận cứ khoa học và thực tiễn cho các đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) và văn bản hướng dẫn Luật SHTT nhằm phù hợp với thực tiễn thi hành pháp luật về SHTT của Việt Nam, cam kết quốc tế về SHTT mà Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật có liên quan đến SHTT (phần SHCN và thực thi quyền SHTT). Kết quả nghiên cứu này đã đề xuất một số luận cứ mới, gợi mở hướng nghiên cứu mới cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến Sở hữu công nghiệp (SHCN) và phục vụ cho quá trình giảng dạy tại các trường đại học đối với các nội dung có liên quan đến SHCN.

Số hồ sơ lưu: 21551

87064.08-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp bảo vệ bản quyền báo chí ở Việt Nam trong thời đại số/** ThS. Hoàng Thị Bích Hạnh, ThS. Nguyễn Công Hoàng; TS. Lê Quốc Vinh; CN. Nguyễn Duy Bằng; CN. Nguyễn Quang Học; CN. Trương Thái Bình; CN. Nguyễn Thị Bình - Hà Nội - Cục Báo chí, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng bảo vệ bản quyền báo chí ở Việt Nam, trong đó tập trung vào thực trạng vi phạm bản quyền trên môi trường số. Nghiên

cứ thực tiễn, thu thập số liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, tổng kết thông tin, kinh nghiệm thông qua các tài liệu, dữ liệu, khảo sát một cách có hệ thống và khách quan các kết quả nghiên cứu đã có về bản quyền, bảo vệ bản quyền trên thế giới và tại Việt Nam, bảo vệ bản quyền trên các nền tảng số, các vi phạm và xử lý vi phạm bản quyền. Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ bản quyền báo chí ở Việt Nam trong thời đại số.

Số hồ sơ lưu: 21631

50502. Tội phạm học

86950.08-2023 **Báo cáo thường niên: Tổng kết thực tiễn xử lý các tội phạm về tham nhũng ở Việt Nam hiện nay/** TS. Đinh Thế Hưng, PGS. TS. Trần Văn Độ; PGS. TS. Hồ Sỹ Sơn; PGS. TS. Trần Hữu Tráng; TS. Võ Khánh Linh; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Linh; ThS. Lê Thị Hồng Xuân; CN. Trần Tuấn Minh; ThS. Lê Phương Hoa; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Ngọc - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết, đánh giá việc xử lý các tội phạm tham nhũng bằng pháp luật hình sự trong thời gian gần đây; đưa ra các đề xuất kiến nghị về hoàn thiện pháp luật hình sự và tổ chức thực hiện pháp luật hình sự trong xử lý các tội phạm tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới. Tổng quan, hệ thống hóa chính sách, pháp luật

hình sự về xử lý tội phạm tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian qua; Tổng kết, đánh giá kết quả xử lý tội các phạm tham nhũng của các cơ quan tư pháp hình sự ở nước ta; Phát hiện những vấn đề lý luận cần tiếp tục nghiên cứu và nhu cầu cần hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm xử lý có hiệu quả các tội phạm tham nhũng ở Việt nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21552

50601. Khoa học chính trị

87084.08-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất nội dung quy định về quản lý hoạt động lấn biển, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam/** ThS. Trần Thị Liên, ThS. Nguyễn Thục Anh; TS. Nguyễn Lê Tuấn; ThS. Nguyễn Công Minh; ThS. Nguyễn Chí Công; ThS. Vũ Hồng Hà; ThS. Nguyễn Đình Toàn; TS. Phan Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Bùi Thị Thủy; ThS. Hoàng Trường; ThS. Bùi Đình Lộc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2023; 07/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động lấn biển tại một số quốc gia trên thế giới. Tổng hợp, phân tích, đánh giá các bài học kinh nghiệm về quản lý hoạt động lấn biển tại một số quốc gia trên thế giới và các điều ước quốc tế có liên quan. Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động lấn biển tại Việt Nam. Tổng hợp, phân tích, đánh giá

thực trạng xây dựng, thực thi các văn bản chính sách, pháp luật quản lý hoạt động lấn biển tại Việt Nam. Đề xuất một số nội dung quy định về quản lý hoạt động lấn biển tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21619

87093.08-2023 **Khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc trong bối cảnh mới/** PGS. TS. Đặng Quang Định, TS. Lê Thị Hạnh ; PGS. TS. Nguyễn Tài Đông; PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS. TS. Lê Trọng Tuyền; TS. Nguyễn Lương Ngọc; TS. Hoàng Thu Trang; TS. Phạm Anh Hùng; TS. Ngô Thị Nụ; TS. Hoàng Thị Kim Oanh; TS. Lê Thị Chiên; TS. Bùi Thị Phương Thủy; ThS. Nguyễn Thị Bắc; ThS. Trịnh Thị Hồng Lựu; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Viện Triết học, 2023; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát một số vấn đề lý luận về khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc. Phân tích thực trạng khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc qua hơn 35 năm đổi mới. Đề xuất quan điểm, giải pháp khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 21622

87099.08-2023 **Thúc đẩy kết nối hạ tầng Việt Nam - Ấn Độ/** TS. Đặng Thu Thủy, ThS. Phạm Thủy Nguyên; ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; ThS. Trần Ngọc Diễm; NCS. Nguyễn Thị Oanh; ThS.

Nguyễn Thu Trang; NCS. Nguyễn Đức Trung; TS. Nguyễn Trung Hậu; TS. Đặng Thái Bình; NCS. Đồng Thị Thùy Linh; Lê Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các vấn đề lý luận về kết nối song phương, kết nối hạ tầng. Phân tích, đánh giá thực trạng kết nối hạ tầng Việt Nam - Ấn Độ trên hai phương diện chính: kết nối hạ tầng cứng và kết nối hạ tầng mềm, đánh giá những thành tựu và hạn chế mà hai nước đã đạt được. Chỉ ra các rào cản (đặc biệt là sự chênh lệch, thiếu đồng bộ, chưa tương thích với nhau về hạ tầng cứng và mềm giữa hai nước) đã làm giảm tốc độ và chất lượng kết nối. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm gỡ bỏ những rào cản, thúc đẩy quá trình kết nối hạ tầng Việt Nam - Ấn Độ tăng tốc, cải thiện về chất lượng và hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 21627

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

84588.08-2023 **Các giải pháp nâng cao hiệu quả bồi dưỡng chức danh bí thư đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã tại tỉnh Long An.**/ ThS. Huỳnh Thị Thu Năm, - Long An - Trường Chính trị Tỉnh Long an, 2019; - . (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu đưa ra cơ sở đánh giá thực trạng năng lực, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Bí thư đồng thời là Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã. Đánh giá hiệu quả của bộ tài liệu bồi dưỡng tác nghiệp cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả bồi dưỡng chức danh Bí thư đồng thời là Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã giai đoạn 2016-2020. Từ đó rút ra những vấn đề cụ thể mang tính chất tác nghiệp cho đội ngũ cán bộ trong thực tế tại tỉnh Long An.

Số hồ sơ lưu: LAN-009-2021

84817.08-2023 **Nghiên cứu cơ chế phối hợp để tăng cường hiệu quả công tác thống kê, sử dụng và khai thác dữ liệu về ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ.**/ ThS. Nguyễn Hữu Hương, KS. Tào Hương Lan; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; ThS. Phạm Đình Vũ; CN. Nguyễn Xuân Chương; CN. Nguyễn Thanh Hương; CN. Nguyễn Thị Thảo; CN. Nguyễn Thùy Dương; CN. Lưu Đình Quý; CN. Lê Thành Trung - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về bộ chỉ tiêu thống kê ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ. Thực trạng triển khai công tác thống kê ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ. Nghiên cứu hoàn thiện bộ chỉ tiêu thống kê ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ. Cơ chế phối hợp khai thác dữ

liệu về ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 17072/KQNC

86751.08-2023 Nghiên cứu thực trạng nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin và đề xuất giải pháp xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc/ Ths. Vũ Mạnh Toàn, Ths. Hoàng Văn Hiệp ThS. Vũ Mạnh Toàn; ThS. Hoàng Văn Hiệp; Ths. Chu Ngọc Anh; KS. Nguyễn Bá Thuỷ; ThS. Cao Văn Nguyên; KS. Vũ Thị Bình; KS. Phan Thị Hoàng Lan; KS. Vũ Xuân Hà; ThS. Nguyễn Kiên Trung; ThS. Nguyễn Ngọc Duyên; ThS. Nguyễn Triệu Tuấn; ThS. Nguyễn Thế Vinh; ThS. Vũ Vương Toàn; ThS. Tạ Việt Dũng - Sở TT&TT tỉnh Vĩnh Phúc - Sở TT&TT tỉnh Vĩnh Phúc, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận, bối cảnh, căn cứ có liên quan đến thực trạng nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng CNTT và sự cần thiết phải xây dựng CQĐT tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu thực trạng (nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT, cơ sở dữ liệu; an toàn, an ninh thông tin và thể chế, chính sách) của tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp chủ yếu xây dựng CQĐT tỉnh Vĩnh Phúc (hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực CNTT; phát triển hạ tầng thông tin; phát triển nền tảng ứng dụng và cơ sở dữ liệu; an toàn, an ninh thông tin...).

Số hồ sơ lưu: 09/ĐTKHVP 2021-2022

86805.08-2023 Tăng cường quản lý các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài Ngân sách nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc/ Nguyễn Quốc Huy, Vũ Thị Kim Thúy - Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc - Kho bạc nhà nước Vĩnh Phúc, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lý luận chung về các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN tỉnh Vĩnh Phúc. Thực trạng quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 05/ĐTKHVP/2021-2022

87007.08-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng văn bản kỹ thuật đo lường hướng dẫn quy đổi kết quả đo lường của khí (LNG/CNG/LPG) theo đại lượng thể tích tại điều kiện đo thực tế về điều kiện cơ sở/ CN. Trần Thị Thuý Hà, ThS. Lê Thị Thuý Sâm; ThS. Nguyễn Hùng Điệp; ThS. Cao Việt Bách; KS. Trịnh Quang Nam; KS. Đặng Bá Vinh; KS. Hoàng Tuấn Hùng - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phân tích kinh nghiệm quốc tế trong quy đổi kết quả đo lường của khí (LNG/CNG/LPG) theo đại lượng thể tích về điều kiện cơ sở. Phân tích thực hiện quy đổi kết quả đo lường của khí (LNG/CNG/LPG) theo đại lượng thể tích trong giao nhận, mua bán tại điều kiện đo thực tế về điều kiện cơ sở ở Việt Nam. Thực nghiệm áp

dụng thử văn bản kỹ thuật đo lường hướng dẫn tại một số tổ chức, doanh nghiệp. Xây dựng dự thảo văn bản kỹ thuật đo lường hướng dẫn quy đổi kết quả đo lường của khí (LNG/CNG/LPG) theo đại lượng thể tích tại điều kiện đo thực tế về điều kiện cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 21593

87023.08-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất đổi mới các phương pháp định giá đất bảo đảm việc định giá đất cụ thể phù hợp với giá đất thị trường/ TS. Đoàn Ngọc Phương, ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Cao Đại Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Trương Công Việt Anh; ThS. Đào Văn Quyền; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương; PGS.TS. Ngô Thị Phương Thảo; TS. Phạm Ngọc Toàn, ThS; Lê Hoàng Linh - Hà Nội - Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phương pháp định giá đất trong điều kiện chế độ sở hữu đất đai, chế độ quản lý, sử dụng đất của Việt Nam; Đánh giá thực trạng áp dụng các phương pháp định giá đất (bao gồm cả áp dụng một số nội dung của phương pháp thẩm định giá đất) để định giá đất cụ thể sau hơn 8 năm thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Nghiên cứu kinh nghiệm định giá đất cụ thể của một số nước trên thế giới và khả năng ứng dụng trong công tác định giá đất tại Việt Nam; Đề xuất đổi mới nội dung, điều kiện áp dụng các phương pháp định giá

đất đảm bảo việc định giá đất cụ thể phù hợp với giá đất thị trường phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về giá đất là rất cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng.

Số hồ sơ lưu: 21594

87094.08-2023 Nghiên cứu đề xuất danh mục các nhiệm vụ viễn thông công ích do Nhà nước giao/ ThS. Nguyễn Văn Tới, CN. Trần Trọng Chiến; ThS. Khương Thị Nhung; ThS. Phạm Thị Vân Anh; CN. Trần Nam Trung; KS. Phan Thanh Đồng; CN. Phạm Thị Hoài Thương; CN. Bùi Thu Trang; ThS. Đới Thị Hà; KS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Chu Thị Thái Phượng; ThS. Hoàng Hữu Huệ; CN. Nguyễn Ngọc Toàn - Hà Nội - Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát, đánh giá các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong thời gian qua. Khảo sát, tổng hợp các yêu cầu xuất phát trong lĩnh vực quản lý của Nhà nước, yêu cầu của thị trường và nhu cầu chính đáng của người dân đối với ngành Thông tin và Truyền thông. Thực trạng cơ chế, chính sách về hoạt động viễn thông công ích và một số kinh nghiệm về hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ công ích tại Việt Nam và một số nước trên thế giới. Nghiên cứu đề xuất Danh mục nhiệm vụ viễn thông công ích do Nhà nước giao.

Số hồ sơ lưu: 21662

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

87100.08-2023 **Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Trần Thị Minh Tuyết, GS.TS. Hoàng Chí Bảo; GS.TS. Mạch Quang Thắng; PGS.TS. Bùi Đình Phong; PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung; PGS.TS. Doãn Thị Chín; TS. Lê Thị Thảo; TS. Lê Thị Hằng; ThS. Nguyễn Thị Mai Lan - Hà Nội - Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2022; 01/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và quan điểm của Đảng về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đánh giá thực trạng, phát hiện những vấn đề trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ Đổi mới. Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới.

Số hồ sơ lưu: 21613

50699. Khoa học chính trị khác

86750.08-2023 Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp về hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ Nguyễn Thị Lệ Thủy, Thạc sỹ Văn Tiến Sỹ KS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; Ths. Văn Tiến Sỹ; TS. Mai Lâm Hạc; Ths. Trịnh Xuân Vịnh; CN. Hoàng Thị Kim Dung; CN. Trần Thị Quỳnh;

Ths. Vũ Thị Ngọc Hân; CN. Lê Thị Huyền Trang; CN. Nguyễn Thế Văn - Liên hiệp các Hội KH và Kỹ thuật tỉnh Vĩnh Phúc - Liên hiệp các Hội KH và Kỹ thuật tỉnh Vĩnh Phúc, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá thực trạng về chính sách khuyến khích doanh nghiệp hoạt động KHCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2020. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp về hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 02/ĐTKHVP/2021-2022

87145.08-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh thực hiện dân chủ theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” tại thành phố Hải Phòng/** ThS. Bùi Trung Tiến, CN. Nguyễn Thị Thu Huyền - Hải Phòng - Ban Dân vận - Thành ủy Hải Phòng, 2022; 06/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan các vấn đề lý luận và kinh nghiệm có liên quan. Đánh giá thực trạng thực hiện dân chủ theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” gắn với “dân thụ hưởng” tại thành phố Hải Phòng. Dự báo tình hình và một số yêu cầu đặt ra đối với việc thực hiện dân chủ

theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” tại thành phố Hải Phòng trong thời gian tới. Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh thực hiện dân chủ theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.009

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

86756.08-2023 **Nghiên cứu, thiết lập bản đồ lan truyền ô nhiễm không khí đối với hoạt động giao thông, sản xuất công nghiệp tại tỉnh Vĩnh Phúc/** TS. Phạm Hương Quỳnh; TS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS. Hoàng Anh Đức; PGS.TS. Hồ Quốc Bằng; PGS.TS Nguyễn Quang Tùng; Ths. Vũ Hoàng Ngọc Khuê; TS. Vũ Kim Cương; TS. Phạm Nguyệt Ánh; TS. Trần Kim Thành; Ths. Phạm Việt Anh; TS. Đỗ Thị Cẩm Vân; TS. Đặng Hoàng Anh; Nguyễn Trường Minh; Ths. Nguyễn Thoại Tâm; Lưu Xuân Bình; Ths. Nguyễn Thị Thu Hiền - Trường Đại học công nghiệp Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2022; 11/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan và thu thập các tài liệu liên quan thiết lập bản đồ lan truyền ô nhiễm không khí đối với hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông, sinh hoạt và sinh học; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu GIS để quản lý dữ liệu phát thải khí thải từ các nguồn thải (sinh hoạt, công nghiệp, giao thông, sinh học) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Xây dựng bản đồ số

hiện trạng phát thải các chất ô nhiễm không khí cho hoạt động sản xuất công nghiệp có phát sinh khí thải; Xây dựng bản đồ số hiện trạng phát thải các chất ô nhiễm không khí cho hoạt động hoạt động giao thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Xây dựng bản đồ lan truyền ô nhiễm không khí đối với hoạt động giao thông, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái của việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp; Tập huấn, chuyển giao sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 31/ĐTKHVP 2020-2022

87636.08-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ cảnh quan và môi trường bền vững khu vực lưu vực sông Son./** Lê Hải Thành; Nguyễn Huệ; Võ Văn Thiệp; Nguyễn Minh Duy; Trần Thị Hồng; Nguyễn Anh Tuấn; Trần Thị Thanh - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình., 2023; 08/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng, diễn biến và các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước mặt. Đánh giá hiện trạng, diễn biến và các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên đất. Trên cơ sở kế thừa các tài liệu sẵn có để đánh giá hiện trạng sử dụng đất trên LVS Son, đồng nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên đất. Đánh giá hiện trạng, diễn biến và các yếu tố ảnh

hưởng đến tài nguyên thảm thực vật. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững TNTN và môi trường ở LVS Son. Trên cơ sở phân tích những tiềm năng, lợi thế cũng như những thách thức và tồn tại trong quản lý LVS, từ đó đề xuất những giải pháp sử dụng hợp lý và bảo vệ TNTN trên LVS.

Số hồ sơ lưu: 09/2023

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

87479.08-2023 **Khai thác và phát triển bền vững tài nguyên du lịch hang động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/** CN. Hồ An Phong; Đặng Đông Hà; Trần Tự Lực; Hà Minh Tuấn ; Trần Xuân Quang; Lê Thái An ; Trần Ngọc Thùy Dung - Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình - Sở Du Lịch tỉnh Quảng Bình, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu hệ thống tài nguyên hang động phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; thực trạng khai thác và phát triển nguồn tài nguyên này, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và phát triển bền vững tài nguyên du lịch hang động của tỉnh. Nghiên cứu, đối chiếu, phân loại hệ thống tài nguyên hang động phục 3 vụ du lịch của tỉnh Quảng Bình. Phân tích thực trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên về hang động phục vụ du lịch và tình hình phát triển du lịch hang động của tỉnh. Đề

xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác, định hướng phát triển bền vững tài nguyên du lịch hang động tỉnh dưới góc độ bền vững kinh tế, trên cơ sở phát huy lợi thế, phù hợp tình hình thực tiễn và các chiến lược, quy hoạch liên quan du lịch của tỉnh

Số hồ sơ lưu: 04/2023-QLKHCN

50801. Báo chí

86867.08-2023 **Nghiên cứu các giải pháp quản lý nội dung dịch vụ truyền hình trả tiền theo yêu cầu (VoD) trên mạng Internet/** ThS. Bùi Huy Cường, ThS. Lưu Đình Phúc; CN. Trịnh Thị Thu Hằng; ThS. Đỗ Thị Tuấn Linh; ThS. Nguyễn Chấn; ThS. Đỗ Quang Lộc; ThS. Hoàng Khánh Linh; CN. Trần Mạnh - Hà Nội - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, 2022; 03/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hiện trạng và xu thế cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, bao gồm cả dịch vụ OTT VOD tại Việt Nam và trên thế giới, thông qua các số liệu đánh giá chi tiết để nhận định xu hướng chuyển dịch nghe xem từ các loại hình dịch vụ truyền thống gắn liền với việc xem truyền hình từ các kênh tuyến tính sang tự lựa chọn các nội dung mà người sử dụng mong muốn, xu hướng nghe xem này đã tạo nên sự thay đổi lớn trên bản đồ “nghe- xem”, hàng loạt tập đoàn lớn, trong đó có nhiều Tập

đoàn viên thông lớn trên thế giới đã tham gia thị trường cung cấp dịch vụ OTT VOD cũng như xu hướng độc quyền, thuê tóm nội dung.

Số hồ sơ lưu: 21528

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội

87562.08-2023 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/ ThS. Hà Quốc Phong; Nguyễn Thị Bích Thủy; Mai Xuân Thành; Lê Đại Thắng; Trần Quốc Hội - Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Bình - Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Bình, 2023; 07/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhằm đạt được các mục tiêu trọng tâm sau: Khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao năng lực quản lý của các cấp chính quyền và cộng đồng trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu; góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò, giá trị của các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành những chính

sách, giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 05/2023-QLKHCN

50899. Thông tin đại chúng và truyền thông khác

86866.08-2023 Nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý quảng cáo trực tuyến tại Việt Nam/ CN. Nguyễn Hương Thủy, ThS. Lưu Đình Phúc; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; CN. Vũ Minh Phương; ThS. Nguyễn Quốc Sơn; ThS. Hoàng Minh Hằng; CN. Hoàng Anh Hà; ThS. Lê Thùy Dương - Hà Nội - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, 2022; 03/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tăng cường công tác quản lý nhà nước và xử lý vi phạm quảng cáo trực tuyến xuyên biên giới tại Việt Nam. Nghiên cứu tổng quan về quảng cáo trực tuyến; nghiên cứu thực trạng và xu thế phát triển của hoạt động quảng cáo trực tuyến tại Việt Nam và trên thế giới. Nghiên cứu thực trạng hành lang pháp lý và các vấn đề phát sinh đến công tác quản lý hoạt động quảng cáo trực tuyến xuyên biên giới tại Việt Nam. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản lý hoạt động quảng cáo trực tuyến và quảng cáo trực tuyến xuyên biên giới. Đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý hoạt động quảng cáo trực tuyến xuyên biên giới tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21529

599. Khoa học xã hội khác

84385.08-2023 **Tác động của việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế người dân trên địa bàn thị xã Tân Uyên, Bình Dương/ TS. Đinh Thanh Sang, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xác định và đánh giá được các tác động của việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn thị xã Tân Uyên đến sinh kế của người dân trong giai đoạn 2013 - 2020. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tại địa bàn nghiên cứu, đồng thời đưa ra các giải pháp tạo sinh kế nền vững cho cư dân địa phương. Đánh giá ảnh hưởng của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp đến sinh kế người dân thị xã Tân Uyên, Bình Dương.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-013

86731.08-2023 **Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp của tỉnh với các doanh nghiệp FDI, từng bước tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu/ Nguyễn Văn Độ, Trần Huyền Trang TS. Nguyễn Văn Độ; CN. Trần Huyền Trang; CN. Nguyễn Ngọc Ánh; Ths.**

Khuất Văn Hợp; Ths. Nguyễn Đức Thắng; Ths. Nguyễn Văn Duy; Ths. Lê Văn Quý; CN. Nguyễn Thị Mai Lan; CN. Nguyễn Thị Hải Yến; CN. Nguyễn Hoàng Nam; Ks. Bùi Khánh; Ths. Kim Thị Thu Lan; Ths. Nguyễn Thu Hiền; TS. Trương Thị Chí Bình; TS. Trần Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; Ths. Nguyễn Trường Minh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận và thực trạng về chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Nghiên cứu tổng quan lý luận và thực trạng về năng lực tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Việt Nam trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Nghiên cứu tổng quan lý luận và thực trạng về khả năng liên kết của doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Đánh giá tiềm năng liên kết của doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất giải pháp thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 33/ĐTKHVP/2020-2021

86738.08-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay/ CN. Phan Thị Định; Ths. Lỗ Văn Trung; CN.**

Hoàng Trung Thành; Ths. Vũ Khắc Minh; Ths. Trần Việt Dũng; CN. Phạm Văn Chung; Ths. Bùi Văn Đông; CN. Nguyễn Thị Hòa; CN. Vũ Minh Lương - Liên minh hợp tác xã - Liên minh hợp tác xã, 2021; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về hợp tác xã; Đánh giá thực trạng, tác động, ảnh hưởng, vai trò của phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển Hợp tác xã; Đề xuất giải pháp phát triển hợp tác xã đối với tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 07/ĐTKHVP 2020-2021

86739.08-2023 Xây dựng và phát triển thương hiệu ngành du lịch tỉnh Vĩnh Phúc/ Nguyễn Xuân Điền, TS. Võ Thị Vân Khánh; PGS.TS. Vũ Thành Hưng; TS. Dương Đình Giám; TS. Nguyễn Thị Nga; TS. Nguyễn Đoàn Trang; Ths. Nguyễn Linh Phương; Ths. Trần Thị Ngọc Diệp; Ths. Lê Xuân Đại; Ths. Hoàng Đình Bách; ThS. Tạ Quang Tuấn - Học viện tài chính - Học viện tài chính, 2021; 07/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về thương hiệu, xây dựng và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch. Trong đó, xác định các tiêu chí đánh giá hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch. Phân tích bài học kinh nghiệm 1 số quốc gia và địa phương ở Việt Nam thực hiện xây dựng chiến lược điểm đến du lịch hiệu quả và rút ra bài học

kinh nghiệm cho tỉnh Vĩnh Phúc; Chỉ ra được những thành quả, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong xây dựng và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch tỉnh Vĩnh Phúc; Đưa ra định hướng và giải pháp đối với xây dựng và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn sắp tới để Vĩnh Phúc không chỉ trở thành điểm đến hấp dẫn du khách trong nước mà còn tạo được ấn tượng tốt đối với khách du lịch quốc tế, từ đây nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch địa phương, tạo điều kiện thực hiện mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 14/ĐTKHVP 2020-2021

86740.08-2023 Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0/ Nguyễn Minh Ngọc; Đặng Thu Hương; Trần Lan Hương; Nguyễn Thị Vi; Vũ Thị Vân Anh; Đỗ Quỳnh Anh; Nguyễn Thanh Phong; Trần Đức Hạnh; Nguyễn Quang Huy; Vũ Mạnh Linh - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2021; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan lý luận, cơ sở khoa học về đổi mới sáng tạo và năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Thực trạng đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp trong các khu công

ng nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp trong các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: 16/ĐTKHVP/2020-2021

86807.08-2023 Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ Trịnh Thị Thoa, Nguyễn Thị Thúy Hà - Liên đoàn Lao động tỉnh Vĩnh Phúc - Liên đoàn lao động tỉnh Vĩnh Phúc, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận có liên quan đến hoạt động Công đoàn nói chung và hoạt động Công đoàn trong các doanh nghiệp FDI; Đánh giá thực trạng hoạt động công đoàn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2020. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 07/ĐTKHVP/2021-2022

6. Khoa học nhân văn

84368.08-2023 Quan hệ xuyên biên giới của cư dân khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh với cư dân các địa phương đối diện thuộc vương quốc Campuchia (1991-2019)/ ThS. Lý Văn Ngoan, ThS. Lê Minh Hiếu;

Thạch Polla - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định những cơ sở và tiềm năng của mối quan hệ cư dân khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh với cư dân đối diện thuộc Vương quốc Campuchia; Khái quát được thực trạng các mối quan hệ của cộng đồng cư dân khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh với cộng đồng cư dân đối diện trên các lĩnh vực: Quan hệ đồng tộc và thân tộc; Quan hệ hệ thống mại biên giới của cư dân; Quan hệ hợp tác đầu tư và sản xuất của cư dân hai bên biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với các địa phương phía Campuchia đối diện; Quan hệ tương trợ giúp đỡ của các tổ chức xã hội, quan hệ về văn hóa, lễ hội...

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-004

84396.08-2023 Tài nguyên gỗ Việt Nam/ TS. Nguyễn Văn Giác, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hiểu, phân biệt và lý giải được mối quan hệ giữa các thuật ngữ: tài nguyên rừng, tài nguyên gỗ, gỗ rừng tự nhiên, gỗ rừng trồng, tỷ trọng, khối lượng thể tích, hệ thống sinh... Hệ thống hóa hiện trạng về nguồn tài nguyên gỗ ở Việt Nam. Phân loại và phân tích được các đặc trưng đa dạng của tài nguyên gỗ tự nhiên ở Việt Nam, có chú ý đến đặc điểm vùng miền trong lịch sử và hiện tại

để tận dụng lợi thế khai thác về giá trị kinh tế, đồng thời đảm bảo tính đa năng, bền vững của hệ sinh thái nhiệt đới; thấu hiểu những quan niệm ứng xử, chính sách quản lý và khai thác nguồn tài nguyên gỗ ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Quản lý, khai thác tài nguyên gỗ qua các thời kỳ lịch sử được tích hợp từ các nguồn sử liệu chính thống, được hệ thống hóa theo tiến trình lịch sử với sự ứng xử của cư dân thời Việt cổ, trải qua các triều đại phong kiến cho đến thời cận hiện đại, mang tính bao quát, thích ứng và hiệu quả tùy thuộc vào các điều kiện cụ thể.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-024

84397.08-2023 **Tinh hoa kỹ nghệ gỗ Việt - Từ truyền thống đến hiện đại.**/ TS. Nguyễn Văn Giác, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hiểu các thuật ngữ; hệ thống hóa việc phân loại kỹ nghệ gỗ Việt Nam. Nhận diện, diễn giải và đúc kết được những nét tinh hoa của kỹ nghệ gỗ Việt trong lịch sử văn minh Việt Nam. Nhận thức chất lượng sản phẩm của ngành gỗ Việt Nam trong Kỷ nguyên xanh là sự kết tinh giữa thành tựu công nghệ phổ quát hiện đại với hệ giá trị đặc thù truyền thống. Tinh hoa kỹ nghệ Việt truyền thống thể hiện tập trung ở các loại hình kỹ nghệ sau: Kỹ nghệ kiến trúc gỗ; Kỹ nghệ điêu khắc gỗ Việt; Kỹ

nghệ gỗ trong ngành đóng ghe thuyền; Kỹ nghệ gỗ trong nghề sơn: gồm có hai loại hình chủ yếu là sơn quang dầu và sơn mài, với các quy trình kỹ thuật cơ bản, gồm kỹ thuật làm tranh, kỹ thuật pha chế màu....Tinh hoa kỹ nghệ gỗ Việt hiện đại: các khuynh hướng phát triển của kỹ nghệ gỗ Việt trong bối cảnh hội nhập thế giới; tập trung thành tựu ở hai lĩnh vực là kiến trúc và mỹ thuật; mỹ thuật bao gồm: hội họa với tranh khắc gỗ, tranh sơn dầu và tranh sơn mài; điêu khắc tượng.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-025

84398.08-2023 **Tiềm năng và xu hướng phát triển ngành gỗ Việt Nam trong Cách mạng công nghiệp 4.0**/ ThS. Nguyễn Quang Huy, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhận diện hiện trạng phát triển ngành gỗ Việt Nam hiện nay; Phân tích các tiềm năng phát triển ngành gỗ Việt Nam trong Cách mạng công nghiệp 4.0; Phân tích các xu hướng của ngành gỗ Việt Nam trong Cách mạng công nghiệp 4.0. Quy mô ngành chế biến gỗ ngày càng được mở rộng với sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp chế biến gỗ trong nước và có vốn đầu tư của nước ngoài. Hiện tại, Việt Nam bước đầu đã hình thành bốn cụm công nghiệp chế biến gỗ lớn tập trung ở: Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Định. Bên cạnh đó, Việt Nam đã chủ động các nguồn

cung nguyên liệu gỗ nhờ các chính sách hạn chế khai thác và trồng rừng của chính phủ. Các sản phẩm chế biến gỗ của Việt Nam đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-026

84399.08-2023 **Quan niệm truyền thống của người Việt về gỗ và nghề mộc/** TS. Trần Hạnh Minh Phương, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhận diện, phân tích và lý giải vì sao gỗ rất có giá trị đối với người Việt thông qua quan niệm của người Việt về gỗ. Nhận diện và phân tích văn hóa ứng xử với nghề mộc: nguyên tắc truyền nghề, kiêng kỵ trong nghề, nghi lễ và lễ hội liên quan đến nghề. Gỗ là một dạng thức tồn tại của hành mộc đại diện của "lực sinh sản, lực sống" nên người Việt rất ưa dùng gỗ để làm nhà ở, đồ gia dụng và đồ thờ cúng. Là vật liệu bền, đẹp và dễ chế tác gỗ trở thành một phần tất yếu trong đời sống của người Việt, gỗ đi vào ca dao dân gian. Đặc biệt, cả nhà vua và người dân thường dùng hình ảnh gỗ tốt, gỗ mục để chỉ người tốt và người xấu, gỗ quý biểu trưng tầng lớp giàu có, gỗ tạp để chỉ tầng lớp bình dân.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-027

84425.08-2023 **Lịch sử xác lập chủ quyền và quản lý vùng đất Đông Nam Bộ của các chúa Nguyễn (thế**

kỷ XVII - XVIII)/ ThS. Hoàng Văn Tuấn, TS. Bùi Thị Huệ; TS. Huỳnh Tâm Sáng - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 11/2019 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Làm rõ những nhân tố thúc đẩy quá trình xác lập chủ quyền và quản lý vùng đất Đông Nam Bộ của các chúa Nguyễn. Tập trung phục dựng lại bức tranh toàn cảnh quá trình xác lập chủ quyền và quản lý vùng đất Đông Nam Bộ của các chúa Nguyễn trong thế kỷ XVII-XVIII. Rút ra những đặc điểm và làm rõ tác động của quá trình xác lập chủ quyền và quản lý vùng đất Đông Nam Bộ các chúa Nguyễn. Về khoa học: đề tài hướng đến việc làm rõ “Quá trình xác lập chủ quyền và quản lý vùng đất Đông Nam Bộ của các chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII)” trên cơ sở xử lý một cách có hệ thống các nguồn tài liệu. Về thực tiễn: công trình nghiên cứu nhằm nhận thức đúng đắn và hệ thống lại những tài liệu liên quan quá trình xác lập chủ quyền và quản lý vùng đất Đông Nam Bộ của các chúa Nguyễn trong thế kỷ XVII-XVIII.

Số hồ sơ lưu: BDG-2022-030

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

84819.08-2023 **Nghiên cứu văn bản, biên dịch dân ca lượn viết bằng chữ Nôm của dân tộc Tày tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (tập 22, tập 23)/** PGS. TS. Trịnh Khắc

Mạnh, TS.Trần Thị Thu Hương; TS.Phạm Hoàng Giang; ThS.Nguyễn Văn Tuấn; TS.Trương Đức Quả - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu văn bản tác phẩm Lược của dân tộc Tày; Khảo sát hệ thống văn bản Lược cội của dân tộc Tày; Nghiên cứu văn bản tác phẩm Lược sương của dân tộc Tày; Văn bản tác phẩm Lược tứ quý và thập nhị nguyệt của dân tộc Tày.

Số hồ sơ lưu: 19040

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ

87063.08-2023 **Nghiên cứu quan hệ nhân quả trong tiếng Việt**/ TS. Phạm Văn Lam, ThS. Lê Thanh Hương; TS. Trịnh Thị Hà; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Bước đầu xác lập và miêu tả một cách khái quát các phương tiện ngôn ngữ (trong tiếng Việt) được sử dụng vào việc biểu hiện quan hệ nhân quả (từ cấu trúc từ, qua cấu trúc câu, đến cấu trúc văn bản, lập luận). Bước đầu xác lập được một danh sách có tính tương đối đầy đủ các đơn vị từ vựng (chủ yếu là các từ từ điển học) đã được gán nhãn quan hệ nhân quả, qua đó, tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển các nguồn ngữ liệu từ vựng (như mạng từ, từ điển chủ đề, từ điển liên tưởng,...), giáo dục và phát triển ngôn ngữ – tư duy cho trẻ, đo lường sự phát triển trí tuệ

của trẻ, phát triển các mô hình suy luận. Góp phần miêu tả một cách thoả đáng hơn cấu tạo từ tiếng Việt từ góc độ ngữ nghĩa; làm sáng tỏ một số vấn đề liên quan đến việc thu thập và xử lý các đơn vị từ vựng có quan hệ nhân quả trong các từ điển ngữ văn; góp phần làm rõ một số điểm đặc hữu của tiếng Việt, một số đặc điểm nhận thức và lập luận, văn hoá và tâm lý của người Việt qua quan hệ nhân quả.

Số hồ sơ lưu: 21645

87071.08-2023 **Đặc điểm ngữ âm các thổ ngữ Bắc Trung Bộ**/ TS. Vũ Thị Hải Hà, ThS. Đinh Thị Hằng; TS. Nguyễn Tài Thái; ThS. Văn Tú Anh; CN. Bùi Đăng Bình; ThS. Trần Hương Thục; TS. Lê Thanh Hòa; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Miêu tả đặc trưng ngữ âm, âm vị học các thổ ngữ ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Miêu tả đặc trưng ngữ âm, âm vị học các thổ ngữ ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Những miêu tả đặc điểm ngữ âm học tập trung vào các vấn đề: Bảo lưu tính chất cổ của phụ âm đầu, vần, thanh điệu của các thổ ngữ được miêu tả. Tính chất dị thường nhằm giải thích các yếu tố lịch sử: vần, phụ âm đầu, thanh điệu. Nêu bật được sự đa dạng của các biến thể (âm đầu, vần, thanh điệu) từ các đảo thổ ngữ các đặc trưng riêng biệt (ví dụ: vần ngắn dài ooc, oong, ông, ôô).

Số hồ sơ lưu: 21646

60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

87062.08-2023 **Đặc điểm ngôn ngữ trong hôn lễ của người Việt/** TS. Lê Thị Lâm, ThS. Đàm Thị Thúy; GS. TS. Nguyễn Văn Khang; TS. Bùi Thị Ngọc Anh; TS. Nguyễn Thị Ly Na; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, khảo sát đặc điểm ngôn ngữ của người Việt Bắc Bộ trong hôn lễ. Thông qua đó, nghiên cứu góp phần vào tìm hiểu đặc trưng văn hóa trong hôn lễ của người Việt; góp phần chỉ ra mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Sau khi thống kê phân loại, tiến hành phân tích ngữ liệu và tổng hợp ngữ liệu. Nghiên cứu hoạt động giao tiếp trong hôn lễ người Việt góp phần nghiên cứu hoàn chỉnh một trong bốn nghi lễ quan trọng của vòng đời con người (quan, hôn, tang, tế) ở góc độ ngôn ngữ và văn hóa. Kết quả nghiên cứu góp phần bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của đề tài còn góp phần vào nghiên cứu giao tiếp ngôn ngữ nói riêng, ngôn ngữ ở bình diện văn hóa, xã hội nói chung.

Số hồ sơ lưu: 21643

87065.08-2023 **Cú pháp tiếng Việt: Các thành phần chính của câu/** GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp, TS. Nguyễn Thị Phương; TS. Trịnh Thị Hà; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Trần Thùy An; ThS. Đào Thị Trà -

Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nêu những đặc trưng loại hình của tiếng Việt chi phối đến cấu trúc cú pháp câu tiếng Việt. Xác lập cơ sở chức năng (đường hướng chức năng) và cấu trúc ý niệm (đường hướng tri nhận), bổ sung cho ngữ pháp truyền thống, để miêu tả cấu trúc cú pháp của câu nói chung, các thành phần chính (nòng cốt câu) nói riêng. Kế thừa được những tinh túy của các cách tiếp cận đã có về cú pháp tiếng Việt, chủ yếu là cách tiếp cận của ngữ pháp truyền thống và xu hướng hình thức hóa trong phân xuất và nhận diện các thành phần cấu trúc của câu; Phản ánh được những bước phát triển mới của lý thuyết ngữ pháp hiện đại; đặc biệt là ngữ pháp chức năng và ngữ pháp tri nhận (một bộ phận cấu thành ngôn ngữ học tri nhận). Cho phép phát hiện được những đặc trưng của câu nói tiếng Việt, nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, đặc biệt chiều kích chức năng và chiều kích ý niệm được phản ánh vào cấu trúc câu nói chung, nòng cốt câu nói riêng

Số hồ sơ lưu: 21637

87069.08-2023 **"Im lặng" trong hội thoại tiếng Việt/** TS. Nguyễn Thị Phương, ThS. Trần Thùy An; TS. Nguyễn Thị Ly Na; TS. Trịnh Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Lê Thanh Hương; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học,

2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cấu trúc, ý nghĩa, chức năng của “im lặng” trong hội thoại tiếng Việt, góp phần làm rõ đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt. Khảo sát, mô tả, phân tích cấu trúc, ý nghĩa, chức năng của yếu tố “im lặng” trong hội thoại tiếng Việt, mối quan hệ của yếu tố này với các yếu tố ngôn từ và phi ngôn từ khác trong việc xây dựng các chiến lược hội thoại và việc truyền đạt nội dung thông điệp. Hệ thống hóa các lý thuyết về lý thuyết hội thoại; giao tiếp phi ngôn từ, vai trò giao tiếp phi ngôn từ. Khảo sát, mô tả yếu tố “im lặng” trong Hội thoại tiếng Việt: qua băng hình và quan sát trực tiếp. Chỉ ra, phân tích cấu trúc, ý nghĩa và chức năng của “im lặng” trong hội thoại, cụ thể là trong phân bố lượt lời, trong cơ chế tạo hàm ngôn, trong việc truyền đạt nội dung thông điệp. Chỉ ra và phân tích mối quan hệ tương thích và đối lập giữa các yếu tố “im lặng” và các yếu tố ngôn ngữ trong thoại đối với việc truyền đạt và tiếp nhận thông điệp của các đối tượng giao tiếp. Chỉ ra và phân tích các nhân tố văn hóa và các nhân tố xã hội tác động đến sự lựa chọn, sử dụng và tiếp nhận các yếu tố “im lặng” trong giao tiếp của người Việt.

Số hồ sơ lưu: 21636

87072.08-2023 **Tiếng Nùng văn ở Việt Nam/** TS. Phan Lương Hùng, TS. Phan Hoàng Anh; PGS. TS. Nguyễn Hữu Hoành; TS. Tạ Quang Tùng; ThS. Trương Thị Hồng Gái; ThS. Nguyễn Thu Huyền; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các đặc điểm cơ bản về cấu trúc, lịch sử và ngôn ngữ học xã hội tiếng Nùng Văn ở Việt Nam với các nhiệm vụ cụ thể là chỉ ra được đặc điểm của hệ thống ngữ âm, hệ thống ngữ pháp, mối quan hệ cội nguồn và đặc điểm ngôn ngữ học xã hội của tiếng Nùng Văn. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tiếng Nùng Văn ở Việt Nam trên bình diện đồng đại và lịch đại. Phạm vi nghiên cứu của đề tài là tiếng Nùng Văn ở thôn Cả Tiếng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Số hồ sơ lưu: 21644

87074.08-2023 **Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá ngôn ngữ cho trẻ em nói tiếng Việt từ 4 đến 6 tuổi/** TS. Phạm Hiền, ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Đinh Thị Hằng; ThS. Đàm Thị Thúy; NCS. Nguyễn Thị Giang; NCS. Trần Thùy An; TS. Lê Thị Lâm; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan đến đề tài như vấn đề thụ đắc ngôn ngữ của trẻ em, vấn đề từ vựng, vốn từ vựng của trẻ, vấn đề phương pháp

phát triển ngôn ngữ của trẻ. Khảo sát về các đặc điểm ngôn ngữ (ngôn ngữ tiếp nhận, ngôn ngữ diễn đạt) của trẻ giai đoạn từ 4 đến 6 tuổi. Phân tích và đưa ra những nhận định về đặc điểm ngôn ngữ của trẻ. Chỉ ra những tiêu chí để đánh giá ngôn ngữ của trẻ trong giai đoạn từ 4 đến 6 tuổi. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá ngôn ngữ của trẻ trong giai đoạn từ 4 đến 6 tuổi.

Số hồ sơ lưu: 21638

60203. Nghiên cứu ngôn ngữ khác

87504.08-2023 **Nghiên cứu biên soạn tài liệu, xây dựng chương trình dạy và học chữ Nôm Dao phù hợp với bản sắc người Dao tỉnh Yên Bái.**/ Cử nhân Triệu Tiến Thịnh, Cử nhân Trần Văn Tho; Thạc sĩ Vương Văn Bằng ; Thạc sĩ Triệu Thị Bình; Thạc sĩ Hoàng Thế Biên; Nghệ nhân chữ Nôm Dao Dương Kim Vượng; Nghệ nhân chữ Nôm Dao Triệu Quý Tín; Nghệ nhân chữ Nôm Dao Dương Trung Hưng; Cử nhân Nguyễn Thị Minh Đức; Cử nhân Vũ Minh Trang - Yên Bái - Hội khuyến học tỉnh Yên Bái, 2022; 08/2011 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng dạy và học chữ Nôm Dao tại tỉnh Yên Bái; Xây dựng chương trình dạy và học chữ Nôm Dao phù hợp với điều kiện tỉnh Yên Bái; Suru tầm, biên soạn bộ tài liệu dạy và học chữ Nôm Dao phù hợp với điều kiện tỉnh Yên Bái; Tổ chức dạy và học chữ Nôm Dao.

Số hồ sơ lưu: 202108YB

60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung

86982.08-2023 **Nghiên cứu văn bản và giá trị nội dung truyện thơ Nôm Tày: Lưu Đài - Hán Xuân, Lưu Tương, Đinh Quân/ TS. Trần Thị Thu Hường, TS. Phạm Hoàng Giang; TS. Cao Việt Anh; TS. Nguyễn Văn Tuấn; PGS.TS. Trịnh Khắc Mạnh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Đề tài tổng quan khảo cứu đặc điểm hệ thống văn bản, khái quát chủ đề nội dung chính truyện thơ Nôm Tày hiện lưu trữ tại VNCHN; đi sâu nghiên cứu văn bản và giá trị nội dung ba tác phẩm truyện thơ Nôm Tày: Lưu Đài— Hán Xuân, Lưu Tương, Đinh Quân, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản truyện thơ Nôm Tày trong đời sống xã hội hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21575

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

87553.08-2023 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình đến năm 2030/ TS. Đỗ Thị Tuyết, - Hòa Bình - Trường Đại học Công đoàn, 2022; 10/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Điều tra thực trạng nguồn nhân lực du lịch hồ Hòa Bình; Báo cáo đánh giá thực trạng nguồn nhân lực khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình; Đề xuất 02 nhóm giải pháp nhằm phát

triển nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng, chất lượng cho khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: DL Hòa Bình

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

87144.08-2023 Nghiên cứu luận cứ khoa học phục vụ biên soạn biên niên sự kiện lịch sử Hải Phòng/ ThS. Đoàn Thị Thu, ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; ThS. Trần Thị Phương; ThS. Lê Thị Thu Giang; TS. Nguyễn Đình Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Hằng Phương - Hải Phòng - Trung tâm Thông tin, Thống kê KH&CN Hải Phòng, 2022; 10/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Thực tiễn và kinh nghiệm biên soạn biên niên sự kiện lịch sử củ một số tỉnh, thành phố và Hải Phòng. Nghiên cứu đề xuất nội dung và phương pháp biên soạn Biên niên sự kiện lịch sử Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.008

699. Khoa học nhân văn khác

87711.08-2023 Nghiên cứu giải pháp triển khai đổi mới cơ chế

hoạt động tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai/ Ngô Đức Ảnh, Võ Thị Vân Khánh TS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Trần Thị Ngọc Diệp; TS. Nguyễn Xuân Điền; Ths. Trần Tuấn Anh; Nguyễn Thị Hải Anh; Bùi Ngọc Anh; Hoàng Thị Hiền; Lý Lan Hương; TS. Nguyễn Minh Phong; Th.s Vũ Thị Hải Yến - Sở Tài chính Lào Cai - Sở Tài chính Lào Cai, 2023; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về triển khai cơ chế hoạt động tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghiên cứu Thực trạng triển khai đổi mới cơ chế hoạt động tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh Lào Cai Giai đoạn 2015-2018; Nghiên cứu các giải pháp cơ chế tự chủ, đổi mới cơ chế hoạt động tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh Lào Cai tính năm 2025, định hướng đến 2030.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-0451

Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.
- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*